

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

NHÂN-QUYỀN LUẬN

Nhân-quyền là gồm những quyền-lợi thiên-nhiên của loài người, phạm làm người ai cũng phải có ; cho nên nhân-quyền (*droit humain*) thường gọi là quyền thiên-nhiên (*droit naturel*), đối với pháp-quyền (*droit juridique*) là quyền thực-tế (*droit positif*) do pháp-luật của xã-hội đặt ra.

Nhân-quyền vừa thuộc về luân-lý mà lại vừa đối với luân-lý, cũng như quyền-lợi vừa thuộc về nghĩa-vụ mà lại vừa đối với nghĩa-vụ (1).

Nghĩa-vụ (*le devoir*) là cái luật-pháp nó bắt-buộc ta phải làm việc gì đối với chính-thân ta hay là đối với kẻ khác. Quyền-lợi (*le droit*) là cái năng-lực thuộc về tinh-thần, khiến cho ta có quyền được thi-hành và phát-siễn hết các tài-năng của ta, miễn là phải để cho kẻ khác cũng được quyền như thế vậy. Người ta đã là người, đã có nhân-cách về đạo-lý nghĩa là đã biết hưởng tự-do, đã từng có tri-tuệ, thời như nhà triết-học nói : *tiên-thị là một cái « cứu-cánh tuyệt-đối » (une fin en soi)*, không thể coi như một cái « phương-tiện » (*un moyen*) được. Người ta đối với nhau thực là một vật thần-thánh bất-khả xâm-phạm vậy. Không những không ai được xâm-phạm đến bản-thân mình, mà phạm sự gì dễ phát-siễn cho bản-thân mình được hoàn-toàn cũng không được ai ngăn-trở vậy.

Nhân đó liền suy ra một điều thứ nhất như sau này : là người nào cũng là người như nhau cả, thời không ai có thể đòi lấy quyền-lợi cho mình mà đồng-thời không thừa-nhận quyền-lợi ấy cho kẻ khác, thành ra quyền-lợi của người ta là bình - đẳng hết. Và quyền tự-do của người này không thể làm mất được quyền tự-do của người khác, làm thế là trái ngược với nghĩa tự-do. Nhân đó lại suy ra một điều như sau này nữa : là quyền-lợi tức là sự điều-hòa các quyền tự-do vậy.

Nếu quyền-lợi là điều - hòa các quyền tự-do thời người nào lạm-dụng quyền tự-do của mình đến phương-hại đến quyền tự-do kẻ khác, tất là ra ngoài giới-hạn quyền-lợi ; quyền-lợi ấy không phải là bất-khả xâm-phạm nữa, mà lại phải bắt-buộc cho vào trong giới-hạn tự-nhiên, theo lẽ điều-hòa đã định. Như vậy thì có thể dùng cách cưỡng-bách để mà bắt mỗi kẻ tư-uhân phải tôn-trọng quyền-lợi kẻ khác vậy.

Nhân đó thành ra có hai thứ nghĩa-vụ như ông KANT đã phân-biệt rõ : nghĩa-vụ pháp-luật là nghĩa-vụ có thể cưỡng-bách ở ngoài được, nghĩa-vụ đạo-dức là nghĩa-vụ không thể cưỡng-bách ở ngoài được. Ông nói rằng : « Luật đạo-dức không thể thuộc ngoài được ; luật pháp-chế có thể thuộc ngoài được. » Có khi

(1) Xem bài « Nghĩa-vụ và Quyền-lợi » N.-P.131.

cùng một việc, — thí dụ như giữ lời ước của mình, — vừa là nghĩa-vụ pháp-luật, vừa là nghĩa-vụ đạo-đức. Trước là nghĩa-vụ đối với lương-tâm mình, sau lại là nghĩa-vụ đối với pháp-luật ngoài, pháp-luật vẫn có thể bắt-buộc được. Nay gọi là quyền-lợi ấy, thời có thể nói chung là cái năng-lực mà ta có thể dùng cách cưỡng-bách bắt kẻ khác phải tôn-trọng được, dù kẻ chịu quyền cưỡng-bách ấy vì có gì mà phải chịu mặc lòng vậy.

Như trên kia đã nói, quyền thiên-nhiên là những quyền do bản-tính của loài người mà ra, không tùy-thuộc pháp-luật nào cả. Như hai người gặp nhau ở giữa nơi sa-mạc, không có pháp-luật thực-tế nào bắt-buộc phải vì-nể gì nhau cả, vậy mà không người nào được có quyền bắt người kia phải làm nô-lệ cho mình. Nay đã biết rằng phạm quyền-lợi tất kết-quả phải có cái năng-lực cưỡng-bách làm tài-chế, song ở các xã-hội văn-minh duy có Nhà-nước mới có thể dùng được quyền cưỡng-bách đó; vậy thời phải định những trường-hợp nào là có thể dùng cưỡng-bách được, những trường-hợp nào là người ta được tự-do, định một cách bao-quát đại-khải, không quản gì những cơ-hội đặc-biệt vậy. Định như thế tức gọi là « pháp-luật » đó; và gồm cả những quyền-lợi có pháp-luật bảo-chứng cho như thế, gọi là « pháp-quyền » hay là « quyền thực-tế »; khoa học nghiên-cứu về quyền thực-tế tức là khoa « luật-học » vậy.

Có một phái học-giả bác rằng không có gì là quyền thiên-nhiên cả, không có gì gọi là « nhân-quyền » như trong lời Tuyên-ngôn của các nhà cách-mệnh năm 1789 cả. Phái này cho rằng quyền-lợi chỉ bởi pháp-luật hay là bởi tập-tục mà sinh ra. Quyền-lợi thành-lập là do lịch-sử, nhân vì sự cần-dùng cùng tình-cảm của người ta đời ấy sang

đời khác mà thành ra. Quyền-lợi thiên-nhiên là quyền-lợi trừu-tượng, vô - định, do nhà triết-học tự-nhiên lý-tưởng mà đặt ra, hề có được pháp-luật cùng tập-tục chuẩn-nhận cho thì mới có giá-trị vậy.

Cách kiến-giải về quyền-lợi như thế dường như cho người ta không phải là một giống có lý-tính nữa, biết lấy nghĩa-lý mà trị mình, mà cho cũng là một giống động-vật như các giống khác, chỉ thuần thuộc bản-năng và tập-tục chi-phối vậy. Vẫn biết rằng sự giao-tế của người ta với nhau phần nhiều là thuộc thói quen và tình-cảm : nhưng cái đặc-sắc của loài người là có thể càng ngày càng biến được những mối quan-hệ về bản-năng tập-quán đó thành mối quan-hệ về lý-tính và khiến cho « pháp-quyền » càng ngày càng được gần với « nhân-quyền » vậy.

Người ta bác quyền thiên-nhiên lấy hai cơ như sau này : 1^o luật-pháp tập-tục mỗi xứ một khác nhau; nhưng cơ này cũng như cơ bác về nghĩa-vụ; nhân vì nghĩa-vụ mỗi xứ một khác, không thể kết-luận rằng không có nghĩa-vụ được; 2^o quyền thiên-nhiên thường phản-trái nhau, khó mà định cho phân-minh được; nhưng định nghĩa-vụ cũng khó như thế; nghĩa-vụ cũng có xung-dột như quyền-lợi vậy; có thể nhận đó mà quyết-đoán rằng không có luân lý được không? 3^o Nếu quyền-lợi có thể dùng sức mạnh làm tài-chế, thời nay đã định có những quyền-lợi thiên-nhiên tuyệt-đối, tất mỗi lần người nào cho là quyền-lợi của mình bị xâm-phạm đều có quyền được dùng sức mạnh để giữ lấy; như thế là đặt ra cái quyền phản-kháng luôn, tức là gây ra cái mầm họa-loan cho xã-hội, xã-hội nào thành-lập được, Lời bác đó không chánh-đáng; duy có xã-hội mới có quyền cưỡng-bách được, không phải người nào có

quyền-lợi bị xâm-phạm cũng có thể dùng cách cưỡng-bách để giữ quyền cho mình được đầu. Vẫn biết rằng trong lịch-sử cũng thường có những cuộc phản-kháng chung, mà vì thành kết-quả nên cho là chánh-đáng; nhưng đó là những sự cử-động phi-thường, cũng có khi lấy cơ ở quyền thực-tế, cũng có khi lấy cơ ở quyền thiên-nhiên; vậy thời không thể kết-luận hẳn là phải hay là trái được.

Quyền là gốc ở tự-do, quyền-lợi tức là quyền tự-do, mà quyền tự-do chẳng qua cũng là những phuroug-kế để bảo-toàn và phát-siễn các năng-lực thiên-nhiên của người ta.

Các quyền-lợi cốt-yếu của người ta là: quyền sinh-tồn, nghĩa là quyền không được kẻ khác xâm-phạm đến sinh-mệnh thân-thể mình; quyền vắng-lai, nghĩa là quyền được tự-do đi lại; quyền động-tác, nghĩa là quyền tự-do làm việc; quyền sở-hữu, nghĩa là quyền tự-do được có tài-sản; quyền tự-do tư-tưởng, tự-do tin-ugưỡng, quyền gia-tộc, v. v.

Quyền tự-do về cá-nhân, về thân-thể, trong hiến-pháp nước nào cũng có, tức là cái quyền được đi lại tự-do, tự-do sử - dụng thân-thể mình; luật nước Anh gọi là luật «chính thân» (*hebeas corpus*) nghĩa là chính-thân người tội-nhân phải ra tòa-án xử, chính là nghĩa thế. Quyền này là thuộc lẽ-cổ-nhiên rồi; quyền tự-do thứ nhất của người ta, làm gốc cho cả các quyền khác, tất phải là quyền được bảo-toàn và tự-chủ thân-thể mình, không để cho ai xâm-phạm đến, hủy-hoại đi được. Như vô-cố mà giam-chấp người ta là trái với quyền ấy. Lại như cái tục nông-nô ngày xưa, bắt người ta cả đời phải làm ruộng cho một ông chủ nào, chỉ được ở trong một địa-hạt nhất-linh, không được ra khỏi ngoài, tức là tự

không đến nổi bó buộc hẳn thân-thể, nhưng cũng là trái với cái quyền tự-do cá-nhân vậy.

Nhân quyền tự-do thân-thể mà thành ra có quyền tự-do hành-động, nghĩa là tùy muốn dùng các năng-lực của mình thế nào cũng được, hoặc để tự - cung cho mình, hoặc để thỏa cái lòng sở-thích riêng của mình. Ông thượng-thư Pháp Turgot tuyên lời chỉ-dụ năm 1776 bãi các phường và các chức phường - trưởng, có nói rằng: « Ông Thiên-chúa bắt người ta có sự cần-dùng, lại buộc người ta phải làm việc để đối-phó với sự cần-dùng đó, bởi thế nên sự làm việc là cái quyền của mỗi người; quyền ấy là quyền khần-yếu nhất, thần-thánh bất-khả xâm-phạm vậy.»

Trong quyền tự-do làm việc thời có: quyền được tùy ý chọn nghề-nghiệp mình; quyền tự-do muốn làm một nghề hay nhiều nghề cũng được; quyền được đổi nghề nọ ra nghề kia; quyền được định giá đồ-vật mình làm ra, hay định tiền công của mình; quyền được giao-dịch với trong với ngoài, không phải gì ngăn-trở.

Nhân quyền tự-do làm việc mà thành ra có quyền sở-hữu. Trong các quyền - lợi, quyền này căn-lai nhiều người bài-bác hơn cả, vậy ta nên xét kỹ xem thế nào. Quyền sở-hữu là gì? nguyên - nhân quyền sở-hữu là gì? xưa nay những cái thuyết bác quyền sở-hữu thế nào? có những duyên-cớ gì về luân-lý, về xã-hội khiến cho quyền sở-hữu là chánh-đáng, không những là chánh-đáng mà lại là tất-yếu, có cái tính-cách thần - thánh bất-khả xâm-phạm?

Dân-luật nước Pháp điều thứ 544, giải nghĩa quyền sở-hữu như sau này: « Quyền sở-hữu là quyền được hoàn-toàn hưởng - dụng một đồ - vật gì,

miễn là không phạm đến luật-lệ ngăn-cấm của Nhà nước. »

Lại hiến-pháp năm 1793 nói rằng : « Quyền sở-hữu là quyền của mỗi người công-dân trong nước được tự-do hưởng-dụng các tài-sản, hoa-lợi của mình, cùng cái công mình làm ra hay chế-tạo được. »

Đó là giải nghĩa quyền sở-hữu về pháp-luật và về chính-trị. Nay xét về phương-diện triết-lý thì có thể nói rằng quyền sở-hữu là quyền của người ta có thể chiếm một vật gì làm của riêng của mình, nghĩa là cái quyền được giữ lấy một vật gì ở ngoài-giới để hưởng-dụng một mình. Phải phân-biệt hai chữ « chiếm-hữu » với « sở-hữu ». Chiếm-hữu chỉ là hiện giữ một vật gì ở trong tay : có khi giữ một vật gì không phải là của mình, hoặc là mình tìm thấy, hoặc là người cho mượn : như thế không phải có quyền sở-hữu vật ấy. Quyền sở-hữu là cái quyền được không cho kẻ khác hưởng-dụng một vật gì của mình, dù vật ấy hiện không ở trong tay mình mặc lòng.

Quyền sở hữu thứ nhất là quyền sở-hữu thân-thể mình : nhưng mà như thế thì quyền ấy tức là quyền tự-do về thân-thể như trên kia đã nói rồi. Làm sao mà khuếch-trương cái quyền đó rộng ra ngoài được ? Làm sao cái quyền sở-hữu vốn chỉ ở thân-thể mình mà rộng được ra đến các vật ở ngoài ?

Trước nhất phải biết rằng cái quyền được chiếm các vật ở ngoài là ở cái lẽ tất-nhiên của giống hữu-cơ-sinh-vật. Phạm sinh-hoạt là phải có trao-đổi luôn các chất trong thân-thể người với vật-giới ở ngoài ; muốn sống được phải có tư-dưỡng, tư-dưỡng tức là tiêu-hóa, tiêu-hóa tất phải chiếm vật-chất ở ngoài mà hóa vào thân-thể. Như vậy thì phạm giống sinh-vật tất phải chiếm vật ngoài

mà hóa làm của mình, nếu không thì không thể sống được.

Như vậy thì quyền sở-hữu là một sự tất-yếu ; nay lại xét xem có lẽ gì thành một sự chánh-đáng.

Người ta cho quyền sở-hữu là bởi nhiều nguyên-nhân mà ra : như sự chiếm-cứ, sự ước-định, công làm-lụng.

Nói về sự chiếm-cứ. Có người thì cho quyền sở-hữu là cái quyền của người chiếm-cứ trước nhất. Nói rằng phạm vật gì bỏ không thì người ta có quyền chiếm lấy, như đi xem điếu-kịch, ai đến trước thì được ngồi chỗ tốt hơn. Vẫn biết thế, nhưng ở nơi kịch-trường, dù đến trước hay đến sau, cũng chỉ được ngồi một chỗ vừa đủ cho thân-thể mình mà thôi ; không ai có quyền được chiếm cả các chỗ ngồi trong nhà hát. Ấy cái quyền người chiếm trước cũng như thế. Ai cũng có quyền chiếm một chỗ ngồi vừa dung được thân-thể mình, chứ không được hơn ; vì nếu để cho hơn thì biết đến đâu là giới-hạn ?

Ông Lu-thoa trong sách « Xã-ước », thiên thứ nhất chương thứ chín, nói rằng : « Có phải cứ bước chân vào cõi đất nào là có thể tức-thị nhận đất ấy là của mình được không ?... Người Tây-ban-nha khi xưa đến đồ tàu ở bờ bể Nam-hải, tự-nhận lấy cả đất Nam-Mĩ là của mình. Như thế có đủ ngăn-cấm được cả vua chúa các nước khác không được đến chiếm-cứ nữa không ? Cứ như thế thì vua Tây-ban-nha chỉ việc ngồi trong buồng giấy tuyên-bố lên rằng cả các đất trong thế-giới là của mình hết, trừ nơi nào đã thuộc quyền các vua chúa khác thì thôi ; như thế chẳng hóa ra dễ lắm dư ? »

Nói về sự ước-định. Nếu sự chiếm-cứ công-đồng đủ một mình làm cơ-sở cho

quyền sở-hữu được, thì thêm sự tài-chế ước-định nữa, nghĩa là thêm sức mạnh của luật-lệ nữa có nên không? Trên kia đã nói rằng quyền sở-hữu là một sự tất-nhiên, nhưng nếu ai cũng được tự-do cần dùng vật gì, chiếm lấy vật ấy, thì xã-hội đến loạn mất, người ta sẽ đánh nhau lộn-bậy cả. Pháp-luật phải ước-định cái phần của mỗi người để cho không ai xâm-phạm được ai, không ai bị ai xâm-phạm. Dù cho cái của lúc mới đầu là do quan đứng lên chia ra, hay là do người tư - dân tình cờ mà đến chiếm-cứ trước, rồi được pháp-luật thừa-nhận sau, thế nào cũng cần đến quan-quyền ước-lượng mà ấn-định cái phần của mỗi người cho khỏi sự phân-tranh.

Như thế thì trong quyền sở-hữu tất phải có sự chuẩn-nhận của xã-hội, và sự chuẩn-nhận của xã-hội là lấy cái lẽ ích-lợi chung cho mọi người làm bằng. Dù quyền sở-hữu chỉ là một sự dĩ-nhiên hoặc vì lâu ngày mà thành ra chơn-đáng, hoặc vì lẽ cần mà tất phải qui-định, khiến cho xã-hội phải công-nhiên thừa-nhận, như thế cũng là có sức mạnh lắm rồi; nhưng mà tưởng thế cũ g chưa đủ. Quyền sở-hữu không phải chỉ là một sự thực được pháp-luật công-nhận mà thôi; chính là một cái quyền-lợi hẳn-hoi, có nhờ pháp-luật làm bảo-chuống cho, chứ không phải là gốc ở pháp-luật.

Nói cho đúng ra thì cái nguyên-nhân chơn-chính của quyền sở-hữu là cái công làm của người ta; và quyền sở-hữu tức là liền với quyền tự-do vậy; người Anh đã có câu nói rằng: « Tự-do với sở-hữu là một » (*liberty and propriety*.)

Nói về cái công làm-lụng. Nếu các vật người ta cần dùng là vô-hạn, và muốn thu-hoạch lấy không phải khó-nhọc gì, thì không làm gì có công sỡ-

hữu. Như khí trời, ai cũng phải cần để thở, mà có phải của riêng ai đâu. Nhưng nếu những vật cần-dùng ấy phải có khó-nhọc mới lấy được như giống thú chạy trong rừng phải có săn đuổi mới bắt được), hay là phải có công-phu người ta mới sinh-sản ra được (như đất hoang mà cấy nên lúa gạo, thì người nào đã có công bắt lấy được hay sinh-sản được là người ấy có quyền sở-hữu những vật ấy.

Ông JULES SIMON trong sách « Tự-do luận » có nói rằng: « Tôi cầm nắm lúa đại ở trong tay, tôi gieo nó vào một miếng đất tôi đã đào sới kỹ, rồi tôi đợi cho đất nhờ nắng mưa hòa-thuận nảy-nở ra thành cây lúa. Lúa mọc lên như thế có phải là của tôi không? Nếu không có tôi thì sao có lúa được? Lúa ấy thật là tay tôi làm ra, ai còn cãi được? . . . Đất kia là đất xấu, không sinh-sản được gì, tôi đào tôi sới; tôi đem đất thịt tốt tự nơi xa lại; tôi lại dùng phi-liệu để bón thêm vào; đất ấy thành ra được phi-nhiều trong bao nhiêu năm nữa. Làm cho được phi-nhiều như thế là công của tôi vậy. . . Đất kia trước không của ai cả; tôi bón tôi sới, thế là đất của tôi. Theo như ông LOCKE thì trong hoa-lợi của đất chín phần mười là do công người làm ra vậy »

Hoặc-giả nói công làm chưa đủ định ra quyền sở-hữu được, phải thêm có sự chiếm-cứ nữa; vì nếu không thì đồ vật đã của người rồi, cái công làm của mình đủ khiến cho có quyền chiếm lấy về mình được; như người lính-canh một thửa ruộng nào, chỉ vì có công cấy-cấy mà được có quyền sở-hữu thửa ruộng ấy hay sao? Như vậy thì sự chiếm-cứ cũng là một phần tất-yếu trong quyền sở-hữu.

Vấn biết thế. Nhưng mà chính sự chiếm-cứ cũng phải là một cách làm việc, một cách động-tác có công-phu

thì mới có giá-trị. Như hái một cái quả, bắt một con vật hay chiếm một mảnh đất hoang, cũng là một cách động-tác, hoặc dễ hoặc khó, nhưng mà bao giờ cũng phải có công-phu. Như vậy thì chính cái công làm là gốc quyền sở-hữu và làm cho sự chiếm-cử được chánh-đáng. Nhưng mà đồ - vật gì đã có người chiếm-cử rồi, đã là vật sở-hữu của một người có công làm lúc đầu rồi, thì kẻ có công sau không thể lấy nó ấy mà chiếm lấy về mình được, vì một vật không thể làm của hai người vậy. Tuy nhiên vật của người mà mình có công vào đấy thì công ấy cũng lại tạo ra một cái quyền sở-hữu khác, tức là tiền công để đền lại sự làm khó-nhọc của mình vậy. Nhưng vấn - đề này là thuộc về kinh-tế-học, đây không xét đến.

Quyền sở-hữu gốc ở cái công làm của người ta, tất hàm có hai cái quyền nữa, là quyền tích-trữ và quyền di-chuyển.

Vì nếu vật gì là của tôi, thì tôi có thể hoặc là hưởng - dụng ngay, hoặc là để lại mà hưởng-dụng về sau này; lại nếu hiện nay chưa cần dùng đến cả thì có thể để dành cái phần chưa dùng đến ấy, phòng sau nay sẽ dùng đến chẳng. Thế - tục gọi là để dành; để dành mà tích-lũy mãi lại thế gọi là tích-trữ. Cái quyền tích-trữ ấy cũng là cái quyền thiết-yế. của người ta; nếu không công-nhân cho người ta cái quyền ấy, thì là không biết đến một cái năng lực cao-thượng của loài người, là cái năng-lực biết dự-phòng việc tương-lai; nếu bỏ mất cái quyền tích-trữ ấy đi, thì làm cạn mất cả cái nguồn sinh-sản ra tài-hóa ở đời, nghĩa là cái công làm-lụng của người ta; vì người ta sở-dĩ phải làm cho được yên thân, là cốt nhất phòng về sự tương-lai vậy.

Ngoài cái quyền tích-trữ, lại còn có cái quyền di-chuyển nữa; vì nếu tự tôi có quyền hưởng-dụng, thì tôi cũng có quyền cho người khác hưởng-dụng của tôi được; tôi lại cũng có quyền bỏ cái của tôi hiện có đi mà đổi lấy cái của của kẻ khác tôi ưa tôi thích hơn hay là có ích-qi cho tôi hơn; nhân đó có cái quyền trao-đổi, sinh ra sự mua bán; nhưng đây lại là thuộc về kinh-tế-học, ta không xét làm gì.

Trong các cách di-chuyển, có cách tự-nhiên nhất là cách cha chuyển cho con: thế gọi là cách di-truyền. Nếu không cho người cha trong khi tích-trữ tài-sản có quyền nghĩ về của - cái cho con-cái mình về sau, thì tức là làm bại-liệt mất một cái nguyên-dộng-lực rất mạnh của người ta vậy.

Những nhà phản-đối quyền sở-hữu thường nói rằng không phải là công-kích chính quyền sở-hữu, mà là công-kích cái quyền sở-hữu của cá-nhân mà thôi. Nguồn gốc, nguyên-chất các tài-sản là đất: đất thì không phải là của riêng của cá-nhân, mà là của chung của quốc-gia, của xã-hội, nghĩa là của công-đồng cả của mọi người. mỗi người dân chỉ có quyền tiêu-dùng, mà cái phần của mỗi người là do quốc-gia nhường cho, duy quốc-gia mới thực là có quyền sở-hữu. Cái chế-độ đó là chế-độ công-cộng hay là chế-độ cộng-sản, có hai trạng-thái khác nhau: một là chia quân-bình hết cả mọi người trong xã-hội, thế gọi là cách bình-đẳng; hai là chia theo cái sức làm được của mỗi người, thế gọi là cách tùy-lực.

Một cái chế-độ như thế, cố-nhiên là không thể thực-hành được, không cần phải nói ai cũng biết. Nay chỉ bày tỏ cái chuyết điếm to nhất như sau này. Chủ-nghĩa cộng-sản chân-chính, tất phải quản-phân tài-sản cho bình-đẳng cả, thế là làm bại-liệt mất cái

động-cơ tác-dụng của người ta: vì mỗi người đã chắc được quốc-gia cấp cho đủ no ấm rồi, thì không có cái gì nó kích-dộng cho phải dụng công khó-nhọc gì nữa. Cái công làm-lụng của người ta, không có hi-vọng được đền bồi cho xứng-dáng, thì tất sẽ giảm dần đi, và sự-nghiệp văn-minh của thế-giới là bởi công-phu người ta gây dựng ra, rồi cũng đến thoái-bộ dần-dần cả; bấy giờ cả xã-hội sẽ phải khổ-cùng, người ta ai ai cũng nghèo khổ như nhau cả, nhân-loại đã phải khó-nhọc biết bao nhiêu, nhờ ở công-phu làm-lụng, nhờ có quyền sở-hữu mới thoát được khỏi cái tình-độ đã-mạn hồi đầu, bấy giờ sẽ lại quay về tình-trạng cũ. Vả lại sự lao-dộng không thể bỏ hẳn đi được, thì kẻ nào không có cái lợi riêng khiến cho vui lòng làm việc, xã-hội tất phải cưỡng-bách cho phải làm; sự làm-lụng vốn là tự-do, mà đến bấy giờ thành ra cưỡng-bách, người ta được xã-hội cấp-dưỡng cho thành ra mất quyền tự-chủ của mình, mà chẳng qua cũng chỉ làm nô-lệ cho xã-hội vậy.

Còn đến cái chế-độ cộng-sản bất-bình-dẳng, cho người ta có công thì được xã-hội bồi-thường, mà sự bồi-thường ấy là tùy cái công to hay nhỏ, thì sánh với cái thuyết bình-dẳng như trên kia có lẽ cũng không phương-hại cho cái quyền sở-hữu và quyền tự-do lắm. Nhưng mà chế-độ ấy nhất-diện không được thỏa cái khuynh-hướng ham bình-dẳng của người ta, sở dĩ nhân cái khuynh-hướng đó nên đời nào cũg có kẻ mơ tưởng những chủ-nghĩa cộng-sản; nhất-diện thì phá-hoại mất cái tình gia-tộc của người ta, vì không để cho người ta có quyền di-truyền tài-sản cho con cháu ta. Người ta không những chỉ biết biết đến thân-phận mình mà thôi; lại tuổi càng cao thì càng nghĩ đến thân-phận con cháu về sau này; nếu phải bỏ mất cái trách-nhiệm đối với thân-phận

con cháu về sau này, thì tức là hủy-hoại mất một cái động-cơ rất mạnh, khiến cho người ta phải gắng sức làm-lụng, và kết-quả tuy không đến nỗi hại lắm như chế-độ cộng-sản hoàn-toàn trên kia, nhưng cũng làm cho xã-hội hư-báo đi, người ta đến nghèo cùng khổ-khó, vì phạm chế-độ cộng-sản là tất-nhiên kết-quả đến thế vậy. Nhưng cái khuyết - điểm lớn nhất của chủ-nghĩa cộng-sản, dù là bình-dẳng hay không mặc lòng, là đem xã-hội thay vào cá-nhân, khiến cho người ta ai cũng là người làm công của xã-hội cả, phó cho xã-hội cái trách-nhiệm phải lo cho thân-phận của từng người, tức là tôn xã-hội như một vị thành-thần toàn-năng toàn-tri vậy.

Tuy-nhiên, trông thấy cái tình-trạng trong loài người, kẻ hữu-tâm không khỏi đau lòng mà khởi ra câu hỏi rằng: tài-sản trong thiên-hạ sinh ra là để mọi người đều được hưởng, mà cứ làm sao phân-phối một cách thất-thường như thế, không được cân, không được đều như thế? làm sao lại có kẻ giàu, làm sao lại có người nghèo? nếu sự bất-bình-dẳng là một lẽ tất-nhiên thì cứ sao lại không lấy cái công-phu của mỗi người làm tỉ-lệ? làm sao lại có kẻ ăn không ngồi rồi mà giàu có phung-phá? làm sao lại có kẻ làm ăn khó-nhọc mà nghèo-khổ khổ-cùng?

Vấn-đề này phải chia ra hai phần mà xét: thứ nhất, làm sao ở đời lại không được bình-dẳng; thứ nhì, làm sao đã không được bình-dẳng mà sự không bình-dẳng ấy lại không có quan-hệ gì với cái tài-năng công-dụng của mỗi người?

Thuộc về điều thứ nhất, thì người ta đã là giống có trách-nhiệm, có tự-do, và bẩm-sinh ra đã có kẻ hơn người kém, kẻ giỏi người hèn, tài-năng công-dụng của mỗi người đã không bình-dẳng như nhau, thì sự phân-phối tài-sản cũng không thể bình-dẳng được.

Nhưng có sao sự bất-bình-dẳng đó lại không lấy công-phu của người ta làm tỉ-lệ? Có thể trả lời câu đó rằng ở các xã-hội văn-minh, pháp-luật trong dân-gian mỗi ngày một sửa đổi cho công-bằng hơn, như bỏ những cái lệ đặc-quyền chuyên-quyền, những quyền-lợi quá-đáng di-truyền từ đời phong-kiến còn lại, vân-vân, thì sự phân-phối các tài-sản cũng dần dần lấy tài-năng công-dụng của người ta làm tỉ-lệ. Duy còn có hai cái nguồn bất-bình-dẳng không thuộc về tài-năng công-dụng của cá-nhân, là : 1o sự bất-kỳ ; 2o sự di-truyền. Nhưng đối với sự xảy ra bất-kỳ, như tai-nạn tật-bệnh, thì không có cách nào trừ bỏ hẳn đi được, vì sự ngẫu-nhiên không thể nào phòng-bị được ; song cũng có thể sửa lại, cũng có thể giảm đi được : nhân đó mà sinh ra những chế-độ bảo-hiêm, chế-độ trữ-tích, chế-độ cứu-tế, vân-vân, toàn là những cách để cho giảm bớt sự bất-bình-dẳng trong xã-hội, những cách này văn-minh càng tiến-hóa thì càng ngày càng phát-đạt vậy. Còn sự bất-bình-dẳng vì tổ-phụ di-truyền của-cái cho con-cái, thì chỉ có hai cách : một là cái của đó, kẻ kế-thừa bết giữ lấy, lại biết gia-công mở-mang cho phát-đạt thêm lên, như thế thì được hưởng cũng là đáng ; hai là trái lại, kẻ kế-thừa ấy được của rồi không làm-lụng gì nữa, chỉ ăn tiêu đi mà không sinh-sản được thêm ra, như thế thì tự tay mình lại phá-hoại cái đặc-quyền của mình, xã-hội bất-tất phải can-thiệp vào.

Vả lại xét cho cùng, sự hạnh-phúc của người ta có được hoàn-toàn tuyệt-đối thì mới là có giá-trị, chứ sự hạnh-phúc ở trong cõi tương-đối, thì phỏng có hay gì. Người ta nếu cùng phải khổ-nạn như nhau cả, thì sự bình-dẳng ấy phỏng còn có thú gì. Người đời thường nói : xấu đều hơn tốt lỗi, nhưng đều xấu hết cả, thật cũng là một cái cảnh khổ-nạn vậy. Ở các xã-hội dã-man, có lẽ là

được bình-dẳng hơn các xã-hội văn-minh, sự bình-dẳng đây tức là cái tình-trạng « xấu đều » như lời tục-ngữ nói vậy. Nhưng thử hỏi người ta sinh-trưởng trong xã-hội văn-minh, có ai chịu đem thân-phận mình mà đổi lấy thân-phận kẻ dã-man cho được bình-dẳng không? Cứ thực ra thì xã-hội càng ngày càng tiến-tới, tài-sản chung trong xã-hội cũng càng ngày càng phong-phú, sự vui-sướng của người ta cũng nhân đó được tăng thêm lên mà cái công-phu khó-nhọc không phải tăng lên chút nào vậy. Nhà kinh-tế học BASTIAT đã bứng-giải rằng cái phần hạnh-phúc được thêm ra đó à người ta được không, không phải khó-nhọc gì cả. Ông nói rằng quyền sở-hữu của người ta càng ngày càng định được phân-minh thì loài người càng ngày càng thoát được khỏi cái cảnh « xấu đều » là cái cảnh bình-dẳng trong cõi khổ-nạn, mà tiến lên một cái cảnh « tốt đều », là cảnh bình-dẳng trong cõi hạnh-phúc vậy.

Chính lời ông nói rằng : « Quyền sở-hữu có cái khuynh-hướng biến sự lợi-ích có phần-phí thành sự lợi-ích không phần-phí. Tức là cái đồng-cơ để thúc-giục người ta phải đem trí khôn ra mà thu lấy những cái sức mạnh ngầm ở trong vật-chất ù-lì. Trí khôn ra chống-chọi với những cái trở-lực rồ làm cho sự lợi-ích thành phần-phí, chống-chọi như thế vẫn là chỉ có cái mục-đích duy-kỷ mà thôi ; nhưng đến khi cái trở-lực phá được rồi, thì làm mất đi hẳn, có phải là lợi-ích cho cả mọi người không. Bấy giờ quyền sở-hữu đã phá được cái trở-lực ấy rồi, lại phá đến một trở-lực khác, cứ thế mãi, làm cho trình-độ của loài người mỗi ngày một cao thêm lên mà người ta dần-dần cũng được bình-dẳng vậy ». (*La propriété tend à transformer l'utilité onéreuse en utilité gratuite. Elle est cet aiguillon*

qui force l'intelligence humaine à tirer de l'inertie de la matière des forces naturelles latentes. Elle lutte, à son profit, sans doute, contre les obstacles qui rendent l'utilité onéreuse; et quand l'obstacle est renversé, il se trouve qu'il a disparu au profit de tous. Alors l'inépuisable propriété s'attaque à d'autres obstacles, et toujours élevant sans cesse le niveau humain, réalise de plus en plus la communauté, et avec elle, l'égalité au sein de la grande famille). BASTIAT.

Ngoài cái quyền sở-hữu, lại còn một cái quyền cốt-yếu của loài người, là quyền lấy vợ lấy chồng để lập thành gia-thất. Quyền này cũng được tự-do như các quyền khác.

Cái mục-dịch thứ nhất của sự hôn-thú là để nối dõi lấy nòi giống, nghĩa là cốt nhất về sự sinh con đẻ cái. Tuy-nhiên mục-dịch đó không phải là mục-dịch duy-nhất của sự hôn-thú, vì nếu thế thì luật phải cấm người già không được lấy nhau; nhưng luật không hề cấm bao giờ. Nhà luật-học trứ-danh ABRENS đã nói rằng: « Điều cốt-yếu trong sự hôn-thú là hai bên đàn ông đàn bà đem tâm-thần thể-tâm-hồn phó-thác lẫn cho nhau. Tức là đem tình ân-ái, nghĩa bè-bạn hiệp lại mà gây ra một cái xã-hội nhỏ trong hai người với nhau » Cái xã-hội nhỏ đó tức gọi là xã-hội vợ chồng, và thường thường thì mục-dịch của xã-hội đó là để gây ra một xã-hội lớn hơn, gọi là gia-đình hay là gia-tộc, ngoài hai vợ chồng, tức là hai cha mẹ, lại còn các con-cái nữa.

Sự lấy vợ lấy chồng đã là hai người đàn ông đàn bà đem tâm-thần mà trao lẫn cho nhau, thì chỉ có thể một người lấy một người mà thôi, chỉ có thể một vợ với một chồng, mới đạt được cái mục-dịch cao-thượng trong cuộc kết-hôn vậy; vì như lời ông ABRENS đã nói: « Sự lấy vợ là đem nhân-cách hai bên kết-

với nhau, thì tất hai bên cái địa-vị phải ngang bằng nhau mới được. »

Sự kết-hôn đã là đem mình phó-thác với kẻ khác, thì tất phải tự-do: cha mẹ không thể ép nài, xã-hội không thể bắt-buộc được; hai bên phải tự-do mà giao-tiếp với nhau; như vậy thì sự kết-hôn tức là một cuộc giao-ước.

Xã-hội chúng-nhận và làm bảo-chứng cho cuộc giao-ước ấy; chứ cuộc giao-ước ấy không phải tự xã-hội tạo-thành ra được.

Sự kết-hôn đã là đem tâm-thần phó lẫn cho nhau, thì tất phải trung-thành với nhau; nhưng trung-thành phải cả hai bên, chứ không bên nào được có đặc-quyền hơn bên nào vậy.

Cuộc kết-hôn lại phải vĩnh-viễn, không thể giải-tán ra được, thì mới hợp với cái tôn-chỉ của sự hôn-thú, vì hai bên đã ý-thác với nhau, là hoàn-toàn tuyệt-đối, hẹn cùng nhau bách-niên giai-lão, mới là xứng-dáng với cái nghĩa giao-ước cao-thượng. Luật-pháp các nước cũng có thừa-nhận cho cuộc hôn-nhân có thể giải-tán được, nhưng đó là cái đặc-lệ phi-thường, cùng bất-dắc-dĩ, có sự nguy-hiểm, sự tai-hại gì thì mới phải dùng đến vậy.

Nói tóm lại, bốn cái quyền tự-chủ thân-thể, tự-do hành-sự, tự-do sở-hữu, và tự-do lập gia-thất, là bốn quyền cốt-yếu của người ta, hợp lại gọi là quyền tự-do làm người trong xã-hội. Mất cả hay mất một phần quyền ấy thì gọi là kẻ nô-lệ. Cái đặc-tính của sự nô-lệ là người ta không phải là người nữa, biến thành như một đồ vật, có thể bán đi mua lại được. Kẻ nô lệ không có quyền sở-hữu nữa, mà tự mình là một vật sở-hữu của người. Tục nô-lệ từ xưa đến nay đã giảm bớt cái tính-cách nghiêm-khắc đi, và cũng có khi có thể chầm-chước với quyền gia-tộc, quyền

sở-hữu được : nhưng mà xét kỹ là bề ngoài như thế mà thôi, chứ thực không bao giờ được như thế. Tục nô-lệ ngày nay ở các nước trên thế-giới đã mất dần đi, cũng không cần phải bài-bác làm gì nữa. Nay chỉ xin trích-dịch ra đây một đoạn trong sách « Vạn-pháp tinh-lý » của ông Mo-tesquieu, dùng lời văn hoạt-kê để tán-dương về cái tục súc-nô ấy mà có ngụ ý bài-bác ở đây. Ông nói rằng :

« Ta có quyền được bắt người hắc-chủng làm nô-lệ cho ta, quyền ấy nếu cần phải cãi lấy cho được, thì tôi xin biện-luận như sau này : Người Âu-châu đã diệt mất hết người Mĩ-châu tất phải dùng người Phi-châu làm nô-lệ để khai-khân các đất bỏ hoang. Nếu không dùng nô-lệ mà trồng mía, thì đường ta ăn sẽ đắt quá. Vả bọn hắc-nô này nó đen thui đen thui, đen từ đỉnh đầu cho đến gót chân, mà mũi nó lại dẹt, thì phỏng còn thương làm sao được. Ông Thiên-chúa khôn-ngoan như thế, không có lẽ lại đem linh-hồn mà để vào trong cái thân-thể đen thui như thế. Ta quyết không thể cho giống đó là người được ; vì nếu cho nó là người, thì có lẽ thiên-hạ ngờ cho ta là ăn ở trái với đạo Thiên-chúa vậy. Kẻ không biết cứ trách là ta ăn ở không công-bằng với bọn hắc-nô đó. Nhưng họ trách thế là họ trách quá, vì nếu quả ta không công-bằng thật, thì các bậc đế-vương ở Âu-châu thường nay ký diên-ước, này mai hiệp đồng-minh nọ với nhau, sao lại không nghĩ ra đặt một cuộc đồng-minh lớn để giúp cho lòng từ-bi bác-ái trong thiên-hạ ? »

* *

Trở lên là nói những nhân-quyền có thuộc về thân-thể người ta, vì quyền kết-hôn để lập gia-thất cũng là một nửa thuộc về thân-thể, một nửa thuộc về tinh-thần. Nhưng ngoài các quyền đó, lại còn những quyền nữa, có nhà

triết-học đã gọi là « quyền của linh-hồn », vì nó thuần thuộc về linh-hồn cả. Quyền cốt-yếu nhất về linh-hồn là quyền « tín-ngưỡng tự-do ». Tín-ngưỡng tự-do, là người ta muốn tin đạo-giáo nào cũng được, lấy cái lẽ rằng sự quan-hệ người với thần là chỉ thuộc về tâm-tư của mỗi người, quốc-gia xã-hội không có quyền gì định được thế nào là phải, thế nào là quấy.

Còn như quyền tự-do tư-tưởng, tự-do ngôn-luận, thì là gốc ở cái lẽ ông Descartes đã giải như thế này : « Cái gì hiển-nhiên rõ-ràng là thực thì mới nên nhận cho là thực. » Như vậy thì cái nghĩa-vụ của người ta có cái óc thông-minh là đối với lẽ gì hiển-nhiên rõ-ràng mới chịu phục, nghĩa-vụ ấy tức cũng là một quyền-lợi nữa. Vì nếu không có quyền-lợi, thì theo nghĩa-vụ làm sao được ?

Những quyền thiên-nhiên vừa lược kể trên đó là thuộc về người ta làm cá-nhân trong xã-hội. Quyền thiên-nhiên đó có thể gọi là quyền tư-nhân được. Nhưng mà quyền thiên-nhiên không phải chỉ hạn-chế trong giới-hạn quyền tư-nhân mà thôi : quyền thiên-nhiên không phải chỉ chủ một cá-nhân, mà lại-kiểm cả xã-hội, không những là cái xã-hội chung cả loài người mà lại là cái xã-hội riêng của người dân trong một nước gọi là quốc-gia vậy. Cái phần quyền thiên-nhiên đó gọi là quyền công-pháp, và nói riêng về sự giao-tế nước nọ với nước kia thì gọi là quyền quốc-tế. Quyền công-pháp và quyền quốc-tế đã lập thành hai khoa-học phiến-phức lắm, không thể tóm tắt lại đây được, chỉ xin giải qua mấy điều cốt-ếu như sau này.

Được hết phải phân-biệt xã-hội với quốc-gia. Xã-hội là xã-hội thiên-nhiên, quốc-gia là xã-hội người dân trong một nước.

Xã-hội thiên-nhiên là người ta họp lại với nhau, không phân-biệt cương-

giới chủng-tộc gì cả, cũng không có gì cưỡng-bách cả. Một người Anh-cát-lợi với một người Ấn-độ gặp nhau ở giữa rừng hoang châu Mĩ, thế là nhóm thành một xã-hội thiên-nhiên, vì hai người cũng là người cả, có thể xum-hạp với nhau được.

Quốc-gia là một đoàn-thể những người cùng phải phục-tòng một pháp-luật, một quan-quyền chung, nghĩa là một cái xã-hội mà người ta phải bắt-buộc tôn-trọng quyền-lợi của nhau.

Cái quyền cưỡng-bách đó là gốc của quốc-gia, vậy thì nó ở đâu mà ra? Trên kia đã nói rằng trong nghĩa quyền-lợi đã hàm có cái ý rằng lâm-thời có thể dùng cách cưỡng-bách để ngăn cho người ta khỏi vượt quyền mình mà phạm đến quyền người. Nay ở xã-hội thiên-nhiên thì cái quyền cưỡng-bách ấy chỉ thuộc về cá-nhân đối với cá-nhân mà thôi: tức gọi là quyền cá-nhân tự-vệ, quyền này thì ở trong xã-hội quốc-gia cũng vẫn còn, như khi hốt-nhiên có kẻ xâm-phạm đến mình, hay ở nơi xa chỗ quan-quyền, thì người ta vẫn có thể tự chống giữ lấy mình được. Tuy-nhiên cứ lý thì không ai có quyền được phán-đoán việc riêng của mình. Quyền cưỡng-bách mà để cho tự-do thi-hành không có lẽ-luật gì thì đến thành ra người ta đánh nhau lung-tung cả. Bởi thế nên cần phải đặt ra quốc-gia, nghĩa là đặt ra một cái quyền chung vô-tư-kỷ để đứng giữa bênh-vực cho mọi người, và thi-hành cái quyền cưỡng-bách một cách chánh-đàng không để cho đến lưu-tệ.

Nhân đó trong nghĩa quốc-gia có hai phần cốt-yếu, một là pháp-luật, hai là quyền-lực. Pháp-luật là những qui-tắc chung đã suy nghĩ chăm-chắc mà đặt ra trước để định quyền-lợi của mỗi người; quyền-lực là cái sức cưỡng-bách của quan-quyền dùng để

thi-hành pháp-luật. Bởi đó mà quốc-gia có hai quyền-chính: một là quyền lập-pháp để đặt ra pháp-luật, hai là quyền hành-chính để thi-hành pháp-luật đó; ngoài hai quyền đó thường lại đặt một quyền thứ ba nữa gọi là quyền tư-pháp để phòng giữ kẻ phạm pháp-luật.

Ba quyền ấy cùng do một cái nguồn chung mà ra, là quyền chúa-tể trong nước. Ở nước nào cũng vậy, quyền chúa-tể là hoặc gồm cả ba quyền đó, hoặc đứng chủ-trương mà ủy ba quyền đó cho người phân-nhiệm. Ở nước quân-chủ tuyệt-đối, thì quyền chúa-tể là ông quân-chủ, tự mình thi-hành quyền lập-pháp và quyền hành-chính, có khi kiêm cả quyền tư-pháp nữa. Ở nước dân-chủ, quyền chúa-tể là nhất-ban quốc-dân, ủy ba quyền đó cho người phân-nhiệm, và cũng có một đôi khi tự thi-hành lấy.

Còn thuộc về gốc của quyền chúa-tể trong một nước, thì có hai cái thuyết đối nhau. Một là thuyết thiên-mệnh, hai là thuyết dân-mệnh. Thuyết thiên-mệnh thì cho chủ-quyền là gốc tự Thiên-chúa truyền cho một nhà vua nào thừa mệnh trời mà thi-hành quyền chúa-tể. Thuyết dân-mệnh thì cho xã-hội cũng như cá-nhân, vốn có quyền tự-do tự-nhiệm, có trách-nhiệm về vận-mệnh mình; lẽ đó là nói về cả xã-hội mới đúng, chứ nói về một hạng nào trong xã-hội thì không đúng, vì có sao hạng nọ lại có quyền chủ-định việc chung hơn hạng kia được? Cho nên nói chủ-quyền ở dân chẳng qua là nói rằng mỗi người dân đều có quyền được tham-dự vào quyền chung trong nước, hoặc tự mình thi-hành, hoặc cứ người thay mặt vậy. Cái chủ-nghĩa dân-quyền đó ngày nay mỗi ngày một banh-trương ở các xã hội văn-minh vậy.

Nay gọi là quyền tự-do chính-tự là gồm những cái bảo-chương để giữ cho

mỗi người dân trong nước được yên-ôn mà thi-hành các quyền thiên-nhiên của mình, như vậy thì quyền tự-do chính-trị tức là cách tài-chế cho quyền tự-do làm người vậy.

Những cái bảo-chương đặt ra để giữ cho quyền tự-do chính - trị đại-khái như sau này : 1^o quyền đầu-phiếu, để cho mỗi người được dự một phần chủ-quyền trong nước ; 2^o phép phân-quyền, chia ba quyền hành-chính, lập-pháp, tư-pháp ra các hạng người khác nhau, không để cho gồm vào trong tay một hạng nào ; 3^o quyền tự-do xuất-bản để giữ cho các hạng người về phần thiểu-số không được ra cầm quyền có cách bàn-bạc cổ-động để thay đổi tư-tướng ý-kiến phần đa-số trong nước.

Người dân trong nước đã có quyền-lợi, lại có nghĩa-vụ, nghĩa-vụ là liên với quyền-lợi. Vì nếu người dân đối với quốc-gia không có nghĩa-vụ gì, thì quốc-gia bảo-hộ cho người dân làm sao được ?

Nghĩa-vụ của quốc - dân đối với quốc-gia đại-khái như sau này : 1^o Phải vâng theo pháp-luật. Xã-hội không có pháp-luật thì không sinh-tồn được. Trong một xã-hội không có pháp-luật, không có trật-tự, thì là loạn vậy. Loạn tức là diệt mất xã-hội vậy. — 2^o Phải tôn-trọng kẻ hữu - tư. Kẻ hữu - tư, hoặc là quan thẩm-phán, quan hành-chính, hay hạng quan nào trong nước cũng vậy, là người thay mặt cho pháp-luật. Pháp-luật phải tôn-trọng, thì người thay mặt cho pháp-luật cũng phải tôn-trọng. — 3^o Phải đương binh-dịch. Nước phải có người phòng-bị để khỏi kẻ khác đến xâm-lấn. Nhất-ban quốc-dân phải đem sức mạnh, và nếu cần đến, đem cả sinh-mệnh giúp cho nước trong việc phòng giữ đó. — 4^o Phải chịu tô - thuế. Quốc-gia

cũng như tư-nhân, phải có tiền mới quản-trị các công việc được. Bởi đó nên phạm dân trong nước phải tùy tài-sản của mình đóng góp một phần để chi-dụng về việc công. Số đóng góp đó, trừ khi nào cùng-khốn quá không đương được, còn thì phải nộp cho đều và cho đúng. Không nên dùng cách giả-dối mà đánh lừa ăn gian với Nhà nước. Công-chúng đối với sự lậu thuế vẫn không cho là việc quan-hệ gì. Thế là làm, vì lậu thuế tức là ăn trộm của quốc-gia vậy. — 5^o Phải thi-hành quyền bầu-cử. Ở xã-hội ngày nay, người dân thường có quyền bầu-cử. Sự bầu-cử không những là một quyền-lợi, lại là một nghĩa-vụ nữa. Người ta không nên vì chệnh-mãng mà phóng-khí mất cái quyền ấy đi, hay là bầu-cử một cách khinh-suất, hoặc vì sợ-hãi mà phải bầu, hoặc vì không thiết mà bầu bậy-ba cho xong. Sự bầu-cử phải cho công-bình sáng-suốt. Bởi thế nên ngày nay người ta lại cần phải học hơn ngày xưa nữa. Kể làm dân phải biết rằng vận-mệnh quốc-gia là ở trong tay mình đó, và hai cái cửa báu của các xã-hội văn-minh là sự trật-tự và sự tự-do, là tự người dân có thể tạo-thành cho nước vậy.

Những điều vừa kể trên đó là thuộc về quốc-gia lý-tưởng, nghĩa là quốc-gia phải như thế mới là hoàn-toàn, mà hiện nay chưa được như thế. Nhưng dù quốc - gia thành-lập thế nào mặc lòng, dù chủ-quyền trong nước ở-chức thế nào mặc lòng, mỗi quốc-gia vẫn là một cái bản-vị đặc-biệt, không tùy-thuộc gì với quốc-gia khác, và đối với quốc-gia khác cũng coi như là một cá-nhân độc-lập vậy. Vậy thì các quốc-gia đối nhau, cũng như các cá-nhân trong xã-hội thiên-nhiên đối với nhau vậy. Nước nọ đối với nước kia cũng có quyền-lợi như cá-nhân đối với nhau, và cả luân - lý định sự giao-tế các nước đối nhau cũng giống như cá

luân-lý định sự giao-tế người ta với nhau vậy. Luân-lý các nước với nhau tức gọi là « Vạn-quốc-công-pháp ».

Tuy-nhiên có một điều khác hẳn : là các nước đối với nhau không có một cái chủ-quyền chung, không có một cái quyền vô-tư-kỷ đứng giữa để phán-đoán lẽ phải lẽ trái, và có đủ sức mạnh để bắt thi-hành lời quyết-định của mình. Các nước đối với nhau là còn thuộc về tình-trạng thiên-nhiên, nên còn được giữ cái quyền tự-vệ, là quyền mà cá-nhân ngày nay không có nữa, trừ mấy cái trường-hợp đặc-biệt như khi không có quan-quyền pháp-luật vậy. Cái quyền tự-vệ của các nước đó, tức là quyền chiến-tranh vậy. Cứ lý thì trong các nước với nhau mà phải dùng đến võ-lực là chỉ để đối với võ-lực của kẻ khác mà thôi, như thế thời dùng võ-lực mới là chánh-đáng. Nhưng hai bên cùng dùng võ-lực cả, một bên dùng để đánh, một bên dùng để giữ; theo công-pháp thì chỉ bên nào dùng để giữ là chánh-đáng mà thôi.

Đó là cái trường-hợp đơn-giản hơn cả, nhưng có thể nói là cái trường-hợp thuần lý-tưởng, hoặc ít khi xảy ra như thế. Thực ra thời thường-thường các nước đối với nhau có lắm mối tranh-dành phiến-phức, khó biết được hai bên bên nào là khởi ra công-kích trước; sự chiến-tranh bấy giờ thời như lời ông LOCKE nói, có thể cho là một cách tố-cáo với Trời, để cầu ông Thiên - chúa định cho sự được thua thế nào. Theo nghĩa đó nên có nhà trước-thuật đã phê-bình về chiến-tranh rằng: « Chiến-tranh là một sự cử-động thuộc về chính-trị, khi các nước không thể điều-hòa chằm-chằm được các nghĩa-vụ quyền-lợi của mình, phải dùng đến võ-lực để giải-quyết, nghĩa là để định xem bên nào mạnh hơn có thể ép bên kia phải theo mình vậy. »

Tuy-nhiên, sự chiến-tranh không thể... làm cho mất cái mối quan-hệ nước nọ với nước kia. Lại cũng không thể để cho phá-hoại các phong-tục hay công-nghiệp văn-minh trong thiên-hạ, phá-hoại các phong-tục hay cùng các điều trí-thức cao-thượng. Bởi thế nên các nước dường như có cái ước ngầm với nhau về cách chiến-tranh phải thế nào, và trong sự chiến-tranh thành ra cũng có quyền-lợi nghĩa-vụ, gồm lại thành một khoa vạn-quốc-công-pháp về chiến-tranh vậy. Thí-dụ như: cái thủ-tục khi khai-chiến phải thế nào; các đạn-dược thứ nào dùng được, thứ nào không dùng được; cách cứu-tế kẻ bị thương phải thế nào; quân chính-thức với quân nghĩa-dũng hay quân tình-nguyên, quyền-lợi khác nhau thế nào; cách bảo-thủ cho quyền sở-hữu của người dân ở những miền bị xâm-lấn, cách trao đổi các tù-binh phải thế nào; quyền-lợi nước trung-lập thế nào, v. v.

Chiến-tranh xong thời giảng-hòa. Hòa không những là thôi hay đình đánh nhau mà thôi; hòa lại còn là khôi-phục lại cái tình-trạng xã-hội là tình-trạng bình-thường của các nước cũng như là của người ta.

Trừ khi giao-chiến, còn các việc phân-tranh các nước với nhau thường giải-quyết bằng điều-ước. Điều-ước là lời giao-kèo nước nọ với nước kia, phải có hình-thức, có thủ-tục nhất-định, cho được chắc-bằng và được hợp-cách. Điều-ước các nước, cách giải-thích, cách thi-hành cũng có qui-tắc như tờ giao-kèo riêng của người ta: Điều-ước đại-khái có các hạng như sau: hòa-ước, ước đồng-minh, ước trung-lập, thương-ước, ước dẫn-độ kẻ phạm-nhân, v. v.

HỒNG-NHÂN biên-dịch

MỘT GIÁC MỘNG

(Thư gửi cho bạn thuật truyện chiêm bao)

Chị Tố-Lâm.

Phương trời xa-cách, cánh nhạn thừa trao, bấy lâu nay thờ-ơ tin-tức, chị hẳn nghĩ bạn cũ năm xưa đã quên nhau rồi nhỉ? Nào ai có biết cho nhau, mai tàn, cúc nở, xuân thu lẫn-lữa, tác dạ khôn khuấy, một tấm lòng kẻ xa bạn, tháng ngày những bâng-khuàng trông-nhớ . . .

Nghĩ nói nhớ nhau, mà hàng năm không có được mảnh thư thì cũng lạ ! Nhưng thư gửi cho nhiều nữa, mà cái chứa trong thư xuống-nhật cả, thời cánh « tem » mảnh giấy đã lấy gì làm duyên, làm vị ? Nên chi không có thư bấy lâu, chỉ là không có truyện gì đáng kể cho nhau nghe. Than xa-xôi mãi cũng nhàm, nói nhớ - thương nhiều cũng tẻ. Truyện la giũa đời, thời tin nhật-báo hàng ngày đưa đi khắp cả, vậy riêng mình còn có truyện gì mà thư ?

Thế mà bói-bác hôm nay bỗng có thư ! Có thư là có truyện . . . Truyện tuy vẫn-vơ, song không đến nỗi tào-lao quá, ai tri-âm đó, âu cũng dễ mến mà với ai . . . Nay xin mượn cánh « tem » hồng, nhờ ngọn gió Nam, chồn hương-khuê gửi đưa người tri - thức. Đâu ! Một tập giấy dày ! bà yêu của tôi hẳn lần này không đến nỗi phải phàn-àn rằng thư n.ấn-ngủ nữa nhé !

Chị ơi ! trước khi nhắc phong thư nặng, thấy nét chữ nhau mà mừng, chị hẳn không ngờ đâu người bạn ngồi cầm bút viết thư cho chị hôm nay đã một phen sống thừa, chết hụt. Thật vậy, chị ạ, không biết số Tử-vi năm nay sao gì chiếu mệnh mà dữ-dội quá ! Tôi lên một cái nhĩ-hậu-ung, bắt đầu đau từ trung tuần tháng ba, rồi

mà ốm lai-nhai mãi đến tháng sáu mới dậy được. Song vì có ốm mới có truyện, lẽ nào lại hà-tiện lời, không nói qua truyện ốm chị nghe. Hơn hai tháng trời nằm ốm giường bệnh, thuốc uống đã kinh, người nuôi đã ngại, sống thừa đâu còn tưởng có ngày nay ! Đương kỳ bệnh, nhọt đau rên không dứt tiếng; bệnh bốc, sốt không ngớt cơn; suốt ngày đêm người nóng li-bì, trăm phần cầm chắc nguy cả chín-mười-chín. Thoạt đầu nghĩ đau xoàng, còn mong ngày một ngày hai đỡ dần; sau thấy bệnh-tình càng ngày càng nặng, dai-dẳng hàng tuần, hàng tháng, thời cũng đành cơm ăn, thuốc uống, mà câu tử-sinh phó liêu cho vận-mệnh. Nhà bàn đưa về nhà thương Hà-nội mờ, tôi nhất-định không nghe. Nghĩ bụng: có chết, thì chết ở nhà, còn hơn làm ma nhà Xác, vì riêng mình đã nắm chắc cái chết rồi, còn hi-vọng gì mà đi nhà thương ? Thế là cái siêu thuốc sinh-sịch, lá cao thay-đổi, một mặt liêu ở nhà chữa thuốc ta-Bệnh nhọt cũng hại người thật, đau mãi, lâu dần người rớt như lá lúa, chỉ còn da với xương. Hàng tháng không rời khỏi giường, không bước ra đến sân. Nhà lại kiêng vĩa - van, cửa lớn thường đóng, chỉ mở hé cho cánh cửa sổ trông ra đàng hiên vắng. Ốm lâu khê thật lại có trải qua mới biết. Năm mà nhớ mặt trời khát-khao ánh sáng, mơ tưởng bóng trăng, nhớ-nhung cả cổ của cảnh-vật quanh mình. Chỉ ước-ao những cuộc đi chơi xa thăm bà-con từ ngày, bạn - bè tỉnh khác. Người nhà cũng hứa rằng: hễ khỏi thì cho đi Thanh-lóa, hoặc Móng-cáy, Lạng-son đi, để khi trời cho khỏe.

Trong những ngày nằm nuôi bệnh ấy, lúc nào tỉnh-táo, ngọt cơn đau. lại xem sách, hoặc các tiểu - thuyết. Đầu giường bừa-bãi: nào *Nam-Phong*, nào *Trung-Bắc*, các sách truyện lật-vật, thối thì ngồn - ngang cả. Người nhà trông thấy cầm quyển sách lại dặng lấy, bảo rằng đương khi đau-yếu xem sách hại. Song ngăn-cấm thế nào cũng không nghe, có hôm dẫu tiết cả báo sách đi, cũng cứ năn-nì đòi cho được. Gặp những văn ký-sự, hoặc tiểu-thuyết phiêu-lưu, lại càng ham lắm. Còn nhớ ngày ấy lục xem lại cả những đoạn « *Pháp - du hành-trình nhật-ký* » của ông Phạm Quỳnh đăng ở báo *Nam-Phong* và tập « *Hãn-mạn du ký* » của ông Nguyễn Bá-Trác. Những văn du-ký xưa nay tuy cũng thường có đọc qua, nhưng cái cảm-tình đối với hai tập văn vừa nói trên, thì thực là đắm-thấm mặn-mà khác hẳn. Thường khi đọc qua rồi, lại đọc lại ngay cũng vẫn ham như lúc mới đọc. Vì non xa, nước lạ, nhân-tình, phong-tục cùng là những nơi phồn-hoa thắng-cảnh, văn-vật xử người, đã dễ giục ý tò-mò, xui lòng mình ham xem, ham biết. Kịp khi giờ đến tập văn, những vui lòng thấy chữ nước nhà, tiếng nước nhà, khách-du lại là người nước nhà! Ôi! sao mà nói đến ba tiếng « người nước nhà » nghe nó thân-thiết thế! dẫu khách muôn dặm quan-san, đối với mình cũng gần-gần như trong gang-tấc vậy. Cho nên đọc cái văn chính tay người nước nhà viết ra, vẫn có học-vấn, vẫn có du-lich, vẫn có quan-sát, lại càng đắm-dà lắm. Chẳng hay những bạn đọc-giả đã từng đọc những tập văn ấy, có ai cũng cùng một mối cảm-tình như tôi không? Ôi! thật tỉ-mỉ và hay nghĩ văn - võ. Nghĩ mình được thanh-thời nằm yên một chỗ, không kinh sóng gió, chẳng ngại tuyết-sương, tiền lộ - phí không tốn một đồng, chỉ quyền sách trên tay lần giở, mà đủ biết đây, t đó,

nhân - tình, phong-tục hiểu biết đỡ hay, thời dẫu có nữ vô-tình mà chẳng cảm-tạ khách du ai trước đã vì mình dẫn lối đông tây, đưa đường nam bắc! Nghìn dặm giang-hồ tung lòng du-tử, trước khi ở nhà bước chân ra đi, khách-du đối với phong-cảnh quê người đã sẵn khối óc bao-quát thế-giới, cặp mắt lịch-lãm nhân-hoàn, phàm bao nhiêu phong - cảnh đẹp, sự-tích hay, thú vui, truyện lạ, đều ghi trong ký-ức, in trong nhỡn-giới, để khi trở về cố-hương thuật lại cho bà con thân-thích và người trong nước cùng nghe. Thiết-tưởng những câu truyện lạ chốn giang-hồ, người hiểu-kỳ, ai là chẳng muốn lắng tai. Mà nghĩ người nước nhà đi chơi xa về, kể truyện cho nhau nghe, ngẫm cho thấm-thía ra, thời câu truyện ấy có duyên, có vị, có tình biết bao nhiêu! Khiến mình khi giờ đến tập văn, cái cảm-tình cũng lai-lãng, mỗi câu, mỗi chữ, mỗi lời, một thấy đậm-dà, một thấy yêu.

Nhưng đọc văn du - ký, trong trí không khỏi mơ - màng những cuộc ph ếm-du. Đương khi yếu mệt, tâm-thần bất-định, ngày nghĩ truyện gì, đêm mơ truyện ấy. Có hôm ngày đọc truyện *Liêu-trai* đêm mơ chỉ thấy những yêu hồ ma quỷ. Cũng vì thế mà tập văn du - ký của ông Quỳnh ông Trác ở đầu giường, không mấy đêm là không dặt tới mộng-du Ba-lê, Nhật-bản, Trung-hoa, người chưa tới mà mộng đã đi, thời thì huyền - thiên khắp cả. Sau khi tỉnh giấc, nhớ cuộc chơi phiếm chiêm-bao, lần lần cũng vui; mà mộng-mị lan-man quá, nhiều khi cũng mệt. Tuy vậy, nhớ lại trong mơ gặp-gỡ cũng nhiều truyện hay.

Còn nhớ một lần ngủ ngày mà chiêm bao rất lạ. Tôi cho cái mộng ấy là mộng một đời không có hai lần. Vậy xin thuật qua đây để chị nghe, gọi là cái chửa trong thư hôm nay có khác với thư mọi lần. Vả nhân dịp cùng

nhau mộng một lúc cũng hay ! Tỉnh mãi, cuộc đời quanh đi quẩn lại, cũng chỉ có bấy nhiêu thôi, ngày nào có khác với ngày nào đâu. Tưởng người ta cũng nên có lúc gửi tâm-hồn trong mộng, để được có điều mà man-mác bàng-khuông . . . Chị ạ, từ khi tôi yếu, không mấy lúc là ngồi dậy được cả. Một hôm sớm dậy, thấy tỉnh-tạo, tự mình ngồi dậy được, lại biết đòi, bèn gọi lấy cháo ăn, không như mọi lần người nhà phải ép, chẳng những không ăn, có khi lại bần - gất nữa. Sáng hôm ấy ăn cháo xong, ngồi gương một lúc thấy lao-đao, lại nằm xuống. Nhân bảo người nhà ra cửa, khép cửa lại, để một mình nằm cho tỉnh, may có ngủ được chẳng, vì đêm thường mất ngủ. Nhà cũng chiều ý đi ra hết, lại đuổi các trẻ con sang chơi cả nhà ngang, cảm không đứa nào được bén-máng gần đây. Bấy giờ trong buồng im-lặng như tờ, một mình nằm trông ra cửa sổ, ngắm cảnh đào ngọn gió hiu-hiu, ràn thiên-ly ngoài hiên mát rượi, hoa nở đương mùa, hương thơm ngan-ngát cả quanh mình, trước ràn con chim-luôn tha-thần tìm sâu, nhìn mà yêu . . . , nghĩ thâm: bụng ấy ăn đồ hai con sâu thì no chứ mấy ! Nằm vô-sự, nghĩ vẩn-vơ hết truyện nọ, đến truyện kia. Buồn tay vớ được ở đầu giường quyển sách lại giở xem. Bỗng thiu-thiu chớp mắt lúc nào không biết.

Trong mơ phảng-phất thấy mình khỏe mạnh, ngồi trên giường cử dương lui-húi nổi sọng to đút, chợt thấy sịch hời, bức màn-mành ngoài hiên lay động, bạn gái là Liên-Thành tay cầm dóa hồng-nhung, bước vào tươi-cười hỏi :

— Chị có đi chơi không ?

Hỏi : — Chơi đâu ?

Liên-Thành nói : — Bác em sắp đi chơi quanh vùng Bắc-kỳ, thăm bà con các nơi, có lẽ lên cả thượng-du nữa. Em riêng nghĩ : thời-buổi văn-minh

này, sáu giống một nhà, năm châu rứt đất, người ta rộng rãi, sẵn tiền ra thời Ba-lê buổi sớm, Luân-dôn buổi chiều, nay chơi Bắc-kinh, mai vui Nữu-ước, trải xem Âu-Mỹ, dạo quanh hoàn-cầu, cũng là sự thường. Song đối với chị em mình là gái Nam-Việt, thời cái ước du - lịch thế - giới kiếp này cũng đành là mộng-trưởng. Thời thời : ta về ta tắm ao ta, một cội đất nhà trường cũng nên yêu lắm. Gặp dịp đi, chúng ta cũng nên đi cho biết đó biết đây, kéo nữa mang tiếng vô-tình với nước non Hồng-Lạc. Em đã xin phép thầy mẹ em cho em theo hầu bác em rồi, nay chỉ sang rủ chị cùng đi cho có bạn nữa thôi. Vậy chị có đi thì thu xếp ngay, ta về qua Hà-nội xem có gì hay mua, rồi đi luôn.

Tôi nghe nói mừng quá, vội-vàng xếp cả tờ chỉ, ống suối, khăn áo qualoa, hột hoa loáng-thoáng, xin phép cả nhà rồi cùng bạn lên xe. Tới Hà-nội qua phố Hàng Gai, nhân rủ nhau tạt vào Đông-kinh Ấn-quán xem các sách quốc-văn mới xuất-bản có sách gì hay lạ thì mua. Trông qua một lượt, phần nhiều là sách nhà đã có rồi. Tôi mua hai quyển : tập *Tay trắng làm nên*, và quyển *Phật-giáo đại-quan*, trong ý định để gửi làm quà cho em gái ở Kiến-an. Liên-Thành cũng mua mấy cuốn tiêu-thuyết. Trả tiền xong, ra lại đi lang-thang mua vật mãi. Đến phố Hàng-Đào, chợt gặp một ông cụ đầu râu, tóc bạc, Liên-Thành mừng-rỡ, tiến lên trước chấp tay lạy bác, tôi cũng khề-nếp vái chào. Ông cụ ra ý vội-vàng, giục chúng tôi đi mau, không thì lỡ tàu. Cùng nhau tất-tả thuê xe ra ga. Lấy vé xong, vừa bước lên xe lửa, chưa kịp ngồi, thì xe lừ-lừ chạy, trước có lừ-từ, sau nhanh như cuốn, thoáng lại lên ga, hành-khách lên xuống rờn-ríp. Vụt chốc đến một ga lớn, không biết là ga này có hội-hè hay đón-rước vị quan nào mà cửa cuốn, hoa

Siêng, một dãy phố ga cờ phấp-phấp khắp xa gần, người đông như kiến, lách mình không được lối đi. Ngoài cửa ga hình như lại họp chợ, đông quá thể, quang-gánh xô nhau ngã xiêu-vẹo cả. Tôi len-lỏi mãi mới ra được đến ngoài. Quan-h-quần thế nào lại thành ra lạc mất ông cụ và Liên-Thành, tìm đâu cũng không thấy, hỏi thăm chẳng ai biết. Dặm trường thân gái, đất khách bơ vơ, câu truyện đi chơi phiếm đến bấy giờ mười phần húng-thú đã tiêu cả mười, lòng riêng tẻ ngắt buồn tênh! Thôi thì đi không, lại trở về không, đành quay về vậy. Quan-h-co lộn lại, té ra lại lạc đường! Vì từ lúc đi tìm ông cụ và Liên-Thành, ngõ hẻm hang cùng đi liêu đi lĩnh bơ-phờ tìm mãi, đường lối lạ-lùng, mình đi lấy được, cho nên có đường đi dễ mất đường về, cũng bởi tại mình nhắm mắt bước liêu không nhận lối. Quãng vắng bơ-vơ, những mong có ai qua đường dễ thăm hỏi lối mà tuyệt-nhiên không thấy một bóng người. Chẳng lẽ đứng mà ăn vạ trời ở giữa nơi đồng không mông quạnh ấy! Lại đi liêu, lần này thời liêu thật! Không ô, không nón, dầu trần đội trời, đi miết mãi. Đi được một quãng khá dài, thì bỗng dừng nổi cơn giông-tổ, mây đen kéo mù trời, một lát mưa như trút nước. Giữa đường ướt lướt-mướt, không còn biết lánh vào đâu. May quá! trông theo giềng sông, xa-xa thấp-thoảng thấy có cánh buồm, mừng thầm đấy hẳn có thuyền. Bèn vòng ra bờ sông, đảo bước xuống bến. Sông nước mênh-mông, lòng sông bát-ngát mà lênh-đênh chỉ thấy một con thuyền. Cách bến chừng vài trăm thước, gào đã hết hơi, mới thấy quay mũi thuyền về vào. Đang lúc mưa to gió lớn, chốc lát kịp hỏi-han gì, cứ bước xuống thuyền. Không biết do chở khách hay thuyền riêng nhà ai mà lịch-sự một cách lạ thường. Trong sạp giải toàn các đồ cấp điều, mai cao thuyền rộng, đứng ngồi

ung-dung, không khác gì một cái « sà-lúp » con vảy, mà bài-trí lại đẹp-dẽ, có bàn xoay, ghế gụ, khay sứ Giang-lây, bình hoa Nhật-bản, trầu bày chấp khảm-ống với trạm vàng; hai bên chỗ ngồi lại có treo những bức danh-nhân thi-họa của Tàu, trông thật là nhã. Trên bàn có đủ báo-chí, và các tiểu-thuyết quốc-ngữ để xem. Tôi ngồi trong khoang thuyền mà tưởng chừng như mình ngồi trong « sa-lông » một vị phu-nhân nào vậy. Bấy giờ trong khoang im-lặng, khách lạ trông chừng chỉ có một mình tôi; mà từ lúc xuống thuyền cũng chẳng thấy ai hỏi gì mình. Đang lúc mưa to, thuyền phải đỗ tạm lại, bọn chân sào cũng thôi nấu ăn. Cơm xong, một người đàn ông cao lớn, da bánh mật, mắt ốc nhồi, râu quai nón, trông có vẻ táo-tợn, ra đứng là thuyền-chủ, miệng ngậm cái tăm tre, tay cầm bát nước vối, ngồi bắt chân chữ ngũ ở mạn thuyền hỏi tôi rằng:—Cô khách mới xuống thuê đò áp bến nào đấy?

—Tôi hỏi:—Thuyền này thường ghé những đâu?

Người ấy không trả lời ngay; uống một hơi hết bát nước, rồi đặt bát, đưa mắt nhìn tôi, ý nghĩ thăm khách có thể bắt chẹt được, bèn lên giọng nửa bông, nửa thật, đáp một cách ba-hoa rằng:—Nước tới đâu, con chèo buồm tới đó, muốn đi đâu cũng được, miễn là khách có tiền, tha-hồ xuôi ngược, dầu lòng bề rộng sông dài thênh-thênh. Thuyền này bốn gió tung buồm cùng gió thuận; có mà hào-phóng ra, dẫu lên thác, xuống ghềnh, nhà đò cũng không quẩn-ngại; và chãng cửa qui riêng dãi người sang, cánh thuyền này không phải để tiếp những khách tầm-thường.

Tôi nghe nói nghĩ thầm: Tiền-bạc là lũ nô-bộc tận-tâm hơn cả, bước chân đi thiên-hạ mà không chịu buông-thả đồng tiền, thời sai khiến thế nào được người? Hai nữa: đối với những hạng

người lý-tài quá như những hang người trên này, chưa cất lời noi, đã gan đến tiền, thì mình cũng không nên so-kẻ làm gì. Bèn mở ví lấy tiền, chỉ tiền dò trước rất hậu, một suất bằng năm bảy suất; rồi bảo họ rằng: — Tôi không nhất-định đi đâu cả, chú-y chỉ muốn đi chơi phiếm xem phong-cảnh thôi, vậy nơi nào là chốn non xanh, nước biếc, tao - khách, danh - nhân thường hay lui tới, thì tôi cũng muốn dạo chơi cho biết.

Chủ dò thấy tiền nhiều, vàng - vàng dạ-dạ ran cả một mái thuyền.

Trong bọn lại có một người trẻ tuổi, nói-năng lễ-độ, ra vẻ người có học; làm quen mời tôi ăn trầu, rồi nói:

— Có thích những cảnh non xanh, nước biếc, mà lại có tao-khách danh-nhan thường hay lui tới, thời tưởng danh-sơn thắng-cảnh xứ Bắc ta cũng không thiếu gì nơi: chùa Hương-tích, vịnh Hạ-long, hồ Ba-bề, bãi Đờ-sơn, kể thì nhiều lắm; nhưng cứ ý riêng tôi thời không đâu bằng cảnh Non-nước ở Ninh-bình. Đây thì thật là nước biếc, non xanh, danh-sĩ, giai-nhan, tao-ông, mặc-khách, những bậc danh-nhan qua đó, thi-ca đề vịnh rất nhiều; dấu chân vết hầy còn ghi đến giờ. Thế-tưởng nghìn vạn năm nữa, nước non kia dù có trải tang-thương, nhưng di-tích danh nhân đã bao giờ xóa được! Có sao không qua chơi chốn ấy, khi về ghi lại dấu dầy, để lưu cái duyên cùng non nước, khiến người đời sau xem đến, mà nhớ ngày ấy, tháng ấy, năm ấy, có người nữ-khách đã từng dạo bước qua chơi cảnh này.

Tôi nghe dứt lời, vội gạt đi rằng: — Chết nổi! Tôi là một kẻ phụ-nữ vô-tri, tấm thân bụi bễ thóc kho này, đối với giang-sơn có công-trạng gì? Đối với xã-hội có ân-đức gì? Bấy lâu nay túi cơm, giá áo, luống những thẹn mình chỉ miệt-mải trong cuộc âm no, có thân ở đời, đã không tí-ích gì cho

đời, lại thêm phần ăn hại. Ôi! Có rác kia đối với trâu bò còn có giá-trị; tôi đây nghĩ mình đối với nhân-quần, xã-hội, giang-sơn, chủng-loại thực lại không bằng cỏ rác! Vậy nếu nay có hiếu-kỳ, muốn trải xem những nơi danh-thắng xứ nhà, cũng gọi là có đi cho biết, chứ đâu dám mong lưu cái duyên cùng non nước như lời bác nói. Vả như tôi đức tài không có, lấy gì làm duyên? Tưởng con người ta mang tiếng khóc ra đời, đã nên tai mắt trong trời đất, ai là người chẳng mong có chút danh gì với núi sông, để người đời sau tưởng nhớ đến mình. Nhưng cũng khó lắm thay! Theo như lời bác nói, cũng là một cách tự làm để lưu danh thiên-cổ đó. Nhưng thôi, tôi không dám! . . .

Người tuổi trẻ nghe nói phì cười, với cái điệu cầy, chằm dóm hút thuốc, rồi đứng dậy. Bấy giờ mưa đã tạnh, thuyền-chủ giục nhỏ sào để đi cho sớm. Nước chảy xuôi dòng buồm giương thuận gió, thuyền đi như bay, một loáng đã đến bến. Bến này vắng khách, không có ai xuống. Bọn chèo dò cắm sào rồi lên cả bến tìm mua quà bánh.

Tôi đương ngồi lặng xem phong-cảnh, bỗng nghe tiếng đánh xoảng, như tiếng kéo rơi, giật mình quay lại, thì thấy khoang dằng lái có bức rèm xa xanh hoa thêu bông kín, che như lối giả buồng bên trong thấp-thoảng có người. Bấy giờ mới biết là trong thuyền, vẫn có khách, mà mình vô-tình không để ý. Nghe tiếng kéo rơi, lại tí ấy màn hoa kín rủ, đoán chừng khách bên là bậc khuê-các phong-tru; nhưng cũng không có ý tò-mò muốn biết. Nhân ngồi mãi cũng buồn bèn ra thuyền đứng xem phong-cảnh. Tiếng nước, trông mây, nhìn quanh đây đó, chán lại trở vào.

Vừa bước vào trong khoang, bỗng mà Ngạc-nhiên quá! Tưởng chừng như mình lạc đầu cung Quảng, gặp-gỡ Hằng-

Nga! Đưa mắt thấy bức rèm hoa đã kéo gọn về một bên, trong khoang lộng lẫy trang-hoàng, một vị nữ-lang trạc mười-tám, mười-chín, ánh hoa lấp-lánh, áo màu thiên-Thanh, khăn tuyết nhung tơ, dây thêu kim-tiến, đương cúi xếp những mụn vóc nhiều lật-vật để vào trong cái rổ may con; gió ngoài lùa vào động lay tà áo, những rợn thủy ba lớp lên lớp xuống, xa trông sóng-sánh như mây. Nữ-lang thấy khách, vội-vàng với tay kéo bức rèm che như cũ. Tôi biết ý, ngoảnh mặt nhìn đi chỗ khác. Nhưng một mối vẫn-vơ không khỏi buộc lòng mình phải nghĩ... Tự mình lại hỏi dồn mình, đánh đến năm mười dấu hỏi, mà cũng không đoán được mĩ-nhân khách ở phương nào? Tung buồm, duỗi sóng, định là về đâu?

Đương nghĩ vẫn-vơ, thì thấy bức màn hoa lay động, người con gái mở màn bước ra, tay cầm theo cuốn *Nam-Phong* đương đọc dở-dang, phong-tư phơi-phới, dung-mạo như hoa; mắt tôi bấy giờ như mờ-quáng hắm! Ôi! không ngờ trong thế-gian lại có người con gái đẹp đến như thế, cùng nhau một lứa thoa-quần, mà tôi trông thấy cũng ngây-ngất dạ! Nữ lang thấy tôi, dịu-dàng khép áo chào tay vái chào, làn thu khiến ý như chiều muốn thân. Tôi cũng tỏ ý vui-mừng, đứng dậy cúi đầu thi lễ. Đồi bên bờ-ngõ cùng e-lạ, tôi vừa toan chúc câu vạm-phúc, mượn lời làm quen, thì bỗng nghe cách rèm có tiếng gọi: » Nam-Trần! » Người con gái nghe tiếng, vội-vàng quay lại, chấp tay hỏi: » Sư-mẫu dạy gì ạ? » Bà cụ cất tiếng sang tiếng nói: » Hôm nay nghe như trong thuyền có vị nữ-khách, đầu khách đón khách, song chuyến dò gặp-gỡ, cũng có cái phúc-duyên tu từ trăm kiếp trước; vậy nay sắp tới bến nhà, con nên mời cả khách về chơi ta cho vui vì thuyền đỗ đây là nơi hẻo-lánh, khách lạ một mình, không nên ở lại. » Mĩ-nhân tức

là nàng Nam-Trần vắng lời bà cụ, rồi ngoảnh lại, mặt hoa hơn-hở như cười, mở hộp đồi-mồi, đưa kiêu-trần mồi tôi, và nói: » Nhà em cách đây không bao xa, tuy ở chốn rừng xanh-song đường lối cũng dễ đi, nếu quý khách không chê lưng cơm dưa muối ở chỗ lều gianh vách đất, thời xin quá bước về nơi tẻ-xá, em được hầu truyện, thực là vạn-hạnh! »

Tôi bấy giờ đứng trước một vị giai-nhân tuyết-thế, đã say về ngọc, lại mê tiếng vàng, có lẽ nào mà từ chối được? Vả nghĩ mình được tiếp một người bạn gái mười phần diễm-lệ phong-lưu như thế, cũng là có thiên-đuyên run-rủi. Cứ gì khách râu-mày mới yêu say sắc đẹp; tôi đây được có những bạn gái thanh-cao mà đẹp, thời tác riêng, riêng cũng mạn-mã kính yêu.

Nam-Trần thấy tôi nhận lời, lấy làm mừng-rỡ, giục nhỏ sào ngay. Đương khi ấy bọn phu dò còn ngoa-du cả trên bến; người thuyền-trưởng đứng dưới hồ to một tiếng: » Liều-thư truyền nhỏ sào! » thì thấy bọn trên kia dạ ran một lượt, rồi cả năm sáu người cùng chạy rầm-rập xuống. Kể lái, người chèo, quã-nhiên chỉ trong một thoáng đã đến một khu rừng mông-mênh bát-ngát. Thuyền tôi đó cũng dừng chèo; có một chiếc thuyền con kết hoa rất đẹp, chực sẵn ở bên. Trên bờ ba bốn người đương ngong-ngóng như chờ đợi ai, lúc thấy thuyền chúng tôi ghé bến, thì tất cả mấy người cùng xúm nhau lại mừng-rỡ, reo lên rằng: » Sư-mẫu và tiểu-thư đã về! » Rồi cùng nhau vào trong khoang mời bà cụ sang riêng chiếc thuyền hoa kia. Bà cụ mặc áo hồng-diều, đầu bạc phơ, trạc ngoại bảy mươi, phương-phí đẹp-đẽ; tôi trông thấy vội-vàng cúi lạy. Cụ vỗ vai tôi một cách âu-yếm như con cháu, mở túi đưa tôi khẩu trà, và bảo: » Có về chơi với

Nam-Trần, nó là con gái quan nguyên Thái-thủ hạt Vu-thủy, nay theo già học hái dâu chẵn tấm dấy ; chị em gập-gõ là duyên, cô đừng khách-tình nhà ! » Tôi vàng dạ cảm ơn. Bà cụ vui-vẻ bước xuống thuyền chèo về bến khác. Nam-Trần chừng như quyến-luyến không nỡ dứt tình, cứ đứng trên bờ nhìn theo mãi, chờ cho cái thuyền kia đi khuất rồi mới cùng tôi rẽ vào rừng. Vừa đi vừa trò chuyện. Tôi nhân hỏi Nam-Trần bà cụ cùng thuyền là thế nào, và sao lại về bến khác. Nam-Trần nói : « Đây là cụ Thượng Nguyên ở Phong-châu đấy. Còn sinh-thời cụ ông làm quan rất thanh-liêm. Dân Phong-châu được nhờ công-đức của hai cụ nhiều lắm. Cụ ông lập trường dạy con trai, cụ Bà lập trường dạy con gái. Trai gái Phong-châu nhờ về công-giáo-hóa của hai ông bà cụ Thượng Nguyên mà cùng trở nên bậc trai tài gái hạnh cả. Ôi ! nói đến phụ-nữ Phong-châu, thời thiên-hạ không đâu bằng được. Chẳng những cách giao-tế trong xã-hội, lối cư-xử ở gia-đình đều vào khuôn-phép, mà cho đến văn-chương chữ-nghĩa, canh cử vá may, thêu thùa đan dệt, bánh trái cỗ-bàn, tương cà mắm muối, chần tấm tươm to, trông bông kéo sợi, cùng là tần-tảo bán-buôn, đều đảm-đang cả. Đất Phong-châu nếu người con gái nào không gồm đủ những tư-cách ấy, thời dâu có cái nhan-sắc nghiêng nước nghiêng thành, cũng không ai lấy. Không những chỉ ế chồng, mà ngay đến cha mẹ, anh em, họ hàng mình cũng ruồng bỏ ; làng nước chê cười, suốt đời không mở mặt được. Trai Phong-châu cũng vậy, không một người nào là người vô-học-thức, vô-nghệ-nghiệp. Không những con các quan, con nhà giàu đều bắt buộc phải học cho đến nơi đến chốn, mà ngay các con nhà nghèo từ sáu tuổi cũng được dân cấp lương cho ăn học, cho đến mười-tám tuổi. Từ mười tám tuổi trở lên, người học-trò nào có

đủ tư-cách theo được bậc cao-đẳng, thì đã có hội « Du-học bảo-trợ » của các nhà tư-bản, nhà quyền-quí trong hạt chủ-trương giúp tiền cho đi du-học các nơi. Ôi ! nghĩ làm một người con trai ở đất Phong-châu, cái trách-nhiệm cũng nặng-nề lắm thay ! Không phải như các nơi, đàn-ông con trai muốn lêu-lồng thế nào cũng được. Ở Phong-châu người trai nào cũng vậy, nếu từ hai-mươi-năm cho đến ba-mươi tuổi, mà tự mình chưa làm được điều gì gọi là việc công-ích đối dân làng, thì theo lệ làng, sẽ phải nộp một số tiền phạt rất nặng, và hạn trong mấy năm phải làm được những việc ích-lợi chung để chuộc lỗi ; nếu không, sẽ phải nộp phạt lần thứ hai nữa, và suốt đời không được dự vào hương-sự ; dấu con các quan, con nhà giàu cũng thế. Cũng vì tục-lệ Phong-châu đối với trai gái nghiêm-khắc, nên con trai con gái trong quận lớn lên không đợi cha mẹ phải lo ; tự mình đã phải tập ăn, tập làm, lo học hành sửa sang đức-hạnh, không dám trái bổn - phận. Đó chẳng phải là một phong-tục rất hay ru ! Song cái mỹ-phong ấy cũng là nhờ ở công-trang-giời của hai ông bà Thượng Nguyên đã hết lòng với dân. Như cụ Thượng bà ngày nay, tức là một bậc sư-mẫu của tất cả dân bà con gái Phong-châu ; những trang vợ thảo, mẹ hiền, đều một tay cụ gây dựng cả. Tưởng một bà quan như thế, cũng ít có lắm thay !

Hai người mãi chuyện, quên cả dờng dãi. Chợt đến một chỗ cây-cối xanh um, xa trông thấp-thoảng có nhà. Núi-T-án trở tay bảo tôi : « Chỗ gần cây này ngắt kia là cánh rừng dâu em trông ; còn mái tranh thấp-thoảng đó là nhà em, ta sắp đến nơi rồi. Quanh co một hồi, đến một khu vườn cảnh, mông-mênh bát-ngát, thôn-reo, rúc mùa, trăm hoa rực-rỡ, hồng-nhật, hồng-bạch xan-xát đầy vườn, trông có hai lớp nhà lá năm gian,

cao ráo sạch-sẽ ; trước cửa ràn nhỏ, quả sai từng chùm rủ xuống ; hai bên lối vào huệ nở trắng xóa, trước sân đào lý rướm-rà xanh tươi. Nam-Trần tiên-thư có dáng vui-vẻ, rẽ hoa, dắt tay tôi cùng bước lên thềm. Trong nhà sao mà lẫm sạch thế ! Thoạt vào đã thấy ba gian nhà sách cao ngất từng chồng. Nào Nam-Phong tạp-chí, Đông-Dương tạp-chí, các báo sách quốc-văn không biết bao nhiêu mà kể. Ngồi chơi một lúc, đã thấy đũa nữ-tỳ pha nước bưng lên. Tôi cầm chén nước uống, đưa mắt nhìn ra vườn hoá khen rằng : lẫm thú hoa đẹp ! Bỗng thấy Nam-Trần tiên-thư mỉm cười, rồi cầm con dao con bước ra vườn tỉa hoa. Tiên-thư lần bóng ngàn hoa ; hoa in vẻ mặt, mặt như hoa, tôi càng ngắm càng yêu. Bỗng xa nghe văng-vẳng có tiếng ngâm không biết từ đâu đưa lại, phảng-phất còn nhớ mấy câu :

*Hoa-viên thấp thoáng bóng hồng,
Xuân-dung phơi-phới mặt nồng tằm
Phong-tư cốt-cách phiêu-phieu, [yêu.
Áy ai lạc lối Lam-kiều tìm hoa ?*

Vừa dứt tiếng ngâm, đã thấy một nữ-lang tóc mây buông xõa, áo mầu phấn-hồng, khinh-khiêu từ phía đông đi lại, rẽ hoa đến trước Nam-Trần. Hai người thấy nhau cầm tay mừng-rỡ, xách lẵng hoa cùng bước vào nhà. Tôi tưởng khách lạ là ai, chẳng ra chị Vân-Lan, bạn học những ngày ! Vân-Lan thấy tôi mừng quá, đương cầm cái lược, gài ngay lên đầu, vội vàng chạy lại nắm tay cười nói : « Biring, anh lặn-dặn, bao giờ gặp đây ! » Rồi kéo tôi ngồi gần nói chuyện.

Tha-hương ngộ cố, lòng mừng. Tôi bấy giờ tằm riêng nô-nức, không biết lấy lời nào tả cho đúng. Lời chuyện xa gần, nói rồi-lại nói, có lúc ngồi ngắm trông nhau cùng cười.

Tôi nhân hỏi Vân - Lan : — Có phải vừa rồi chị ngâm thơ đấy không ?

Vân-Lan cười, đưa mắt nhìn Nam-Trần rồi nói : « Ngâm thơ, ngâm thần gì đâu ? Nhân hôm nay được buổi gọi đầu, đứng trên ghế cao trải tóc, buông mắt ngàn hoa, thấy vườn ai tha-thướt bóng hồng, nên cách tưởng ngâm đùa mấy câu gọi là làm duyên với người ngọc. Nhưng người ngọc vô-tình có biết đâu : lần ngàn hoa một trang dài-các, bấy lâu nay luống nảo tưởng đông một khách đa-tình ! Chị Nam-Trần ạ, Lan này trách đấy. . . » Nói rồi lại trông Nam-Trần mà cười. Bấy giờ Nam-Trần tiên - thư mỉm cười - sang những bông hoa để cắm vào bình, nên chỉ tùm-tùm cười không nói gì. Một lát cầm hoa xong mới bảo : — Gớm ! Chị Vân-Lan là gái mà còn lả-loi thế đấy, giá-sử tạo-hóa già tay, lại diễm thêm cho vẻ râu mày, thì chưa biết miệng lưỡi kia, trêu hoa cợt liễu đến thế nào ! » Vân-Lan ngồi lặng yên, hai tay mân những cánh hoa, để Nam-Trần dứt câu, rồi mỉm cười nói : « Vàng ! chị mắng lả - loi em xin chịu ! Nhưng chị biết đàn em đây không vì chị mà luống tiếc cái nhan-sắc khuynh-thành kia, bấy lâu nay phong kín ở chốn rừng xanh này, khiến cho lan mọc hang sâu không người biết đến. Giá-sử chị sinh-trưởng ở một cõi phồn-hoa như đất Long-thành, thì làm chi chẳng nhà vàng sấn đúc những từ bao kia rồi ! »

Nam-Trần nghe dứt lời, gạt di, bảo rằng : « Chao ôi ! chị Vân-Lan, em có yêu chị cái sinh-thú của đời phồn-hoa, mà chị khéo vì ai tiếc mướn cho hoài luống công ! Chị đã biết đâu em chẳng yêu cái thú tầm-tang, ngày ngày ra bãi hái dâu chần tằm, hơn là cái cảnh xiêm-y bóng lộn, ngựa xe giông-ruổi mai chiều như những bạc khuê-các phong-lưu ở đất Hà-thành kia ! » Vân-Lan gạt đầu, mỉm cười đứng dậy nói : « Thôi ! Hôm nay vui gặp cố-tri, em hãy chịu thua chị Năm-Trần, không dám thuyết-

lý nữa ! » Rồi dặt tay lượn sang thư-phòng; còn Nam-Trần thì cầm cái lẵng con ra vườn hái các thứ hoa quả.

Tôi đứng trước mấy gian nhà sách, trông thấy sách vở như rừng, hàng ngang dãy giọc mà bát-ngát cả lòng. Giở quyển này lại muốn xem quyển khác; quyển nào cũng muốn để mắt, mà thành ra không xem được quyển nào. Vân-Lan cũng như tôi, cùng một bạn ngốt sách cả, thấy quyển nào cũng vô-vấp. Hai người đương mê-mải tâm-hồn như chìm-đắm cả trong bể thánh-rừng nho, thì đã thấy Nam-Trần xách một lẵng đầy những nho và mận thếp, quả nào quả ấy chín mọng, bước vào bảo chúng tôi: « Xem mãi chọn mãi, liệu có mua giúp cô hàng sách được quyển nào không? Bấy lâu nay, buôn vẫn chưa gặp ai người yêu văn cả, hai chị hôm nay mua giúp đi ! » Tôi chỉ cười. Vân-Lan bẻo-lẻo, vừa cười vừa bông rằng: « Làng vẫn không phải có hiếm gì khách yêu văn. Nhưng văn triết-lý đọc lôm-chôm như sỏi đá cả; mà văn đạo-dức thời khô-khan gan-chắt không được lấy một giọt tính; văn thời-thế lại càng suông-tẻ lắm, ai mà yêu được! Nghề sinh-nhai phải biết tùy-thời, đời này đương lúc đua nhau văn-minh, tôn-trọng « ái-tình », mà buôn toàn những van-giảng nhân-nghĩa, đạo-dức, bản-triết-lý, luận thời-thế, thời có khác gì buôn gương bán cho sầm, buôn lược bán cho sư! Làm gì mà chẳng ế! » Vân-Lan nói xong, cả ba người cùng phì cười, rồi cùng nhau ra trường-kỹ ngồi ăn hoa-quả. Nhân cùng bàn về thời-đại văn-minh và nữ-giới bây giờ. Tôi mới rói với Nam-Trần tiều-thư rằng: « Nữ-học nước nhà ngày nay xem ra tiến-bộ lắm, thật là một điều rất đáng mừng cho cái tương-lai của nữ-giới Việt-Nam ta. Cái địa-vị của đàn-bà ta trong xã-hội ngày nay, thật đã nâng cao hẳn, không còn phải phân-nân rằng chịu phần thua-

kém như xưa nữa. Gái Lạc-Hồng từ khi theo đòi lấy-học, dự vào khoa-cử, thật đã nhiều người tài cao, học rộng, tự mình mưu lấy công-danh, sự nghiệp, không phải chỉ cứ trông cậy vào một người chồng. Những cảnh gia-đình mới bây giờ, nhiều nhà chồng bằng này, bằng khác, vợ cũng bằng nọ, bằng kia, có khi vợ lại đồ cao hơn chồng! Cả hai vợ chồng cùng làm được ra tiền, lên xe, xuống ngựa, trăm phần về-vang. Nghĩ đến các bà, các mẹ ta khi xưa, chỉ quanh-quần một góc nhà, lặn-tảo hôm mai, nuôi được đàn-con khôn lớn, đã lấy làm vinh-hạnh đặc-chí. Nào có biết đâu con cháu ngày nay chỉ phóng ngọn bút cũng đủ có tiền trăm bạc chực. Cái tiếng bà đốc, bà giáo, bà tú, bà cử, không phải cứ nhờ tiếng chồng mới có. Ôi! bạn gái ta ai là người nghĩ đến thế, chẳng vỗ tay chúc mừng nữ-học một ngày một cao, và cảm ơn cái văn-minh mới đã xướng-khởi nên cái chủ-nghĩa « tự-do bình-đẳng, » « nam-nữ bình-quyền », khiến cho bọn phụ-nữ Việt-Nam ta đã hầu thoát khỏi cái cách gia-đình chuyên-chế từ mấy nghìn năm nay, là vợ chỉ suốt đời nô-lệ cho chồng. Từ đây nữ-quyền đã trọng, thời-thế văn-minh, âu là khác hẳn ! »

Trong khi tôi nói thì Nam-Trần tiều-thư vẫn lắng tai nghe, thỉnh-thoảng lại mỉm cười. Tôi nghĩ thầm: bạn hẳn đồng-ý với mình. Không ngờ vừa dứt câu truyện, tiều-thư bỗng buông tiếng thở dài mà rằng: « Sao lại! Ai-hữu cho thế là đáng mừng? Bọn tân-nữ-giới nước ta nay nay tiếng là có học, song cứ y như tôi thì phần nhiều lạc đường cả. Cái chuộng cái hư-danh nay trường này, mai trường khác, bằng nọ, bằng kia, cùng đua những cách văn-minh rôm, tự-lo xứng, mà đến cái trách-nhiệm trọng-yếu của mình ở trong gia-

đình thì không thiết đến. Thiết-tượng đàn bà con gái cần phải có học lắm. Học càng cao bao nhiêu, phẩm-giá càng tôn-trọng bấy nhiêu. Nhưng dù theo về phương-diện nào, cũng phải lấy gia-đình làm đích; vì danh-dự và hạnh-phúc của đàn-bà gốc tự ở chốn gia-đình. Ngoài chốn ấy ra, người đàn bà dẫu trăm hay cũng không mưu hạnh-phúc nào hơn được. Trừ ra những bậc quân-thoa có bụng ưu-thời mãn-thế như Trưng Vương, Triệu Ẩu đem sức liều-bỏ chống-đỡ giang-sơn, lấy nước làm nhà thì không kể, vì những bậc ấy muốn người không có một; còn trừ ấy như chị em mình thì tranh lợi-quyền, ham tước-vị làm gì? Địa-vị chính của mình là góc chiếu gia-đình. Người đàn bà không bao giờ là thừa cho gia-đình cả, vì cái hạnh-phúc của một nhà lúc nào cũng trông mong vào mình. Trừ những người bất-hạnh, gặp cảnh cô-quả, gia-tình quẩn-bách, họ-hàng không thể tư-cấp cho mình được, thế bất-đắc-dĩ, mới phải bỏ việc nhà ra làm việc ngoài để mưu kế sinh-nhai. Còn những người trời đã cho được cảnh sung-sướng, mà không biết yên phận nương bóng tùng-quần, để gây nên cái gia-đình hạnh-phúc, lại muốn bay-nhảy cũng như đàn ông, mưu công-danh kia khác, cũng là tham dự những việc bên ngoài, thì thật là một điều hại cho gia-đình xã-hội vô-cùng. Và việc nhà việc ngoài, đôi ngã phân-mang, chừng hẵn đã để cho người đàn bà được yên lòng làm trọn việc bên ngoài cho xứng với phận-sự mình. Suy như đàn ông bước chân ra ngoài, việc nhà đã vô toan đỡ-dần; mà lắm người xảy ra việc gia-đình để bận đến lòng, còn mình muốn rũ công-danh, gác cả việc đời, chân-nản không muốn làm gì nữa. Huống-hồ là đàn-bà: cha, mẹ, chồng con, công việc cửa nhà, giang-sơn một gánh, hiếu tình ai kể nghiêng vai đỡ mình? Mà vợ chút gánh nặng gia-đình

lấy việc bên ngoài làm trọng !

Nghĩ thử xem : cả hai vợ chồng cùng làm việc công; chồng ông đốc, vợ bà giáo, lương tháng dẫu ngoài vài trăm, nhưng cái hại ngấm-ngấm trong nhà kể sao cho xiết. Chồng đi làm, vợ cũng đi làm, cửa nhà phó mặc lũ tôi đòi; còn gì không biết, mất gì không hay; sự hư-hỏng quá ra đến đánh đuổi đầy-tớ là cùng. Con - cái cũng không tự mình chăn nuôi dạy-bảo được. Lúc bé giao cho vú, lớn lên phó mặc thầy. Thành ra những đứa trẻ ấy thất-giáo ngay từ lúc còn ở với cha mẹ. Kịp khi cấp sách theo thầy, thầy cũng chẳng qua chiêu-lệ dạy cho biết đọc, biết viết, đủ theo qui-cử nhà trường. Còn như đường ăn, nết ở, lễ phải trái, cách-thức ở đời, thì thầy nào bắt khoan bắt nhặt, dạy học trò được đến nơi đến chốn bằng cha mẹ dạy con. Huống-hồ lại con thầy, thầy cũng phó - thác cho người.

Bởi vậy, con hư cũng từ đấy. Con đã đến hư thì còn mong gì thành gia-đạo? Nếu một nhà thế ấy, trăm nghìn nhà cùng vậy, thì xã-hội đào-luyện đâu cho được nhân-tài? Cái hại cho gia-đình xã-hội đại-khải như thế.

Lại còn một điều thiệt nữa mà bạn thương-lưu nữ-giới nước ta ít ai nghĩ đến, là người vợ ham quyền-lợi bên ngoài mà hờ-bững gia-đình, thì thực tự mình làm giảm mất cái thú êm-dềm trong tình cảm-sắt đi. Vì trời sinh ra đàn-bà, tức là một đóa hoa biết nói biết cười, chủ-y đề mình vì người yêu mình tiêu-sầu giải-muộn trong quãng trăm năm, và gây nên một cái hoàn-cảnh êm - dềm hơn-hở, khiến người yêu kia vì mình mà sinh lòng phấn-khởi, hăm-hở muốn làm nên công kia việc nọ ở đời. Nhưng nếu đóa hoa kia lại chỉ mong đời cõi gốc mình để ra thì hương thì sắc với đời, thời cảnh gia-đình tẻ lạnh biết bao !

Suy cho cùng, thời chị em ta chỉ cầu làm sao cho được là người đàn bà có học-thức, có tư-tưởng, biết cách giao-tế trong xã-hội, biết đường cư-xử ở gia-đình, nữ-công, nữ-hạnh, biết đủ bổn-phận mình, để vì ai trăm năm gánh-vác giang-sơn, khỏi phụ cái danh là người nội-tướng thì hơn cả. Gái hết bụng thờ chồng, ai có bảo thế là nô-lệ bao giờ ? Mà gặp chồng quân-tử, gặp chồng tư-ông-phu, ta đây đâu có làm nô-lệ nữa cũng không ân-hận gì. Nam-Trên này nghĩ thế đó.

Còn như vụ cái hư-danh bằng nọ, bằng kia, quyền này, chức khác, cậy mình có thể tự-do sinh-hoạt được, ngọn bút vẽ-vòi gây nên sự-nghiệp, không phải lụy ai, rồi hợm mình khinh chông, đối với cha mẹ, anh em nhà chông, chữ thảo-hiền gạch mực xóa đi. Chông hơi phật ý, giở ngay chủ-nghĩa nam-nữ bình-quyền. Cha mẹ chông hồ gay-gắt quá lời, đã chân trong chân ngoài, theo đường sinh-kế tự-do. Việc gia-đình coi như cái bụi ngoài áo, không bận-bịu đến lòng. Ôi ! Nghĩ học mà có những nỗi khó chịu ấy, thì thà ngu-độn còn hơn !

Ai là chẳng yêu cái cảnh hai vợ chồng cùng là người có học-thức. Chông nói, vợ nghe ; chông yêu, vợ vẫn phải kính. Chông lo - toan việc ngoài ; vợ thu-xếp việc trong. Có cha mẹ biết đường thờ kính ; sinh con-cái biết cách dạy nuôi. Chờ g khi phiền muộn, vợ biết cách yên-ủi. Chông có lỗi, vợ khéo lựa lời can-ngã, không để mất lòng nhau mà lỗi kia sửa được. Vợ lại khéo lợi-dụng cái ái-tình của mình, khiến cho chông không vì tình nhi-nữ mà đoán khí anh-hùng. Ngoài ra, những buổi phong-thần, nguyệt-tịch, chông lại có thể lấy vợ là một người tri-kỹ để cùng nhau bình-luận việc đời. Vợ chông như thế, đường trăm năm vui-vẻ biết bao ! Có vợ ấy,

chông lo gì không làm nên những công to-tát ở đời ?

Trai bắt-chước cha, gái noi gương mẹ, con cháu đời đời cùng trong khuôn ấy, thì gia-đạo nào không thành, xã-hội nào chẳng vững. Ấy đàn bà có học-thức, có tư-tưởng ích-lợi là như thế. Nếu bạn nữ-lưu tàn-tiến nước ta, ai cũng biết lợi-dụng cái tài-năng, học-thuật của mình để gây nên những cảnh gia-đình đặc-biệt ấy, thời nước Nam lo gì không có nhân-tài. Mà các bạn quần-thoa trong thế-giới, dầu hương trời sắc nước, học rộng tài cao, nhưng luận đến cái công của đàn bà đối với gia-đình, xã-hội, thời vị-tất chẳng đem giải nhất đành nhường cho ta !

Tôi lạm bàn như vậy, ai - hữu thử nghĩ xem, hoặc ý-tưởng tôi có sai lầm chăng ?

Tiêu - thư nói xong, lại tiếp luôn rằng : — Từ khi cái phong-trào văn-minh Âu-Mĩ tràn ủa sang đến giờ, phong-hóa Đông-phương đã hầu đồ hết. Bao những cái hay của văn-minh, người Tây-phương chất lọc cả ; còn những căn-bã tung cả sang cõi Á-đông, khiến cho người Đông-phương sinh trong cái thời buổi văn-minh dờ - dang này, những ham vồ-vập cái phong-trào mới, mà bắt đồ cả những cái hay, cái đẹp của phong-hóa xưa, luân-lý cũ. Biết đâu người Việt - Nam ta chẳng vì chịu cái ảnh-hưởng lây ấy, mà đến nỗi nhân-tâm ngày biến, xã - hội ngày suy. Hai chữ văn-minh mập-mờ thực - hành cả ở những nơi hang cùng ngõ hẻm, cho nghiêng-ngửa cả luân-thường ; chỉ cần nổi trâm nhà thì chín-mươi-chín nhà nát gia-đạo. Thậm-chí ở những đồ phồn-hoa đô-hội, đàn bà công-nhiên lấy dàng-diễm làm phong-lưu, chọ cờ bạc là thứ tiêu-khiêu. Ôi ! đàn bà mà sa-lê vào đám bạc thì còn có gì là vẻ khuê-các nữa ? Thử xem

các bà Âu-châu có tư-cách có ai đánh bạc không ?

Câu truyện đương dở-dang, chợt nghe có tiếng nhạc ngựa xa-xa mái ngoài. Tôi đưa mắt nhìn ra, thấy một thiếu-niên Âu-trang phong-nhã, đương dắt ngựa buộc vào gốc cây đào. Chị Nam-Trần mừng-rỡ, trước hiên xốc áo bước ra đón chào. Vân-Lan vội-vàng dắt tay kéo tôi cùng lần vào nhà trong.

Tôi khê hỏi ai thế. Vân-Lan nói thầm: — Đây là Cao công-tử, anh trai chị Nam-Trần đấy.

Rồi lại nói chuyện cho tôi nghe: — Cao-quân là một bậc thiếu-niên hào-kiệt, tài cao, học rộng, ít ai sánh kịp. Mấy năm trước sang du-học bên Pháp đã đỗ Y-khoa bác-sĩ. Nhưng từ khi trở về nước, cũng không làm đâu cả. Có lập riêng một nhà thương làm phúc để chữa cho những người đau trong bản-hạt, tự mình săn-sóc trông nom lấy, thật là một người hết lòng với nghĩa-vụ. Học mà được cả như Cao-công-tử thì thực không phụ công khai-hóa của nhà nước Bảo-hộ, mà cũng không phụ lòng trông cậy của quốc-dân Nam-Việt. Công-tử lại xin được phép lập ra một hội đặt là « Việt-Nam thanh-niên tu đức hội ». Những hội - viên toàn là thiếu-niên Nam-Việt cả. Mục-dịch của hội cũng không có gì cao-thượng. Chỉ trừ bỏ những tật xấu của thiếu-niên ngày nay, như: trai-gái, cờ-bạc, rượu-chè, thuốc-sái, cùng là những tính chây-bời lêu-lồng, ngông-nghênh lười biếng. Trái lại thì hội-viên phải tập lấy những tính hay đức tốt và phải khuyến khích con em trau-giồi nhân-cách của Cao-phẩm người. Mục-dịch của hội cũng có bấy nhiêu thôi. Tuy vậy từ khi hội thành-lập cũng đã thấy nhiều kết-quả hay.

Hai chúng tôi đương thì thầm trò chuyện, chợt nghe thấy tiếng Cao công-

tử nói ở nhà ngoài: « Anh đã quyết rồi, em đừng gàn nữa. Anh quyết Âu-du thứ nữa để khảo-cứu về nghề tráng men. Vì xét kỹ đồ gang, đồ đồng của ta dùng trong việc bếp - nước nấu ăn, chẳng những kém phần sạch - sẽ, thường khi han - rỉ lại sinh chắt-độc nữa, không được tiện-lợi và hợp vệ-sinh bằng soong, chảo, các đồ dùng tráng men của người Âu. Anh đã bầm mệnh hai thân cùng ưng-thuận cả. Em có tinh hay quyến-luyến, đáng lẽ anh cũng giấu, nhưng nghĩ thương em xa-xôi, nên đến chơi thăm em nói chuyện, cùng em tạm-biệt, mấy năm anh lại về. Em ở nhà nên hết lòng tập việc nữ-công, khi nhàn xem thêm các sách cho rộng, anh xa-xôi cũng được vui lòng. » Công-tử dứt lời, thấy Nam-Trần tiểu-thư có vẻ ngậm-ngùi nói: « Dưới gối mẹ cha, quây-quần có hai anh em. Lần trước anh du-học, biệt-ly một chốc bốn năm trời, cha mẹ trông mong, lòng em thương nhớ, đến nay vừa mới tạm khuây - khuây dần, thì anh lại vó câu nghìn dặm giông cương cõi ngoài. Cứ như thế, đời người mấy độ chia-phôi mà già ! Buồn quá ! Em thật không tưởng đâu anh lại có chí Âu-du nữa. Hôm nay cùng ngồi đây, mai đã xa rồi ! Anh đi biết đến năm nào mới lại về ? » Tiểu-thư nói xong, thở dài. Cao-công-tử chẳng những không buồn, lại cười bảo rằng: « Em lần-thần lắm ! Không biết rằng một cảnh gia - đình đầu vui-vẻ mấy mươi nữa, cũng không bao giờ đoàn-tụ mãi được. Người ta lúc bé quây-quần dưới gối mẹ cha ; kịp thời khôn lớn, phải đem thân ra xoay-sỏ với cuộc đời, để mưu kế sinh-nhai. Bấy giờ nam bắc chia đường, đông tây rẽ lối. Kể ở phương này, người đi phương khác, chứ có lẽ đâu cứ ngồi yên với nhau một xó nhà mãi được. Nếu như thế đã lại là hạng người thừa ở thế-gian không đủ nói. Chẳng những nghe

sinh-nhai bắt buộc người đời tản-mát phải xa nhau. Suy ra nữa, chiếc thân sống gửi giữa đời phù-sinh, hợp đấy mà tan, dương còn mà mất, như trỏ trên-gheo, như cuộc đánh lừa, khiến cho đời người những bấp-bênh, một tấm thân hồ-hững không còn được xa ước, xa mong, mơ-tưởng những cuộc lâu-dài cùng vũ-trụ. Thế thời có nói chi bao những nợ duyên ân - ái, tình-nghĩa cõi đời, hết thầy đã không phải là sợi dây kiên-cố, thắt chặt muôn nghìn kiếp, thời cơ dứt nát buông rời, trước sau âu cũng có một ngày, tránh đâu cho thoát. Cho nên con người ta sinh trong quãng trăm năm, dầu cha mẹ, anh em, vợ chồng, bầu bạn, con con, cháu cháu, cũng chẳng qua cái duyên mây nước gặp-gỡ sớm hôm. Gần đấy, xa đấy, nay cùng giáp mặt, mai đã chia tay; chợt còn chợt mất; phút có phút không. Khiến cho mình luống từng phen bàng-khuàng ngao-ngán, như tỉnh giấc Nam-kha. Ôi! duyên ba vạn sáu, những là bèo hợp với mây tan; thiết-nghĩ con người ta là một giống đa-tình, nghĩ nổi phác-ly ai không nát dạ! Nhưng nên biết rằng: mảnh chiếu trăm năm không phải là chốn lâu - dài tụ hợp; khách vui tiệc yến, có lúc chia tay; người mãi vãn cờ, cũng khi tan cuộc. Thế thời dầu cho ai khéo may duyên, ước được ngày tha nhân-gian vui xum - họp, cũng không sao tránh khỏi nước non thiên-cổ giục lòng chia-phôi. Nay anh cùng em đương nói chuyện đây, cùng nhau than-thở đôi sinh-ly, nhưng biết đâu không cùng nhau đương đứng trên cầu tự - biệt! Vì, dầu rằng cái chết chưa đến nơi, nhưng một ngày qua đi, tức là một bước ta đi dần vào cõi chết đó! Sự chết còn không quan-tâm, thời sinh-ly là chuyện thế-thường, nở bần lòng làm chi? Thời em ạ! gần nhau hãy biết lúc bây giờ, chi vội hỏi xa-xôi ngày khác!

Công-tử nói dứt lời, bặt lửa hút thuốc lá, rồi đội mũ cầm roi ngựa, vui vẻ bước ra. Nam-Trần tiễn-thư nghe một bài thuyết-ly của anh chừng như cũng khuấy-khỏa lòng, mặt hoa hớn-hở, tiễn chân công-tử ra khỏi rừng dầu mới trở về.

Bấy giờ Vân-Lan lại rủ tôi ra cả nhà ngoài. Tôi ngờ ý muốn đi chơi xem phong - cảnh. Nam - Trần nói: — Đây cũng chả có cảnh gì đẹp. Chỉ có chùa Thanh-nhàn, động Thủy - liêm là nơi cổ - tích thuộc về hạt Vân-sơn thì xa lắm. Nếu có đi, phải dùng ngựa, vì đường lối khó đi và nhiều chỗ leo trèo hiểm-hóc. — Vân-Lan nghe nói bảo tôi rằng: — thời chị đừng đi nữa, đường xa lắm, toàn rừng-rú, chỉ có chị Nam-Trần quen đường, chứ chúng ta không đi đâu được. Tôi còn đương phân-vấn, ướm toan đi, nửa muốn ở nhà, thì thấy Nam-Trần có dáng vui-vẻ nói: « Thời được! chủ-ý chị Tương đã muốn đi, ta cũng nên chiều; để tôi bảo lấy ba con thiên-ly-mã, thì tha-hồ mà giông-ruổi. » Tiên-thư vừa dứt lời; nữ-tý đã vào giục đóng ngựa. Trong chớp mắt đã thấy ba con ngựa bạch yên-cương sẵn-sàng, buộc cả dưới gốc mai. Chúng tôi sửa-soạn xong, mỗi người bẻ một cành liễu làm roi, cùng nhau lên yên, giông-cương bước một, sóng ngang truyện-trò. Qua khỏi rừng dầu chị Nam-Trần bảo chúng tôi phi cho được đường. Liền cao hơn ngọn liễu, giục-giã vó câu. Ngựa phi quen chạy đường rừng, tài thiên-ly-gốc dèo phồng nước như bay; chúng ta ngồi trên mình ngựa mà không thấy động đến người, không biết mỗi-một, êm-dềm như không. Qua mấy khu rừng, chợt đến một nơi non xanh, nước biếc, những ngọn núi đá cao ngất từng mây, trời đất phong-quang đã như riêng một cõi khác. Chị Nam-Trần xa-xa dửng-dưng, chỉ tay về dạng núi phía tây

bảo chúng tôi : « Động Thủy-liêm kia ! »
 Tôi hơn-nhỏ mừng. Tôi nơi, chúng tôi
 dắt ngựa buộc vào gốc cây, cùng nhau
 vào xem động. Tiếc cửa động, hai cây
 cô-thụ, cành lá rườm-rà ; dưới gốc
 cây không biết bao nhiêu bình vôi lạnh
 vôi chất đầy cả. Động vào mát lạnh.
 Có lối lên trời ; có đường xuống đất.
 Thạch-nhũ nhấp nhô xa trông phẳng-
 phất như hình người đứng ngồi ; có
 chỗ hình như bàn xoay, ghế đá, cầu
 treo, cửa cuốn ; tưởng-tượng ra thiên-
 hình vạn-trạng, không biết thế nào
 mà tả cho đúng. Lặng mà ngắm, thực
 là một cảnh đẹp thiên-nhiên, lặng-lẽ,
 khiến cho người ta đứng đấy mà mơ-
 màng, mà phẳng - phất ; trong tư-
 tưởng vẫn-vơ không biết bao sự nghĩ...!
 Trong động có ngọn suối con uốn
 thành khúc như hình con giao-long
 vòng lượn ra ngoài, nước trong
 leo - lẻo ; trông suốt thấy những
 viên đá cuội tròn nhẵn, trắng
 muốt như ngọc, thật là đẹp mắt !
 Chúng tôi chơi trên bờ chán, lại cùng
 nhau xuống suối rửa mặt, rửa tay. Chị
 Vân-Lan chọn được những viên đá
 kỳ xinh đẹp quá. Tôi cũng chơi nghịch,
 đương mò bắt những con cá mại-cờ,
 thì chị Nam-Trân giục đi xem cảnh
 khác. Cùng nhau ra cả ngoài. Tôi hỏi
 đi đâu. Nam-Trân bảo : « Cứ đi rồi
 biết. » Theo đường vòng quanh, tới
 sau động, có một lối lên toàn bậc đá cả.
 Đến đấy, Nam-Trân đứng lại, chỉ tay
 cười bảo chúng tôi rằng : « Đố ai trèo
 một thôi hết những bậc này mà
 không nghỉ không kêu mệt thì đi. »
 Vân-Lan ngửa mặt trông lên nhìn lên,
 rồi nói : « Hà - tất phải để, em... »
 cuộc, chị mất gì nào ! » Nói xong lên
 trước, chúng tôi cũng theo lên. Sao
 thật ! Mà chị Vân - Lan cũng khỏe !
 Lên quá năm mươi bậc, chưa thấy đỉnh
 núi đâu, chị Nam-Trân và tôi đã rời
 rặng cả chân, cùng phải ngồi nghỉ ; mà
 Vân-Lan vẫn cứ trèo như không. Nghĩ

một hồi lâu, chúng tôi lại trèo luôn
 một thôi nữa, đếm tất cả vừa hơn trăm
 bậc mới tới đỉnh. Lên đến nơi đã thấy
 Vân-Lan ngồi thảnh-thơi : có vẻ tự-dắc,
 ra điều được cuộc.

Trên đỉnh núi có một cảnh chùa
 nguy-nga trông cổ lắm, không biết từ
 đời nào. Nam-Trân bảo tôi đó là chùa
 Thanh-nhàn. Vào trong xem, tượng và
 cột chùa toàn bằng đá cả. Những cột
 đá ấy phần nhiều có khắc thờ và câu
 đối đề-vịnh của các bậc danh-thần từ
 đời nhà Lê, nhà Lý. Tôi đọc những
 câu thơ ấy mà lòng riêng cảm-khái
 bồi-hồi, nghĩ luống ngậm-ngùi dấu xưa
 còn đó, người trước về đâu ? Chi đề
 dấu bề cuộc đời, riêng ai ngo-ngần
 dạ ! Song xem khẩu-khi những bài thơ
 đấy, không mấy bài là không ngậm ý
 đắng-cay về thời-thế. Đoán chừng hẳn
 các cụ khi xưa gặp hồi quốc-loạn đến
 ẩn - cư chùa này, nên chỉ câu
 thần hạ bút, khiến người sau đọc đến
 còn mừng-trởng cái nộ-khí anh-hùng,
 và tấm lòng xó-xát với tang - thương
 thời buổi đó.

Chùa rộng mông-mênh, tôi xem qua
 một lượt, lại lộn ra ngoài tam-quan,
 định tìm Vân-Lan và Nam-Trân, nhưng
 không biết hai người chơi đâu, gọi
 không thấy. Đứng nhìn phong cảnh,
 bề bề vắng-lặng như tờ ; ngoài tiếng
 suối reo, gió thổi, lá rụng, chim kêu,
 tuyết-nhiên không còn nghe tiếng gì
 khác nữa. chung-quanh chùa xanh-um
 những cây cô-thụ ước đã nghìn năm.
 Về thăm-ủ lần với chiều tịch-mịch, xui
 nên hoàn - cảnh một màu thê-lương,
 khiến lòng tôi bấy giờ cũng sinh vô-
 hạn cảm-sầu. Ngắm lại những bài thơ
 vừa đọc mà man-mác bên lòng nổi
 sau xưa.. Đương vơ - vẫn nghĩ - ngại
 một mình thì thấy Vân-Lan túm một
 vạt áo đầy những quả chạy lại cười
 cười nói nói bảo tôi : « Chị Nam-Trân
 và tôi vừa đi hái vô-số sim ổi về đây ! »

Nói rồi đồ ngay bọc quả ra bãi cỏ trước mặt tôi. Nam-Trần bấy giờ cũng lưng-thững vừa đến nơi, quần-áo cỏ-may bám đặc cả. Văn-Lan nhanh-nhẹn bọc cho chúng tôi mỗi người một khăn tay sim, òi; rồi ba người cùng ra gốc cây cỏ thụ ngồi nói chuyện. Nam-Trần hỏi tôi : « Chị xem chùa này thế nào ? » Tôi nói : « Cảnh chùa này thì cổ lắm, chẳng những chùa rộng không đâu bằng, mà địa - thế cũng đẹp, thực là một nơi danh - thắng có một không hai. Nhưng đây hẻo-lánh thế này, vị-tất đã sư nào dám ở. » Nam - Trần cười đáp rằng : « Thế mà có ! tại chị không biết đẩy thôi. Chính người chân-tu mới thích ở những cảnh này. Đây, đền nhang hôm sớm vẫn có một vị đạo-cô còn trẻ tuổi, hiệu là Giác-Mê. vốn người thiêu-hạ đến qui-y chùa này. Đạo-cô với tôi, vốn quen biết nhau lắm. Trước kia tôi đã ở hạt Vạn sơn này mãi, có ngày nào là ngày không cùng với Giác-Mê đạo-cô bàn những lẽ huyền-vi đạo Phật đâu. Cả nhà tôi, ai cũng tưởng tôi không khéo đi tu mất, nên mới không cho ở bên này nữa. Nay nhân cùng ngồi chơi đây đề tôi nói chuyện Giác-Mê đạo-cô cho các chị nghe, thực là một nhà tu-hành hiếm có. Thiết-tưởng ăn chay nói dối, lẩn bóng cửa chiền xưa nay, nước non cõi Phật có thiếu chi người giả tiếng tu-hành, mượn mảnh cà-sa để che những điều tội-lỗi; theo lối từ-bi mà vẫn lạc đường mê-muội. Nói đến cứu-vớt chúng-sinh, dầm chìm bề khổ, thì tự mình cũng chưa ngóc được đầu lên, những thấy bến mê không bến, không bờ. Chẳng những giọt nước dương-chi không tắt được lòng lửa mà cảnh hoa dâm được tuệ lại dễ xô-dây mũi ni vào vòng hắc-ám. Vì thế cho nên : con rắn hồ-mang lẫn-quất thường quen nấp bóng chùa! Than ôi ! tu-hành đâu lắm, nhưng chân-tu hồ dễ đã bao người? Mà xưa nay đắc đạo đã mấy ai đâu !

Tôi nói đây, không phải vì tôi quen biết mà thiên-vị. Nhưng cứ ý riêng tôi xét, thì Giác-Mê đạo-cô quả thực là người chân - tu, dấu Quan - Âm thừa trước tu-hành cũng đến thế thôi.

Đạo-cô xuất-gia từ năm mười-sáu tuổi. Sau khi thụ-giới thì bắt đầu tịch-cốc ngay. Ngày một bữa chỉ ăn đậu, lạc, chuối, hoặc các thức hoa quả, mùa nào thức ấy. Sách Phật thiên kinh vạn quyển đều xem qua. Đêm nào cũng ngồi tĩnh-tọa cho đến canh ba mới đi ngủ. Đạo - cô chẳng những là một nhà tu-hành đắc-đạo mà thôi, lại là một bậc lương-y nữa; vì nhà vốn xưa nay dòi dòi làm thuốc, nên học hơi thông đã chuyên ngay về y-học. Về sau này tiếng xuất gia đầu Phật, nhưng ngoài kinh-kệ lại chuyên xem sách thuốc. Song đi chữa đau cũng chỉ làm phúc, không lấy tiền ai cả. Đôi khi những nhà giàu-có phong-bao hậu tạ, thì lại đem số tiền ấy dùng vào việc công-nghĩa, hoặc bố-thí cho những kẻ nghèo khổ. Vì thế nên cái ân đức-của đạo-cô thực đã cảm-hóa được dân-cư cả một vùng này. Thậm-chí những kẻ đầu trộm đuôi cướp, vì nghe những lời Đạo-cô khuyên-răn mãi, rồi chẳng bao lâu cải-tà qui-chính, cũng hóa ra người lương - thiện. Trong những ngày đi khuyên giáo, Đạo - cô thường đề ý xem những nhà nào nghèo đói khổ - sở quá, thì về lại thân - hành đem tiền gạo đến tận nhà làm phúc cho. Nhất gặp những kẻ yếu đau bệnh-tật, lại càng sốt-sắng chăm-nom, cho đến hôm mưa gió cũng chịu khó đi tìm nơi thăm bệnh và cho thuốc. Song cả vùng này, từ già trẻ, lớn bé, ai ai cũng một lòng kính-trọng, tôn Đạo-cô là « Quan - Âm tái-thế ».

Đạo-cô có lập ra một đàn khuyên-thiện. Cứ tuần rằm, mùng một, mỗi tháng hai kỳ, sau khi các già cùng những thiện-nam tín-nữ lễ Phật xong

rồi, lên đàn khuyến-thiện, hoặc giảng luân-lý đạo-đức, hoặc nói truyện tu-hành, toàn là nói những việc hay có ảnh-hưởng đến phong-hóa cả. Cũng nhờ vì thế, mà dân Vân-sơn đã thành ra một dân thuần-mĩ, hàng bao nhiêu năm trời không hề xảy ra một việc kiện-tụng gì phải đến chốn nha-môn. Trong các gia-đình cũng chỉ thấy những gương hiếu-thuận, hòa-mục, chứ không có lục-dục như các nơi.

Thiết-tưởng tu-hành như Đạo-cô, thời câu niệm « Di-đà » không phải là không có ảnh-hưởng đến phong-hóa xã-hội...

Nghe Nam-Trân tiều-thư nói chuyện, mà tôi đối với Giác-Mê đạo-cô, lòng riêng cũng cảm-phục vô-cùng. Trong ý chỉ ước-ao được gặp Đạo-cô. Nam-Trân cũng muốn đưa chúng tôi vào chùa trong lễ Phật và lên thăm Giác-Mê một thể. Chúng tôi vui-vẻ cùng đứng dậy cả. Qua chùa ngoài, cách một cái sân rộng nữa mới tới chùa trong

Còn ngoài tam-guan, Nam-Trân tiều-thư đã đánh tiếng chào : « A Di-đà Phật ! lâu nay sư-huynh có mạnh không ? » Vừa dứt lời, đã nghe tiếng : « Nam-vô A-di-đà Phật ! » đáp lại, một vị sư-ni mình hạc, xương mai, cốt-cách thanh-kỳ, tay lần tràng hạt, bước ra mừng-rỡ dắt tay Nam-Trân rồi mời chúng tôi vào phòng nói chuyện. Không phải đoán, tôi cũng biết ngày là Giác-Mê đạo-cô. Tuy chủ khách lạ-lùng, mới trong nhất-kiến, mà xem chừng đạo-cô đã tỏ ý ân-cần hợp-truyện với tôi. Nam-Trân và Văn-Lan thấy tôi sẵn sàng nghiên bút tốt, bèn đưa nhau viết mỗi người một tờ kinh, xem chữ ai đẹp.

Tôi ngồi nói chuyện, ngắm nhìn Giác-Mê đạo-cô, xuân-thu phóng độ trong ngoài ba mươi. Tuy khổ-hạnh tương-cả, nâu-sông nhuộm vẻ đã pha màu

thuyền, mà một áng xuân-dung vẫn còn phơi-phơi. Nghĩ thầm : không biết người sao nỡ-nà, đương độ trẻ-trung mà lại đem mình nương chốn cửa không như vậy. Lân-là trò-chuyện, nhân hỏi vì có gì mà đi tu, thì đạo-cô nói rằng : « Chỉ vì lúc ở nhà có được xem qua một quyển sách Phật, rồi tự mình tỉnh-ngộ. Nghĩ đến bề khổ-mêng-ménh, không bờ không bến; đời là một cõi hư-vô ; ba-vạn sáu-nghìn ngày như bóng câu qua cửa ; phú-quí vinh-hoa cõi đời như giấc mộng ; mà người ta sinh ra đời, chẳng qua chỉ là tù của Tạo-hóa, sống để chịu những hình-phạt đau-đớn, khổ-sở, đọa-dây hết kiếp rồi lại chết đi. Thân ta đã vậy, ưc triệu con người cùng chung số-kiếp ấy, kể trước ta đã khuất, người sau ta mai ngày, cũng không ai thoát khỏi cầu đoạn-trường trên kia. Than ôi ! trông đau-mục-đích ở đời là sự đau-đớn, mà cái kết-quả đời người lại là sự chết ! Ta nghĩ đến thế, thời mang lấy kiếp làm người cũng buồn tênh, tẻ ngắt ; trăm năm thân-thể còn ước mong gì ! Chẳng những thế thôi. Lại ngẫm nỗi nhân-tinh mà thêm chán-ngán. Tưởng người đời riêng bị những hình-phạt của Tạo-hóa cũng đã quá khổ rồi. Vậy mà giống người không biết nghĩ thương xót nhau, lại còn sâu-thâm đâm giết lẫn nhau, diễn ra bao nhiêu tấn thảm-kịch ở đời, khiến những người có chút lương-tâm phải đau lòng, sa nước mắt !

Kìa ! những kẻ tranh bá đồ-vương, suốt đời không dứt bụng-can-qua, đánh đất bên đông, cướp đất bên tây ; một phút công thành, để lại xương khô muôn đống. Những kẻ ấy, há chẳng vì mong thỏa lấy một bụng mình, mà hại trăm nghìn người khác đó ru ? Như thế thời thiết-tưởng sinh-vật thể-gian không có giống gì tàn-nhẫn hơn giống người ! Vậy mà

cũng chưa đến nỗi quá tệ. Xem đông tây lịch-sử, lại còn lắm hạng người độc-ác, nói đến phải rùng mình, nghe đến phải rợn tai: là những kẻ uống máu người không biết tanh, ăn thịt người không biết lợm. Ấy là những hạng cây mình sức khỏe, lẩn kẻ yếu hèn, tranh nhà cướp đất, giết người lấy của, làm cho người ta điêu-đứng, bơ-vơ, đi không có chỗ ở, về không có đất nương, bốn phương lưu-lạc, hai hàng lệ rơi, than không thành lời, khóc không ra tiếng, ngậm sầu, nuốt giận qua đời. Ôi! dẫu ở chốn rừng xanh: úi đồ, độc dữ đến như con lang con báo, còn không nỡ sâu-xé lẫn nhau để cướp núi, tranh rừng, và cây rừng mình có sức khỏe mà hiếp hại loài cùng nanh cùng vuốt hèn yếu hơn mình. Vậy mà, sao trong nhân-loại lại có những hạng người độc-ác, ở với nhau tàn-nhân không bằng loài lang loài báo!

Thế mà, tội-ác loài người nào đã hết đâu! Trong xã-hội hàng ngày còn xảy ra bao nhiêu điều thương-luân bại-lý, khiến cho trên mặt đất thế-gian đầy-rẫy những sự xấu - sa, tội - lỗi. Nghĩ đến thế mà chán cả cái xã-hội loài người; những muốn lẩn vào chốn rừng xanh bạn với hươu nai, vui cùng thông-hạc cho qua tháng ngày.

Nhưng ta thấy kiếp người khổ-sở, long-dong vất-vả, lặn-dặn tối ngày, không tới được mục-dịch hay, không thấy được cái kết-quả đẹp, thì cũng lấy làm thương-xót vô-ngần. Chẳng những không nỡ xa lánh; lòng riêng ta lại muốn ra tay cứu-vớt những kẻ đắm-chìm trong bể khổ. Song, biết làm thế nào được? Vì chính ta đây cũng đương bị rập-vùi dưới làn sóng thảm; mình chưa ngoi-ngóp được lên còn mong gì cứu-vớt được ai.

Ôi! chẳng hay đời là gì? Mà trông khắp cõi thế-gian chỉ thấy bao-la một

màu hắc - ám. Đi đến đâu cũng thấy những cảnh tiêu-diêu trong nhân-loại. Nào người ốm-đau bệnh-lật; kẻ đói rách bơ-vơ; nơi này buồn sinh-ly, chốn kia đau tử-biệt; mặt ú mảy châu, giọt dài giọt ngắn; kẻ than công-danh, người hờn sự - nghiệp; lại những kẻ giận duyên, lủi phận, hờn ân-ái, ngựa-nghiêng lòng với nỗi khát-khe, mà dậm chân oán đất, ngựa mặt than trời, khiến cho: bề sông chan-chứa hai hàng lệ, giông-tổ theo sau tiếng thở dài! Than ôi! ta nghĩ nguồn - cơn ấy, mà giận vương-mang phải kiếp người!

Vậy mà sao người đời lắm kẻ vẫn si-mê? Không biết rằng; con Tào cơ cầu trâu-gheo mãi, kiếp người nặng nợ khổ không thôi, mà tự mình tạm dừng, tạm nghỉ, để cầu lấy một phút an-nhàn trong sớm tối. Chao ôi! trong chốn rừng người, lúc nào cũng thấy những kẻ bụng dạ nhỏ-nhen, chỉ những vì chút lòng tham-lam danh-lợi, mong cho thỏa cái dục-vọng của mình, mà nát óc lo mưu, vò đầu nghĩ kế, đem hết tinh-thần khí-lực, cùng nhau xô-xát trong trường cạnh-tranh cho đến tối ngày. Đến lúc ngã ra, nào kẻ đuối sức, nào người bị thương, rút cục vẫn chẳng ăn thua gì, khó-nhọc luống công; Bấy giờ mới tỉnh-ngộ thì đã hết đời rồi, chỉ còn kịp thở ra một tiếng dề-từ-tạ thế-gian! Suy một lẽ gần-gần ấy, đủ biết người đời điên-cuồng, tự mình lại tiêu-tụy đời mình. Nên chi lời Phật bảo rằng: « Nước mắt chúng - sinh ba nghìn thế-giới, tích lại còn nhiều hơn bốn biển », cũng không ngoa gì. Ta nghĩ kiếp người bị đầy-đọa mãi không thể gì riêng thương xót.

Người bạn thấy thế, bảo ta rằng: « Dẫu thương cũng không làm gì, mà xót nữa cũng vô-ích. Vì đời là một cuộc chiến-đấu vô-cùng. Nếu con người ta sinh trong quãng trăm năm, mà không chịu lao-làm,

khô-tử, đem thân ra xoay-sở với cuộc đời, cùng nhau đấu trí, đấu tài, vào sinh ra tử, xung - đột bắc nam, thì không bao giờ tranh được phần hạnh-phúc, và cũng không mong gì có được ngay an-nhàn tự-lạc. »

Chao ôi ! bây giờ thế-giới văn-minh, thiên-hạ đua nhau đổ xô cả về đường vật-chất. Lấy lắm bạc nhiều tiền làm sướng ; lấy quan sang chức trọng làm vinh. Giết hẳn cái tinh-thần đi để nuôi cái vật-chất. Dầu khắp nam, bắc, đông, tây, cũng cùng một ý-trưởng ấy. Thế thì người ban vừa viện lẽ trên kia, ta đâu dám chẳng vàng rằng : phải !

Nhưng bảo rằng con người ta phải lo-nghĩ quanh năm, lận-dận suốt đời, mới có phần hạnh - phúc, được cảnh an-nhàn, thời cũng chưa hẳn.

Kìa ! chẳng xem những kẻ bạc mái đầu tinh cơ thành-bại, mòn gót chân đổi lối kỳ-khu kia. May gặp thời-vận, yờ được con ấn công-khanh, bước chân lên cầu phú-quí. Thiết - tưởng gian-nan đã lắm, bôn-tâu đã nhiều, thời hẳn bấy giờ trời kia cũng biết đến cái công-phu khó-nhọc ấy mà cho được nghỉ - ngơi chút đỉnh ; và tự mình cũng thấy no, thấy đủ. giấc mộng vinh-hoa say lý, say tí ; năm năm tháng tháng tiêu-dao trong lac-cảnh, không còn phải lo, phải nghĩ, vất-vả tấm thân. Thế mà sao gheo-cột trò đời xui ra lại trái hẳn ? Chẳng những nhân-dục vô nhai, xui lòng người luống một dạ đứng núi này nấp nom núi khác, bước lên được một bước lại mơ-nàng khác cao hơn ; đến nỗi gần một đời chỉ làm tôi lòng tham-muốn. Mà trong vòng cương-tỏa lại giăng-mắc biết bao ! Danh-vọng càng cao, gian-nan càng lắm ; khiến người trong cuộc đảo-điên điên đảo từng lúc giết mình từng phen chết đả ; trong tâm-trí không lúc nào được hẳn yên vui. Như vậy thời an-nhàn lúc nào ? Mà hạnh-phúc ở đâu ?

Chẳng qua lại cánh bướm bẽ hoạn mệnh-mang, một mái chèo đưa nhau vào bến khổ ! Rồi mà trước sau vẫn không thoát được cái hình-phạt của trời là sự đau-dớn ; và cái công-lệ của Tạo-hóa, tức là cái kết-quả thâm-khốc của đời người là sự chết. Suy như vậy thời có phải đời người chỉ một kiếp trầm-luân trong bể khổ, không có mục-dích, không có kết-quả gì không ? Cho hay trong cõi hư-vô, muôn vật thế-gian toàn là ảo-mộng !

Ôi ! nhân-tình nghĩ đã chán ngắt ! Thế-sự còn có vui gì ? Ôm lấy một cái đời vô hi-vọng này, ta cũng không biết làm thế nào cho khuấy được cái tâm-sự ba vạn sáu ngàn ngày ở thế-gian ? Ước tới cung Hằng khôn trộm thuốc, mong đạo tu tiên chẳng gặp thầy. Họ chẳng tới núi Linh-sơn theo hầu Phật-tổ, xin nước dương gột-rửa lòng xuân, may ra cầu kinh hôm sớm tỉnh mộng phồn-hoa. Mà rồi phép Phật độ-tri, giúp kẻ chân-tu mai sau đắc-đạo, tới cõi Nát - bàn. Bấy giờ, chẳng những một thân riêng được nhẹ-nhang, lại nhờ phép Phật nhiệm-mầu, ra tay cứu được muôn loài chúng-sinh, như vậy thời cũng không uổng cái kiếp làm người của ta. Giác-Mê này nghĩ thế, nên một tấm lòng trần cũng láng-láng rửa sạch. Tạ miệng cao-lương, lánh miền dài-các, quyết đem mình gửi chốn am mây, giốc một lòng theo đạo từ-bi. Còn nhớ ở nhà bước chân ra năm ấy mười-sáu tuổi. Ta ăn mày cửa Nhật tới nay đã ngót hai-mươi năm trời. Đồi phen ngoảnh đầu trông lại, thấy cõi trần-ai đầy gió bụi, mà luống thương người đời, mê-mạn trong giấc mộng !

Trong khi Giác-Mê đạo-cô nói, trông hai còn mắt từ-bi dăm-dăm như chứa-chất muôn sầu, nghìn thảm, khiến cho tôi nhìn vào cũng đủ tưởng-trợng bể khổ mệnh-mang, không bờ không bến. Ôi ! tôi nghe dứt câu truyện tu-

hành của Đạo-cô, mà tự mình thấy cái sinh-thú trăm năm đã té-liệt hẳn, cảnh phù-sinh thêm ngao-ngán kiếp làm người; những muốn gửi cả cái thân hiện-tại, cái đời tương-lai vào chốn cửa không. Ngồi ngẩn, chống tay ngẫm-nghĩ, bất-giác buông tiếng thở dài than to rằng: « Chao ôi! nghĩ cuộc đời mà chán! ta còn muốn làm gì nữa đây? » Chưa kịp dứt lời, bỗng Vân-Lan đứng bên đập vào vai nói: « Chị điên chắc! Sao mà nói to thế? May là Đạo-cô vừa lên chùa trên đấy, không thì có phải mang tiếng vô-lẽ không? » Tôi nghe bạn trách, sực nghĩ ra, mới hối là mình vô-ý.

Nam-Trần tiêu-thư ngồi đối-diện, trông tôi mỉm cười bảo rằng: « Chị nghĩ thế nào mà lại than chán đời thế? Chẳng nghe truyện đấy ư! Ngay như Giác-Mê đạo-cô đấy, đã tung lòng trần-lụy, niệm câu « Di-dà », mà vẫn còn ngày đêm sốt-sắng lo làm những việc phúc-dức, lấy điều hay lẽ phải khuyên răn người đời. Như thế thời có phải tiếng là thân nương cảnh Phật, mà lòng riêng vẫn không dứt với đời không? Phương-chi bọn ta, kiếp trần đeo-đuôi, áo cơm còn phải lụy đời, giang-sơn một gánh, chữ tình chữ hiểu hai vai nặng-nề; từ mang tiếng khóc ra đời, tấm thân nào ích gì đến ai, mà vội nỡ buông câu chán đời, há chẳng bội-bạc lắm ru? Dầu sao nữa, chị ơi! biết đời đáng chán, mà không chán đời, mới là bậc cao-thượng! » —Tôi nghe tiêu-thư nói mấy câu có lý, lòng riêng rất lấy làm kính-phục, một áng mây mờ trong tư-tưởng, phút bay tan cả; liền vui-vẻ đáp rằng: « Vàng! lời vàng, vàng lĩnh ý cao. Một bụng chán đời của em này, xin từ đây sẽ vì tri-kỷ đời ra lòng thiết-thế! »

Vân-Lan đứng bên pha trà, giục chúng tôi: « Thôi hai chị, yêu đời với chán đời thiếu gì lúc? Em nói thật

bụng Lan thiết-thế, nghe dúi lăm rồi. Đường về còn xa lắc; có về thì về, kéo nữa mà dậm vắng rừng khuya, cộp gặp chẳng tha gì mình đâu! » Nói đến cộp, nghĩ truyện về, bấy giờ mới hối-hoảng đường xa, bèn lật-dật lên từ-biệt đạo-cô rồi kéo nhau ra về, chẳng còn tưởng gì nữa. Lại theo lối bậc đá, lần xuống chân núi.

Vân-Lan xuống bậc thoăn-thoắt. Nam-Trần và tôi theo không kịp. Ba chị em lóp-ngóp xuống đến chân núi, ánh tà-dương đã ngã bóng chiều, ngọn gió bắc xa đưa lạnh-lẽo. Trông cây cỏ, cảnh khô lá úa, cảnh sắc tiêu-diêu, khác hẳn cái lúc ở nhà ra đi. Bảo nhau: « Đương đạo hạ-thiên mà sao đây đông-tiết lạnh-lùng đời thay chóng quá » Cả ba người cũng sít-sa kêu rét.

Qua động Thủy-liêm, tiếc phong-cảnh đẹp, lại cùng nhau đứng lại ngắm xem non nước. Nam-Trần tiêu-thư đứng trên cái cầu đá cao, cúi xem dòng nước chảy, hỏi tôi: « Phồn-hoa so với cảnh này đâu hơn? » Tôi đáp: « Có qua những cảnh này, mới còn được hưởng cái sinh-thú ở đời đời chút. »

Tiêu-thư gật đầu nói: « Phải! em cũng thường nghĩ thế. Người ta sinh-trưởng ở những nơi phồn-hoa nào-nhiệt, bụng không lúc nào ra ngoài đời; mắt tai lấp dưới màn thanh-sắc, không lúc nào được gửi ở chỗ núi cao bề-vực, phong-cảnh thiên-nhiên của Tao-việt. Thành ra suốt đời chỉ mang cái hạnh phúc làm nô-lệ cho sự sống chết. Thế thời đâu biết có sống nữa, mà có được một dây một phút nào hưởng cái thú sống đâu? Nói đến sự chết, thời có khi chưa kịp biết, mà đã chết rồi! Ôi! trong việc sống chết còn tối-lắm mù-mịt; ngoài việc sống chết nữa biết chi đâu. Như vậy thời cái sinh-thú ở đời đã dễ mà hưởng được ru! » Đương mãi chuyện-trò thì Vân-Lan ở đằng trước vẫy khăn-tay giục đi, không thì tôi

Nam-Trần nghe nói lỗi, bảo tôi : « Bấy giờ về nhà cũng không kịp, ở xóm Vân-sơn cũ, có nhà cô em, cách đây không mấy, chi bằng ta về đây qua đêm, cho ngựa nghỉ, sớm mai sẽ đi. » Lời bằng lòng, Vân-Lan cũng cho là phải. Bấy giờ đã yên trí có chốn nghỉ-ngơi, lòng cũng không vội-vàng nữa. Thung-thắng đi một quãng, trời tối hẳn, bóng trăng lấp-ló đã chiếu ngàn mai. Ba con ngựa vẫn đương ăn cỏ bên vệ đường. Cùng nhau lên ngựa, rẽ cương về nẻo Vân-sơn. Qua cái đèo con, bỗng lộ ra một cánh đồng chiêm mông-mênh bát-ngát, nước một màu xa trông trắng xóa. Chỗ tát nước lên ruộng cao, nơi tát đánh cá. Tiếng trai gái tát nước, giọng hát véo-von khắp cánh đồng. Hai bên đường, thỉnh-thoảng có túp nhà gianh, bóng đèn lấp-ló. Phong-cảnh đêm trăng, càng đi càng đẹp; duy đêm đông gió rét cũng có giảm mất cái thú đi đường.

Đi đến một chỗ thấy đông người, thì ra một bọn con gái đương sắp hát gheo mấy anh con trai tát nước bên bờ tây. Cả ba chị em rủ nhau cùng đứng lại để nghe.

Chợt thấy người con gái mặc yếm hoa hiện trong bọn cất tiếng hát trước. Tiếng nghe lạnh-lãnh. Hát rằng :

*Mông-mênh một giải đồng chiêm,
Nước kia ai tát cho em tát cùng.*

Non sông hỏi khách anh-hùng :

Năm châu sao chẳng vẫy-vùng như ai ?

Mây râu cũng kiếp làm trai,

Thân trăm năm nữ bỏ hoài thế-u

Danh thơm mong để nghìn thu

Đem câu non nước hẹn-hò cùng ai ?

Đêm đông ngồi ngắm canh dài,

Mảnh tình non nước nào ai với mình ?

Cô yếm hoa hiện hát xong, bên con

trai vẫn im, không ai đổi lại làm sao.

Bỗng người con gái áo lụa tím lại

cất tiếng hát :

*Gió đông thổi lạnh-lùng thay,
Thương ai tát nước cả ngày thâu đêm.*

Ấy ai gọi phượng êm-đêm ?

Riêng ai mưa gió ngày đêm dãi-dầu.

Thương ai em muốn đỡ gầu,

Đồng sâu nước cả cho rầu lòng em.

Ai ơi ! ai hãy nghe em :

Bắc cầu bên ấy em sang sang cùng.

Gầu đây ta tát nước chung.

Non sông ghi tạc chữ đồng nên chăng ?

Dứt tiếng hát, người con gái đứng lặng chờ, đợi bên kia hát đáp lại. Nhưng bên trai chỉ thấy cười khúc-khích; một anh nói to : « Gớm ! các chị ả đa-tình thật ! » Nói xong lại cười ồ, vẫn không hát trả lại câu nào. Bên này bọn con gái cho là họ khinh mình. Tức lắm, bàn nhau định hát chầu. Một người con gái yếm hoa đào, da trắng nõn, đứng ra can thối, rồi cất giọng thanh-tao hát mấy câu rằng :

Giao-châu non nước dậm dài,

Trông ra chẳng thấy một người đàn

Đã sinh ra kiếp má hồng, [ông.

Nước non phải gánh tang-bồng một vai.

Làm chi đợi khách anh-tài,

Phong-hoa khách mắng, nhẹ đời bông-

Biết đâu mà gửi can-tràng ? [tang.

Hát xong, quay lại bảo chị em : « Thôi ! đi tát nước, hết đêm rồi ! » Vừa nói vừa vác gầu, kéo nhau lại cả bờ đồng.

Bên kia, bọn trai nghe mấy câu hát sau, hơi có ý chua mát ; tức, quăng cả gầu xuống, chạy ùa cả lên bờ gọi to bảo : « Này chầu vừa chứ ! các chị khinh ở cánh đồng này không có mặt đàn ông nào, không ai đáng là bậc anh-tài, phải không ? Nào, có giỏi đối-đáp thì sang đây ! . . » Bọn con gái chỉ khúc-khích cười thăm với nhau, rồi tát nước đánh trống lấp, lơ như không nghe tiếng.

Chúng tôi cũng thúc ngựa đi. Vân-Lan khen : « Họ hát hay nhỉ ! » Nam-

Trần nói: « Cảnh đồng chiêm này thuộc về đất Giao-châu, con gái xứ này có tiếng đẹp và hát hay. Hát thì, con trai vẫn thường thua. » Đang mãi nghe truyện, Vân-Lan chợt quay lại hỏi tôi: « Chị còn ở đây chơi lâu đấy chứ? Ta sẽ tính cuộc đi chơi xa, còn nhiều cảnh đẹp! » Tôi từ chối, nói không thể nào ở lại được, mai phải về sớm kéo nhà mong, vả lúa tằm nhà tôi đương ấu rồi, bận lắm. Nam - Trần tiễn-thư thấy tôi nói sớm mai về, có ý lưu-luyến, thở dài, trông tôi rồi bảo rằng: « Gặp nhau chưa bao lâu, chỉ vội nói chuyện về đề lòng em buồn-bã? Em những muốn lưu chị chơi đây ít lâu, không năm thì cũng tháng. Chị nhớ nào mai đã vội chia tay? Thế thì đêm nay, trăng kia cũng chẳng nên vì ai mà tỏ nữa, vì dưới trăng đã sẵn có người biệt-ly! »

Tôi nghe nói, nghĩ thầm: Nam-Trần, thật là một người bạn gái hữu-tình, khiến mình ra về lòng càng thêm nhớ. Nghĩ vậy rồi mà buồn, bèn giục ngựa đi liền bên nhau, tôi ân-cần nói: « Gặp gỡ hôm nay, xiết bao vui-vẻ! Một người bạn gái như tiễn-thư, vì không duyên xưa phúc trước, thì tôi đâu được gặp giữa chốn rừng xanh này? Buổi mới lạ-lùng, tiễn-thư đã lấy hậu-tình biệt-đãi, khiến tôi mai đây dứt áo ra về, khi khỏi bèo lòng một mối tương-tư tháng ngày! Nhưng thôi, nghĩ lại: giang-hồ gặp gỡ, nửa bước là duyên; tâm-sự giải-bày, một lời tri - kỷ. Vả trong vân-thủy tao-phùng, chỉ có nói truyện năm với tháng, gặp một lúc cũng là may trong một lúc. Tôi nói thế xin tiễn-thư chớ vội nghĩ tôi về vui cảnh gia đình mà quên bạn đâu. Dầu khách chốn

lâm-tuyền, người nơi thành-thị, cảnh-tinh so ra, tinh tuy có khác, song đem tấm lòng dồi thử sánh, thời cùng là một lúa cùng nhau: mùi thể-vi đã từng cay-dắng, áng phồn-hoa một bụng sầu chung. Như vậy thời quan-sơn muôn dặm dù cách-trở, nhưng biết đâu đường lối tinh-thần chẳng vẫn thấy nhau! » Còn nói dở-dang chưa dứt câu, thời hốt - nhiên con ngựa đương cưỡi khuya chân vắng buých xuống hố. Sợ, sợ quá! rú lên, hét to một tiếng, giắt mình, mở choàng mắt, té ra một giấc chiêm-bao! Lòng còn hốt-hoảng, vừa mừng, vừa tiếc. Người nhà nghe tiếng kêu, ở ngoài chạy vào gọi. Hỏi mơ thấy gì mà hét to thế? - Cười, bảo mộng đấy!

Xem đồng-hồ vừa dùng bagìờ chiều, mới biết mình ngủ say quá. Nhớ truyện trong mơ: bạn vui cảnh lạ, mộng-hồn phảng-phất như còn chơi đâu!

Từ ngày yếu dậy, thư-từ cũng nhắc. Nay nghĩ nhớ chị, hương-khuê xa-cách, tấm tình yêu bạn, dăm nghìn chưa để lấy gì làm duyên. Vậy xin cánh hồng gửi ngọn gió Nam, mấy trang mộng-sự gọi là yêu nhau, mộng riêng một giấc, mơ làm mộng chung! Dù chị có cho mơ-màng là truyện hảo-huyền, âu ta cũng mua vui chốc-lát.

Nhưng chị ơi! Nói đến chiêm bao truyện cũ, thời giấc mộng xưa nay đã tỉnh rồi, lưỡng đề riêng ai mở mắt cuộc đời thững bâng-khuàng tiếc mộng...

(Cuối mùa hạ năm Mậu-thìn, 1928)

TƯƠNG-PHỐ

PHƯƠNG-SÁCH TRỊ-THỦY

Ông Nguyễn Cảnh, nguyên là tay chuyên-môn đạc-diền sở Địa-chính Bắc-kỳ, mấy năm nay có dụng-tâm nghiên-cứu về vấn-đề trị-thủy. Ông khảo các sách tây sách nho, lại tự đi xem xét kinh-nghiệm tận nơi, khám-phá được nhiều điều xem ra cũng có lẽ phải lắm. Nhân đó có thảo một cái chương-trình trị-thủy, giảng-giải các lẽ rất tinh-tường, có đồ-họa, có thống-kế, viết bằng chữ Pháp, đã đệ-trình Chính-phủ. Nay ông tóm-tắt đại-ý ra một bài bằng quốc-văn sau này đề cống-hiến các độc-giả Nam-Phong.

Người An-Nam ta mà bàn về vấn-đề trị-thủy theo phương-pháp khoa-học, có chứng-nghiệm phân-minh, thì tưởng có lẽ ông Nguyễn Cảnh là đầu vậy. Cho nên dù cái kế hoạch ông bày ra có được Chính-phủ thi-hành hay không mặc lòng, — mà chúng ta nên mong rằng Chính-phủ sẽ chăm-chước mà thái-thủ lấy những điều hay, — cái công-phu ông nghiên-cứu cũng đáng phục và đáng khen vậy.

N. - P.

Xứ ta hàng năm đề-diều lụt-lợi, tình-cảnh khổ-sở thế nào, dẫu chẳng nói thì ai cũng đã rõ cả. Một vấn-đề lớn-lao quan-hệ đến vận-mệnh nước nhà như thế, dẫu bỏ ra bao nhiêu công, bao nhiêu của, mà trừ được cái nạn ấy đi cũng là nên lắm. Nhà Trần cũng vì nghĩ thế mới chịu bỏ ra bao nhiêu công của mà đắp đê. Nhưng đắp đê xong thì nước lại càng ngày càng cao lên; sang đến nhà Lê lại mỗi ngày một tề. Nhà Lê đã nhiều lần vì lụt mất mùa mà phải xá thuế, lại cũng có lúc phải thu dân-dinh mỗi người một quan tiền để cung đốn phí. Sang đến nhà Nguyễn, nạn nước lụt lại càng quá nữa. Vua Gia-long lên ngôi năm trước, năm sau đã phải lui-tâm đến vấn-đề ấy rồi. Triều đình vua Minh-mạng, Thiệu-trị, Tự đức, cũng mấy lần hội-nghị về việc đó mà cứ vẫn chưa xong. Trước còn hỏi địa-phương-quan, địa-phương-quan tâu mỗi ông một ý; phải hỏi đình-thần, đình-thần cũng sờ-kiến bắt-đồng; sau phải treo bảng ra các nơi, cho ai có phương-sách gì hay thì nói, hề thi-hành được thì trọng-

thưởng, thế mà cũng không ai giải-quyết xong.

Nào người thì bàn giữ đê, người thì bàn phá đê, ông thì bảo đào sông mới, ông thì bảo khơi sông cũ.

Đắp đê thì đắp cao bao nhiêu, nước lại lên theo bấy nhiêu, không thể giữ cho khỏi vỡ được; vả lại năm năm phủ-tráng tuần giờ, dân-tình khổ-sở, ngày xưa đã có câu rằng: “家兄壘則圮毀多亦稱牢固。孔方簿則審插力而不免鞭笞。上下相因。窮民無告。名雖土堤其寔金堤。名雖有堤其寔無堤。” nghĩa là: tiền nhiều thì đê xấu cũng cho là tốt, tiền ít thì đắp kỹ lưỡng thế nào cũng không khỏi phải đòn phải đánh, ngoài nào đó ấy, cùng dân không thừa-kiện vào đâu được; đê tuy bằng đất, nhưng đất cũng như vàng, đê-diều đổi-đá, có cũng như không. Vì thế cho nên nhiều người bàn phá đê.

Phá đê đi thì nước tháng năm mất chiêm, nước tháng bảy mất mùa, quanh đi quẩn lại, chỉ những mất mùa là mất mùa, không thể đủ ăn

được. Ai cũng chỉ biết lúc đê vỡ thì đê là hại, còn những lúc ngoài ruộng cuồn-cuộn lưng trời mà trong đồng vẫn cấy gặt sầm-uất, thì chẳng ai biết công cho đê cả. Đời vua Minh-mạng dân kêu nài xin bỏ đê, đã thử bỏ xem sao, được mấy năm mất mùa luôn, dân lại xin đắp đê lại. Ở xứ ta chỉ có một lần bỏ đê đi rồi lại phải đắp đê lại, chứ ở sông Loire bên Pháp thì đã ba lần phá đê đi lại đắp đê lại như thế rồi. Địa-thể sông Nhị-hà cũng như địa-thể sông Loire, không có đê không được, không bì với các con sông khác được.

Nhiều người vi phá đê như : 水蓋覆盤, là một chén nước đê ở chén thì đầy, chứ đổ ra mâm thì vơi, ý nói rằng có đê thì nước lên cao, không có đê thì nước thấp. Song ta thử lấy một chén nước mà đổ ra mâm xem nó có lai-láng ra khắp mâm không, hay là nó chỉ chảy theo có một luồng thôi? Ấy ở ngoài đất cũng thế, nếu không có đê thì nước thượng-lưu về, lòng sông cũ khúc-khủy khó đi, nó không chảy theo lòng sông, nó lại chảy thành luồng mới qua các cánh đồng; nó đã thành luồng rồi thì sức nó mạnh, nó gặp làng ấp lính-thành gì nó cũng phá mà đưa ra bề cả, thì cái hại ấy vô-cùng.

Nói rằng không có đê thì đồng nổi ngày một bồi cao lên, chỉ phải chịu lụt mấy năm thôi, rồi về sau không lụt nữa. Nói thế rất lầm, vì rằng bồi lâu lắm. Đất bồi khi bồi từ đáy bồi lên đến mặt bề thì chóng, đến lúc bồi từ mặt bề trở lên thì lâu vì ít nước. Đê ta mới có từ nhà Trần, thế mà đất Bắc-kỳ ta từ Hưng-yên trở lên đã có từ mấy nghìn năm trước, thế mà nào có thấy cao được bao nhiêu đâu? Bây giờ muốn cho đất Bắc ta bồi thêm lên một vài thước thì phải đợi mấy nghìn năm nữa mới được. Đến lúc có bồi lên cao nữa mà sông không thoát nước thì cũng không khỏi lụt. Kia Hòa-bình, Tuyên-

quang, Yên-bái, Lao-kay, cho đến Vân-nam nữa, cao hơn Hà-nội biết là chừng nào, thế mà có khỏi lụt đâu?

Cũng có người biết rằng đê không phá được, lại trách nhà Trần rằng tự-nhiên đem đắp đê lên, chứ cứ đê vậy thì đồng vẫn cao, sông vẫn sâu, không can chi đến nổi. Cồ-nhân có câu rằng: « 未有堤之前不可有堤. 既有堤之後不可無堤. », câu này cũng trích ở câu thơ cũ của Tàu rằng: « 有堤不若無堤利. 既有堤長不可無. » Song xét lại thì nhà Trần có lụt-lội khổ-sở lắm mới chịu bỏ ra bao nhiêu công-của mà đắp đê từ thượng-lưu cho ra đến bề. Trước khi đắp đê cũng đã có khai sông Tô-lich, khai sông không thấy công-hiệu gì mới chịu đắp đê. Trước nhà Trần, nhà Lý cũng đã phải đắp đê Co-xá; ngay tức Cao Biền sang cũng đã phải đắp đê chung-quanh thành; sách *Quận-quốc-chi* 郡國誌 của nhà Hán vào thế-kỷ thứ nhất thứ nhì cũng đã có chép rằng: « 交趾郡龍編縣西北有設河堤 » là: quận Giao-chỉ, huyện Long-biên, (tức là Hà-nội bây giờ), phía tây-bắc có đê giữ sông. Thế là đê ta có từ cò, chứ không phải mới có từ nhà Trần trở đi; chỉ vì xưa kia nhân-dân còn ít, cho nên đê cũng chỉ phải đắp có ít thôi, đến sau nhân-dân sinh-sôi nẩy-nở ra, cho nên phải đắp đê thêm mãi mới đủ ruộng mà cấy. Ngay bây giờ ta vẫn bảo nhà Trần là thất-sách, thế mà vẫn thấy mỗi ngày lại đắp thêm mãi đê ra, thế thì ta có thất-sách không? Không! ta không thất-sách, mà nhà Trần cũng không thất-sách, địa-thể xứ ta phải có đê, ta nên biết ơn nhà Trần, chớ nên trách lẫn nữa.

Còn như bảo lấy nước phù-sa vào ruộng cho tốt thì phải lắm rồi, nhưng mà phải dùng cách khác, chứ không

phá đê đi được. Chỉ sợ rằng không có tiền thôi, chứ có tiền thì không thiếu gì cách khác lấy nước đục vào ruộng.

Cũng có người nói rằng nếu phá đê đi mà nước sớm mất chiêm, nước chậm mất mùa, thì sao ta sẵn có các giống lúa sớm lúa chậm, lại không cấy lúa chiêm sớm, lúa mùa chậm, có phải là ổn không. Chính - sách này nói thì dễ, chứ làm thì khó lắm. Nhà quê cấy lúa nào đã quen lúa ấy đi từ mấy nghìn năm nay rồi, nhất-dán bảo bỏ lúa cũ đi, mà cấy cây lúa lạ-lùng bấp-bênh thì liệu chừng có ai nghe không? Không nghe là phải vì rằng đem cây lúa ở xứ này sang xứ khác, vị-tất có hợp thủy-thổ không, có khỏi lâu dần lại lại giống không?

Đến như bàn rằng đào lòng sông cho sâu xuống cho thoát nước, thì phép sông chỗ nào nó đã bồi thì nó cứ bồi mãi, dẫu đem tàu cuốc ra mà cuốc cả năm, chỉ một trận nước to là nó lại bồi nguyên như cũ, đào lấm vô-ích; ở Âu-châu đã nhiều việc làm mất công toi, cho nên Chính-phủ không làm.

Có ông bàn rằng: «以堤束水。以水括沙», là đắp đê cho hẹp lòng sông lại, để cho nước chảy nhanh lên đem cát đi. Chính-sách này dùng vào vấn-đề hàng-hải thì hay lắm, chứ dùng mà trị thủy thì vô-lý. Bảo rằng sông càng hẹp thì càng chảy được nhiều nước, thế thì lấp hẹp hẳn sông lại, chỉ để còn băng cái rãnh thôi, thì khỏi lụt à? Không nhưng ở ta có ông nghĩ lăm như thế, ở bên Pháp vào thế-kỷ thứ 18, 19, nhiều người cũng nghĩ như thế.

Bàn rằng đào thêm sông mới để rút nước đi, thì phải lăm rồi, nhưng mà đào sông mới cũng còn ba điều cốt-tử, có được y như ba điều ấy thì mới khỏi lụt, bằng không thì chỉ thêm hại thôi. Ba điều ấy: một là sông mới phải khai từ Sơn-tây, Vĩnh-yên trở đi, chứ khai ở hạ-lưu thì không rút được

nước ở thượng-lưu; hai là sông mới phải chảy thẳng ra bể, chứ chảy sang sông Thái-bình, thì khi sông Thái-bình nước nhỏ đã đành, chứ gặp lúc sông Thái-bình cũng nước to thì không thoát được nữa; ba là sông mới phải to đủ sức để chia nhau với sông Nhĩ-hà cũ mà rút cho hết nước thượng-lưu về, nếu không đủ sức rút cho hết nước thì lại chỉ thêm cái nạn đê-điều vỡ-lở nữa thôi. Các con sông nhánh hiện-tại ở tả-hữu-ngạn, chỉ vì không hợp ba điều cốt-tử ấy cho nên không rút được nước sông Cái đi. Cái Cửu-an-hà của đức Minh-mạng khai ở Hưng-yên cũng chỉ vì thế mà về sau phải lấp cửa sông lại. Bây giờ muốn đào một con sông mới cho đủ ba điều cốt-tử ấy thì con sông mới phải dài phải rộng gần bằng con sông Cái cũ lại phải làm hai ba cái cầu cũng dài bằng cầu Hà-nội bây giờ, không lấy cửa dậu mà làm được. Vả lại, dẫu rằng có tiền mà làm đủ cách-thức như thế, cũng còn hai điều bất-tiện nữa; một là hiện-tại thì hai con sông, một con cũ, một con mới, cùng nhau rút vừa hết nước; nhưng con sông cũ mỗi ngày một nhỏ đi, trong độ hai ba mươi năm nữa, cả hai con sông cũng không đủ sức rút hết nước, lúc bấy giờ lại sinh ra đê vỡ như bây giờ thôi. Điều thứ hai là nhà trị-thủy bao giờ cũng phải lưu-tâm đến việc hàng hải, nên đào thêm sông, thì cả hai con đến mùa nước cạn cùng cạn cả, không có lối cho tàu bè đi, ấy cũng là một điều quan-hệ đến sự tiến-hóa nước nhà đấy.

Cổ-nhân cũng đã có ông bàn rằng: «變曲各段應行直浚», là bao nhiêu chỗ cong nên nắn thẳng lại; lại cũng có ông bàn rằng: «淺狹者深廣之», là chỗ nào nông thì đào sâu xuống, chỗ nào hẹp thì mở rộng ra. Chính-sách mở chỗ hẹp thì không biết có thi-hành vào chỗ nào không, còn chính-sách đào chỗ nông, nắn chỗ cong thì đều có thi-hành thử một vài chỗ cả. Đào chỗ

nông thì vô ích, trên đã nói rồi, còn như nắn chỗ cong thì nắn chỗ nào chỉ được chỗ ấy, mà không thấy ảnh-hưởng gì cho toàn-cục, thế cho nên lại bỏ, không nắn chỗ khác nữa.

Nói tóm lại thì chính-sách nào cũng đã có thử qua cả, mà chẳng có chính-sách nào có công-hiệu gì, thế cho nên triều-thần phải tâu rằng: «救河非復築堤條。實未有別策也», là chữa lụt phi lại đắp đê thì không có chính-sách gì khác nữa. Thế cho nên vẫn biết rằng đê không giữ nổi nước mà vẫn phải đắp; cũng vì thế mà đức Tự-đức phải than rằng: «人力難勝天災», là tai-nạn trời làm, sức người yếu-đuối khó lòng mà ngăn nổi được.

Từ khi Qui-quốc sang bảo-hộ, vẫn lưu-tâm đến vấn-đề này cho ta lắm. Có người không biết lại nghĩ rằng Chính-phủ không đoái-hoài đến dân ta đấy thôi, chứ khoa-học Âu-châu ngày nay tấn-tối biết là đường nào, làm gì một con sông Nhi-hà mà không trị nổi. Nghĩ thế thật lắm, kỳ-thực thì Chính-phủ đã năm bảy lần lập hội-đồng lên để giải-quyết vấn-đề ấy mà cũng vẫn chưa giải-quyết xong. Khi quan SARBAUT sang nhậm chức Toàn-quyền Đông-duong, ngài có cử quan NORMANDIN sang là có ý nhất-quyết trừ cái hại lụt-lợi cho Bắc-kỳ ta. Quan NORMANDIN là một tay kỹ-sư có giá-trị, học ở trường *Ponts et Chaussées* ra, ngài lại chuyên-môn về khoa thủy-học. Khi sang bên này, ngài có đi chiêm-nghiệm các công-việc thủy-gia ở Phi-luật-tân, ở Nhật-bản và ở Năm-Mĩ với Bắc-Mĩ, để xem có điều gì hay về mà bắt-chước. Đến lúc trở về xét địa-thể xứ nhà, thì ngài cũng nói rằng đắp đê thì không vững; phá đê thì mất mùa; giồng rừng thì không chắc có hiệu-ực gì không, vả lại lưu-vực của sông Nhi-hà phần nhiều ở bên Vân-nam cả, ta không thể sang bên ấy mà giồng rừng được; đào

sông mới thì đắt quá, ngài tính rằng bỏ một môn-tiền ra mà cái hại trừ đi không kéo lại được cái lãi tiền nằm đấy thì không làm; song ngài chỉ tính những mười năm mới có một lần lụt, hại độ răm triệu, cái hại ấy mới là hại vật-liệu, còn cái hại người chết thì ngài chưa tính đến; việc lui một bên đê sông Cái để rộng thêm sông ra thì ngài nói rằng khó lòng mà đoán trước được lui đê như thế thì rồi nó sinh ra làm sao, nhưng có lẽ lui đê ra bao nhiêu, lòng sông lại bồi lên bấy nhiêu, dần lại hoàn-đầy, không tiêu được thêm mấy tí nước nữa. Việc mở các chỗ nghẽn ra thì ngài nói rằng mở chỗ nào chỉ rút được nước chỗ ấy xuống thôi, chứ không rút được mực nước cả toàn-cục xuống (câu này kỳ-giả không phục, xem mấy trang sau sẽ rõ). Ý quan NORMANDIN muốn lại dùng hai tỉnh Vĩnh-yên, Phúc-yên làm chỗ chứa nước, song ngài đã tính rằng phi hai tỉnh ấy đi thì cũng chỉ rút được có một gang nước trong bốn ngày thôi, nếu nước cao hơn, ulà hơn, thì cũng không giữ được nữa. Vĩnh-yên, Phúc-yên cũng là anh em ruột thịt với ta, nỡ nao ta lại để cho anh em chịu thiệt riêng, để ta an-hưởng thái-bình sao?

Kết-luận lại thì quan NORMANDIN nói rằng tai-nạn lụt-lợi cũng như tai-nạn gió bão, địa-chấn, nước bề dâng, hỏa-diêm-sơn, sức người ta yếu-ớt không thể chống lại nổi được. Ấy cũng là câu 人力難勝天災 của đức Tự-đức ta ngày-xưa đấy; đức Tự-đức chỉ ứng-dùng trong cung-cấm, cũng vẫn biết câu ấy, hà-tất phải đi đến đâu.

Xét ra chính-sách nào cũng không dùng được, nhưng nhân-dân ta-thần, không lẽ cứ thúc-thủ vô-vi, cho nên quan POUYANNE phải miễn-cường mà cho đắp đê cao thêm lên, ngài cũng vẫn nói rằng đắp đê là giữ được ngàn nào hay ngàn ấy, chứ không dám chắc

rằng giữ được khỏi lụt. Ấy cũng là câu 救河非復築堤條。寔未有別策也。 của các quan ta ngày trước đó. Các quan ngày xưa chỉ bắc-song cao-ngọa, ngấm thơ Lý Bạch, mà cũng am-hiểu như các quan kỹ-sư bây giờ, thế mới biết cái trí-não của các cụ ta ngày xưa không phải là tầm-thường vậy.

Song những lời quan NORMANDIN nói trên đó, không phải là ý-kiến riêng của một mình ngài, mà chính là học-thuyết của thủy-gia ngày nay đây; dẫu ông kỹ-sư nào, học ở nước nào ra, cứ theo hiện-thời học-thuyết mà không phát-minh ra một lý-thuyết nào mới, thì cũng phải chịu như quan NORMANDIN cả thôi, chứ không có chính-sách gì hay cả. Nếu thủy-gia ở hoàn-cầu ngày nay có phương-gia-sách gì hay thì Tàu, Nhật, Tỹ, Anh, Mĩ, đã không chịu lụt hại mất bao nhiêu của, chết mất bao nhiêu người như vừa mới rồi. Không phải là năm nay các nước mới bị lụt như thế, xưa nay tất cả các nước ở hoàn-cầu này vẫn thường bị lụt luôn. Như ở bên Pháp, kê bây giờ đã dỡ, chứ từ thế-kỷ thứ 19 trở về trước, trong có 1350 năm mà bị những 2023 trận lụt, khổ-sở vô-cùng, tình cảnh kể cũng quá ta bây giờ.

Đã nhiều người thông-thái lưu-tâm về vấn-đề này lắm, các chính-phủ cũng đã nhiều lần lập hội-đồng đề-bàn, cả Hội Khoa-học Bác-sĩ cũng đã ba lần cử tiêu-ban ra nghiên-cứu việc đó, thế mà cũng chưa tìm thấy manh-mối chi cả. Thủy-học bây giờ chẳng qua chỉ biết được mấy phép tính áng-chừng về tình ống nước (*conduites forcées*), tình thủy-thiệt (*déversoirs*) và tình máng nước (*canaux réguliers*), thế mà thôi, chứ đến sông thiên-tạo rộng hẹp sâu nông không chỗ nào giống chỗ nào, thì chưa có điều gì biết đích-xác cả.

Hỏi rằng tại làm sao mà hay lụt, thì mỗi ông nói một khác, ông thì bảo

tại đắp đê, ông thì bảo tại phá rừng, ông bảo tại lòng sông mỗi ngày một bồi cao lên, ông bảo tại cửa bể mỗi ngày một xa ra, mỗi ông một ý, mà thuyết nào cũng có thể bẻ được cả.

Bảo tại đắp đê thì cũng có sông không có đê mà vẫn nước một ngày một to, như sông Seine, sông Rhône, sông Garonne và nhiều sông khác nữa. Lại cũng có sông có đê mà không việc gì cả, như sông Danube, sông Isère, sông Rhin sông Mense, sông Escault, và các con sông ở Hòa-lan, vẫn-vẫn.

Bảo tại phá rừng thì xem ngay lưu- vực của sông Nhĩ-hà ta đây, rộng biết là chừng nào, thế mà rừng phá đi mất độ bao nhiêu? Cái địa-dò Bắc-kỳ to phồng độ bằng cái bàn, mà những chỗ rừng phá đi, cộng cả diện-tích lại chỉ to bằng độ một bao diêm, thế thì liệu chừng có ảnh-hưởng gì đến mực nước sông Cái không?

Bảo rằng lòng sông bồi hiện có chừng-cơ phân-minh, thì lại có ông cãi rằng lòng sông bồi lên thì mỗi năm bồi bao nhiêu? Một năm mà bồi lên năm phân thôi, thì mười năm bồi lên năm tấc, trăm năm bồi lên 5 thước, nghìn năm bồi lên 50 thước; các con sông ở địa-cầu này có đã mấy vạn năm thế mà có thấy bồi được bao nhiêu đâu; vả lại có nhiều cái cầu làm đã mấy nghìn năm nay mà móng cầu vẫn thấy đặng-đối với đáy sông, không thấy lấp đi chút nào, thế thì biết rằng lòng sông không bồi. (Hai thuyết này, một thuyết bảo có bồi, một thuyết bảo không, cũng không phải cả, xem sau sẽ rõ.)

Bảo rằng tại cửa bể xa ra, thì tính ra mười năm mới có thể cao mực nước lên giảm sáu ly, chứ không đến nổi lên mau quá như nước sông Nhĩ-hà ta.

Đã không biết nguyên-nhân sự lụt ở tại đâu, cho nên không trị được lụt. Các sách của cồ-kim thủy-học danh,

sư đều thú thực rằng thủy-học của nhân-loại còn lờ-mờ lắm, chưa có thể trông cậy vào đấy mà trị-thủy được.

Nói rằng thủy-học hiện-thời chưa có thể trị-thủy được thì phải, chứ nói rằng nhân-loại không có thể trị-thủy được thì không phải, vì rằng cũng đã có người trị-thủy được rồi kia mà. Bây giờ thủy-gia chưa trị được thủy là vì thủy-học chưa phát-minh ra được, chứ ai dám chắc rằng sau này không có người phát-minh học-thuyết ra để trị-thủy được cũng như vua Vũ ngày xưa?

Sở-dĩ đến ngày nay mà thủy-học còn chưa phát-minh ra được, không phải vì cổ-nhân có kém-cỏi gì, chỉ vì chiêm-nghiệm chưa được mấy cho nên không dò ra mới được. Kể ra cũng đã có nhiều ông nói phải, nhưng chẳng qua chỉ nói tắt khúc, như các cụ ta ngày xưa cũng đã có cụ nói nên nắn chỗ cong, nên khai chỗ hẹp, chỉ nói được thể thôi mà không khám-phá nguyên-ủy ra làm sao được. Vả lại một ông nói phải, lại rằm bảy ông nói trái hẳn lại, mà đôi bên cũng không lấy gì làm bằng-cớ chắc-chắn cả, cho nên không biết ai phải ai trái, không cho vào học-thuyết được. Lại cũng đã có rằm bảy việc làm đã thành-hiệu ở bên Âu-châu, cũng có việc chủ-ý trị-thủy mà được, lại cũng có việc không chủ-ý trị-thủy mà làm xong tự-nhiên nước xuống. Những việc không chủ-ý trị-thủy mà được, không hiểu ra làm sao đã đành, còn những việc chủ-ý trị-thủy mà cũng chưa hiểu tại làm sao, là vì những công việc ấy chính-sách nào cũng có dùng, coi đề cũng có, coi kè cũng có, đào sông mới cũng có, khai sông cũ cũng có, mở rộng cầu cống ra cũng có, đến lúc được nước xuống không phân-biệt ra được tại chính-sách nào mà thành-công ấy, cũng vì không thuyết-phá nguyên-ủy

ra làm sao được, cho nên cũng không tập thành học-thuyết được. Đã không thành một học-thuyết thì không thể đem vào nhà trường mà dạy được, đã không đem vào nhà trường mà dạy thì lời nói phải, lời nói trái, việc được, việc hỏng, ngọc thạch tương-tạp, cùng bỏ xó coi như đồng giấy hư cả, không ai còn nhìn đến nữa.

Ấy thủy-học còn sơ-sai là tại thế. Bây giờ ta chịu khó lục những đám giấy cũ ấy ra, mượn con mắt cổ-nhân mà so việc nọ sánh với việc kia, lai tế-quan vật-lý của tạo-hóa nữa thì có thể suy ra nguyên-lý được.

Này, ai không thường trông thấy những nước giọt gianh nó rơi xuống đất ít lâu thì nó đào thành một cái rãnh nho-nhỏ để lấy lối nó chảy đi, ấy cũng là một cái khéo vô-cùng của Tạo-hóa đấy. Tạo-hóa sinh ra nước chảy đến đâu đào lấy đường đi đến đấy, dẫu một giọt nước giọt gianh chảy lâu cũng thành rãnh. Ở trên rừng cũng thế, mưa xuống trong rừng trước còn ít nước thì nó đào lấy một cái lối con con, sau tụ-hội nhau lại thành nhiều thì nó đào thành ngòi thành lạch, sau nhiều nữa thì đào thành sông con sông cái, nhất-nhất là nước nó lại đào lấy lối nó đi, chứ không ai phải đào hộ nó cả. Nước nó đào lại khéo lắm, vừa-vặn lắm, không to quá không nhỏ quá bao giờ. Sở-dĩ sông được vừa-vặn thế, là chỗ nào hẹp quá thì nước chảy mạnh thêm, đào đất đem đi, thành ra sông to thêm cho đừa lối nước chảy. Chỗ nào rộng quá thì nước chảy chậm lại, nước chảy chậm thì phù-sa bồi xuống, cho chặt bờ sông lại cho vừa.

Nước có bao nhiêu thì sông to bấy nhiêu là một lẽ rất tầm-thường, mà lại rất hiển-nhiên, tuy rằng tầm-thường như thế nhưng mà phép khoa-học có truy-nguyên từ một lẽ hiển-nhiên như thế rồi sau mới suy ra lý

khác hay được, cho nên có thể cho câu đó là nguyên-lý thứ nhất của thủy-học sau này được.

Nếu trời đã sinh ra nước có bao nhiêu thì sông to bấy nhiêu, thì sao sông Nhĩ-hà ta, nước vẫn nhiều, sông đang to mà lại cứ mỗi ngày bồi nhỏ lại để đến nỗi nước không chảy đi được là tại làm sao ?

Sông to nước vẫn nhiều, mà sông đang to thật, nhưng mà có nhiều chỗ đắp đê nghẽn lại, những chỗ nghẽn ấy, hiện-tại nước nó vẫn muốn phá rộng ra để đủ lối cho nó chảy, nhưng người ta có cho nó phá ra đâu ! Lở đến đâu bỏ đá xuống đến đấy, bỏ một trăm thước đá chưa được, thì bỏ một nghìn, một nghìn chưa được thì một vạn, kỳ bao giờ đến không thể lở được nữa mới thôi ; thế thì nước nó đứng ú lại ư ? Một con sông đã có một chỗ ú lại thì từ thượng-lưu cho chí hạ-lưu nước cũng chảy chậm lại cả, nước chảy chậm lại thì phù - sa bồi xuống làm hẹp lòng sông lại, chẳng có gì lạ cả.

Một con sông dù dài thế nào, đã có một chỗ nghẽn, thì nghẽn bao nhiêu, nước thượng-lưu và hạ-lưu chảy đều chậm đi bấy nhiêu, ấy là nguyên-lý thứ nhất của thủy-học sau này đây. Câu này trái với học-thuyết đang-thời, bởi vì thủy-học bây giờ ngỡ rằng chỗ nào hẹp thì nước chảy nhanh hơn, đâu lại hoàng đấy, không chậm thoát nước tí nào, nghĩ thế là lầm, vì rằng chỗ nghẽn tuy nước có chảy nhanh hơn lên thật, nhưng mà cái nhanh hơn có chừng mà cái nghẽn lại lại vô-hạn, cho nên nhiều khi cái nhanh hơn ấy không kéo lại được cái nghẽn mất lối nước chảy. Phép khoa-học đã nói câu gì phải nói đích-xác như đánh đống cột, chứ nói à-uôm rằng nghẽn không việc gì, thế thì một con sông rộng mười phần, nghẽn mất cả mười, nghĩa là đắp chắn ngang hẳn lại cũng không việc gì à ? Nay ta thử

tưởng xem nếu sông rộng mười phần đắp nghẽn lại cả mười, thì có phải là sinh ra lụt liên-miên bất-chỉ không ? Nếu ta khai cái nghẽn ấy ra một phần thì đỡ được một phần lụt, khai ra hai phần thì đỡ được hai phần lụt, đến lúc nào mười phần nghẽn khai ra cả mười thì là không lụt tí nào nữa không ? Xem như thế thì cái lẽ nghẽn có hại cho sự nước chảy đã hiển-nhiên, mà nếu lẽ ấy đã hiển-nhiên, thì câu học-thuyết hiện-thời là câu tương-phản với lẽ hiển-nhiên ấy, thế nào cũng sai, không thể tin được nữa.

Cái nguyên-lý thứ ba của thủy-học sau này là một con sông đã có một chỗ nghẽn lại, một mình sức nước không thể phá cái nghẽn ấy đi được, thì lòng sông từ thượng-lưu cho chí hạ-lưu đều bồi chặt cả lại, bao giờ chặt bằng chỗ nghẽn ấy mới thôi. Cái bồi ấy là tại trước kia chưa có nghẽn thì nước chảy nhiều, mà sông to như trước vẫn là vừa, đến khi có chỗ nghẽn lại thì nước chảy ít đi, thành ra lòng sông rộng quá, cho nên nó bồi bớt lại.

Ấy lòng sông có bồi hay không, bồi nhiều hay là bồi ít, cũng tùy theo có nghẽn hay không, nghẽn nhiều hay là nghẽn ít ; học-thuyết đang-thời không nói đến mấy cái nguyên-lý này, cho nên cứ người thì bảo lòng sông bồi, người thì bảo không, cãi nhau đến mấy trăm năm nay mà vẫn không ai chịu ai.

Nay đã thuyết-phá ra được rằng bồi là tại có chỗ nghẽn, lụt cũng tại có chỗ nghẽn, thế thì có muốn cho khỏi bồi khỏi lụt, chỉ mở rộng tất cả các chỗ nghẽn ra là xong. Trước kia không trị-thủy được, cũng là vì không cho nghẽn là có ngẫu - trở cho sự nước chảy, cho nên cứ lúng-lúng mãi. cái nguyên - nhân của sự nước lụt ở

một nơi, lại cứ đi tìm một nẻo, tìm bao giờ cho thấy. Đã không biết nguyên-nhân thì đề-chế cái hiệu-quả thế nào được.

Trên đó chỉ nói chung rằng nghẽn sinh ra lụt, nhưng nghẽn có nhiều thứ nghẽn : cầu cống nhỏ quá là nghẽn, đắp đê hẹp lòng sông lại quá là nghẽn, hoành-bổĩ ngăn nước lại là nghẽn, sông cong quá nước không chảy mạnh được cũng là nghẽn.

Cầu cống đê-bổĩ làm nghẽn sông lại thì ai cũng biết, còn như các khúc cong quá cong quá thì mới hẳn nước lại, chỉ cong vừa thì không việc gì. Sở dĩ cong quá mà nước hẳn lại là vì nước bao giờ cũng chảy thẳng, càng chảy mạnh bao nhiêu càng thẳng bấy nhiêu, cũng như xe-hỏa càng nhanh bao nhiêu thì đường sắt càng phải thẳng bấy nhiêu, cũng như xe bò đi chậm thì lượn vòng nhỏ được, xe ô-tô chạy nhanh không lượn vòng nhỏ được. Các khúc sông cong quá không phải là thiên-tạo ra cong quá thế, chỉ vì bỏ kè bên nọ đưa ngọn nước sang bên kia, hay là đắp đê bên nọ đưa ngọn nước sang bên kia, cho nên sinh ra thế. Các khúc sông cong quá nước không chảy mạnh được, cũng bành như người đắp nghẽn sông lại, cho nên chính-sách khai nghẽn phải nắn cả chỗ cong cho thẳng lại.

Chính-sách *nắn cong thông nghẽn*, cổ-nhân đã từng bàn đến, mà cũng đã có làm thử qua, thế mà không thấy kiến-hiệu gì là vì phép trị-thủy phải : 先從底處下手, là làm từ hạ-lưu làm trở lên ; nếu làm trên làm xuống, thì không những là không có hiệu-quả gì, lại có hại nữa : Khai chỗ nghẽn trên mà không khai chỗ nghẽn dưới, thì lúc nước lớn về chảy ồ qua chỗ đã khai ở trên mà xuống đến chỗ nghẽn còn lại ở dưới không thoát đi được, thành ra lại lụt to thêm ; ấy ở

Âu - châu cũng đã có nhiều việc bị khờ như thế, cho nên thủy - học ngày nay cho chính-sách « nắn cong thông nghẽn » là nguy-hiểm không dám dùng đến ; không nghĩ rằng cứ làm từ hạ-lưu làm trở lên thì không việc gì cả. Ở hạ-lưu nếu đã có chỗ nghẽn thì đầu khó khai đến đâu cũng phải khai, không có không xong, thế cho nên vua Vũ phải « tạc sơn thông đại-hải » là thế.

Nhà trị-thủy phải theo ba điều phương-châm :

Một là : *Thuận thủy chi đạo* 順水之道 (*laisser la nature libre de faire son œuvre*) ;

Hai là : *Bang thủy chi công* 帮水之功 (*aider la nature*) ;

Ba là : *Dụng thủy chi lực* 用水之力 (*tirer parti de la force des courants*).

Thuận thủy chi đạo, nguyên là chính-sách cũ của vua Vũ ; câu ấy nghĩa là trời sinh ra nước mưa xuống để tưới-dục vạn-vật, xong rồi phải chảy ra bể, ta nên thuận thiên-ý mà để cho nước chảy về bể cho chóng, chứ cứ bẻ giữ nó lại là nghịch-thiên, nghịch-thiên thì chỉ thiệt vào mình thôi. Cự-học cứ muốn chống lại với trời, cho nên vẫn thua, phải thú rằng không chống lại nổi ; nay ta không dám chống lại trời thì việc gì mà không nổi.

Bang thủy chi công, là giúp sức cho nước : Xen ý nước vào chỗ nghẽn, nó muốn đánh phá rộng thêm ra, ta nên phá rộng hộ cho nó chóng thành công. Nước chảy đến chỗ cong, nó bồi bên nọ phá bên kia muốn cho sông thẳng lại, ta nên nắn trước cho nó dễ chảy.

Dụng thủy chi lực, là dùng ngay sức nước để đào lòng sông cho sâu thêm.

Hai câu phương-châm sau tức là câu : *Hành kỳ sở vô-sự* 行其所無事 của vua Vũ ; *bang thủy chi công*, tức

là hành, mà dụng thủy chỉ lực tức là vô-sự, nói nôm là : ta giúp cho nước dễ chảy, rồi nước nó lại giúp ta mà đào sông sâu xuống.

Chính-sách này miễn là thi-hành cho hợp cách, làm từ hạ-lưu làm trở lên, thi thi-thố ở đâu được đấy, đây xin kể những việc ở Âu-châu làm chứng-thực:

Sông *Bièvre* cũ ở thành *Paris*, nay đã lấp rồi, cũng như sông Tô-lich ta, trước kia hay lụt lắm, đến năm 1716 chỉ mở rộng thêm mấy dịp cầu nữa mà từ bấy giờ trở đi không lụt nữa.

Sông *Moselle* ở *Lorraine* trước hay lụt chỉ vì có một cái đập (*vanne*) hẹp quá, đến năm 1778 nước to trôi băng đập ấy đi, về sau không đắp cái đập ấy lại nữa, thành ra khỏi lụt.

Sông *Ly* ở *Tỉ-lợi*-thì trước hay lụt cũng chỉ vì có cái tắc-giang (*barrage*) ở thành *Menin*, sau phá cái tắc-giang ấy đi mà khỏi lụt.

Sông *Escault* cũng ở *Tỉ*, kể cũng có lụt nhưng lụt sông ấy không có hại gì lại có phần lợi cho nông-gia, song vì sự vận-tải mỗi ngày một thịnh-vượng lên, mà sông ấy lại có nhiều cái cống (*écluses*) nhỏ quá, tàu bè đi không tiện, cho nên năm 1841, người *Tỉ* sửa-sang ở sông ấy cho lòng sông đều lại : những chỗ rộng quá thì đắp hẹp lại, mà những cống hẹp quá thì phá đi hoặc làm lại cho rộng. Các công việc ấy chủ-y làm cho dễ vận-tải, chứ không chủ-y trị-thủy, thế mà lúc làm xong tự-nhiên mực nước hạ xuống.

Sông *Meuse* ở *Tỉ* cũng hay lụt, đến năm 1880 bị một trận lụt to, lập một hội-dồng lên để tìm phương-sách trị-thủy và sửa-sang lối vận-tải cho tiện-lợi hơn nữa. Ý hội-dồng ấy thấy công việc sông *Escault* đặc-lực cho nên cũng dùng chính-sách ở sông *Escault*, nghĩa là đắp hẹp các khúc rộng quá lại, và

mở rộng các cầu cống hẹp quá ra. Công việc sông *Meuse* cũng được kết-quả viên-mãn như ở sông *Escault*.

Nước Hòa-lan địa-diện thấp hơn mặt bể, thường-niên bị dễ vỡ lụt hại vô-chúng, đã dùng hết cách để phòng-bị, nhưng vẫn không được, đến năm 1850, người Hòa-lan nghĩ rằng các con sông ở xứ ấy, không phải tại nước lớn quá mà sinh ra lụt, chỉ vì lằm băng, mà sông lại nhiều cầu nhỏ quá, nhiều khúc cong quá, lại lằm khúc rộng qua, hóa ra nổi những bãi cát lên ở giữa sông. Những bãi cát ấy, những khúc cong ấy và những cầu nhỏ quá ấy, cản những tảng băng lại, một tảng băng cản lại thì năm bảy tảng đọng lại ngay, dính lại với nhau thành ra một khối băng lớn chắn hẳn sông lại, không còn cái gì thoát đi được nữa, thành ra nước ứ lại hóa to, sinh ra vỡ đê. Nghĩ thế cho nên hội-dồng định rằng các khúc sông to quá thì đắp hẹp lại cho khỏi có bãi cát bồi lên ở giữa sông; các khúc cong nắn thẳng lại, các cầu nhỏ mở rộng ra, cốt-y cho băng không bám vào cái gì mà đọng lại được nữa. Công việc làm theo chính-sách ấy quả-nhiên thành-hiệu mà hoàn-cầu phải chịu người Hòa-lan khéo trị-thủy. Chỉ tiếc thay cho thủy-học ở Hòa-lan là vì có băng cho nên mới phải dùng chính-sách ấy, không biết rằng không có băng mà dùng chính-sách ấy cũng rất hay.

Sông *Vistule* ở Đức chỗ gần cửa bể, trước chảy cong-queo, đến năm 1840 có một trận nước to, tự-nhiên đánh phá một lối mới chảy thẳng ra bể, ngăn sông đi được 12 cây-lô-mét, từ đó nước to về rút thấp đi được một thước.

Sông *Isère* ở *Savoie*, sông *Danube* ở Đức và sông *Theiss* ở Phổ trước không có đê thường-niên bị lụt, đến cuối thế-

kỷ thứ 19 mới đắp đê lên; đắp theo lối mới không đê khúc nào to nhỏ khác nhau, không cong-queo rộng hẹp bất-thường như đê cổ ở sông *Loire* và sông *Nhĩ-ha* của ta, từ đó khỏi phải bị lụt, lợi cho nông-gia không biết chừng nào mà kể.

Sông *Tibre* ở Ý chảy qua thành *Rome* từ thượng-cổ vẫn nặng bị lụt. Cứ xem đất thành *Rome* cao có 9^m mà nước to lụt những 13^m66, thì biết rằng hại kẻ ngần nào. Năm 1870 lại bị một trận lụt rất hại, nên người Ý phải cố công mà trị-thủy cho được. Nguyên sông *Tibre* ở trên và ở dưới thành *Rome* cùng rộng - rất không việc gì cả, chỉ duy ở thành *Rome* thì có nhiều cầu đá cổ đồ xuống lấp nghẽn sông lại, nước chảy không trôi những tảng đá to quá ấy đi được, tàu bè đi lại quãng trên quãng dưới thì vẫn thông-dông, nhưng không đi qua thành *Rome* được, vì mắc những tảng đá ấy. Đến năm 1870, hội-đồng trị-thủy không những là nghĩ cách phòng nước lụt, lại còn sửa-sang lòng sông cho dễ vận-tải nữa, cho nên hội-đồng ấy định :

Đắp thêm cao đê lên, và xây coi kè lên đê phòng nước to ;

Khai những tảng đá cầu đồ ở thành *Rome* ra cho tàu bè dễ đi lại.

Tiểu thay đến lúc thi-hành, những đê và kè thì có nâng cao lên y như kế-hoạch, chỉ duy có việc khai lòng sông thì kế-hoạch định khai đến 100 thước suốt từ trên đến dưới, thế mà đến lúc thi-hành thì chỉ khai được có khúc dưới là đúng kế-hoạch, còn khúc trên lại chỉ khai được có ba mươi thước, thấy tàu bè đã đi lại được rồi thì bỏ không khai nữa. Đến năm 1890, có một trận nước lớn, sức cũng to ngang nước năm 1870, kể cũng đã có rút thấp đi được 1' 05, nhưng mà giá khai được lòng sông ra cả như kế-hoạch đã

định thì còn rút đi được hai ba thước nước nữa, mà không phải coi đê coi kè gì cũng được. Ấy một việc làm kè cũng đã có thành-công, nhưng việc cốt-tử lại bỏ dở-dang, thế mới biết rằng người Ý tuy trị được thủy, nhưng cũng chưa hiểu rõ rằng tại làm sao mà được.

Sông *Rhin*, hồi trước tỉnh *Alsace Lorraine* vẫn thuộc về Pháp, thì sông ấy là địa-giới, bờ bên nọ thuộc về Pháp, bờ bên kia thuộc về Đức, trước kia cũng lụt mãi, đến năm 1827, có một ông kỹ-sư Đức tên là *TULLA* nói rằng những vụ nước to mà nước lên cao quá, đồng-điền lại thấp quá, chính là tại các công việc người ta làm ở hai bên sông, thứ nhất là tại cách đắp đê vụng. Muốn cho khỏi nước lụt thì chỉ có một cách nắn sông cho thẳng là được thôi. Ông *TULLA* có kể rằng năm 1780 *CHARLES FRÉDÉRIC* trị thủy sông *Murg* cho khỏi lụt hại tỉnh *Rastadt*, nắn sông lại cho chảy thẳng vào sông *Rhin*, từ đó sông *Murg* khỏi lụt. Ông Hoàng *CHARLES THÉODOR* cũng nắn lại sông *Necker* mà tỉnh *Mannheim* khỏi lụt. Chính tay ông *TULLA* cũng đã nắn sông *Linh* ở Thụy-sĩ mà rút thấp nước xuống được hơn 7 *pieds* (pié bằng độ tám chín tấc ta); còn mấy con sông ở Thụy-sĩ nữa mà cũng chỉ nắn lại mà thành công; những con sông ấy là sông chảy mạnh cả. Ngay ở sông *Rhin* cũng đã có một khúc nắn năm 1818 rồi mà hạ được 5 *pieds* nước xuống. Ông *TULLA* chiêm-nghiệm các công việc ấy mà trù thành một bản kế-hoạch nắn cả sông *Rhin*, nói rằng cả hai bên, bên Pháp bên Đức, cùng phải theo kế-hoạch ấy mà nắn dần sông *Rhin* lại thì mới khỏi lụt. Các ông kỹ-sư Đức thì lấy kế-hoạch ấy làm phải lắm, nhưng các ông kỹ-sư Pháp không chịu, cứ kể những học-thuyết cổ ra mà cãi, nói rằng nắn thẳng lại thế, thế nào cũng sinh ra

nước chảy rối loạn (*perturbations*), và sông thẳng khó lòng mà giữ mãi cho được thẳng. Hai đảng kỹ-sư cứ cãi nhau mãi, không ai chịu ai, về sau bị mấy trận lụt nữa, đến năm 1840, đôi bên chính-phủ mới giải-hòa được, rồi làm theo chính-sách của ông TULLA, từ đó sông *Rhin* đỡ lụt đi được bao nhiêu. Còn bốn con sông khác ở Pháp vẫn chịu lụt mãi, đến về sau này mới đỡ.

Tại làm sao mà bốn con sông ấy về sau đỡ lụt?

Chỉ vì rằng các con sông ấy có nhiều cầu đá cò. Cầu đá đã nhỏ mà chân cầu thâu cầu lại to, chướng không thoát nước đi được, đến rầm sáu mươi năm nay mới làm được cầu sắt, mỗi một trận nước lớn về đánh đổ một, vài cái cầu đá cũ thì người ta làm thay cầu sắt vào đấy; cầu sắt mảnh-rẻ rộng-rải dễ thoát nước cho nên mới đỡ lụt.

Xem các công-việc kể trên đó, thì biết rằng chính-sách nắn cong là một chính-sách thông nghệ là hai, hai chính-sách ấy thi-hành ở đâu được đấy, chỉ trừ khi nào thi-hành ở thượng-lưu mà ở hạ-lưu còn dễ nghệ dễ cong là không được thôi; nên cứ theo « tiên tông đề xứ hạ thủ » thì làm ở sông nào cũng được.

Lý-thuyết và thực-hành, hai đảng cùng hợp nhau, thì không còn điều gì nghi-ngại nữa. Nay ta dùng chính-sách đó mà trị con sông *Nhĩ-hà* thì nhất-quyết thế nào cũng thành-công.

Nay xét địa-thể Bắc-kỳ ta, kể Hòa-binh, Tuyên-quang, Yên-bái, Lào-kay, cũng có lụt, nhưng mà thượng-du hiện chưa mở-mang ra được mấy, để về sau sẽ kinh-lý đến cũng được, phương-sách đã dó rồi thì kế-hoạch không khó gì cả, cứ thấy chỗ nào cong quá thì nắn thẳng lại, chỗ nào nghệ thì mở

rộng ra là được. Còn như *Phủ-thọ* tuy cũng có lụt, nhưng mà hệ rút hết được nước ở *Việt-tri* đi thì *Phủ-thọ* tự-khắc không lụt nữa.

Muốn rút cho hết nước ở *Việt-tri*, trước hết phải biết nước to nhất ở đấy là bao nhiêu. Nước vài mươi năm nay tuy lên cao thật, nhưng cũng không to bằng năm *qui-ti* (1893). Năm ấy ở *Việt-tri* mỗi một cái tích-tắc đồng-hồ (*une seconde*) có 35.000 thước nước chảy về; đó là số nước to nhất của sông *Nhĩ-hà* đó. Bây giờ phải làm làm sao cho thoát được số nước ấy thì không sợ lụt nữa. Muốn cho sông thoát được bấy nhiêu nước ra bể, thì hãy tạm bỏ con sông *Nhĩ-hà* cũ đi không nói đến vội, kể như bây giờ phải đào một con sông mới, dài là bấy nhiêu, sâu là bấy nhiêu, thì phải rộng bao nhiêu cho đủ sức tiêu nước. Phép tính đó đã có thủy-học thành-pháp của ông *BAZIN* đem ra mà tính thì không sai được. Theo phép tính ấy tính ra thì thấy hệ sông ở *Việt-tri* rộng được 805m. và càng xuống hạ-lưu càng nở ra đến cửa bể rộng được 1550m, thì 35.000 thước nước tiêu được hết ra bể. Đó, nếu không có con sông *Nhĩ-hà* cũ mà đào được một con sông mới như thế là khỏi lụt, nhưng mà ta đã sẵn có con sông cũ thì cứ sửa-sang nó lại cho nó hợp kích-thước như sông mới là được. Xem con sông cũ, nhiều khúc toàn là rộng hơn sông mới cả, duy có sáu khúc là hẹp hơn; sáu khúc ấy là:

- Một khúc ở Trèm Vẽ;
- Một khúc ở Thanh-tri;
- Một khúc ở Văn-giang;
- Một khúc ở Khoái-châu;
- Một khúc ở Nam-xang;
- Một khúc ở Thái-bình.

Những khúc ấy, sông vừa cong vừa nghệ, lại chỉ còn độ 400 thước thôi, vì thế nên sinh ra lụt. Bây giờ chỉ mở rộng sáu khúc ấy ra cho đúng

kich - thước sông mới là xong. Mở rộng ra tức là lùi một bên đê ra, nhân thế phải lùi một bên đê, ta liệu xem lùi thế nào cho con sông thành ra thẳng-thiu, khúc trên ăn với khúc dưới, chứ nếu mà bạ đầu lùi đấy rồi sinh ra thượng-lưu không kế-tiếp với hạ-lưu, thì sông lại khúc-khủy không nên. Vả lại những khúc sông rộng quá, sau này còn phải thu hẹp lại để cho sâu đáy xuống cho tàu bè dễ đi, nên phải có một cái kế-hoạch của toàn-cục cả một con sông thì công-việc làm mới đích-dáng. Vì thế cho nên tuy bây giờ chỉ phải lùi có sáu khúc đê, mà phải làm kế-hoạch suốt cả con sông từ Việt-tri trở xuống để định trước rằng về sau con sông phải thành như thế nào, phòng khi có làm công việc gì ở bên sông thì phải chừa lòng sông đã định ra, còn ở ngoài thì tha-hồ làm gì thì làm, không có hại gì đến thủy-thế cả.

Công việc hiện-tại phải làm ngay thì chỉ có lùi sáu khúc đê ấy, cộng cả thủy dài có 82 cây-lô-mét, và phải đào hơn 100 cây lạch nhỏ để cho nước vào, đến khi nước lớn, bên sông mới thẳng hơn dốc hơn sông cũ, nước bên sông cũ chảy chậm, bên sông mới chảy nhanh, dần dần sông cũ bồi thành ruộng, mà sông mới thì tự-khắc nước đánh phá rộng ra, không phải dùng nhân-lực đào lấp, cũng như sông Vị-hoàng Nam-dịnh, lúc đào có ít thôi, thế mà bây giờ thành ra rộng thế, sông cũ thì đã bồi lấp hẳn đi rồi. Công việc tính ra cả tiền mua đất mua ruộng đê, đào sông đắp đê, và tiền phí-tồn cho các nhà phải chạy đi nơi khác, tất cả chỉ năm triệu rưỡi bạc (5.500.000) là xong.

Chính - sách này thì - hành nhất - quyết thế nào cũng thành-công, vì rằng không những nhiều việc làm như thế mà được rồi, lại còn tự-cổ dĩ-lai chưa có việc nào làm khác mà được bao giờ, suy thế thì biết rằng tha-hồ muốn xoay cách gì thì xoay, còn dùng chính-

sách khác còn hỏng mãi, bao giờ dùng đến chính-sách này mới xong.

Chính-sách này lại còn hai điều lợi rất lớn nữa :

Một là hiện bây giờ tỉnh Hà-dông, Phủ-ly và một nửa tỉnh Nam-dịnh, đê bao bốn mặt, nước trời mưa xuống không có lối tiêu, thành ra lụt nước mưa, như năm nay tuy không vỡ đê mà mùa-màng mất cả ; nếu chừa sông Cái lại như kế-hoạch này thì không cần phải đê sông Hát-giang cho thoát bớt nước lớn nữa, lấp ngay cửa sông ấy ở Sơn-tây lại, thì nước sông Hát-giang bao giờ cũng thấp, nước mưa xuống Hà-dông, Phủ-ly, Nam-dịnh, đều chảy xuống sông ấy tiêu đi không lụt nước mưa nữa. Cái lợi ấy cũng không phải là tầm-thường vậy.

Điều thứ hai là khai các chỗ nghẽn ra, nắn các chỗ cong lại, thì nước chảy mạnh hơn trước, nước chảy mạnh hơn thì đào sông sâu hơn, tàu bè dễ đi lại ; ấy lại là một điều rất quan-thiết cho sự tiến-hóa của xứ nhà đó. Song sông còn nhiều chỗ rộng quá, rộng quá thì nông, sau này dần dần sẽ dùng chính-sách « *dì đê thúc thủy, dĩ thủy quát sa* », đắp hẹp lòng sông lại cho sâu thêm. Sản có tiền không phải mua đá bỏ kê nữa, đem ra mà làm, bao giờ thu hẹp lòng sông lại từ Việt-tri cho ra đến bề, y như kế-hoạch đã định, thì đáy sông sẽ được chỗ nào cũng sâu mười thước nước, tàu bè có thể vào tận Việt-tri được, thì lợi cho nông công thương ta biết là dường nào.

Công việc lúc chưa biết ra thì thiên nan vạn nan, mà lúc đã biết ra thì dễ như giở bàn tay, chỉ còn khó có câu rằng không biết có ai lấy cái tình-cảnh dân bị lụt làm thương-tâm không ? Có ai thấy những người chết trôi chết nổi mà chưa xót thay cho không ? Có ai muốn cho xứ Bắc-kỳ ta được thịnh-vượng không ?

NGUYỄN CẢNH

Cung-kang Nam-phong tạp-chi.

Nam bắc xa nhau mây núi sông,
Chết duyên hãm-mặc gió cửa cũng.
Vạn huân hờ, hờm còn vui mát,
Ngon bát hải, hoa trâm vầy-vũng.
Năm ve tốt, kước cảnh Việt-nam;
Nhiều công, um-lời báo Nam-phong;
Mười năm lẻ, đã nhiều tâm huyết;
Sau trước mừng cho vẫn một lòng.

Chiên-kương Trần Quốc-Sơn.

Lã-kien, mồng 10 tháng 8, năm mậu-thìn.

HI-LONG DI-THẶNG

希龍遺乘

Dật-sử một nhà nho nước Nam : Cụ Đặng Xuân-Bảng tự Hi-Long. (1)

II

VI

Vào làm Ngự-sử trong triều,
Thờ vua hết đạo mấy điều can
khuyến.

Triều vua Tự-dức thứ mười bốn
(Tây-lịch năm 1861)

Ba-mươi-tư tuổi, thăng Giám-sát-ngự-sử, ông tính cương-trực, triều-dinh có sự gì lợi hại, cứ ý-kiến tâu vua nghe, không húy-ky.

Chức Ngự-sử, ngự-giá đi đâu, phải đeo nghiên bút theo hầu. Lúc ấy vua hay đi tuần-du; tháng ba ngự-giá ra làng Thiên-thụ lễ tảo-mộ. Lễ xong, sắc phải chỉnh-bị nghi-vệ ra sân-bắn ở chỗ Đông-lâm. Ông tâu: « Lễ thanh-minh vừa xong, nay nhà vua đã vội đi săn-bắn, sợ không hợp lễ. » Vua phán rằng: « Đi săn-bắn chim muông để cung tế - tự, cũng là cở - lễ thừa xưa. » Ông lại tâu: « Cở-lễ nhân việc tế-tự mới đi săn-bắn, nay không có việc tế-tự mà đi săn-bắn thì lễ ở đâu? Và chẳng ở làng Thiên-thụ ra chỗ Đông-lâm, đường xa kể mấy dặm, sợ theo nhọc dân-phu. . . » Vua không nghe, phán rằng: « Việc chi mà dân nhọc, nhà ngươi có nhọc thì trăm không cần nhà ngươi đi. »

Khi ấy ông Nguyễn Thanh-Hương làm bổ-chính tỉnh Bắc-ninh can về

việc quan tri-trệ; vua giao cho dinh-nghị. Đinh-thần tâu xin cải bổ chức biện-lý bộ Binh.

Ông tâu: « Chức biện-lý là ấn-quan ở Kinh-đô, lệ được ở trên tư phiến, tờ niết; nay người Hương không có tài cán, đã không kham nổi chức Bổ-chính, sao kham được chức « Tá-nhị-bộ-đường »? Phụng-chi hồi mới rồi ông Tôn-thất Lệ làm Bổ-chính tỉnh Khánh-hòa, can việc chính - sự bị-nhuễn cải-bổ chức phó-sứ Sơn-lãng. Người Hương người Lệ cùng một tội mà phạt khác, kẻ hạ-thần sợ không hợp lễ công binh. »

Vua phán rằng: « Tội người Lệ bị-nhuễn trăm biết rồi; người Hương trăm không biết người thế nào, nên giao dinh-nghị. Nay người lại chực kháng-cự cả dinh-nghị hay sao? »

Ông tâu: « Muốn tâu thành-thượng, xin thành-thượng xét lại lý-lịch của người Hương. Trước ở Bắc-ninh can việc đánh giặc thua, bỏ thành chạy. Án ấy hiện giao cho dinh-nghị, bắt người Hương phải cách lưu, hiệu-lực đi đánh giặc để chuộc tội; chưa chuộc dặng mà lại nghiêm-nhiên ở chức Tá-nhị-bộ-đường, sao cho xứng-dang? »

Vua nghe lời, lặng ngắt.

(1) Tiếp theo kỳ trước, N.-P. số 132

Thời bấy giờ ông Nguyễn Đình-Tân, là ngoại-thích nhà vua, làm Tổng-đốc tỉnh Nam-định, giết hại dân Gia-tô. Bên Gia-tô các thầy cả và người bần-đạo cũng kiên-nhẫn. Ông Tân bắt họ bước qua chữ Thập, nếu ai bước qua thì tha cho tội chết; họ nhất-định không nghe, chết dành chịu chết. Chữ Thập là cái vật kỷ-niệm đức chúa « Giê-su » chịu tội cho thiên-hạ, nên phải kính-trọng, không dám bước qua. Vì thế họ bị giết cũng nhiều. Nhân gặp triều-đình cùng với nước Pháp giảng-hòa; dân Gia-tô được tự-do giảng-đạo. Ông Tân có ý lo sợ, xin từ chức về Kinh; nếu nhà vua không cho về, xin giao kiểm-ấn cho phiên-ti-niết quyền-chưởng mà cũng xin về Kinh đãi tội. Vua không cho.

Ông tâu rằng: « Ông Tân nay có ý tự-ngụy, nếu không cho về, vạn-nhất ông ấy bỏ ấn-tín đi thời triều-đình xử-tri thế nào? »

Vua phán: « Nam-định là tỉnh lớn, trăm lạy làm khó có người thay; người lựa có ai xứng chức, cho phép người cử-tri. »

Ông tâu rằng: « Tổng-đốc là chức thượng-tư, quyền ở thánh-thượng đặc-giản; kẻ hạ-thần chức nhỏ dám dẫu thiện-cử. Nay tuân lời thánh-thượng phán, kẻ hạ-thần trộm nghĩ có viên Tham-tuì bộ-Lại Thân Văn-Nhiếp, thứ nửa thời có Đào Khả, đương chức Tham-tán Hải-yên. »

Vua nghe lời phê cử ông Đào Khả thay ông Tân; cho ông Tân giải chức về triều.

Ông Vũ Thục (người Bắc-ninh) là bạn đồng-liêu với ông, làm Bổ-chính tỉnh Gia-định. Quân nước Pháp đánh Đà-nẵng không được, kéo vào Gia-định đánh cửa Cần-giờ. Chiếu quan Tổng-đốc Nguyễn Tri-Phương đem quân đến đánh. Quân nước Pháp bực giữ

tỉnh - thành. Ông Thục cùng với quan Tổng-đốc Vũ Duy-Ninh bỏ thanh-chạy. Quân Pháp bắn chết ông Ninh. Ông Thục chạy thoát được, can tội thất-thủ, bèn xin mộ binh để hiệu-lực, vua cho. Nhân triều - đình cùng nước Pháp giảng-hòa, ông Thục có ý sợ; đến kể chuyện với ông muốn xin cáo về, hỏi ý ông nghĩ nên chăng thế nào. Ông nói nên cáo phải.

Khi cáo về, ông có thơ tiễn chân:

Cuộc Âu Á xui nên gió bụi,
Phận bắc nam giong ruồi đường mây;
Chín trùng lệnh lịch vừa đây,
Xếp nghề bút mực ra tay còn-quyền.
Vì địa-lợi gây nên thù-hấn,
Cửa Cần-giờ mấy trận xông-pha;
Ơn vua có nghị giảng-hòa,
Phúc người nhưng cũng phúc ta phần
[nhiền.

Sóng bể hoan liêu chiều tránh tước,
Cảnh non xanh nhớ ước ngày xưa;
Mấy lần gió đợi trăng chờ,
Quan-sơn giấc mộng bầy giờ mới yên.
Tòng với cúc là duyên tri-kỷ,
Rượu cùng thơ là nghĩa tương-đần;
Khi non Đông-cửu cây trầu,
Khi sông Thiên-đức thuyền câu vẫy
[vùng.

Hỏi thế-sự biết không không biết,
Lão nhà què rượu tít thể thôi;
Non non nước nước làm vui,
Doanh thâu cuộc ấy thoảng ngoài gió
[đông]

Lúc ấy vua sai ông Phan Thanh-Giản sang nước Pháp chuộc ba tỉnh Nam-kỳ: Gia-định, Biên-hòa, Mỹ-tho. Ông tâu rằng: « Đông-giới ba tỉnh đã nhượng cho nước Pháp năm 1859, mà nước Pháp chiếm chỗ ấy để định căn-cước, tương-lai cũng có ý mưu-dở sự khác; nay đòi chuộc lại không chắc nước Pháp đã nghe. Vả lời ước nhượng-địa triều - đình đã nghiệp thuận ký rồi, nay lại đòi chuộc, người ta trách mình bội-ước, thời biết nói làm sao? »

nếu người ta cho chuộc nhưng đòi nhiều tiền thời lấy gì mà chuộc. Nếu chuộc được sau này vị-tất đã giữ được, lại sinh ra hiềm - khích. »

Vua không nghe, phán rằng : « Xứ Nam-kỳ là của tiền-công ngày trước khai-sáng khó-nhọc, không chuộc lại được, lòng trẫm không yên. »

Bèn sai ông Giản đem quốc-thư và đem tiền-bạc sang thành Ba-lê, vào yết-kiến vua Nã-Phá-Luân đệ-tam ; xin chuộc lại, nước Pháp không cho, lại có ý không bằng lòng.

Đến năm 1863 người Pháp lại lấy tây-giới ba tỉnh : Vĩnh-long, Châu-đốc, Hà-tiên. Tự dấy Nam-kỳ đồng tây sáu tỉnh đều về tay người Pháp quản-lĩnh. Ông có bài thơ cảm-hoài :

*Sáu tỉnh quanh tròn chín khúc sông,
Nhớ xưa khai-sáng phí bao công ;
Đồng tây đất vẫn miền Chân-lạp,
Nam bắc người chung giống Lạc-
Contao trên người nên gió bụi, Hồng ;
Aph-hùng ngàn nối với non sông ;
Địa-đồ nêi về ngày thêm mới,
Hỏi cỏ hoa này có biết không.*

Vua sai ông xét việc án quan Thủy-sư đó-thống Vũ Phạm và quan Tham-tri bộ Binh Nguyễn Luận. Hai người tham-hặc nhau về việc Đặng Trứ-Tham và Nguyễn Luận những-tệ. Nguyễn trước Phạm với Luận hai người ghét nhau mà Trứ cùng với Luận cũng có cựu-hiềm. Phạm xui Trứ tham-hặc Luận.

Ông đến tòa Tam-pháp, đòi Phạm Luận lại đối-chất. Hai người ấy cãi nhau, không chịu khai tỏ. Ông mắng rằng : « Hai người thật mạn phép triều-dinh. Tôi tuân mệnh vua tới đây để xét việc hai người, có thể nào thì cứ thiệt khai giấy, phải trái đã có công-nghị triều-dinh. Chốn Tam-pháp này không phải là chỗ hai người cãi nhau. Pháp-

luật cũng ở tay các người, mà còn như thế thời bảo dân làm sao ? » Bèn lập-tức gọi to-thuộc thảo tờ tấu. Luận, Phạm sợ xin lỗi và xin sớm mai nộp tờ khai, ông mới thôi.

Hỏi đến các viên-biên thủy-sư thời ra Phạm cùng Trứ xui lũ ấy khai giấy đều đồ tội cho Luận tham-những. Ông biểu rằng : « Luận thực đáng tội, nhưng lũ người cũng là quan - chức triều-dinh mà lại siểm-mị thượng-tư, như thế thì lũ người đã chắc khỏi tội chăng ? Nay lũ người đã khai tờ thời ta cũng nhận ; nhưng sau này có tội đừng trách tại ta. » Các viên-biên thủy-sư về nói với Trứ đến kêu xin khoan-thứ cho. Ông nói : « Thủy-sư quân-suất hơn bảy mươi người ; Luận là chức thượng-tư, những người quân-suất là thuộc-viên, vãng-lai tình-tiết là thường. Nay những việc nhỏ-mọn, một con gà, con vịt cũng khai ra như thế, thời phải đòi hỏi tra xét hơn bảy mươi người, thêm bận giấy-má. Luận tội cố-nhiên, nhưng quan dưới mà a-mị quan trên ; xét điều hạnh-kiềm hữu - khuy, chiếu luật tội cũng đáng cách cả. Nay tờ khai ta đã nhận rồi, nhưng lòng ta không nỡ, sợ tương-lai án thành thời lũ bảy-mươi người đều phạm tội, cũng bởi tờ khai này kết thành một cái tội-nghiệt to. »

Trứ ngẫm - nghĩ hồi lâu rồi kêu : « Việc ấy làm, xin cho lũ ấy khai giấy lại. » Ông bằng lòng cho. Kết việc ấy tâu vua nghe. Sau Luận can cách, Phạm giáng bốn cấp, còn quân-suất hơn bảy mươi người đều được miễn-nghị.

Lại có một việc Nguyễn Tiến ở Huyện Tiên-du tỉnh Bắc-ninh can việc đánh đũa ăn trộm, hai giầu phạm mang tai. Đũa ăn trộm chết. Tỉnh-thần nghĩ kết luật giết người, bắt phải tội đồ. Ông tâu rằng : « Luật thiện-sát là khi đũa ăn trộm đã bắt được

mà mình lại cố-tình đánh chết nó, mới phạm luật ấy. Còn như ban đêm dứa ăn trộm vào nhà mình, nếu không đánh nó, nó cũng đánh mình để tẩu-thoát. Nay nghĩ-xử người Tiến tội cố-sát thời sợ tương-lai ai còn dám đánh dứa ăn trộm nữa. Việc này mà xử tội đồ thời phỏng có người đã bắt được trộm mà cố lòng đánh chết thời xử vào tội gì? Nghĩ xin bắt người Tiến phải nộp tiền mai-táng và cấp-dưỡng cho nhà dứa chết rồi tha cho về, thế mới hợp lẽ công-bình.» Vua nghe.

Lại bác một cái án Trần Quang-Diệu phải xử lăng-trì. Diệu là tú - tài ở huyện Sơn - dương, tỉnh Sơn-tây, cùng với tên Chánh-tổng Kiểm kiện nhau, phải giam ở huyện. Nhân gặp giặc vào phá huyện, bắt Diệu phải nhận ấn-tín để sức bắt dân-phu canh huyện. Đến ngày hôm sau giặc bỏ huyện đi. Diệu sợ, đến trước cửa quan huyện xin thú. Quan huyện bắt phải làm tờ khai; nhưng huyện-phổ bị giặc đốt cháy, không có bút giấy. Diệu xin khất về lấy bút giấy khai tờ. Bấy giờ Kiểm thù Diệu, bắt Diệu giải sang huyện Đồng - hỷ thuộc tỉnh Thái - nguyên, và bắt cả cái trát sức về dân bắt dân-phu canh huyện, có chữ Diệu, đem trình. Sau tỉnh-thần kết án Diệu phải tội lăng-trì, xử-tử,

Ông tâu lên vua rằng : « Người Diệu là người khoa-mục mà chịu ngục chức, tội thực đáng chết. Nhưng vì phải giam ở huyện, giặc nó bắt phải nhận ấn-tín, chứ không phải người Diệu có chí mưu ngục ; khi giặc đi tên ấy đã ra thú ; hiện có giấy viên huyện Sơn-dương bầm làm bằng. Nghĩ xin lượng thứ cho người Diệu tội tử mà bắt phải đi nã - phạm để chuộc tội. » Vua cũng chuẩn-y như lời tâu.

Khi làm Ngự-sử có ba bài sớ về việc dân, việc binh, việc tài, như sau này :

1° Sớ tâu việc tài-chính.

« Lý-tài là một cái vấn đề rất quan-khẩn. Ngày nay bàn về tài-chính, ai cũng đổ lỗi quân-xưởng nhu-phi nhiều, nên của dùng không đủ. Nhưng kẻ hạ-thần trộm nghĩ, của thiếu không phải tại về dùng binh mà tại về xa-phi. Xem như triều vua Gia-long khi mới mở nước, địa-giới còn hẹp, phú-thuế so với ngày nay mười phần chỉ có một phần, Thế mà bên bắc đánh chúa Trịnh, bên nam đánh được nước Xiêm, nước Chân-lạp ; không ngày nào là không dùng binh, mà lại mở-mang được xứ Nam-kỳ để quốc-dân được hưởng cái địa-lợi ấy. Khi ấy cung-thất, bách-quan phụng-dưỡng, cùng các đồ dùng còn theo lối cũ, không có xa-xỉ như bây giờ. Đến triều vua Minh-mạng mới sai sứ sang Tàu sang Tây mua kiệu và các thức đồ dùng đem về. Từ bấy giờ các nhà quan mới ưa dùng đồ ngoại-quốc ; sau dân-gian cũng bắt thói, đua nhau dùng, lấy thế làm sang. Không những là giấy đề làm vàng, mã, chèo, phèo, những phi vật đi đến là đồ của nước Tàu. Kể một năm tiền của nước mình tiêu-tiết ra ngoài biết mấy mươi vạn. Đến như cung-thất trang-hoàng, phục-dụng xa-xỉ, cũng là lẽ khánh-hạ và tế-tự theo như hội-diễn nước Tàu, dần-dần đến nay lại xa phi hơn trước. Xét như số chi-thu ở bộ Hộ, có năm thóc thuế thu được một trăm sáu mươi bảy vạn hộc, chi tiêu hết một trăm ba mươi ba vạn ; tiền thu vào được một trăm sáu mươi ba vạn, chi tiêu ba trăm chín vạn có thừa. Có năm thóc thuế thu vào một trăm hai mươi bảy vạn, chi tiêu đến một trăm ba mươi tám vạn ; tiền thuế thu vào được năm trăm năm mươi sáu vạn, chi tiêu đến bốn trăm ba mươi bảy vạn có thừa. Đem số chi đối với số thu có năm thừa lại có năm thiếu, thế thì của trong nội-kho chi-dùng không đủ, phương-chi dân-gian. Tức như năm Tự-dức thứ sáu, khi ấy

giặc bề chưa nổi, không phải dùng gi đến binh-xương. Viên Đặng Văn-Hòa Thượng-thư bộ Hộ đã có sớ tâu: «Tiền thóc kho không đủ tiêu dùng, xin phải tiết - kiệm». Xem thế biết của thiếu không phải tại dùng binh. Nghĩ nên theo như chế sách của viên Nguyễn Đăng-Quế, xin các cung-thất phục-dụng cùng là dinh-thực khí-dụng, toàn theo như lệ triều vua Gia-long, chàm-chước thi-hành. Lại xin sắc cho bộ Công bộ Lễ bàn định, miếu-vũ chỗ nào nên hợp-tự, quan-lại chỗ nào nên lĩnh-giảm thì lĩnh-giảm để khỏi hư-phí.

« Một lẽ nữa hại cho vấn-đề tài-chính là những người Khách buôn gian-đảo trăm đường. Đồ hàng-hóa ở Tàu đưa sang, mỗi ngày đánh cao giá mãi lên; bộ Hộ có giảm giá thì nó không chịu đem đủ đồ, tuy những người buôn nhận tiền mua đồ đã cứ sở tại Minh-hương, Thanh-hương làm giấy bầu kết, có sai thủ thời cứ người bầu kết trách bồi nhưng số tiền thiếu nhiều, tịch-bồi gia-sản không đủ; thông tính những tiền giao cho khách buôn mua đồ, cùng với số tiền thuế nhập-cảng miễn-xá cho nó đến gần hai mươi vạn, Như thế thời của Nội-phủ khiếm-khuyết nhiều. Nghĩ xin, trừ ra những thuốc bắc và áo triều-phục thời dùng đồ nước Tàu, còn như đồ khí-dụng ban thưởng cho các quan, nên cấp tiền, không nên cầu-nê dùng thực-sắc, nghĩa là chuộng những đồ ngoại-hóa thời tài-mẫu của mình tiêu-tiết ra ngoài. Nếu không biết tiết-độ thời của Nội-phủ và của dân-gian một ngày một hao-lấn đi. Lỡ gặp phải năm đại-hạn, hoàng-trùng hoặc thủy-lạo thời lấy gì mà chi dùng. Kể hạ-thần sợ trong nước mười lăm năm nữa, xa-xỉ lại gặp mười bảy giờ. Vậy nghĩ xin sắc cho bộ Lễ nghiêm-định điều - lệ, phạm chỗ vương-công, phủ-đệ cho đến dân-gian nhất-thiết không được dùng bắc-hóa, trừ ra có ăn-quan trở lên mới được dùng mà thôi. Dân-gian các đồ dùng

thời phải mô-phỏng những đồ ngoại-quốc mà tự chế-tạo cho được tinh xảo; như là đồ tơ lụa, đồ bát đĩa, người nước mình dùng của mình có phần tiện hơn. »

2° Bài sớ về dân-chính

« Năm Tự-đức thứ mười lăm, có sớ rằng: « Triều-dinh lệ năm năm một lần kiểm-duyet, lại có lệ xã nào tăng đinh thì được thưởng, lậu đinh thì phải phạt, lập phép rất nghiêm ngặt. Nay lại sắc cho các viên phủ huyện thân-hành xét các dân xã bắt phải tặn số đăng-tích. Nhưng tướng pháp lập tệ sinh, không thể nào đề-phòng cho hết được. Các phủ huyện thừa hành, kể nào công-minh cũng không dám làm lộn-pháp, sợ dân oán; kể nào tham-những thời tạ-sự để mưu lợi riêng; xã nào dứt tiền thời cho giảm đinh, xã nào không tiền thời bắt tăng lên. Triều-dinh không được lợi mấy mà dân-gian phiền-nhiều bị tay hoạt-lại thêm bớt, lại sinh ra một cái tệ-doan. Xã tăng đinh chữa hẳn là dân tru, xã giảm đinh chữa hẳn là dân háo. Xem như trước có lệ tăng đinh, những người thừa-hành thường thường hư-trương đinh-số để cầu ban thưởng. Gần mấy năm nay gặp lúc binh-chiến, lúc tật-dịch, hoặc thủy-tai, các dân-xã kêu xin giảm đinh, mà các giấy-má còn đoi-tích ở bộ Hộ, Triều-dinh cũng chưa xét xong. Dân-xã vẫn thường khổ-khối mãi. Nay lại hạ lệnh các dân-xã tặn dân-số đăng-tích, hạ-thần lại sợ thêm những cho dân. Tạo-vật có lúc thường lúc biến, dân-sự có lúc thịnh lúc suy. Đương lúc thái-bình vô sự, sinh đẻ ngày thêm ra. Nhưng lúc gặp phải binh-chiến, động xương chắt chỗ chiến-trường, lúc gặp tật-dịch, giống người về họ nhà ma, — gặp lúc thủy-lạo, xác người chôn ở bụng cá, đầu tai trôi nhưng cũng là kiếp-vận người. Những sự bất-trắc không thể phòng

trước được. Kia xem các nước Âu-châu, gián cũng bị địa-hãm cùng là hỏa-diêm-sơn, làm cho người trong một xứ phải tiêu-biệt. Thế thì biết tạo-vật cũng có ý thừa-trừ.

Thử xem số đinh xứ Bắc-kỳ khi cuối đời nhà Lê tính hai mươi sáu vạn ba ngàn chín trăm chín mươi người, đến triều vua Gia-long năm thứ sáu, tính số chỉ có mười chín vạn ba ngàn ba trăm tám-mươi-chín người. Dần đến năm thứ mười tám, thông-tính cả Trung, Nam, Bắc ba kỳ có sáu-mươi-năm vạn đinh, đến triều vua Thiệu-trị năm thứ mười-bảy tăng đến hơn một trăm vạn đinh. Đến năm thứ mười-tám chỉ còn tám-mươi-năm vạn; xem thế biết là chừng-nghiệm. Phương-chỉ cận-lai gặp lúc chinh-chiến dân-cư bị tàn-phá cũng nhiều. Lại phải trời làm tật dịch, dân đinh lưu-tán, một ngày số hao đi; phủ huyện không thể mình-trích được. Nay lại bách lý-dịch phải truy-tầm những dân lưu-tán, giã-hạn cho năm năm, ba năm hoặc một năm, để sung điều đình-ngạch. Thiết-tưởng người đã phải lưu-tán, nay ở phương này, mai ở phương khác, tìm lối sinh-nhai, bước binh-bồng không có định-hạn, biết đâu mà tìm. Hoặc có đũa nhớ đến quê cha đất tổ thời tự nó phải tìm về, không đợi đến lý-dịch phải truy bắt. Nhưng trong mười đũa chỉ được một hai đũa mà thôi. Đến khi nó về làng lại sợ kỳ-lý sách-nhiều về sự khai báo tồn-phí; thấy đũa nào có bát ăn lại biểu nó bỏ làng, hạch-sách mọi sự, bắt nó phải nộp lệ cũ thời mới cho vào làng; đó là cái thói lý-dịch xưa nay như thế. Vậy sự giã-hạn bắt phải chiêu dân về rất là không tiện. Nghĩ theo như đình-bạ năm thứ mười bốn, xã nào đình-số bao nhiêu, tiền thuế bao nhiêu, cước gạo bao nhiêu, phần chịu binh-ngạch bao nhiêu, làm thành sổ-sách cho có định-chuẩn; nhưng không phải kê

rõ tinh-danh từng người, cũng theo như đời nhà Lê trước; đặt ra đình lệ, người để ra đến tuổi cũng không kê, mà người chết đi rồi cũng không trừ, thế là miễn cho dân khỏi phải làm sổ đình, thực là giản-tiện. Đến như xã nào phải tàn-phá, là xã điều-háo, thời giã-hạn cho mười năm, nếu thiệt-hại lắm thời giã-hạn cho 6 năm, thứ nữa thời giã-hạn cho ba năm. Lý-dịch các xã ấy phải chiêu như sổ đình năm thứ mười bốn mà điền-trước cho sung ngạch. Nhất-luật thi-hành như thế để cho các dân xã khỏi phải phiền-nhiều và bỏ được tệ-doan của lý-dịch đi.

3° — Số về binh-chính

« Binh không định thế, khéo dùng ở người. Gần mấy năm nay giặc Tàu, giặc Thổ nổi lên, quan quân mình đánh vẫn bị thua mãi. Có người bảo rằng binh ở Bắc-kỳ yếu không dùng được. Nhưng xem triều nhà Lý nhà Trần ngày xưa binh được nhà Nguyên đánh được nhà Tống, chỉ dùng binh ở Bắc-kỳ. Sao ngày trước cường-thịnh như thế mà đến ngày nay suy-nhược như vậy. Tôi không phải ở binh, tôi ở người không biết dùng binh; xin kể rõ nguyên-nhân có ba điều:

« 1° Đời vua Gia-long những người ứng-mộ đều là thủ-hạ của quan lương-súy. Linh ấy binh-nhật đều có luyện-tập hằng ngày. Động có việc chinh-chiến thời đem ra binh nam dẹp bắc, lập được chiến-công; đến sau bắc-hà nhất-thống được, binh chia về các linh; linh lớn hai vệ quân, tỉnh nhỏ một vệ, đã có thành ngạch. Người quản-lĩnh những linh ấy không có ý luyện-tập, chỉ hươ-tương binh-ngạch để nhận linh quan-lương. Trong tỉnh các đình-thự chỉ để đủ linh canh-phòng và hầu các quan, còn cho về nhà quê. Lương các linh ấy thời các viên quân-suất chia tay tiêu với nhau; những người linh ấy lại mừng được về nhà, vui với vợ con. Cũng

nhieu người lên ở sở lĩnh mà quanh năm không đến chỗ binh-ngũ, cái tệ doan đã lâu nay tuân-tập mãi, chưa bỏ đi được.

« 20 Triều vua Gia-long vua Minh-mệnh xưa, lĩnh Bắc - kỳ thời đóng ở Hà-nội, binh Nam-kỳ thời đóng ở Gia-định, mỗi thành binh đều hai vạn. Gặp có giặc thời tỉnh-thần chỗ ấy phải vận lương-xương khi-giới, đem quân đi đánh. Đương bấy giờ ngoài bắc có giặc Phan Văn-Vành, trong Nam có giặc Nguyễn Văn-Sáu, đều là giặc mạnh mà cũng không dám phạm đến lĩnh-thành. Tự khi chia binh về các tỉnh, đồn lũy các phủ huyện phải canh-phòng. Hiện số lính ở tỉnh lớn chỉ độ hai ba ngàn, tỉnh nhỏ chỉ độ năm sáu trăm. Tuy lệ định hạt nào có giặc thời cho mộ ở các lĩnh-hạt chung quanh; nhưng giặc phát ở thượng-du thời trung-châu mới có thể mang binh đến cứu được; phỏng như giặc phát ở Trung-châu thời địa-thể gần nhau, hạt nào phải coi giữ hạt ấy, chứ không có binh khác để đem đến ứng-cứu. Vì thế về cuối triều vua Minh-mệnh giặc Khôi hãm thành Gia-định, dần đến ngày nay giặc Thổ là Nàng Hùng-Thạc đánh tỉnh Cao-bằng. Binh người Phạm Chi-Hướng thua chạy cũng bởi vì binh chia về các tỉnh cho nên đến nỗi hư-nhược làm vậy.

« 30 Triều vua Minh-mệnh, vũ-tướng là ông Lê Văn-Đức, Nguyễn Văn-Trứ, đi đánh giặc, đánh đâu được đấy. Cận-lại quân-thủ, chức Tổng-thống, tham-tán cho đến Tán - lý, Tán-tướng, đều những quan văn xếp nghiên bút theo việc binh-nhung; mưu chước không mấy người am - hiểu, việc chiến-trận lại không quen, đến nỗi thất-cơ bị thua mãi; tướng như thế, binh như thế, còn mong gì lập được chiến-công.

« Nghĩ xin từ nay binh giữ các tỉnh, binh đóng phủ huyện và các đồn-bảo ở

duyên-biên theo như cũ; còn các đồn-bảo khác thời bắt dân chỗ ấy canh-phòng, thường kiểm-duyet cho đủ số, đừng để cho người quân - suất bán lương lĩnh như trước nữa. Các tỉnh mộ binh, trừ những đội-trưởng, lĩnh tuần-thành, pháo-thủ thời nguyên như cũ; còn các sắc mộ binh xin phát cho quân sứ-đạo Hải-yên, xét thực tên nào không dùng được thời cho về để khỏi lương phí, và xin chọn một hai người quan vũ sung vào chức tham tán quân-vụ để giúp chủ-tướng, lại sắc các quan văn vũ, ai có thao-lược khả-kham việc binh, thời cho mộ thêm, không kỳ nhiều ít, cốt là người có thao-luyện, có can-đảm thì hơn; gặp có giặc cướp chỗ nào, phái những người chỗ ấy đem quân đi đánh. Còn như thủ binh các tỉnh sở-tại, mỗi tháng hai kỳ đem riều tập cho quen việc chiến-trận, hề có động-dụng chỗ nào, thời một vệ phải coi giữ lĩnh-thành, một vệ phải họp các thủ-binh đi đánh, khỏi phải lảm-thời chiêu-mộ. Từ lúc có việc, Bắc-kỳ quân chính, kinh giao quan Nguyễn Tri-Phương, quan Trương Quốc-Dụng điều-độ ngoại, giặc bình rồi xin chọn một quan đại-thần quen việc binh, sung làm Bắc-kỳ kinh-lược-sứ, đóng ở Hà-nội, quân-thống binh các tỉnh-hạt, thời việc binh mới có tiết-chế. »

Sớ đệ vào Các, vua sai cho đình-thần thỏa-nghĩ phúc-tấu.

Đương lúc ấy triều - đình số tấu phần nhiều là một tay ông thảo-thiện cả; ơn trên nhờ đức Hoàng-thượng quyên-ái, thực là hội-ngộ kỳ-duyên.

Một hôm tự nghĩ làm quan ở đó tuy gần vua nhưng xa cha mẹ. Nước non cách-trở, ngày một vắng tin, nước đến cây du gốc tử, phong - cảnh quê hương, lòng càng khắc-khoải, ông vội-vàng cáo phép rước gót thăm nhà. Khi đi đến giữa đường, bỗng trông đằng xa thấy bóng cang võng rập-riều, tờ thầy tập-nập; đến gần hỏi ra mới biết là

võng phu-nhân mới vó. Mừng-mừng rờ-rờ, kễ-lễ hồi lâu, rồi cùng nhau lưu lại quán một đêm, nghỉ-ngoi trò-chuyện. Ông hỏi thăm nhà thời song-đường mạnh khỏe, gia-sự bình-khang, và họ-hàng đều an-hảo cả. Ông lúc bấy giờ nổi mừng khôn xiết kễ, đoạn lòng như cỏi, tắc dạ bỗng khuây.

Giờ lâu phu-nhân hỏi :

— Nay ông định cùng tôi trở lại quê hay sao ?

— Bà cứ vô trước, tôi về mươi hôm sẽ vào sau.

— Đường-xá xa-xôi, đi về không tiện, hai cụ ở nhà sớm hôm phụng-dưỡng đã có người đỡ, ông không phải quan-hoài. Nếu ông về thì để mẹ con tôi dắt khách quê người, non xa nước lạ, bấy giờ tôi biết tính sao ?

Ông nghe lời và cùng nhau trở lại.

Thường khi phu-nhân khuyên ông rằng : « Làm quan ở đường trong xa-xôi trở-ngại, đi về không tiện. Sao ông không xin dời ra bắc cho gần. »

Ông nói : « Ở đâu cũng đất nhà vua, quan đâu cũng lộc nhà vua, chẳng qua tùy duyên tùy phận đó thôi. Ai ai cũng hợp ý bà, chỉ muốn làm quan chỗ gần thì chỗ xa để cho ai ? »

Ông ở ngự-sử không bao lâu thăng Lại-khoa-chưởng-ấn, nhiều việc kháng-cự cả với quan trên.

VII

**Ở nơi khoa-đạo hai niên,
Phép công làm trong qui-
quyền sợ ai ?**

Triều vua Tự-đức năm thứ 16
(Tây-lịch năm 1863)

Ba mươi sáu tuổi thăng chức chưởng-ấn lại-khoa. Tỉnh Bắc-ninh tư bộ có tên chánh-tổng bị cách, xin cho Bá-hộ quyền là tên Nguyễn Mẫn thôi-bỏ. Bộ-thần ông Tháo Văn-Nhiếp, Ngự-sử ông

Vũ Đức-Nhu đều nghĩ như lời tỉnh tư. Ông nói rằng lệ bá-hộ không được thôi-bỏ, ông không chịu ký.

Ngày mai ông Nhiếp gặp ông ở bộ Lại nói rằng : « Có lẽ ông ngờ tôi có tư-ý với cai-tổng Bắc-ninh chăng ? » Ông đáp : « Tôi có lòng ngờ quan lớn đâu, nhưng chức dài-thần phải nên giữ phép. »

Ông Nhiếp nghe không bằng lòng, nói với Lại-bộ rằng : « Việc cai-tổng Bắc-ninh cứ phiến-tấu, dài-thần không ký thì thôi, không cầu. »

Bèn sai thuộc-lại thảo tờ phiến đệ vào Các. Các - thần hỏi : « Việc này không có chữ dài-thần ký, tâu lên, ngài ngự ban quở thời cứu tự ai ? » Thuộc-lại cầm tờ phiến về xin ông thự tên. Ông bèn lấy bút đề cuối tờ phiến mấy chữ rằng : « Tên Mẫn là bá-hộ quyền, thôi-bỏ không được hợp lệ, nên không dám thự tên. » Thuộc-lại đem về trình với Bộ-thần ; bộ-thần biết rằng trái lẽ bèn thôi.

Ông lại chấp tấu việc bỏ quan. Nguyên bấy giờ văn vũ bát-phẩm trở xuống, quyền ở bộ Lại bộ Binh thuyên-bỏ, rồi giao cho khoa-đạo, duyệt xong tâu vua nghe.

Ông sợ nói rằng : « Lại-khoa lệ xưa nay được xem xét việc thuyên-bỏ. Gần nay chỉ thấy Lại-bộ đưa tờ phiến những người bát-phẩm thuộc-viên trở xuống được thăng thưởng, nhưng không thấy đưa giấy lý-lịch sự-trạng, thời biết ai đáng thăng, ai không đáng thăng mà xem xét được. Xin tự sau những người thuộc-viên thăng-hàm, có phiến tấu thời phải đưa cả giấy lý-lịch của người ấy để xét cho tiện. Việc này Thánh-chỉ ưng cho, thời xin sắc cho bộ Binh cũng phải chiều như thế tuân-hành. » Vua khen phải.

Khi ấy Thượng-thư bộ Lại Thân Văn Nhiếp, Thượng - thư bộ Binh Trần Liễn-Thành chấp tấu nói rằng : « Vâu

vũ thuộc-viên lệ ở bộ Lại bộ Binh được quyền tuyên-bổ, nay lại giao Khoa-dạo xem xét lại, thế thời triều-dinh có ý nghi bộ-thần. » Tàu vào vua phê : « Quả như hai người nói thời nhà Đường việc gì phải đặt ra Ngũ-hoa phán-sự, nhà Tống phải đặt ra Đông-Tây-tào ; như thế cũng cho là ngờ cả hay sao ? » Từ đấy hai ông đề bụng căm tức, thường thường dò xét ông có sự gì đề chức chỉ-trích tâu vua. Ông biết, nhưng vẫn khết-nhiên không có ý gì cả.

Một hôm bà phu-nhân nghe người nói chuyện, can ông rằng :

— Ông bộc-trực quá, người ta quan trên, mình quan dưới, ai làm thế nào thì mặc kệ ai, hay không đến mình, dở không đến mình, hơi đâu mà khải-sự đề thêm mất lòng.

Ông không bằng lòng nói rằng :

— Đâu bà biết gì đến việc quan mà nói !

— Tôi có dám nói đến việc quan đâu, chỉ xin ông đổi tính bộc - trực ấy đi, kẻo thất-ý các quan mà vô-ích

Ông cau mày lại mà nói :

— Tôi làm việc Triều-dinh, chứ không phải làm việc với các ông ấy. Tuy các ông ấy làm thượng-thư, kẻ chức mình còn kém xa, nhưng chức-ấn là đài-quan, lệ được cử-soát các việc trong bộ, chức nhỏ mà quyền có nhỏ đâu ; vả quan-chức là quan-chức của Triều-dinh, cốt phải vị Triều-dinh giữ công-pháp, các ông ấy giận thì giận, có ngại chi.

— Tính ông nóng lắm, để tôi nói ông nghe ; đã hay vậy nhưng không khéo chiều quan trên, sao cho chóng được thăng chức.

— Thăng chức quyền ở vua chứ quyền gì ở các ông ấy. Xem tôi ra làm quan sáu năm nay, thăng lên một gióng, chẳng có vấp-vấp gì, trên nhờ Thánh-

thượng tin dùng thì được, phỏng mình là quan dưới mà siểm-mị quan trên thời mất cả nhân - cách, dấu chóng thăng - bổ, nhưng đem cái nhục đổi lấy cái vinh thời trông lòng nghĩ cũng không sướng . . .

Nói chưa dứt, chợt có quan Tham-tri bộ Lại đến chơi, nghe thấy hỏi rằng :

— Hai ông bà có sự chi đó ?

Phu-nhân vội-vàng đứng dậy chào mời, rồi trả lời rằng :

— Thưa có sự gì đâu. Ông chức nhà tôi trực-tiết quá, chả biết quan lớn có khỏi mất lòng không, tôi nghe các quan trên nhiều ông giận ; tôi vẫn can mãi, ông chức tôi không nghe.

— Tôi với quan lớn đây có hiềm sự gì đâu, chỉ việc tuyên-bổ thuộc-viên và việc tuyên-bổ cai-tổng nghe như quan thượng Lại với quan thượng Binh không bằng lòng. Tôi biết tính quan lớn đây cương-trực, can cũng không dặng, lắm lúc vua có sự gì, chấp tấu cả vua.

Ông nói :

— Ngài dạy quá lời, tôi đâu dám thế, công việc ở bộ, quyền ở quan thượng ; duy chỉ có việc ấy không hợp-lệ, sợ sau này ngài ngự ban quở, vì thế không dám ký.

Một lúc quan Tham-tri kéo về, kể chuyện cho bà Tham nghe. Ngày hôm sau bà Tham sang chơi với phu-nhân, hỏi rằng :

— Hôm qua quan ông quan bà có sự gì mà to tiếng thế ?

Phu-nhân kể đi kể lại chuyện ông cương-trực. Bà Tham nói :

— Ông Tham nhà tôi chỉ được khéo chiều quan trên ; mới ngày nào Lang-trung, nay đã lên Tham-tri, lương gần gấp hai ngày trước.

Ngồi nói chuyện la-liệt mãi, gần tối bà Tham mới ra về. Ông hỏi phu-nhân [rằng:

— Nay bà Tham đến chơi chuyện gì mà chuyện lâu thế.

— Bà ấy nói chuyện ông đấy, chứ có chuyện gì đâu.

— Ừ, tôi đã biết, đàn bà ngồi chơi, rồi mồm chẳng kể chuyện người nọ thì cũng kể chuyện người kia.

— Bà ấy có bụng tử-tế, nghĩ tình chị em bạn làm quan, nghe tiếng ông có tính khải, đến chơi cũng có ý khuyên tôi can ông đi. Người ta nói ở đời phải chiều đời. Xem như ông Tham ấy, khéo ầu khéo ở, nên được chóng thăng. mới Lang-trung giờ đã Tham-tri rồi đó.

— Đàn bà nói chẳng đầu vào đầu cả. Ông ấy Lang-trung ba năm rồi thăng Thị-lang, năm nay thăng Tham-tri, kể ra ba năm đúng lệ. Như tôi tự lúc bước chân ra làm quan, đến nay mới 6 năm trời, đã thăng năm trật, kể ra còn chóng hơn ông ấy, chẳng qua chỉ nhờ cái duyên cái phận của mình, chứ có chiền nịnh ai đâu? Có phải đãi ai bao che nào, mất cho ai đồng tiền nào?

Phu-nhân từ đấy không dám nói nữa.

Ông đương ở Khoa-đạo, nghe tin năm ấy Ân-sát Quảng-yên là Phạm Hữu-Thước đánh giặc thua chạy, bị cách. Tỉnh ấy giặc Tàu, giặc Thổ nổi lên to lắm, quan quân không địch nổi. Bấy giờ ông Thượng Nhiếp, ông Thượng Thành hiệp-cử ông ra Quảng-yên để

thay cho Thước, ý thù ghét ông mà ỷ ông việc binh-cách gian-nan.

Ông nghe có chiếu - chỉ, cười mà rằng: « Nay ta ra Quảng-yên, chắc hai quan Thượng cũng đã mừng thăm lắm đây; nhưng đi đâu cũng đã có trời, không ngại, mau mau thu xếp đi kịp ngày dặng-trình.»

Lúc gần đi, ông đến chào ông Nhiếp, ông Nhiếp biểu rằng: « Thành-thượng tin ông có tài thao-lược, nên tôi với quan thượng Bình hiệp - cử ông ra Quảng-yên; may ông đi chuyến này đánh đầu dặng đấy, lập công chỗ chiến-trường, thời quan thượng Bình với tôi cử-tri cũng được tiếng.»

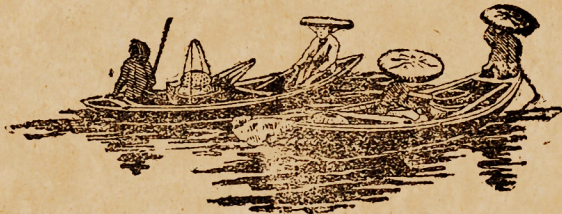
Ông từ-tạ nói rằng: « Tôi nghĩ đi đâu, chứ đời ra Quảng-yên thời xin cảm ơn hai quan-lớn lắm lắm.»

Bài thơ lưu-giản các quan đồng-chi ở Kinh rằng:

*Trung-hiếu sao hay vẹn mọi bề,
Thần-hôn xa cách chốn đình-vi;
Ba năm dài-gián chưa phụ chức,
Muôn dặm binh-nhung đã tới kỳ;
Thao-lược không tài ai nhắc đến,
Rủi may có mệnh chẳng lo gì;
Phận mình nam bắc đầu không rủa,
Non nước xa vời dám quản chi!*

(Còn nữa)

ĐẶNG NGUYÊN-KHU



KHẢO VE SÁCH XUÂN-THU TẢ-TRUYỆN (1)

VI

Phi-Trình vì Tấn Huệ-công đi sứ sang Tần, nói với Tần-bá rằng: « Nước Tấn tôi duy có Lã Sanh, Khước Sừng và Kỳ Nhuế (ba quan Đại-phu) không theo việc dứt lễ cho Tần. Xin ngài cho đem nhiều lễ mà triệu ba gã ấy sang đây, tôi thì về đuổi vua Tần đi để ngôi nọp cho Trùng-Nhĩ về, thì việc cắt đất thế nào cũng xong. »

Mùa Đông năm Hi-công thứ 11, Tần-bá sai Lân-Chí sang Tấn trả lời Huệ-công về việc đã tiếp Phi-Trình rồi, lại với ba quan Đại-phu sang Tần. Khước-Nhuế nói rằng: « Lễ nhiều nói nọt là để dụ bọn mình đó », bèn giết Phi-Trình, Kỳ-Cử, quan Thất-dư đại-phu, quan Tả-hàng là Cung-Hoa, quan Hữu-hàng là Cỗ-Hoa và Thúc-Kiên, Hoan-Chuyên, Luy-Hồ Đạc-Quan, Sơn-Kỳ, đều là đảng của Lý-Khắc với Phi-Trình cả.

Chi - Báo (con Phi - Trình) chạy sang Tần nói với Tần - bá rằng : « Tần-hầu bội điều ơn lớn mà thù kẻ oán nhỏ, dân người ta không phục. Ngai cho sang đánh là phải chạy ngay. » Tần-bá nói : « Vua Tần mất lòng dân thì còn giết được ai, mà đã chạy sang đây rồi thì còn lấy ai mà đuổi vua Tần. »

—Thiên-vương sai Thiệu Vũ-công với quan Nội-sử là Qua phụng mệnh đem ngọc ban cho Tần-hầu. Khi Tần-hầu nâng lấy ngọc có dáng trề-nải. Nội-sử Qua về nói với Thiên-vương rằng : « Tần-hầu rồi tất vô-hậu, nâng lấy ngọc của Thiên-vương ban cho mà ra dáng trề-nải, thế là mình tự-khi đó,

thì còn kế-nghiệp sao được. Lễ là cái gốc dựng nước, kính là cái xe chở lễ, bất-kính thì lễ không thi-hành được, lễ không thi-hành được thì trên dưới hỗn loạn. lấy gì mà truyền đời lâu dài. »

— Mùa đông, năm Hi-công thứ 12, Tần-hầu sai Quân Di-Ngô giảng-hòa với rợ Nhung cho Châu-vương (vì Vương-tử Đồi đem rợ Nhung về đánh Vương chực tranh ngôi), lại sai Thấp-Bằng giảng-hòa với rợ Nhung cho nước Tấn.

Châu - vương mời Quân - Trọng ăn yến, đãi bằng lễ quan Thượng - khanh. Quân - Trọng xi - từ mà rằng : « Trên còn có họ Quốc họ Cao là hai quan Giám-thủ của Thiên-tử ở nước Tần mới là bậc Thượng-khanh, chứ như thân là một chức Hữu-tư hèn hạ mà Thiên-tử ban cho lễ bậc Thượng-khanh, nếu gặp tiết xuân-thu mà hai họ ấy vào phụng-thừa Vương-mệnh thì Thiên-tử đãi lấy lễ gì cho phải. Vậy nên kẻ bồi-thần này xin từ. »

Wương nói : « Quan Sử-thần của bá-cửu (trở lễ-hầu) ta này, vì ta khen cái công-lao của nhà ngươi, mà báo lại cái đức tốt của nhà ngươi như thế, là để cho lâu dài không quên, nhà ngươi cứ nhận đi, đừng trái mệnh ta nữa. »

Quân-Trọng chỉ xin chịu lễ bậc Hạ-khanh rồi trở về.

— Mùa đông, năm Hi-công thứ 13, nước Tấn bị đói to. Tấn sai sứ sang xin

(1) Xem N.-P. từ số 127

đong thóc của Tần. Tần-bá hỏi Tử-Tang có nên cho không. Tử-Tang thưa rằng : « Thi-ân cho Tần nhiều mà Tần báo lại thì ngài cũng chẳng thiệt gì ; thi-ân cho Tần nhiều mà Tần không báo lại thì tất dân Tần họ cũng chẳng phục gì vua, bấy giờ ngài sang đánh, họ mất lòng dân là họ phải thua. »

Tần-bá lại hỏi Bách-Lý (tức là Bách-Lý-Hề ở Ngụ trước) có nên cho không.

Bách-Lý thưa rằng : « Thiên-tai lưu-hành, nước nào cũng có. Cứu người bị nạn, giúp nước láng-giềng là một việc hợp đạo-lý đó, làm việc hợp đạo thì sẽ được phúc. »

Bấy giờ có người Báo là con Phi-Trịnh ở bên Tần, xin Tần sang đánh Tấn. Tần-bá nói : « Vua Tấn thì bậy thật, nhưng dân có lợi gì. » Bởi vậy Tần sai vận-tải thóc sang cho Tấn.

Mùa đông năm Hi-công thứ 14, nước Tần bị đói, sai sứ sang xin đong thóc của Tấn, Tấn không cho. Khánh-Trịnh là Đại-phu Tấn nói rằng : « Bội ơn là vô-thân, vui sự tai-nạn của người là bất-nhân, tham-lân là bất-tường, gây oán với nước láng-giềng là bất-nghĩa, bốn đức ấy đều mất cả, thì còn lấy gì mà giữ nước. »

Quốc-Dịch nói : « Điều ơn lớn như tấm da, điều ơn nhỏ như cái lông, mình đã bội điều ơn lớn, (Tấn Huệ-công trước hứa cắt đất dút cho Tần rồi lại thôi) mà làm điều ơn nhỏ thì cũng chẳng ăn thua, cũng như không có tấm da còn mọc lông vào đầu nữa. »

Khánh-Trịnh nói : « Bỏ điều tin, bội nước lân-bang, nếu gặp hoạn-nạn ai còn thương. Bã không có tin-nghĩa thì tất đến hoạn nạn, mà lại không ai giúp thì phải chết, lẽ tất-nhiên như thế. »

Quốc-Dịch nói : « Cho Tần đong thóc cũng chẳng bớt gì được sự oán giận,

mà lại giúp cho kẻ thù, không bằng không cho đong nữa là xong. »

Khánh-Trịnh nói : « Bội ơn của người, vui sự tai-nạn của người, xử tệ như thế thì dẫn đến dân nước mình cũng đến bỏ mình ; giả-thử đối với nước vẫn thân-thiện mà xử như thế người ta cũng phải thù mình, nữa là đối với một nước cường-địch vẫn sẵn lòng oán-hận mình dư ! »

Tấn-hầu không nghe. Khánh-Trịnh lui ra nói rằng : « Vua sẽ phải ăn-năn về việc đó. »

15 K. - Tấn-hầu với Tần-bá chiến ở đất Hàn, Tấn-hầu bị bắt.

T. Khi Tấn-hầu về nước, nàng Mục-cơ (vợ Tần Mục-công, em gái Thân-sinh, chị khác mẹ của Tấn-hầu) dẫn Tấn-hầu phải trông nom cho nàng Cồ-quân là vợ lẽ Tấn Hiến công, lại dặn rằng : « Phải nạp cho cả các vị Công-tử bị đuổi được về. » Nay Tấn-hầu thông với nàng Cồ-quân rồi cũng chẳng nạp cho các vị Công-tử về, vì vậy nàng Mục-cơ giận Tấn-hầu lắm.

Trước Tấn-hầu hứa dút của cho các quan Trung Đại-phu trong nước, rồi cũng bội-ước cả. Lại ước cắt năm thành ở ngoài sông Hà-dông đến đất Quốc, nam đến núi Hòa-sơn, trong giáp thành Giải-lương, để dút cho Tần mà rồi cũng không. Lúc Tấn đói thì Tần tải thóc sang cho, nay Tần đói thì Tấn cấm không cho đong, vì vậy Tần-bá đánh Tấn.

Tấn-hầu bảo Khánh-Trịnh rằng : « Giặc vào lời nói rồi, làm thế nào ? » Khánh-Trịnh thưa : « Giặc vào lời nói là tại vua đó, làm thế nào được ? » Tấn-hầu cho Khánh-Trịnh là nói xác, bèn cho Bộ-Dương làm chức Ngự-nhung, Gia-Bộc-Đồ làm chức Xa-hữu. Tấn-hầu thì cưới con ngựa của nước Trịnh biểu dề ra trận.

Khánh-Trịnh nói : « Cờ-giã đi trận, phải cưỡi con ngựa thô-sản của nước mình, bởi vì nó sinh ra ở trong đất nước mình, nên dễ dẫy bảo, quen đường lối, sai khiến nó thế nào cũng được như ý, mình, chứ vua cưỡi con ngựa sản-xuất ở xứ khác đề ra trận, thì nó sợ hãi tất nó biến tính mà trái ý mình, tiến-thoái chớ-toán không trọn, thì vua phải hối-hận về sau. » Vua không nghe.

Tháng chín năm Hi công thứ 15, Tấn-hầu đi đón quân Tần và cho Hàn Giản ra quan-sát xem quân Tần thế nào. Hàn Giản về nói rằng : « Quân Tần thì ít hơn quân ta, mà quân đấu-sĩ của họ thì nhiều gấp hai ta. »

Tấn-hầu hỏi vì cớ sao thế ? Hàn Giản thưa : « Khi ngài xuất-bôn đã nhờ Tần, lúc về cũng nhờ Tần nạp cho, sau dân đói thì lại nhờ Tần cấp thóc, ba cái ơn ấy mà không báo đền tí gì, cho nên quân Tần sang đánh ta, thế mà ta lại ra đón để đánh lại, quân ta thì biếng-nhác mà quân Tần thì đang hăng, vì cớ thế mới hăng-hái, chứ không những quân đấu-sĩ hơn ta đâu. »

Tấn-hầu nói : « Một người thường cũng chẳng thể khinh được, nữa là một nước. » Bèn đưa lời thỉnh-chiến rằng : « Quã-nhân này không dám nói nịnh, nay đã hợp binh ra đây, thì không thể giải-tân đi được nữa. Nếu ngài không đem quân về thì quã-nhân xin quyết-chiến, chứ không dám trái mệnh-lệnh ngài. » Tần - bá cho Công - Tôn Chi ra trả lời rằng : « Lúc ngài chưa về được nước, quã-nhân lấy làm lo thay ; khi ngài về rồi mà chưa yên vị, quã-nhân cũng còn lo, nếu nay đã yên vị mà

hợp được lòng dân như thế, quã-nhân đâu dám trái mệnh ngài. »

Hàn Giản lui về tự nói một mình rằng : « Ta mà được Tần nó bắt làm tù là may. »

Ngày nhâm-tuất đánh nhau ở cánh đồng đất Hàn, con ngựa Tấn-hầu cưỡi sa lầy đứng lại. Tấn-hầu gọi Khánh-Trịnh. Khánh - Trịnh nói rằng : « Không nghe lời can, cớ tìm lấy bại, còn trốn đâu được. » Nói rồi Khánh-Trịnh bỏ đi.

Lương Do Mĩ đánh xe cho Hàn Giản Quắc - Dịch làm chức xa-hữu, đón đường xuyt bắt được Tần-bá. Khánh-Trịnh nghĩ là Tấn-hầu bị quân Tần bắt bèn đánh vào cứu, thành ra xổng mất Tần-bá. Bèn quân Tần thì bắt được Tấn-hầu đem về, các quan Đại-phu Tấn đều xõa tóc xuống, rồi lều tranh mang đi theo vua (1). Tần-bá cho người từ chối rằng : « Các ông đừng có lo, quã-nhân đưa vua Tấn sang phương tây thế này, là để trấn-áp cái yêu-mộng (2) cho Tấn đấy thôi, chứ không dám bắt về Tần đâu. »

Các quan Đại-phu Tấn đều ba lạy dập đầu nói rằng : « Ngài đội trời đạp đất, trời đất chứng-giám lời ngài, chúng tôi xin ngóng đợi. »

Nàng Mục-Cơ nghe tin Tấn-hầu bị bắt sắp giải về đến Tần. Nàng bèn chắt củi lên trên cái đài ở trước cung và đưa hai con trai là Anh (sau là Khang-công) với Hoảng, một con gái là Giân-Bích cùng lên đài để đốt cho chết đi. Nàng lại cho người mặc đồ tang-phục ra đón Tấn-bá mà bảo rằng : « Thượng-

(1) Bỏ xõa tóc là đề trở, mang lều tranh theo là ý đến đâu giùm đấy với nhau, tỏ ý vong-quốc.

(2) Mộng Hồ Đột thấy Thân-sinh.

để giáng - tai, khiến cho vua hai nước không tương - kiến nhau bằng ngọc lụa, mà đối - đãi nhau bằng binh - đao, nếu vua Tần buổi sáng vào đến đây, thì buổi chiều kẻ ti - tử này chết, buổi chiều vào đến đây, thì buổi sáng mai kẻ ti - tử này chết. Xin tùy ngài định lấy. »

Nàng bèn ra trợ ở đền Linh - đài (đền cũ nhà Châu) để đợi. Các quan Đại - phu Tần xin Tần - bá cử giải Tán - hầu về. Tần - bá nói : « Bất được Tán - hầu giải về là sự thắng - lợi, song giải về rồi mà có sự thương - tâm ngay thì còn giải về làm gì, như thế thì các quan cũng chẳng há gì, vả người Tần họ lo hãi mà chú - trọng vào ta, họ nguyện trời đất để yêu - cầu ta. Nếu ta không xếp yên hoạn - nạn cho Tán là làm thêm tức - giận cho họ đó, ta ăn lời nói của ta, là ta bội với trời đất đó. Thêm cho người ta tức - giận thì khó xử, bội với trời thì bất - trường. phải tha vua Tần về mới được. »

Công - tử Tráp là Đại - phu Tần nói : « Bất - nhược giết đi, đừng để cho họ làm càn nữa. » Tử - Tang rằng : « Tha cho về mà bất thái - tử làm con tin để thành cuộc hòa - hiếu là hơn, chứ Tán chưa thể diệt được, mà giết vua của họ thì chỉ thêm ác - cảm ra mà thôi. Vả ông Giật là quan Sử ngày xưa có nói rằng : « Chớ gây vạ ra trước, chớ lợi - dụng những sự biến - loạn của người ta, và chớ làm cho người ta thêm tức - giận, thêm cho người ta tức - giận thì khó xử, tăng - bức người ta là bất - trường. »

Tần bèn cho Tán hòa.

Tán - hầu sai Khước - Khất về nước báo cho Hà - Lã Di - Sanh biết tin và triệu y sang Tần để đón. Tử - Kim (tên hiệu của Hà - Lã Di - Sanh) dạy cho Khước - Khất nói với người nước rằng : « Hội người nước lại rồi đem mệnh vua mà thưởng cho họ, rồi tuyên mệnh cho họ rằng : « Có tụy được tha về

nhưng sợ si - nhục cho xã - tắc, vậy các ông nên bói mà lập Ngũ (Thái - tử) lên thay cho có ». Chúng - nhân nghe nói đều khóc. Bởi vậy Tán mới lập ra phép « viên điền » (chia ruộng công gia để cấp đều cho mọi người).

Lã - Sanh lại nói với công - chúng rằng : « Vua không lấy sự bại - vong làm đau - đớn mà chỉ lo - liệu cho quần - thần, lòng ngài rất tốt, các ông nên đối với ngài thế nào ? »

Chúng đều hỏi : « Vậy làm thế nào được. » Lã thưa : « Cứ chỉnh - đốn binh - lương giúp cho con nối của vua, để cho chư - hầu biết rằng nước ta mất vua ấy có vua khác, quần - thần vẫn hòa - thuận với nhau, giáp binh lại càng tăng lên, thế thì nước nào yêu ta tất vui lòng với ta, mà nước nào ghét ta tất cũng phải nể ta, ngõ - hầu mới có lợi - ích cho nước ta được. »

Chúng đều bằng lòng, vì vậy Tán mới lập ra phép « châu - binh » (trởi châu lập một quân - đoàn, dân là binh cả).

Tháng mười, năm Hi - công thứ 16. Âm Di - Sanh (tức Lã - Sanh được phong ấp ở đất Âm) cùng Tần - bá hội - minh ở đất Vương - thành (đất Tần trước của nhà Châu). Tần - bá hỏi : « Nước Tần có hòa - thuận với nhau không ? » Âm - Di - Sanh thưa : « Họ không hòa - thuận được với nhau ; bọn ở dưới họ thấy vua bị bắt và phải đi làm tù thì họ lấy làm si mà thương vua, họ không ngại gì sự chinh - đốn binh - lương mà lập cho Thái - tử Ngũ lên, họ nói rằng : « Quyết báo - thù chứ không chịu thờ quân - hung - địch ». Bọn ở trên thì họ yêu mến vua, mà biết tội bởi tự vua, họ không ngại gì sự chinh - đốn binh - lương để đợi mệnh - lệnh nước Tần, họ nói rằng : « Quyết báo ơn Tần, chết cũng không hai lòng. » Ấy vì thế mà họ không hòa - thuận với nhau. »

Tần - bá lại hỏi : « Người trong nước bên ấy họ nghị - luận về vua thế nào ? »

Âm Di-Sanh thưa : « Bọn dưới họ lo sợ, bảo là vua không thoát được ; bọn trên thì họ có lượng, bảo là vua tất được tha về, bởi vì bọn dưới họ nghĩ rằng nước ta làm hại nước Tần, Tần-bá khi nào lại tha vua ta. Nhưng bọn trên thì họ nghĩ rằng : ta biết tội rồi tất Tần tha vua ta ; khi nhị-tám thì bắt, lúc chịu phục thì tha, đức ấy còn gì hậu bằng, hình-phạt ấy còn gì nghiêm hơn, kẻ phục theo là miễn đức, mà kẻ nhị-tám thì sợ hình, vậy ai còn dám không phục mà ở nhị-tám nữa.

« Đủ nạp cho vua Tần về mà không để cho yên ngôi, lại bắt đi mà không lập lên nữa, đem ân làm oán, tất Tần không chịu làm như thế đâu, vậy xem một trận này thì biết Tần khả-dĩ làm bá-chủ được. »

Tần-bá nói : « Chính bụng ta nghĩ thế ». Bên đời nhà quán-xá cho Tần-hầu ở, và biểu một lễ « thất-lao (mỗi lao có ba con là trâu, dê và lợn).

Nga-Tích là Đại-phu Tần bảo Khánh-Trịnh rằng : « Sao không trốn đi ? » Khánh thưa : « Vì tôi để vua phải bại trận, vua bại mà tôi không tử-chiến được, nay lại trốn hình-phạt, sao phải là kẻ nhân-thần, làm kẻ nhân-thần mà không trọn đạo thì còn đi vào đâu. »

Tháng 11 Tần-hầu về ; ngày đình-sử giết Khánh-Trịnh rồi mới vào trong nước.

Năm ấy Tần lại đói, Tần-bá lại cấp cho mà rằng : « Ta ghét vua Tần mà thương cho dân, vả ta nghe khi ông Đường-thúc mới phong ra nước Tần, ông Cơ-tử đoán rằng : « Con cháu

Khang-thúc rồi tất thịnh-vượng », thì ta chưa có thể nhằm nước Tần được, ta hằng làm ơn cho để đợi có người hay nổi lên. » Bởi vậy Tần mới đặt sở quan-ti để thu thuế đất Hà-đồng nước Tần,

16—K.—Roi xuống nước Tống năm hòn đá. Sáu con chim nghịch (1) bay giạt lùi về qua kinh-đô nước Tống.

T.—Mùa xuân năm Hi-công thứ 16, roi xuống nước Tống năm hòn đá, là sao roi xuống đó. Sáu con chim nghịch bay giạt lùi về qua kinh-đô nước Tống là gió thổi rạt đó.

Bấy giờ có Thúc-Hung là quan Thái-sử nhà Châu đến làm lễ sinh ở Tống. Tống Tương-công đem hai việc ấy hỏi rằng : « Thế thì nó là điềm gì, hung hay là cát ? » Thúc-Hung thưa : « Năm nay thì Lỗ bị nhiều đại-tang, sang năm thì Tề có loạn, ngài thì sẽ họp được chư-hầu, nhưng không làm trọn được việc. »

Thúc-Hung nói rồi ra ngoài, lại nói với người ta rằng : « Vua hỏi như thế là lầm, đó là cái việc tự-nhiên của vũ-trụ, chứ chẳng phải cát với hung gì (2), cát hung là bởi tự người ta, chỉ vì tôi không dám trái ý vua mà nói thế đó thôi. »

Đồ-nam-tử căn-án:—Sử Xuân-thu không những chuyên-trọng về những vấn-đề quốc-gia, quốc-tế, dân-tộc, xã-hội, chính-trị, mà lại đình-ninh đến cả những vấn-đề về bác-học nữa. Ta đọc một bộ Xuân-thu cũ 242 năm, thấy chép nhật-thực đến 36 lần, đời Trang-công năm thứ bảy, tháng tư, đêm ngày tân-mão, các sao thường không

(1) 鶡 nghịch sách Tập-vận án là nghịch là một loài chim ăn ở sông nước, bình giống loài cò mà to lớn hơn, ý-giả ta gọi chim diệc là do tiếng « nghịch » này mà biến âm đi chăng.

(2) Nguyên văn : « 是陰陽之事非吉凶所生也. Thi âm dương chi sự, phi cát hung sở sinh dã. »



mọc, đến nửa đêm thì sao sa như mưa. Lại năm thứ 18, có con hoắc (giống con cáo mà ngắn) đến nước Lỗ; ở đây thì đá rơi chim lạc. Lại còn các chỗ khác thì nắng lâu, lụt to, mưa to, gió lớn, sét dữ, mưa đá mưa tuyết dị-thường, cào-cào, châu chấu cùng các sâu-bọ ăn hại lúa mạ có xảy ra ở xứ nao năm nào đều chép tương cả.

Về trước khi khoa-học chưa phát-đạt, loài người trong thế-giới chưa khám - phá được những cái bí - cơ của tạo-hóa, thì người ta đối với những lẽ tự-nhiên của vũ-trụ, hoặc nó ít thấy, mới thấy, hoặc nó có hại cho loài người, thì người ta lấy làm lạ - lùng kinh - sợ rồi sinh bụng nghi-ngờ, không hiểu ra làm sao. Bấy giờ nhà tôn-giáo, nhà thần-đạo bèn lợi-dụng lúc lòng người đang la-lùng kinh-sợ nghi ngờ ấy, bịa đặt ra, cho những việc xảy ra như trên kia, bởi quỷ - thần, bởi mệnh-lệnh đức Thượng-đế bày ra để răn-bảo, hoặc trừng - phạt loài người đã làm nhiều tội-ác đó, rồi lại đặt ra nhiều phép để cầu-đáo tiêu-trừ đi.

Đan-cử như một việc nhật-thực, ở Âu-châu cổ-giả cũng có gỗ đồ để cứu cho mặt trời. Nhất là ở Đông-phương ta thì đặt ngay ra cái thuyết « thiên-nhân giao-cảm », có triết-lý hẩn - hoi, rồi qui-trọng vào một người cầm quyền cai-trị là ông vua. Thuyết ấy cho rằng mặt trời là khí dương kết-tinh, thuộc về vua; mặt trăng là khí âm kết-tinh, thuộc về kẻ thần-hạ. Vậy nhật-thực là mặt trời bị mặt trăng ăn, thì là cái điềm âm thịnh dương suy, vua hèn yếu bị lăng-bức, thế thì vua phải lễ trừ đi và phải tu-đức và chỉnh - đốn chính-trị lại. Lễ trừ thì họ Cốc - lương nói : « Thiên-tử cứu mặt trời bị ăn, phải cầm năm lá cờ, năm cái đồ binh và đánh năm cái trống. Chư-hầu thì phải cầm ba cái cờ, ba cái đồ binh và đánh ba cái trống. Các quan Đại-phu thì gõ vào

cánh cửa, kẻ sĩ thì đánh cái xênh. » Còn sách *Hạ-thư*, sách *Châu-quan* thì nói về cách đặt lễ có khác mà đại-đề cũng phải đánh trống cả, đánh trống như thế là nói để phù cho khí dương thịnh lên.

Ấy cái thuyết vô-bằng ấy, cái lễ giả-dối ấy, bịa đặt ra từ thái-cổ, lưu-hành đến đời sau thành một điển-lễ. Bọn học-giả thì mượn đề dọa nạt các ông vua bạo-ngược. Các ông vua trá-quyết thì lại lợi-dụng, mượn đề che lỗi mình mà khi-hoặc người đời, ví như lụt to nắng lâu, dân đang nguy-khốn, ông vua chẳng chịu khấn-cầu lấy phương-sách để tránh cho khỏi lụt khôi can về sau; chỉ che mắt thế gian, đặt dàn bày lễ, làm văn tế kê-lễ lỗi mình năm ba câu để tạ trời thương dân, thế là xong chuyện.

Xem thế thì biết phạm việc gì đã không phải là chân-lý, không đúng với sự thực, thì nhà tôn-giáo, nhà thần-học dù muốn lợi-dụng để bịa ra cách dọa - nạt khuyên - răn thế nào cũng chẳng ích gì cho loài người. Tôi san-dịch sách *Xuân-thu Tả-truyện* đến đây, thấy Tả-thị chép lời của Thúc-Hưng nói về hai việc đá rơi với chim lạc, và lời của Tả-thị giải nghĩa thêm, thì tôi biết rằng cái thuyết vô-bằng, cái lễ giả-dối đó là vốn của thế tục lưu-hành mà thôi, chứ thực trong nhà học họ Khổng bấy giờ đã không tin rồi.

Thúc - Hưng chỉ biết việc đá rơi với chim lạc là bởi lẽ tự-nhiên của vũ-trụ, chứ chẳng quan-hệ gì đến sự cát hung của người ta, đến Tả-thị thì lại giải-thích được cái lý-do của hai việc ấy rõ-ràng ra. Tả-thị cho đá rơi xuống đất như thế là sao trên trời rơi xuống đó, chim nghịch là giống chim ăn ở sông nước, đất Tống không có bao giờ, nay thấy nó bay qua mà lại bay giạt lui thì là nó bị gió thổi giạt đến đó.

Về việc chim rơi gió thì Tả-thị giải thể là đúng lắm rồi, không phải bàn nữa; còn việc đá rơi mà cho là sao trên trời rơi xuống thì chính hợp với thuyết của nhà thiên-văn-học ngày nay. Nhà thiên-văn-học ngày nay phí bao công-phu suy-nghiệm mới biết ra được, mà sao hơn 2000 năm trước, Tả-thị đã số-dắc như thế, điều ấy cũng nên nói qua.

Nhà thiên-văn-học ngày nay nhờ có cái viễn-kính và phép thiên-văn toán-pháp mới suy-nghiệm mà biết được hiện-tượng của bầu trời, hình-thể và cách vận-hành của tinh-tú, mới đoán biết rằng ban đêm những vết sáng chạy dài ở trên không mà ta gọi là sao sa ấy, là những mảnh ở các sao hành-tinh bị vỡ lờ mà rời ra, bản thể các hành-tinh cũng cùng một chất như quả đất ta, nghĩa là cũng về chất đất-đá không có sáng cả, khi cái mảnh sao vỡ rơi ra, chạy cọ xát vào khí bầu trời thì nóng mà đỏ thông-hồng lên, nên ta trông thấy sáng; mảnh nào rơi vào gần quả đất bị hấp-lực quả đất hút xuống, liền rơi xuống mặt đất mà thành khối đá hỏa-thành. Trưa mặt địa-cầu có nhiều chỗ sao sa thành đá như thế, sử sách còn ghi nhớ được cả.

Nhưng chắc Tả-thị bấy giờ thì chỉ lấy cái hiện-trạng trông thấy mà đoán ra. Thấy những vết chạy trên không sáng như sao thì cho là cả từng vì sao một chạy đi; thấy vết sáng rơi xuống đất thành đá thì cho là cả một vì sao rơi xuống, mà gọi là « sao » thì là ức - đoán mà nói ra, như sách *Thuyết-văn* nói: « Những tinh - tú của vạn-vật ngưng-kết lại nổi ở trên không là các vì sao. » Lại Lâm - thị giải: « Sao là dương-khí rơi xuống đất thì hóa ra đá ». Chứ không phải bởi xét-nghiệm ra mà biết như những lý-thuyết của nhà thiên-văn-học bây giờ.

Tuy - nhiên, Tả-thị cứ số - kiến mà giải-thích chân-thực như thế, không bịa-tạc gì như phái tôn-giáo, phái thần-đạo, thì biết cái học họ Không bấy giờ đã biết trọng sự thực, muốn thực-hành chủ-nghĩa cách-vật tri-tri ở bản chương-trình đại-học rồi.

Bởi thế cho nên tôi cho những chỗ chép những việc tự-nhiên của vũ-trụ ở sách *Xuân - thu* cũ là những vấn-đề về bác-học cả.

Sao gọi là vấn-đề bác - học? Nghĩa là thấy lạ thì ghi lại để hỏi đời sau: những việc tự-nhiên của vũ-trụ xảy ra kia là lẽ gì? Những tai-nạn làm hại dân kia, tránh thế nào? Ấy đại-ý muốn hỏi như thế. Ai hay đến ngày nay các nhà khoa-học dù chưa cùng lý-tận-tính được hết thủy-vạn-vật, mà đối với mấy vấn-đề về tự - nhiên ở sách *Xuân-thu* thì đã đều so-lược giải-thích được cả rồi, cho nên những vấn-đề về lẽ tự-nhiên trên ấy ở sách *Xuân-thu* cũ, thì về sách dịch - thư này tôi san đi cả. Chỉ để bài này và vài bài nữa đều có cả kinh - văn truyện-văn, tức là có vấn - đề, có bài giải, mà bài giải lại hợp với chân-lý, với khoa-học, cho học-giả biết Đông-phương ta mà số-dĩ thành ra cái bệnh ngu hèn như gần đây, không phải là tội tại phái Không - học chân - chính và thuần túy vậy.

17 - K. - Tề-hầu là Tiều-Bạch mắt.

T. — Nước Hình bị rợ Địch vào lấn cướp, năm Hi-công nguyên-niên, Tề-hầu thiên kinh-dô cho nước Hình sang đóng ở đất Di-nghi, người Hình vu! lòng ở đố-đạc sang như về chốn cũ. Lại nước Vệ bị rợ Địch diệt mất nước, năm Hi-công thứ hai, Tề-hầu lập tân-ấp cho nước Vệ ở đất Sở-khâu, làm cho những di-dân Vệ quên cả nỗi thống-khổ về vong-quốc.

Tề-hầu có ba nàng Phu-nhân là Vương-cơ, Từ-Doanh và Sái-cơ, đều

không có con trai. Tề-hầu lại hiếu-sắc, nhiều nàng hầu được yêu, có sáu người nàng hầu cũng được yêu như bậc Phu-nhân cả.

Nàng Trưởng Vệ-cơ thì sinh ra Mạnh-Vũ (tức là Công-tử Vô-Khuy). Nàng Thiếu Vệ-cơ thì sinh ra Huệ-công (tức là Công-tử Nguyên). Nàng Trịnh-cơ thì sinh ra Hiếu-Công (tức là Công-tử Chiêu). Nàng Cát-Doanh thì sinh ra Chiêu-công (tức Công-tử Phan). Nàng Mật-cơ thì sinh ra Ý-công (tức Công-tử Thương). Nàng Tống Hoa-tử thì sinh ra Công-tử Ung.

Tề-hầu với Quân-Trọng đã dẫn lại Tống Trương-công lập cho Công-tử Chiêu làm Thái-tử (tức là Hiếu-công). Nhưng có tên Ung-Vu là đứa đầy-tớ tin yêu của nàng Trưởng Vệ-cơ nó nhờ một quan Tự-nhân là Thiệu đưa nó tiến đồ ăn vào cho Tề-hầu; Tề-hầu cũng lại tin yêu tên ấy mà hứa cho y để lập Mạnh-Vũ. Khi Quân-Trọng chết, năm vị Công-tử đều xin lập. Năm Hi-công thứ 17, mùa đông tháng mười, ngày át-hợi, Tề Hoàn-công mất. Dịch-Nua (tức là Ung-Vu) vào cung cùng với quan Tự-nhân là Thiệu mưu với một kẻ nội-quan thân-tín mà giết cả các quan đi để lập Công-tử Vô-Khuy lên. Công-tử Chiêu phải xuất-bôn sang Tống, mãi đến tháng chạp đêm hôm tân-tị (vừa 67 ngày) mới liệm được Hoàn-công.

Năm Hi-công thứ 18, mùa xuân, Tống Trương-công đem binh Chư-hầu đánh Tề. Tháng ba, người Tề giết Vô-Khuy.

Người Tề sắp lập Hiếu-công lên, song những đồ-dạng của bốn vị Công-tử kia không thuận, bèn đánh nhau với

quân Tống. Mùa hạ, tháng năm, quân Tống đánh quân Tề ở đất Nghiễn, lập cho Hiếu-công làm vua Tề rồi đem quân về.

18.— K. — Người Hình người Địch đánh nước Vệ

T. — Người Hình, người Địch đánh nước Vệ, vây đất Đờ-phổ. Vệ-hầu nhường cả việc nước lại cho các bậc phụ-huynh tử-đệ và các quan triều mà nói rằng: « Nếu ai cai-trị nổi việc nước bây giờ thì Hủy tôi xin theo. »

Mọi người đều không nghe, bấy giờ mới dàn quân ra ở đất Si-lâu để chống với rợ Địch và nước Hình, rợ Địch đem quân về.

19.— K. — Người nước Tiều-Chu (1) bắt vua nước Tăng làm thịt để tế thần.

T. — Vì vua nước Tăng không đến dự hội với Tống-công, mùa hạ, năm Hi-công thứ 19, Tống-công sai vua Tiều-Chu là Văn-công giết vua nước Tăng làm con sinh để tế ở nền xã bên sông Truy, là ý muốn cho được lòng người các rợ đông-di (vì đông-di hay có cái tục giết người để tế thần sông (Truy), quan Tư-mã là Tử-Ngư nói rằng: « Cô-giả một lễ tế không dùng đủ lục-súc, tế nhỏ không dùng con sinh to, nữa là dám dùng người dư? Tế-tự là vì người, người là chủ của thần, nay dùng người để tế thì ai hưởng cho. Tề Hoàn-công lập lại ba nước vong-quốc (Lỗ, Hình, Vệ) để cố-kế Chư-hầu mà kẻ nghĩa-sĩ còn cho là bạc-đức, vì chưa phải chân-thành lập cho ba nước kia. Nay ngài mới hội Chư-hầu một lần mà đã ngược-đãi hai ông vua hai nước tháng ba hội Chư-hầu, bắt vua nước Đằng, đây bắt

(1) Chu 朱: Tự-diễn theo sách Tập-vận, âm là 朱 chu.

giết vua nước Tống, lại dùng làm đồ lễ tế thì ma quỷ nhảm-nhi, như thế mà ngài chực làm bá-chủ thì cũng khó thay, tội mà được chết trước đi là may cho tôi. »

Đồ-nam-tử cần-án. — Xét cái tục dùng người làm đồ lễ tế thần có hai cách. Một là những xứ trình-độ dân-trí còn ở bậc hạ-dẳng, già - nam hắc-ám, họ cho rằng có một thứ thần ma hưởng thịt người, nên họ bắt người có tội làm thịt đi để tế, như xứ mọi đông-di ở Trung-quốc về thượng-cổ này, cùng với xứ mọi ở Phi-châu gần đây. Tục truyền ở Bắc-kỳ ngày xưa cũng có một làng, cứ mỗi năm dùng cách bí-mật lừa bắt một đứa trẻ ở xa đến, nuôi rồi giết để tế thần. sau bị phát - giác, bị phải trừng-phạt mới thôi. (Xem sách *Vũ-trung tùy-bát* của ông Phạm Đình-Hồ). Vậy tục này cho là tàn-bạo thì không bằng cho là mê-tin ngu-dại thì đúng hơn.

Hai là những bọn nghĩa - đảng khi bắt được kẻ phản-nghịch, kẻ thù đã giết thầy mình, thì giết đi để làm đồ lễ tế thầy, như mấy việc gần đây mà đảng cách-mệnh đã làm. vậy tục này thì lại không phải là mê - tin, mà là bởi lòng công-phẫn uất-kết đã lâu nó xui ra, họ muốn làm như thế để báo thù lại thì mới cam-tâm vậy.

Nay Trương-công nước Tống là một ông vua ở một nước cổ-quốc của nhà Thương có văn - hiến, biết qui nhân-đạo, trọng nhân-luân, biết người ta là chủ của thần đã lâu, cũng như các nước Tây-Châu, Đông-Châu, Lô, Vệ, Tấn, Tề ở trung-nguyên Trung-quốc bấy giờ. Thế thì việc giết vua Tống để tế thần sông Truy này, không phải là ông cũng mê-tin như bọn mọi đông-di đâu, và đối với vua Tống chỉ có cái lỗi, ông mời mà không đến hội mà thôi, chứ không có thâm-thù tích-phần gì,

chẳng qua chỉ vì ông muốn kể ông Tề Hoàn làm bá-chủ, bèn lợi-dụng cái tục ngu-dại để lấy lòng bọn mọi đông-di và để ra uy cho các nước nhỏ khác phải sợ-hãi, nên mới nhân-tâm làm như thế. Sau này ông đánh nhau với Sở, ông bắt quân phải đợi cho quân Sở sắp hàng xong rồi mới đánh, thành ra quân thua, ông bị giặc đâm thủng đùi, quan hầu chết tiết cả, người nước trách ông, ông nói : « *Quân-tử không dám đưa giặc đã bị đâm rồi, không bắt đưa giặc đã hai thứ tóc.* » Thế thì ra ông thực là một người ngoài miệng thì nhân-đức dở hơi, mà trong lòng thì tàn-ác, nghi-hở không phục được Chư-hầu, không đủ chống với Sở, bị thương rồi chết, mà bá-đồ bại-hoại. Tử-Ngư biết trước, can ông không được, muốn chết trước đi cho khỏi trông thấy cái họa nước nhà suy-vong, cũng phải.

20. — K. — Đại-hạn

T. — Mùa hạ, năm Hi-công thứ 21, đại-hạn. Công muốn đem người « Vu » (cò đồng) với kẻ bị bệnh « khuông » (ngửa mặt lên trời) đốt đi. (Vi tục truyền trời thương kẻ bệnh « khuông » sợ mưa nước vào lỗ mũi nó. Lại người « nữ-vu » đảo vũ không linh-ứng, nên vua muốn đốt chết cả đi). Tang Văn-Trọng can rằng : « *Làm thế không phải là cách phòng-bị được cái nạn hạn-hán đâu, chính cách phòng-bị là phải tu sửa lại thành - quách, bớt ăn bớt tiêu, chăm việc cấy gặt và khuyên dân giàu xan-xẻ cho dân nghèo, chứ kể « vu » kẻ « khuông » có làm gì được. Nếu trời muốn giết họ thì thà trời đừng sinh ra họ nữa. Như bảo rằng họ làm ra hạn-hán được thì đốt họ đi lại càng hạn-hán thêm. »*

Công theo làm như lời Tang Văn-Trọng, năm ấy đói mà dân không chết hại.

21. — K. — Công đánh Tiều-Chu

T. — Nước Nhâm, nước Túc, nước Tu-cu và nước Chuyên-du đều là dòng-dõi họ Phong (con cháu vua Phục-Hi) Vẫn giữ việc thờ-tự vua Thái-Hiệu cùng họ Hữu-tế mà phụ-thuộc về các nước lớn ở trung-nguyên. Nay người Tiều-Chu diệt Tu-cu vua Tu-cu phải xuất-bôn vào nước Lô nhờ bà Thành-phong (mẹ Hi - công) giúp cho. Bà Thành - phong nói với Công rằng : « *Tôn-sùng việc tế-tự, bênh-vực nước nhỏ yếu là lẽ (1) của nhà Châu, rợ man-di lấn cướp các nước hoa hạ là họa của nhà Chấn vậy. Nếu bây giờ nhà vua dựng lại cho Tu-cu, thế là nhà vua biết tôn-sùng vua Hiệu họ Tế, sửa việc tế-tự mà tránh tai-vạ đi đó.* »

Mùa xuân, năm thứ 22, Công đánh Tiều-Chu lấy lại Tu-cu và đưa vua Tu-cu về nước.

Ngày xưa, lúc vua Bình-vương thiên sang Đông-dò, có ông Tân-Hữu đi qua sông Y-xuyên, thấy dân ở đây đều róc tóc mà cùng tế với nhau ở ngoài đồng Tân-Hữu nói : « *Có lẽ không đến một trăm năm nữa thì chỗ này thành ra rợ Nhung-dịch, là vi-lễ-phép đã mất trước đi rồi!* » Đến nay là năm Hi-công thứ 22, mùa thu, nước Tần nước Tấn quả thiên một giống người Nhung ở rợ Lục-hồn cho vào ở miền Y-xuyên.

— Từ năm Hi công thứ 17, Tấn Thái-tử Ngừ sang ở Tần làm con tin. Tần trả lại đất Hà-dông cho Tấn và gả con gái cho Thái-tử Ngừ. Nay Thái-tử Ngừ sắp trốn về nước, bảo Doanh-thị rằng : « *Tôi với nàng cùng về có nên chăng?* » Nàng Doanh thưa : « *Ông là Thái-tử Tấn mà phải sang ở bên Tần này, nay ông muốn về là phải lắm, còn như kẻ ti-tử này là bởi quả-quân sai nàng*

khẩn sửa túi cho ông để cố-kết lấy bụng ông, nếu bây giờ kẻ ti-tử này mà theo ông về, thì ra kẻ ti-tử này bỏ mất mệnh vua đi. Vậy không dám theo ông về mà cũng không dám lộ chuyện ấy ra. »

Thái tử Ngừ bèn trốn về.

— Người Tiều-Chu vì mất Tu-cu nên đem quân đánh Lô. Công khỉnh Chu là nước nhỏ, không đặt quân phòng-bị. Tang Văn-Trọng nói : « *Đã là một nước, không kể lớn nhỏ, đều không thể khỉnh được. Nếu không phòng-bị thì nhiều quân cũng không chắc gì, thơ Tiều-nhã có câu rằng : « E-dè nom-nớp xiết sao, như ngồi giá mỏng như vào vực sâu. » Lại thơ Châu-tụng có câu rằng : « Kinh ngay phải kinh-cẩn ngay, trời kia dễ biết mệnh nay khôn lường. » Ấy các tiên-vương ngày xưa có minh-đức biết bao, mà còn không việc gì không lấy làm sợ như thế, nữa là nước ta là một nước nhỏ dư? Ngại dưng có bảo nước Chu nó bé đâu, đến như con ong cũng còn có nọc, phương-chỉ là một nước. »*

Công không nghe. Ngày đình-ỵ tháng tám, năm thứ 22, Công với quân Chu đánh nhau ở Thăng-hình, quân ta thua, người Chu bắt được cái mũ trụ của Công đem về treo ở cửa Ngự-môn nước nó.

22. — K. — Tống-công với người Sở đánh nhau ở sông Hoàng, quân Tống thua

T. — Trịnh-bá sang châu Sở, Tống-công đánh Trịnh, người Sở bèn đánh Tống để cứu Trịnh. Tống-công ra đánh nhau với Sở-quân ở sông Hoàng.

Quân Tống đã bày trận xong rồi mà người Sở thì chưa độ-hà xong

(1) Chữ lễ ở cổ-thư Trung-quốc, có khi là lễ-nghi, có khi là phép-luật. Có khi hàm cả hai nghĩa ấy.

Quan Tư-mã là Tử-Ngu nói rằng :
 «*Quân nó nhiều, quân ta ít, đang khi
 quân nó chưa độ-hạ xong, nên đánh đi.*»
 Tống-công nói : «*Không nên*». Đến
 khi quân Sở độ-hạ rồi, nhưng chưa bày
 trận xong. Tư-mã lại giục. Tống-công
 nói : «*Chưa được.*»

Mãi đến khi quân Sở bày trận xong
 rồi Tống-công mới cho đánh, quân Tống
 thua, Tống-công bị giặc đâm vào đùi,
 các quân hầu chết tiết cả, người nước
 trách Tống-công. Tống-công nói :
 «*Quân-tử không đâm đũa giặc đã bị
 đâm rồi, không bắt đũa giặc đã hai
 thứ tóc, cõ-nhân đi trận không nhân
 lúc người ta bị hiểm-trở mà bách-hại.
 Quả-nhân tuy là dòng-dõi một nước
 vong-quốc, nhưng cũng không có thức
 trông vào trong khi quân giặc chưa bày
 trận xong.*» Tử-Ngu nói : «*Thế là ngài
 chưa biết phép chiến-trận đó, bên cường-
 địch nó bị hiểm-trở không bày thành
 trận được, là trời giúp cho ta đấy, đang
 lúc nó bị hiểm-trở mà mình thúc ngay*

*trông vào còn sợ không kịp, sao lại
 không nên. Vả quân Sở kia thắng nào
 khoẻ mạnh đều là cừu-địch của ta cả,
 dấu đến bậc quốc-lão của nó có thể bắt
 được cũng chẳng tha, nữa là đũa hai
 thứ tóc. Dạy quân tập trận để tỏ cho
 kẻ hèn biết sỉ, là mong cho quân mình
 giết chết được giặc đó, vậy thắng giặc
 bị thương mà chữa chết kia, sao lại
 không đâm thêm một cái nữa. Nếu
 thương nó bị thương hai lần thì thà
 trước đừng đâm nó; thương đũa giặc
 hai thứ tóc thì thà chịu phục ngay nó
 đi có hơn không ?*

«*Phàm việc tam-quân là vì quyền-
 lợi của nước, hồi chiến thúc trông là
 để cho quân nức lòng, đã vì quyền-lợi
 của nước, đã phải giục cho quân nức
 lòng, thì lừa cho giặc vào chỗ hiểm-trở
 để nó bối-rối, mà thúc trông cho quân
 ta vào lại càng hay chứ sao.*»

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

VIỆT-NAM DI-ẢI SỬ-CA (1)

VI

59 - Thế trận ông Trần Khát-
 Chân bắn chết vua Chiêm-thành
 là Chế Bồng, tướng là Bồng La-Nga
 ở cửa bể Đàng-hải

Cỏ hoa rộn-rịp tang-bồng,
 Chiêm-thành lưỡng vãn xa trông mặt
 [ngoài.

Bề Đông trận sóng ngất trời,
 Bển Đàng ngọn nước toi-bôi cê học (1).
 Tướng Chiêm tên gọi Bồng-Nga,

Con thuyền đua đuổi xông-pha mặt
 [ghềnh.

Lá buồm phơ-phất mong-mạnh,
 Tuyết mù ngấn biếc vẻ xanh in ngần.
 Mái chèo khua động ba quân.

Cửa Gàn rộn nước cống Ván đục trời(2).

Khát-Chân Trần-tướng xa vời,
 Cung dương cánh cắt đạn gài tên bay.

Mặt làn liếc mắt buông tay,
 Thuyền bồng phứt đã đứt dây lèo buồm.

Bồng-Nga vừa chợt xa nom,

(1) Xem Nam Phong số 129, 131, 132

Bông sa tên thuốc không óm nổi đầu.

Xa xa một phút cung đầu,

*Tướng Bồng-Nga đã chết đau cổ
[bông (3)].*

Gốc việc. — Sử chép đời vua Nghệ-tôn nhà Trần, tướng Chiêm-thành là Bồng-La-Nga, đem chiến - thuyền vào cửa bể Đăng-hải, trong nước vì đó náo-dộng, ông Trần Khát-Chân làm trấn - tướng cửa Đăng-hải, bắn chết được tướng Chiêm-thành.

Dẫn điển - nghĩa. — 1. Bèo Đăng là hạt Hưng-yên, tức là bãi Sậy, là Nhất-dạ-trạch của ông Chử Đồng-tử mở-mang ra ngày trước, sau cỏ lên thành rừng gọi là rừng Sậy; xem đó biết hạt Hưng-yên vốn trước là bãi bèo, sau nổi dần mãi ra thành đất đồng bằng, bèo đầu biến đổi như vậy — 2. Cửa Gàn tức là Can-hải-khâu, bây giờ là cửa Luộc; Cổng-vân cũng về hạt Hưng-yên, gần với cửa Gàn. Câu này tả ý, bây giờ trong nước đương náo-dộng. — 3. Câu này là tả Bồng-Nga trúng phải tên, trước thương dùng đầu làm cung, cổ bông làm tên, bông-tang là nghĩa thế.

60 — Thế trận vua Lê Thái-tổ dấy nghĩa ở núi Lam

Chợt khi Trần đến vận cùng,

Cống Minh Minh vẫn sẵn lòng lăm-le.

Hồ-ly giả tiếng bắt về,

Thừa-cơ quận huyện phân chia nước

Nga lừa dây-dâm cỏ xanh, [minh.

Xây hầm chứa của phá gheñh tìm châu.

Trai ngoan gái tốt thắm sâu,

Bòn vàng nào biết chú Tàu chán tay.

Non Lam mờ-mịt năm mây (1),

Hay đầu chân-chúa đã gây cơ-đồ.

Lưới tre trải bước giang-hồ (2),

Mây sao trời bông trao cho gươm vàng.

Lại cay cho bọn hào-cường,

Dã-man quen mượn việc làng nạt ai.

Đánh quẳng tay dậm gươm mài,

Đầu rừng thét gió lừng trời xa nghe.

Ra vào lặn ả qua khe,

Châu nâu làm gạo uốn tre làm sào (3).

Giặc Minh nghe vỡ lung-lao,

Rắp đem tước thưởng xa trao anh-hùng.

Chim khôn sao mắc lưới hồng (4),

Còn toan xô cũ cho vòng nước non.

Gốc việc. — Dã-sử chép cuối đời nhà Trần thế yếu, thường cống-hiến nhà Minh, kịp khi Hồ Quý-Ly, Hồ Hán-Thương tiếm-thiết, nhà Minh mượn tiếng sang bắt cha con nhà Hồ, thừa-cơ lập chính-phủ chia quận-huyện nước ta, sai Vương Thông, Hoàng-Phúc, Thôi-Tụ sang quân-hạt, bấy giờ bao nhiêu ngàn hoa bãi cỏ, cho lừa ngựa đầy dẫm, các hồ giếng thường lấy đá xây hầm chứa của, bắt gái đẹp phong thần để giữ, các cửa bể từng đầu thuyền lọc cát tìm châu, và bao nhiêu trai khôn biết, bắt ép tống về Yên-kinh đầy bỏ, lại các sông Tuyên-quang, thường lọc bòn lấy vàng, tục-ngữ nói bòn như Ngô bòn vàng cũng là tự đó; dân ta bị tra-đạp ức-hiếp, lăm-than tòi-nhục biết là ngăn nào; May sao vua Lê Lợi, xưa bé nhà nghèo, anh em đi đánh dậm, được thoi sắt, chắp vào thành thanh kiếm, và nhân kẻ hào-cường trong làng ức-hiếp, ngài bực mà vào núi Lam dấy nghĩa, thường lặn rừng lấy nâu chín làm lương cho quân ăn, và uốn tre làm sào gậy để đánh giặc, nhà Minh nghe biết, thường dụ lấy quan-tước, ngài bảo « làm kẻ trượng-phu, nên cứu nạn lớn, lập nghiệp to, chớ rối đầu mà làm tôi tớ người », vậy ngài không nghe, trải 10 năm phá xong giặc Minh, lên làm vua, đóng đô thành Thăng-long.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Lam-sơn ở tỉnh Nghệ-an. — 2. Lưới tre là cái dậm, chữ nho gọi là trúc-võng 竹網. — 3. Quả nâu chín ăn được, vua Hạ Vũ xưa đi trị nước lụt, vẫn từng ăn, nên quả bồ-nâu chữ nho gọi là Vũ-dư-lương 禹餘糧 nghĩa là cơm thừa của vua Vũ. — 4. Câu này tả ý ngài

không bị nhà Minh giàng-buộc nổi, và còn muốn tháo cũi xổ lồng cho cả người nước, thế mới rõ là bậc đại-anh-hùng.

61 — Thê trận vua Lê Thái-tổ đánh phá quân nhà Minh, bắt Hoàng Phúc, Thôi Tụ ở sông Lam

Mấy cơn gió giạt mưa giồn,
Hoàng, Thôi hai tướng dinh đồn cỡi
Vua ra từ động núi Lam, [Lam.
Anh-hùng khét tiếng Việt Nam một đời,
Ba quân giáo dựng gươm mài,
Hoa chen ngọn mác trắng cài mũ
[dao (1).

Sóng Lam ruổi lớp sóng dào,
Ngàn sương sa lạnh vẻ sao trời mờ (2).
Đêm thanh bó giáp cuộn cờ,
Hoàng Thôi chốc đã sa cơ mắc tròng.
Buộc giàng dây xích đòn gông,
Tay trao khóa móc chân vòng then
Cửa viên một sợi dæg giàng, [trắng.
Bổ khi trà đập nhung-nhặng nước
[người.

Gốc việc. — Sử chép Hoàng Phúc, Thôi Tụ dinh đồn ở sông Lam, vua đem từ động Lam-sơn ra đánh phá quân nhà Minh, bắt được Hoàng Phúc Thôi Tụ.

Dân diên-nghĩa. — 1. Đây tả quân ra đông mà nhanh-nhẹn. — 2. Đây tả cảnh sông và đêm.

62 — Thê trận vua Lê Thái-tổ đánh phá quân nhà Minh, chém Liễu-Thăng Mộc-Thạnh ở Chi-lăng-quan và Trảm-mã-quan.

Oai-lanh sói-nổi một trời,
Liễu-Thăng đầu lại cửa ngoài tiến quân.
Gươm vàng quắc lộn về ngân (1),
Liếc mái đá biếc in ngần non xanh.
Ái-quan một trận tung-hoành,
Đầu rừng ngựa thét mặt ghènh chim
Đầy ngàn gió ruổi hoa reo, [kêu (2).
Non rừng nghènh hiềm núi xiệp đá
[và (3).

Giặc vừa tới cửa Chi-lăng,
Liễu-Thăng phứt đã đầu quặng giữa
Trước yên Mộc-Thạnh tới nơi, [trời.
Cửa quan Trảm-mã cũng rơi đầu bò (4).
Chú Tàu mấy trận cùng thua,
Còn xoay bắt vạ khéo trò tanh dơ.
Liễu-Thăng cái nợ bao giờ,
Người vàng trao trả cang dơ chừa Tàu.
Khắc nào quả gáo hom đầu (5),
Thôi đừng nên hỏi nợ đầu Liễu-Thăng.

Gốc việc. — Sử chép khi vua Lê bắt Hoàng Phúc, Thôi-Tụ, Minh lại sai Liễu-Thăng, Mộc-Thạnh đem mười vạn quân sang viện, vua đón đánh ở cửa núi Chi-lăng và núi Trảm-mã, chém Liễu-Thăng và Mộc-Thạnh, mãi đến sau khi giàng-hòa, Minh còn kể bắt vạ đòi nợ Liễu-Thăng, vua sai đúc người vàng trao trả, đó là muốn yên dân, nên cũng chịu dền vạ, tục-ngữ nói « Đòi quá đòi nợ Liễu-Thăng » là bởi đó.

Dân diên-nghĩa. — 1. Câu này tả con gươm sắc. — 2. Câu này tả cảnh trận-trường ở rừng núi rộn-rít. — 3. Câu này tả quân phục dậy chệt đánh làm cho núi non rung-động. — 4. Đầu bò là nói Mộc-Thạnh bay hò buồm lấm mà cũng chết. — 5. Tục-lệ những kẻ chết mất xác, người nhà nó thường làm hình giả bằng đầu giáo xuong đầu đề chôn, đây Liễu-Thăng chết cũng chẳng khác gì thế mà còn bắt vạ ai.

63 — Thê trận vua Lê Thái-tổ đánh phá quân nhà Minh, đuổi Vương Thông về Tàu

Thu quân từ cửa Chi-lăng,
Anh-hùng tiếng đã thét lưng biển Đông-
Đông-quan là đất Thăng-long (1),
Trở về lại bỏ mấy vòng quân vây.
Tước thành dựng mái lầu mây,
Vương Thông lương đã hờn bay cõi
[ngoài.

Biết tay thao-lược hùng-lài,
Cúi đầu xin vái trả trời Việt-Nam.

Đã lòng biết lỗi chịu cam,
 Cũng tha cho khỏi cỡi Nam ra về.
 Hoảng Thôi tù-tội ử-ê,
 Cùng cho cỡi nút mây tre về Tàu.
 Một phen gió bụi sạch lâu,
 Giặc Minh từ đó bưng dầu xa bon.
 I hành rồng gậy dựng nước non,
 Bông hồ Hoàn-kiểm bay con gươm thần.
 Một trời gió mát mưa xuân,
 Mười năm huyết-chiến ba quân khải-
 hoàn.

Anh-hùng mở mặt giang-san (2),
 Sóng êm bề Sở mây tan ải Tần (3).

Gốc việc. — Sử chép vua Lê đã đánh phá quân Minh, chém Liễu Thăng Mộc-Thạnh ở núi Chi-lăng và núi Trảm-mã, liền dẫn quân về vây thành Đông-quan, trước thành dựng một cái chòi cao, ngai ngự để xem tin-tức trong thành, Vương Thông sợ quá, xin trả thành về Tàu, ngài truyền tháo vây cho về, và tha cả Hoàng-Phúc Thôi-tụ một lũ bưng dầu ra về, ngài sai quân tống khỏi cửa Bắc quan, liền vào thành Đông-quan lên ngôi vua, khi ngài ngự qua hồ Hoàn-kiểm bồng con gươm ở trên tay hóa rồng bay xuống hồ, nhân gọi hồ ấy là hồ Hoàn - kiếm 還劍湖, nghĩa là hồ trả gươm, hiện nay còn tượng ngài trao gươm ở bờ hồ, kể từ lúc ngài ở động Lam-son ra dẹp giặc đến đó là 10 năm, mới nên nghiệp đế.

Dân diên-nghĩa. — 1. Đông-quan tức là Hà-nội bây giờ. — 2. Đây nói có anh-hùng thì giang-san cũng được mở mây mở mặt với nước ngoài. — 3. Câu này ý nói giặc tan nước yên.

64 — Thế trận ông Nguyễn Trãi giúp vua Lê phá giặc nhà Minh.

Núi Lam từ buổi ra quán,
 Có ông Nguyễn Trãi văn-thần tham-
 Vốn xưa con dãi nhà cừu (1), [mưu.
 Nhị - khê làng cũ sóng Ngưu một
 [ghênh (2).

Đời Hồ cha gọi Phi-Khanh,
 Giặc Tàu ghét bậc tài-danh bắt về.

Bắc-quan dất-diu dề-huê (3),
 Máu sa giọt lệ hồn lia đỉnh mây (4).
 Cha dùng nước mắt vây tay,
 Con về rửa nỗi thù này mới cam,
 Dành lòng chửa rẽ Bắc Nam.
 Trở về tìm tới non Lam dâng mình.
 Nơi rừng thẳm rẫy non xanh (5),
 Nổi thù mình vẫn giết mình từng phen.
 Đêm thanh như chất lửa phiền,
 Lá màn rủ thấp ngọn đèn khêu cao.
 Ngập-ngừng bút kiếm tay trao,
 Vây cò tỉnh nước gại dao rửa thù.
 Cao cao một ngọn lâu thu,
 Bức tờ ngổ chỉ thôn Ngô mấy lần.
 Đỉnh đầu nghĩa nặng quân-thần,
 Mười năm khôn xiết mưu-thần khôn-
 Bình Ngô trọn trả thù cam, [tám.
 Lá tờ đại-cáo muôn năm còn truyền.

Gốc-việc. — Sử chép ông Nguyễn Trãi người làng Nhị-kê, hiệu là Ức-trai, xưa cha là ông Phi-Khanh, cuối đời Hồ, vì là bậc tài-danh, giặc Minh bắt tống về Yên-kinh, ông Trãi khóc theo đến Bắc-quan, cha quay lại nói rằng : « Con về rửa thù cho cha, trả hận cho nước, là đại-hiếu, chứ khóc thì làm chi. » Cha con cùng gạt nước mắt mà chia tay. Ông Trãi về từ đó nghe tin vua Lê Thái-tổ dấy nghĩa ở núi Lam, liền vào theo làm mưu-thần, dùng mẹo thích chữ vào các lá cây cao ở nơi đền chùa tám chữ rằng : « Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần 黎利爲君阮鵬爲臣 » để cổ-dộng lòng dân trong nước, khi gió lay lá rụng, ai ai thấy có chữ đề đó, cũng cho là điềm trời đã định, đều nức lòng mà theo về núi Lam, tự đó vua Lê tướng nhiều quân đông, đánh đâu cũng được, vua dùng ông Trãi làm mưu-thần, thường chỉ ngồi trong màn bõ con tính, mà tính việc quân-cơ, khi vua về vây thành Đông-quan, trước thành dựng một chòi cao, để nghe tin-tức trong thành, vua từng đề ông Trãi ngồi lẳng thứ nhì, để bàn soạn việc quân, hàm tờ hịch tướng-sĩ, và thư

đưa lại cho Vương Thông, một tay ông Trãi thảo-soạn cả; sau khi đuổi được lũ Vương-Thông về Tàu, ông làm tờ « Bình Ngô đại-cáo », giờ còn truyền-tụng.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Con dãi nhà cừu, là gốc ở câu cừu-gia tử-đệ 仇家子弟. — 2. Nhị-kê ở Hà-nội gần sông Kim-ngưu. — 3. Bắc-quan tức là cửa ải Nam-quan, Tàu gọi là Nam, ta gọi là Bắc. — 4. Hồn lia đỉnh mây, là gốc tự câu ông Địch Lương-công Nhân-Kiệt trông mây núi Thái-hàng mà nhớ bề thân. — 5. Tờ câu : « Nơi rừng thẳm rẫy non xanh » trở xuống đến câu : « Mười năm khôn xiết mưu-thần khỗ-lâm, » đều là tả tình-cảnh ông Trãi theo vua Lê từ nơi rừng-rú, khi ở trong màn, khi ở trên chòi, bản tính việc quân không lúc nào người được nổi thù nhà mình, mãi sau bình Ngô mới hả dạ.

65 - Thề trận ông Lê Lai giúp vua Lê đánh giặc nhà Minh

Non Lam nầy bậc anh-hiền,
Lê Lai cũng bạn con tiên cháu rồng.
Mấy năm rộn-rịp tang-bồng,
Vời vua Lê Lợi vốn dòng anh em.
Từ ngày đậy nước mò kim (1),
Được thanh thần kiếm anh em góp tài.
Non Lam một lưỡi gươm mài,
Cũng đã dấy đất lừng trời mấy phen.
Cờ-đỡ dù sớm dựng nên,
Cùng đưa lá ngọc cùng chen cành [vàng (2).

Xông-pha trải mấy trận-tràng,
Bùn lầy voi bồng vọt vàng sa chân (3).
Cũng đành vọt giặc liều thân,
Bề em gắng sức xoay vần nước non.

Gốc-việc — Dã-sử chép ông Lê Lai là anh vua Lê Lợi, khi xưa anh em cùng đi đánh dậm, mỗi người được một đoạn sắt, đem về anh em chấp lại, mới rõ là thanh kiếm, liền cùng lòng quyết chí dấy quân, ông Lai vẫn nhường thanh kiếm cho ông Lợi, khi từ núi Lam ra, ông Lai cũng đã phá giặc Minh

được mấy trận, không may ông cưỡi voi, voi sa xuống bãi bùn lầy, ông bị giặc Minh bắt, liền chết để thành chí cho em, sau vua Lê Lợi quả phá được giặc Minh làm vua.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Đáy nước mà kim là tả ý đánh dậm được thanh sắt, sắt cũng là loài kim. — 2. Lá ngọc canb vàng là họ nhà vua. — 3. Tờ câu : « Bùn lầy voi bồng vọt-vàng sa chân » trở xuống, là tả cảnh ông Lai bị bắt mà vẫn can-dõm.

66 - Thề trận ông Đinh Liệt giúp vua Lê đánh phá quân nhà Minh

Giặc Minh đương trận sóng cồn,
Có ông Đinh Liệt 101 con rạch trời,
Trai bao tên đạn toi-bời,
Tự làng Thủy-sách ra ngoài Nghệ-an.
Dặm nghìn ngói rữa sương tan (1),
Đầu non lá rụng đỉnh ngàn hoa bay (2).
Giặc thù qui gối lượm tay,
Hoàng Thôi mây lợp trao dây mắc
Một tay sấm sét vang lừng, [thưng.
Thăng-long chóc đã ngập-ngung rông
Ơn trời xa rủ năm mây, [bay.
Bốn triều huân cứu một tay kuông-phù.

Gốc-việc. — Sử chép ông Đinh Liệt, người trại Thủy-sách, tỉnh Nghệ-au, giúp vua Lê đánh phá quân nhà Minh, bắt Hoàng Phúc, Thôi Tự, sau làm quan trái bốn triều vua, thường đực-phù vua Thành-tôn.

Dẫn điển-nghĩa. — 1-2. Hai câu này là nói tóm-lắt nét cả mấy trận ông đánh phá được giặc, quân giặc phải rơi-rụng tan-lác như vậy.

67 - Thề trận ông Đinh Lễ giúp vua Lê đánh phá quân nhà Minh

Núi Lam khi chống giặc thù,
Anh - hùng chạm mặt sơn-hồ chen
Có ông Đinh Lễ đưa tài, vai (1).
Cùng quê Thủy-sách cũng người Nghệ-an.

Mấy vòng nhung-mã gian-quan (2),
 Nghẽn rìng cuốn gió mặt ngàn tan mây.
 Trần-trường lên tuổi gươm bay,
 Một đoàn Liễu Mộc máu rây hỗn lìa.
 Ra vào len-lỏi sơn-khê (3),
 Voi xô Vạn-tượng rờng về Thăng-long.
 Nét bìa mài đá ghi công,
 Ra ngoài mãnh-tướng vào trong danh-thần.

Gốc việc. — Sử chép ông Đinh Lễ cũng người làng ông Đinh Liệt giúp vua Lê đánh phá quân nhà Minh chém Liễu - Thăng Mộc - Thạnh, công việc ngang với Đinh Liệt.

Dẫn điển-nghĩa. — 1 Câu này tả bấy giờ nhiều anh-hùng ra gánh vác việc nước. — 2. Hai câu này nói tóm cả mấy trận, ông đánh phá giặc Minh toi-bời như vậy. — 3. Hai câu này tả ý ông xông-đột mọi trận, mà vua Lê mới về làm vua được; Vạn-tượng cũng là đất nước mình về vùng rừng rú, Thăng-long tức là Hà-nội.

68 — Thế trận ông Trịnh Khả giúp vua Lê đánh phá quân nhà Minh

Non xanh nổi áng bụi trần,
 Núi Lam liếc, mũi gươm thần ra oai.
 Có ông Trịnh Khả kỳ-tài,
 Vốn xưa từ bé là người đi săn.
 Kiêu hự lựa về khoáng vắng (1),
 Tiến lui lựa thể ba quân tập rên,
 Với đàn cáo thỏ đươ chen,
 Heng cùng nghẽn hiểm đá chèn non sáu.
 Xôn pha dãi cỏ ngàn dâu,
 Rấp đem nanh vuốt quét lau giặc thù.
 Xuất thân gặp bước giang-hồ (2),
 Cũng đành làm bạn thặng nô chú Tàu.
 Trần-ai lẫn mặt công-hầu,
 Khen sao cách tướng chú Tàu cũng tinh.
 Đương ngày Trinh ở với Minh,
 Nói thặng nô nó đuổi mình cũng nên.
 Nhữn là nương nấu đợi tin,
 Giật mình mình lại lánh mình non Lam.
 Giữ tay kéo lại trời Nam.

Đuổi Vương Thông cỡi buộc giãm
 [nước non.

Gốc việc. — Sử chép ông Trịnh Khả từ bé đi săn, thường dạy hơn một trăm chó săn, lựa con đen trắng khoáng vắng, bỏ ra từng cơ-ngũ, y như tập quân hành-trận, cơ nào đội ấy, rất nghiêm-chỉnh, khi vào rừng bỏ vây săn cáo thỏ, y như bắt giặc, cọn chó nào giỏi, sẵn bắt được nhiều, về có luận-công hành - thưởng. Khi lớn lên, gặp bước giang-hồ, phải đi ở cho một vị quan nhà Minh, bỗng một hôm chủ-nhà trông tướng ông Trịnh Khả bảo rằng: « Nước Nam nếu có chân-nhân ra, thặng nô này thường nó đuổi mình cũng nên. Vả ta xem Việt-Nam non xanh nước biếc, hẳn có người mặc áo vàng ra làm vua, ta có lẽ không ở đây được lâu với thặng nô này, » Ông Trịnh Khả nghe sợ, liền bỏ trốn vào núi Lam theo vua Lê, sau quả đánh phá quân nhà Minh, đuổi lũ Vương Thông về lều.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Kiêu hự là hai giống chó săn, từ đó trở xuống đến câu « Rấp đem nanh vuốt quét lau giặc thù » là tả ý ông Trịnh Khả đi săn, là cốt để tập quân hành-trận. — 2. Giang-hồ là lúc người ta gặp bước gian-truân, từ đó trở xuống là tả cảnh ông Trịnh Khả lúc đi ở, bị chủ nhà xem tướng rồi trốn theo vua Lê.

69 — Thế trận ông quận Vénh giúp vua Lê đánh phá quân nhà Minh.

Rừng hồng ai kẻ đắp vun, (1)
 Non xanh cỏ biếc có con voi thần.
 Bổng Lam từ gặp chân-nhân,
 Mấy vòng xông-đột ba quân lấy-lừng.
 Oai-linh thét liếng dữ rừng,
 Đồi ngà chẳng khác hai sừng chệnh-
 Xô quân phá trận tung-hoành. [vénh.
 Vua phong là chức quận Vénh đương
 [dầu (2).
 Ph -phôi khóm gỗ ngàn lau.

Làm cho mấy lớp giặc Tàu đồ xô.
 Tháng-long về cõi kinh-đô,
 Công vàng khắc chữ bình Ngô chưa
 Quốc-triều thay đổi nước non. [mòn.
 Voi Ngà sau lại xa bon rừng Lào.
 Vật thần ai dễ lung-lao,
 Bùa yêu thuốc dấu đôi-trac cũng chồn.

Gốc việc. — Dã - sử truyền khi vua Lê dấy nghĩa núi Lam, dụ được một con voi tước ngà rất dữ dội, di trận nào cũng được, vua phong chức gọi là ông quân Vành, đúc công vàng đeo cho, ở suốt đời nhà Lê, làm ngự-tượng, sau khi nhà Lê mất, voi Vành lại về rừng Lào, triều nào đem bùa thuốc dụ cũng không được.

Dẫn điển nghĩa. — 1. Rừng Hồng tức là rừng thẳm, ai kẻ đáp vun, là nói tự trời sinh ra như vậy, hễ có rừng là có voi. — 2. Quận Vành là nhân đôi ngà đặt tên mà phong tước Quận-công.

70. — Thế trận cô hàng cơm bỏ
 rọ quân nhà Minh

Giặc Minh đang buổi nào-nôn,
 Lừa chần áy cỏ ngựa chồn dẫm hoa (1).
 Chung quanh vẫn đất nước nhà,
 Ai hay đẹp giặc đàn bà có gan.
 Hà-nam có ả hồng-nhan,
 Boái trông non nước cuộc tàn mà
 [thương.
 Liễu bờ trái mấy băng-sương (2),
 Yêu thơ khôn đo bằng-tang với người.
 Chém cha cái giếng vô loài,
 Vùi hồng rập tĩa nước ngoài đã quen (3)
 Nước nhà vừa gặp vận đen (4),
 Đục trong thời sá đánh phen mà chi.
 Vòng trắng tranh về nga-mì (5),
 Tâm riêng riêng những nặng vì nước
 [non.
 Gươm tình liếc mũi dao con (6)
 Thịt thần cơm ré rượu ngon bán hàng.
 Mom sông đón khách qua đàng,
 Chú Tàu mời rước tới hàng nghĩ ngơi.
 Đêm thanh vắng-vẻ chiều trời,
 Giặc mẽ bỏ rọ ném ngoài mom sông.

Triều dăng sóng vỗ dưng-dưng,
 Lòng son thề rội nước sóng rửa hần.
 Giặc Minh mòn linh hao quân,
 Mấy năm nào biết bà thần quảng sóng,
 Núi Lam sức nẩy anh-hùng,
 Giặc thù yếu thể run lòng phải lui.

Gốc việc. — Sử chép đang lúc giặc Minh quân-hạt ta, bấy giờ Hà-nam có người con gái bán hàng cơm ở mom sông, từng đón mời các quân lính cai đội nhà Minh đến hàng, lừa đem cơm rượu say ngủ trời bỏ rọ ném sông, dìm chết đã bao nhiêu quân lính nhà Minh, trải mấy năm quân lính hao mòn mà không biết vì sao, sức khi vua Lê từ núi Lam ra, Minh thể yếu chịu lùi.

Dẫn điển nghĩa. — 1. Đây tả giặc Minh trà đạp nước mình. — 2. Tả ý đàn bà thanh-tiết, mà sức yếu đuối không đo nổi sức trai. — 3. Đây nói giặc Minh từng bắt gái đẹp phong thần. — 4. Đây tả cảnh nước gặp vận đen, đàn bà cũng chẳng giữ trinh-tiết nữa chi nữa. — 5. Câu này tả mây đẹp. — 6. Đây tả mắt sắc, tục-ngữ nói mắt sắc như dao cau, đó thực là cái gương tình đó, vì nhiều người bị đó mà chết.

71. — Thế trận vua Lê Thánh-
 tôn đánh bắt vua Chiêm-thành,
 rộng mở cõi đất và sửa các việc
 thái-bình trong nước

Thánh-tôn từ thuở nối ngôi,
 Bề Nam xa vượt mấy hồi chinh-Chiêm.
 Một làn gió đẹp sóng êm,
 Buộc giàng Chế Củ vua Chiêm đem về.
 Nàng Chiêm tên gọi Mị-Ế,
 Vì chồng trọn tiết thề với sóng.
 Ngọn triều trận nước mệnh-mông,
 Năm mây xuống chiếu truy-phong
 giàng-thần.
 Hồn thơm sánh vẻ tương-quân (1),
 Nghìn thu giọt lệ in ngần trúc-hoa.
 Trời Nam non nước bao-la,
 Thừa-tuyên rộng mở mười ba thành dài.

Chinh Lao vượt cõi ngàn đoài (2),
 Từ đây châu Lẽ châu Lai về ta.

Con dâng giao-thiệp ngày xa.
 Vinh-dăng chứa khách Xiêm la Qua-
 huê (3).

Đàn tao bút vẩy thơ đề,
 Văn thần rạn vẻ sao Khuê một thời (4).
 Làn thu sáng quốc gương trời,
 Nước non đầm ấm trong ngoài yên vui.

Gốc việc — Sử chép vua Lê Thánh-tôn hai lần sang đánh Chiêm-thành, bắt vua Chiêm-thành là Chế Củ, vợ là Mi-Ê, về tới thuyền, vua cho đòi Mi-Ê hỏi, Mi-Ê nhảy xuống sông, vua xuống chiếu phong là Giang-thần, sau lấy đất Chiêm-thành mở thêm một thừa-tuyên nữa ở Quảng-nam, gồm mười ba thừa-tuyên, lại đánh nước Lào, mở thêm châu Lẽ, tức là Lai-châu, và sửa đất Vinh-dăng, mở thương-phụ, chứa những người nước Xiêm - la nước Qua-huê cho ở buôn bán, và ngài lại kén văn-thần đặt ra 28 ngôi sao tao-dàn, ngài tự làm tao-dàn nguyên-sủy, cùng các văn-thần đề vịnh, soạn ra chín khúc hát ở vườn quỳnh, sửa các việc thái-bình trong nước.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Tương-quân tức là Nga-Boàng Nữ-anh, hai con gái vua Nghiêu lấy vua Thuấn, khi vua Thuấn đi tuần-thứ, mất ở Xương-ngô, hai nàng ra sông Tương khóc, vẩy nước mắt trúc thành hoa, gọi trúc cam-lộ, rồi chết làm thần sông, Tương, ở bên bờ Động-dinh đất nước Sở, nay tức là Hồ-nam sông Dương-tử nước Tàu. — 2. Châu Lẽ là châu Lai về phía tây nước ta, nên gọi ngàn Đoài. — 3. Vinh-dăng chửa rõ là đâu. Nước Qua-huê nay không biết gồm vào nước nào, chừng cũng gần Xiêm-la. — 4. Sao Khuê là sao chủ văn. — 5. Gương trời tức là mặt trời, vì như tượng vua, mặt trời về mùa thu lại càng sáng lắm, nên gọi làn thu sáng quốc gương trời, là gốc từ chữ thu dương 秋陽 mà nói.

72. — Thế trận ông trạng Trục
 đánh phá quân Chiêm-thành đến
 núi Mã-yên mài vách đá ghi công.

Phá Chiêm xa vượt cõi ngoài,
 Thanh-trì Nguyễn Trục vốn tài Trạng-
 nguyên.

Cờ đào vàng mệnh bình thiên,
 Chiêm thành mấy trận cung tên đã chôn.
 Mã-sơn nét đá bao mòn,

Lập công nghìn dặm hãy còn tiếng thơm,
 Cheo-leo vách đá hoa chòm (1),
 Mảnh trăng còn đó lưới gương liếc
 mài (2).

Làn kiếm kích vẻ cân đai (3),
 Vào trong phong-nhã ra ngoài lược.
 Một màu bề rộng non cao, [thao.
 Đọc ngang nét bút con dao nhẹ nhàng.
 Mây nằm sừ-tiết dậm trăng (4),
 Non xanh đưa rước hoa vàng đón reo.

Gốc việc. — Sử chép ông Nguyễn Trục người Thanh - trì, 18 tuổi, đỗ trạng - nguyên, đời vua Lê Thánh-tôn vâng mệnh bình Chiêm-thành, lên núi Mã-yên, mài vách đá ghi công, và lại phụng mệnh đi sứ Tàu, lại thi đỗ trạng, gọi là lưỡng-quốc trạng-nguyên.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Đây tả cảnh núi cao và đẹp. — 2. Đây tả con gương sắc vì có ý hoài-cổ, gốc ở câu thơ: « kỷ độ long-toàn đai nguyệt ma, 幾度龍泉帶月磨. — 3. Đây trở xuống bốn câu là tả tài ông văn vũ kiêm-toàn. — 4. Đây trở xuống là tả cảnh đi sứ, Hoa vàng là gốc ở thơ Hoàng-hoa, lạc sừ thần.

73. — Thế trận chúa Tây-sơn
 Nguyễn Huệ mở trại Tây-sơn.

Một luông non nước diu-hiu,
 Anh-hùng rười mấy gió chiều biết bao.
 Tây-sơn (1) một trại rừng Lào,
 Kia ai vẩy kiếm khua dao vượt ngàn.
 Trời sinh Nguyễn Huệ một gan,
 Nguyễn-hưng quê cũ Nghệ-an đất nhá.
 Anh em vẹn vẻ hòa ba,

Trăm chiều khải-khảng một nhà oai-
Huệ là con giữa này ngành, [lạnh.
Tinh nồng máu sốt đánh-hạnh ai bằng.
Sinh ra ở chốn biển rừng,
Đã quen dạn sóng đã từng dạn non.
Tinh-lạnh từ bé cõn-con,
Giọc ngang quân bút roi con nhẹ-nhàng
Lấy can-tràng độ can-tràng, [(2),
Anh làm trưởng-phổ coi hàng bán buôn.
Cưỡi năm bạc thuế thu đồn,
Phu-phao tay trắng không còn một

[chinh.

Bực mình khuyến nhủ em anh, (3).
Lian nhà quệt vượt biển xanh vào rừng.
Làm nên thét lệt vang lừng,
Tây-sơn riêng chiếm một rừng cõi tày.

Gốc việc. — Sử chép chúa Tây-sơn
Nguyễn Huệ, anh là Nguyễn Nhạc em
là Nguyễn Lữ, vốn xưa người Nguyên-
hưng tỉnh Nghệ-an, Huệ từ bé đã có
can-đảm anh-hùng, xưa từng làm
trưởng-phổ, bao nhiêu tiền thuế tiêu
pha cho hết, rồi rủ anh và em bỏ nhà
vượt bể vào trại Tây-sơn dậy quân,
tự-lập làm chủ trại.

Dân-diên-nghĩa. — 1. Trại Tây-sơn về đất
Quảng-nam. — 2. Đây tả ý văn võ gồm tài.
— 3. Tả làm trưởng-phổ kiệt-biệt, dám
tiêu hết công-thuế và bỏ nhà đi.

**74 — Thế trận chúa Tây-sơn
đánh lấy thành Đồ-bàn và
Phú-xuân.**

Anh-hùng nhiều cách trở xoay,
Gián mình tháo cũi ra tay xô lỏng.
Từ khi rừng rú vây-vùng,
Cài then cửa Đọng rắc chông nghẽn
[đàng.

Mây phen sấm sét dấy dàng,
Kìa ngàn beo thét nọ hang hầm gào.
Quốc-triều trải mấy gian-lao,
Chưa hay đồn gỗ ngăn rào được ai.
Chợt đầu mưu mẹo cũng lái,
Qui-hàng cũng thấy một vài con lừa.
Xin về lựa chổi gài then,

Bất hùm đóng cạm dăng lên cửa hầu,
Gạn lòng ai biết mưu sâu,
Can-trường thử ngó mây râu giặc hần.
Cạm hầm vừa tới trước sân,
Phút đã phá chốt xô ngăn ra ngoài.
Ra oai một tiếng thét trời,
Roi cõn vẫy lớp thành dài đã long-
Đồ-bàn rỏ ngựa thẳng giông (1),
Xuân-kinh trở ngọn mác đồng cũng
[xiêu (2).

Gốc-việc. — Sử chép chúa Tây-sơn
khi lập trại Tây-sơn, quốc-triều đánh
mãi không được, sau Tây-sơn lập mẹo
chờ mấy kẻ quân lính đến thành Đồ-
bàn ra hàng, xin về bắt chúa Tây-sơn
đóng cạm giải nộp, quan trấn-thủ
lấy làm tin thực bèn cho, bất-đồ khi
giải lên, ai nấy cùng ra xem, bỗng chúa
Tây-sơn ở trong cạm xô ra, thét một
tiếng, và nổi hiệu pháo, quân hậu-tiếp
bốn mặt đổ lại lấy thành Đồ-bàn, sau
lại lấy Phú-xuân.

Dân-diên-nghĩa. — 1. Thành Đồ-bàn nay
là phủ Qui-nhơn tỉnh Bình-định. — 2.
Xuân-kinh tức là Phú-xuân Thuận-hóa, kinh-
dô ta bấy giờ đóng ở làng Phú-xuân.

**75. — Thế trận chúa Tây-sơn
phù Lê diệt Trịnh và bắt
Cống-Chỉnh.**

Bề Nam êm lặng một chiều,
Xa nghe còi Bắc làm điều ngang tai.
Mông-mệnh bề nước lộn trời,
Bông đầu Cống Chỉnh từ ngoài Bắc vô.
Triều Lê ngổ hể sự-ao,
Nổi niềm chúa Trịnh ức vua che trời.
Hỏi thăm Hà-bắc nhân-tài,
Trừ ra Cống-Chỉnh không người nào
Truyền quân ngựa rười tên bay, [hay.
Cờ phù Lê thẳng tới ngay Bắc-thành.
Dậm nghìn nước biển non xanh,
Truất quyền họ Trịnh vịn ngành hoa
Ngó lòng tạ trước đàn-tế, [Lê (1).
Chỉnh trao Cống-Chỉnh mình về Phú-
[xuân.

Cách vời núi Thái sương ngàn,
 Rồng Lê chốc đã xa ngàn non mây (2),
 Chừ-hoàng Chiêu-thống lên thay,
 Tướng-thần Cống-Chỉnh lại xoay cầm
 [quyền,

Anh-hùng sức bỗng nghe tin,
 Ra quân bắt Chỉnh đẹp yên lại về.
 Bắc-thành mấy dặm sơn-khê,
 Sai quan trấn thủ chống che nước ngoài.

Gốc việc. — Sử chép chúa Tây-sơn, khi ở Phú-xuân, Cống-Chỉnh tự ngoài Bắc vào, nói sự chúa Trịnh tức vua Lê, chúa Tây-sơn lấy làm tức giận, nhân hỏi Hà-bắc nhân-tài đầu cả, mà đề Trịnh như vậy. Cống-Chỉnh nói nhân-tài Hà-bắc có một Chỉnh, Chỉnh đã vào Nam, thì không còn ai nữa, chúa Tây-sơn liền dùng Cống-Chỉnh hướng-đạo ra Bắc. Trịnh Tạc cự không nổi bỏ chạy, chúa Tây-sơn vào bài-yết, vua Lê gả cho nàng công-chúa, chúa Tây-sơn ta về, đề Cống-Chỉnh lại giúp chính, sau vua Lê mất, con là vua Chiêu-thống lên nối ngôi, Cống-Chỉnh toan cầm quyền, và có ý kháng-cự Tây-sơn, chúa Tây-sơn nghe biết, đem quân ra bắt Cống-Chỉnh, Cống-Chỉnh đem vua Chiêu-thống chạy, chúa Tây-sơn đuổi giết Cống-Chỉnh, vua Chiêu-thống sợ chạy sang Tàu, chúa Tây-sơn sai quan giữ Bắc-thành, rồi lại về Phú-xuân.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Vin ngành hoa Lê là tả ý lấy công-chúa. — 2. Hai câu này tả ý vua Lê là bố vợ chúa Tây-sơn vội mất.

76 — Thề trận chúa Tây-sơn
 đánh phá quân nhà Thanh đuổi
 Tôn Sĩ-Nghị.

Vua Lê Chiêu-thống xa vời,
 Vì nghe Cống-Chỉnh sang mời nhà
 [] hanh

Gà nhà công rấn cần quanh (1),
 Thanh Tôn Sĩ-Nghị đề-bình tiến vào.
 Phú-xuân nghe chạnh lòng đau,

Lá cờ thẳng trở thanh đao liếc mài,
 Quang-Trung chính vị con trời,
 Ba quân muôn dặm thành dài ruồi
 sao (2).

Một làn bề rộng non cao,
 Xa xa cõi bắc ào-ào gió đông (3),
 Quanh co mấy khúc sông Hồng (4),
 Quân Thanh mười vạn ngăn dòng
 [trương thây.

Lấy-lùng cuốn gió tuôn mây,
 Bụi mù khét đất cỏ cây rợn trời (5).

Bắc-quan xa mấy dặm dài,
 Bóng người không thấy tăm hơi một
 Là tờ ruồi tới Trung-hoa, [nhà (6)
 Giạm nắng công-chúa mây nga xem
 Trở về chửa thóc rền binh. [tinh.
 Rắp đòi Lương-Quảng hai thành ngày
 [xưa (7).

Chúa Tàu lo sợ vẫn-vơ (8),
 Cao ngời giốc tóc đánh lừa vua Chiêu.

Gốc việc. — Sử chép vua Lê Chiêu-Thống sang Tàu cầu-viện, nhà Thanh sai Đô-đốc Quảng-dông là Tôn Sĩ-Nghị đem mười vạn quân sang Bắc-thành, chúa Tây-sơn nghe tin, bèn tể cờ khao các tướng-sĩ, rồi lên ngôi hoàng-đế, hiệu là Quang-trung, đem quân ra Bắc đánh Tôn Sĩ-Nghị, quân nhà Thanh chạy không kịp, xuống sông Nhị-hà chết nổi như bèo, nước sông dưng không chảy được. Tôn Sĩ - Nghị chạy về Quảng-dông, quân ta đuổi tới Bắc-quan trở về bắc, không thấy có khói lửa hơi người, vì dân Tàu kinh bỏ nhà chạy cả về Hồ-nam, chúa Tây-sơn liền cho sang giạm con vua Tàu, đề xem tinh-thế, về chửa lương rền quân, rắp sang đòi đất Lương-Quảng, vua Tàu sợ quá, đánh lừa vua Chiêu-thống giốc tóc bắt ở Tàu, không dám cho đưa về nữa.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Tục-ngữ nói công rấn-cần gà nhà. — 2. Muôn dặm thành dài trở vào Bắc-thành, tức là Bắc-kỳ. — 3. Hai câu này tả quân-thế đi xa và giề-dạt. — 4. Sông Hồng tức là sông Nhị-hà. —

Hai câu này tả quân đi nhanh chóng và rộn-
 rịp. — 6. Câu này tả dân Tàu trốn chạy.
 — 7. Lương-Quảng là Quảng-Đông Quảng-
 Tây của ta trước. — 8. Chúa Tàu là vua
 Càn-long.

**77. — Thề trận của Tây-sơn đánh
 vỡ quân Xiêm-la và tàu ông
 Mạn-Hoè.**

*Nước non trải mấy gió chiều,
 Làm nên núi đổ thành xiêu một trời.
 Gồm ba cõi đất trong ngoài,
 Ba anh em quyết rạch trời chia ba.
 Hũ loan nấu thịt nồi da,
 Nói điều máu huyết ruột già lại người.
 Mấy lần bề rộn vạc sôi,
 Đức Gia-long đã vượt đồi Côn-lôn.
 Bè Nam khua động sóng cồn,
 Cầu Xiêm-viện Pháp cũng chôn với ai.
 Viên-quân xa vượt cõi ngoài,
 Gặp tay quấy nước đục trời cũng ghê.
 Quân Man - cốc, tướng Mạn-Hoè (1).
 Ghim tàu Phú-quốc vỡ bè Sài-côn.
 Bè hồ đòi trận uáo-nôn
 Gió chiều xô-xát nước non lầy-lùng.
 Gờm thay sôi nổi tung-bùng.
 Tây sơn khét tiếng bề rừng Việt-Nam.*

Gốc-việc. — Sử chép chúa Tây-sơn
 khi đánh vỡ được quân nhà Thanh rồi,
 chia cho anh là Nguyễn Nhạc ở Đờ-bàn,

em là Nguyễn Lữ ở Sài-côn, mà mình
 từ Phú-xuân trở ra ngoài Bắc, sau anh
 em đánh nhau, chúa Tây-sơn đem
 quân vây Nguyễn Nhạc, Nhạc đứng
 trên thành khóc bảo rằng lấy nổi bằng
 da mà nấu thịt, lòng em sao nở thế?
 Anh em lại giảng-hòa. Khi Tây-sơn
 đánh Sài-côn, quốc-triều ta đức Huệ-
 tôn mất, cháu là đức Gia-long chạy ra
 Côn-lôn, cầu viện bên Xiêm-la, vua
 Xiêm-la cho quân thành Man-cốc sang
 viện, Tây-sơn cũng phá vỡ. Đức Gia-
 long lại nhân ông cố-đạo là Bách-đa-
 lộc cho ông Hoàng-tử Cảnh sang cầu-
 viện bên Đại-Pháp. Đại-Pháp sai ông
 Mạn-Hoè đem hai tàu chiến sang viện,
 Tây-sơn lại đánh đắm ở Phú-quốc, đảo-
 đức Gia-long phải sang trợ thành Man-
 cốc. Sau khi chúa Tây-sơn và Nguyễn
 Nhạc Nguyễn Lữ chết cả rồi, Tây-sơn
 truyền cho con Quang-Toản, đức Gia-
 long mới về khôi-phục được nước.

Dân diên-nghĩa. — 1. Man-cốc là thành
 Vọng-các, kinh-dô nước Xiêm-la; Mạn-Hoè
 là quan Đại-Pháp.

(Hết)

NGUYỄN THỨC-KHIÊM



MẠNH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH (1)

孟子國文解釋

XXIV

XXVII

者。與師者。與門。師子公
 右之有右有往之行
 師位就師進焉。與子
 三而右三而右有

Dịch-âm. — Công-Hành-tử hữu tử chi tang. Hữu-sư vãng dĩ. nhân môn, hữu tử nhi dĩ Hữu-sư ngôn giả. hữu tử Hữu-sư chi vị nhi dĩ Hữu-sư ngôn giả.

Dịch - nghĩa. — Công - Hành - Tử có việc trong tang. Thầy Mạnh và các hàng Công Khanh cùng quan Hữu-sư chung-mệnh vua đến viếng-thăm; sau khi vào cửa có kẻ tiến mời quan Hữu-sư lại ngôi mình mà cùng quan Hữu-sư nói chuyện, có kẻ tới lại ngôi quan Hữu-sư mà cùng quan Hữu-sư nói chuyện.

Chú-giải — Công-Hành-tử = quan Đại-phu nước Tề. Hữu tử chi tang = Minh là con hiếu có trong-tang. Hữu-sư = Chức của Vương-Hoan, là kẻ tiêu-nhân có quyền-thế.

* *

驩驩子與諸師右孟
 也。言。獨驩君不師子
 是不言。子悅。言。不
 簡與孟皆曰。右與

Dịch-âm. — Mạnh-tử bất dĩ Hữu-sư ngôn, Hữu-sư bất duyệt, viết: « Chu quân-tử dai dĩ Hoan ngôn, Mạnh-tử độc bất dĩ Hoan ngôn, thị giản Hoan dã. »

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh không cùng quan Hữu-sư nói chuyện. Quan Hữu-sư không bằng lòng nói rằng: « Chu - quân-tử đều cùng Hoan này nói chuyện; chỉ một thầy Mạnh chẳng cùng Hoan này nói chuyện, thế là khinh Hoan này vậy. »

不以行揖踰相不曰。孟亦我禮也。階與歷禮。子異爲子我而言。位朝聞乎。簡。教欲相不而廷之

Dịch-âm. — Mạnh-tử văn chi viết: « Lê, triều-dinh bất lịch vị nhi tương dĩ ngôn, bất du giai nhi tương ấp dã. Ngã lục hành lễ, Tử Ngao dĩ ngã vi giản, bất diệc dị hồ ! »

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh nghe đấy nói rằng: « Trong lễ: Chốn triều-dinh không được xâm sang ngôi người khác mà cùng nhau nói chuyện, không được qua thứ-bậc mà cùng nhau vái vậy. Ta muốn thực - hành cái lễ ấy, Tử-Ngao lại cho ta là khinh Tử-Ngao, chẳng cũng lạ ư ! »

(1) Xem tiếp N.-P. số 131.

Chú-giải — *Lịch-vị* = Bước xam sang ngôi thứ người khác.

Đây là thầy Mạnh nói tự mình thủ-lễ, mà xử với người cũng lấy lễ, chứ không phải khinh, còn cái ý xa tuyệt kẻ tiểu-nhân thì không lộ mà vẫn ngụ ý ở đó.

XXVIII

存心。以也。其人以君孟
心。以仁君存者。異子子
禮存子心以於所曰。

Dịch-âm — *Mạnh-tử* viết : « Quân-tử sở dĩ dị nhân giả, dĩ kỳ tồn tâm dã ; quân-tử dĩ nhân tồn tâm, dĩ lễ tồn tâm.

Dịch-Nghĩa — Thầy Mạnh nói rằng : « Người quân-tử sở dĩ khác với người ấy, vì quân-tử giữ toàn được cái tâm vậy ; người quân-tử vốn lấy điều nhân giữ ở trong tâm, lấy điều lễ giữ ở trong tâm.

Chú-giải — *Tồn-tâm* = Giữ gìn đề ở trong tâm mà chẳng trễ chẳng quên.

Đây là nói người quân-tử vốn lấy lòng trách-ân là nhân, lòng từ-nhượng là lễ, giữ ở trong tâm mà không quên, nên mới siêu-nhiên khác kẻ thường.

人。者有愛仁
敬禮人。者

Dịch-âm — « Nhân giả ái nhân, hữu lễ giả kính nhân.

Dịch-Nghĩa — « Người nhân tất là yêu người, người có lễ tất là kính người.

Chú-giải — Đây là nói quân-tử đã có đức nhân đức lễ ở trong tâm, thì thi-hành ra tất hay yêu người kính người.

敬人人之。恆者。愛
之。恆者。敬愛人人

Dịch-âm — « Ái nhân giả, nhân hằng ái chi ; kính nhân giả, nhân hằng kính chi.

Dịch-Nghĩa — « Kẻ yêu người, người thường yêu lại ; kẻ kính người, người thường kính lại.

Chú-giải — Đây là nói cái sự hiệu-nghiệm của điều nhân điều lễ, hay được người ta yêu kính lại.

奚禮仁也。子橫其有
宜也。也。我必逆。待人
至此必必自則我於
哉。物無不反君以此。

Dịch-âm — « Hữu nhân ư thủ, kỳ đãi ngã dĩ hoanh-nghịch, tắc quân-tử tất tự phản dã, ngã tất bất nhân dã, tất vô lễ dã, thủ vật hề nghi chi tại !

Dịch-Nghĩa — « Hoặc có người ở đây, đem điều hoanh-nghịch xử-dãi với ta ; thì quân-tử tất xét mình lại rằng ta tất có điều bất-nhân, tất có điều vô-lễ vậy. Không thể, thì sự hoanh-nghịch ấy làm sao lại đến ta vậy thay.

Chú-giải — *Hoanh-nghịch* = Điều cường-bạo không thuận-lý. *Vật* = Sự-vật, trở về sự hoanh-nghịch.

Đây là nói người quân-tử gặp sự hoanh-nghịch thì hay xét mình lại.

我必是其而仁其
必自也。橫有矣。自
不反君逆禮自反
忠也。子由矣。反而

Dịch-âm — « Kỳ tự phản nhi nhân hi, tự phản nhi hữu lễ hĩ, kỳ hoanh-nghịch do thị dã, quân-tử tất tự phản dã, ngã tất bất trung.

DỊCH-NGHĨA. — « Minh tự xét mình đã nhàn rồi, tự xét mình đã có lẽ rồi, mà kẻ hoạnh - nghịch kia vẫn còn như vậy; quân-tử tất xét mình rằng ta tất là yêu người kính người chẳng hết lòng

Chú-giải. — Trung = Hết lòng mình. Do 由 = Thông dụng với chữ do 猶 là còn.

難	於	禽	矣。	亦	也。	其	自
焉。	禽	獸	如	妄	君	橫	反
	獸。	矣。	此	人	子	逆	而
	又	擇	則	也	曰。	由	忠
	何	哉。	與	已	此	是	矣。

Dịch-âm. — « Tự phản nhi trung hĩ, kỳ hoạnh-nghịch do thị dã, quân-tử viết : « thử diệc võng nhân dã dĩ hĩ, như thử tắc dữ cầm thú hề trạch tại ; ư cầm thú, hựu hà nạn yện !

DỊCH-NGHĨA. — « Tự xét mình đã hết lòng rồi, mà kẻ hoạnh-nghịch kia vẫn còn như thế; quân-tử cho rằng người ấy cũng là người còn vậy thôi vậy, như thế thì cùng với loài cầm - thú khác gì đâu, đối với loài cầm thú, lại so-kê gì vậy.

Chú-giải. — Hề-Trạch = Khác gì. Hà-nạn = chẳng đủ cùng so-kê

君	禮	所	如	爲	天	舜	朝	是
子	無	患	何	鄉	下	人	之	故
不	行	則	如	人	可	也	患	君
忠	也	亡	舜	也	傳	亦	也	子
矣	如	矣	而	是	於	人	乃	有
	有	非	已	則	後	也	若	終
	一	仁	矣	可	世	也	所	身
	朝	無	若	憂	我	舜	憂	之
	之	爲	夫	也	由	爲	則	憂
	患	也	君	憂	木	法	有	無
	則	非	子	之	免	於	之	一

Dịch-âm. — « Thị cố quân-tử hữu chung thân chi ưu, vô nhất chiếu chi hoạnh dã ; nãi nhược sở ưu tắc hữu chi, Thuấn nhân dã, ngã diệc nhân dã ; Thuấn vi pháp ư thiên-hạ, khả truyền ư hậu-thế, ngã do vị miễn vi hương-nhân dã, thị tắc khả ưu dã ; ưu chi như hà, như Thuấn nhi dĩ hĩ ; nhược phủ quân-tử sở hoạnh tắc vô hĩ, phi nhân vô vi dã, phi lễ vô hành dã ; như hữu nhất chiếu chi hoạnh, tắc quân-tử bất hoạnh hĩ. »

DỊCH-NGHĨA. — « Cho nên quân-tử chỉ có điều lo nghĩ suốt đời, chớ không có điều lo-sợ trong một sớm. Nay như có lo nghĩ thì chỉ nghĩ rằng: Ông Thuấn là người, ta cũng là người; thế mà ông Thuấn hay lấy điều nhân điều lễ hóa được kẻ hoạnh-nghịch, làm phép cho thiên-hạ, khả truyền về đời sau; mà ta còn chưa cảm-hóa được kẻ hoạnh-nghịch, thế là ta chưa thoát khỏi là kẻ tầm-thường chốn hương-thôn, điều ấy là đáng lo nghĩ lắm. Lo nghĩ thì làm như thế nào? Mong được như ông Thuấn đó mà thôi. Còn như lo-sợ, thì quân-tử chắc rằng không vậy; vì quân-tử điều phi-nhân không làm, điều phi-lễ không làm. Phỏng như có lo-sợ về sự hoạnh-nghịch trong một sớm, thì quân-tử cũng chẳng sợ vậy.»

Chú-giải. — Ưu = Lo, là ý lo nghĩ ở trong Hoạnh = Sợ, là sự sợ-hãi ở ngoài.

Đây là nói quân-tử chỉ đề tâm lo nghĩ về điều nhân điều lễ, sao cho ăn ở hết đạo được như ông Thuấn, chớ không phải lo-sợ gì về sự hoạnh-nghịch.

XXIX

賢 孔 不 門 過 世。當 禹
之。子 入。而 其 三 平 稷

Dịch-âm. — Vũ, tắc đương bình-thế, tam quá kỳ môn như bát nh
Khổng-tử hiền chi.

DỊCH-NGHĨA. — Ông Vũ, ông Tắc ở về đời trị, siêng-chăm việc dân việc nước, ba lần qua cửa nhà mình mà chẳng vào, Ông Không-tử lấy làm khen.

Chú-giải. — Vũ, Tắc = Đời vua Nghiêu vua Thuấn. Ông Vũ coi việc trị thủy, ông Tắc giữ việc dạy dân cấy cấy.

Đây là thuật về sự ông Vũ ông Tắc.

賢其顏不一巷。世。顏
之。樂。子堪瓢一居子
孔不其飲。簞於當
子改憂。人食。陋亂

Dịch-âm. — Nhan-tử đương loạn thế, cư ư lậu-hạng, nhất dân-tự, nhất biểu-âm, nhân bất kham kỳ ưu, Nhan-tử bất cái kỳ lạc, Không-tử hiền chi.

DỊCH-NGHĨA. — Ông Nhan - tử ở về đời loạn, ở trong ngõ hẹp, một rổ cơm ăn, một bầu nước uống, người khác chẳng chịu được cái lo, mà thầy Nhan vẫn chẳng đổi cái vui. Ông Không-tử cho là hiền mà khen.

Chú-giải. — Nhan-tử = Nhan Hời, học trò ông Không.

Đây là thuật về sự ông Nhan-tử.

道。回 稷 曰。孟
同 顏 禹 子

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Vũ Tắc, Nhan Hời đồng đạo.

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Ông Vũ, ông Tắc, ông Nhan-Hời xuất-xử chẳng đồng, mà đồng về một lẽ phải cả.

Chú-giải. — Đây là nói ông Vũ, ông Tắc và ông Nhan, một đảng xuất một đảng xử khác nhau, mà ông Không đều khen cả, là lấy rằng tiến lên thì cứu người thoái về thì sửa lỗi, hai đảng đều hợp đạo thời-trung cả.

其是已有稷已有禹
急以饑饑思溺溺思
也。如之者。天之者。天
是也。由下也。由下

Dịch-âm — « Vũ tư thiên-hạ hữu nịch giả, do kỹ nịch chi dã ; Tắc tư thiên-hạ hữu cơ giả, do kỹ cơ chi dã ; thị dĩ như thị kỹ cấp dã.

DỊCH NGHĨA. — « Ông Vũ nghĩ rằng thiên-hạ có kẻ chìm-dắm, cũng như mình làm cho chìm-dắm đó vậy ; ông Tắc nghĩ rằng thiên-hạ có kẻ đói, cũng như mình làm cho đói đó vậy ; cho nên phải cần-kíp như thế vậy.

Chú-giải. — Đây là kể ra cái địa-vị ông Vũ ông Tắc có chức-nhiệm nên phải cần kíp ra cứu đời, để đối-chiếu với địa-vị ông Nhan là người không có chức-nhiệm, thì có thể ở nhẹ sửa mình được.

然。則 易 顏 禹
皆 地 子 稷

Dịch-âm — « Vũ, Tắc, Nhan-tử, dịch địa tắc giai nhiên.

DỊCH-NGHĨA. — « Ông Vũ, ông Tắc với ông Nhan-tử, nếu đổi địa-vị nhau, thì đều xử được như nhau cả

Chú-giải. — Dịch địa giai nhiên = Vũ, Tắc nếu ở về địa-vị Nhan-tử, cũng vui được cái vui của Nhan-tử ; Nhan-tử nếu ở về địa-vị Vũ Tắc cũng lo được cái lo của Vũ, Tắc, thế là đổi địa-vị ra đều xử được như thế cả,

可而髮之。鬪室今
也。救纓雖者。之有
之。冠被救人同

Dịch-âm — « Kim hữu đồng thất chí nhân dẫu giả, cứu chi, tuy bị phát anh quan nhi cứu chi, khổ dã.

DỊCH-NGHĨA. — «Nay có người cùng trong một nhà đánh nhau, mà mình đi cứu, dẫu rằng quần tóc buộc mũ mà vội đi cứu đấy, cũng là phải.

Chú-giải. — *Bi-phát* = Quần tóc, chẳng kịp búi tóc. *Anh* = Dải mũ, buộc tam dải mũ, ý nói cần-kíp.

Đây là nói ví về địa-vị ông Vũ, ông Tắc phải kíp ra cứu đời.

戶也。之。而。髮。鬪。鄉
可雖則往纓者鄰
也。閉惑救冠被有

Dịch-âm. — «*Hương-lân hữu dẫu giã, bi phát anh quan nhi vãng cứu chi, tắc hoặc dã ; tuy bễ hộ, khả dã.*»

DỊCH-NGHĨA. — «Người làng người hàng-xóm có kẻ đánh nhau, thế mà vội quần tóc buộc mũ mà đi cứu đấy thì là lắm ; dẫu rằng đóng cửa không hỏi đến cũng phải.»

Chú-giải. — Đây là nói ví về địa-vị ông Nhan không có trách-nhiệm thì có thể an-bản lạc-đạo được.

Toàn chương này là nói thánh-hiền tâm vẫn giống nhau, dẫu rằng gặp việc khác nhau, mà xử sự đều đáng lẽ cả.

XXX

敢而之焉。皆匡公
問禮遊。夫稱章。都
何貌又子不通子
也。之。從與孝國曰。

Dịch-âm. — *Công - Đô - Tử viết :* «*Khuông-Chương, thông quốc giai xưng bất hiếu yện, phu-tử dĩ chi du, hựu tông nhi lễ mạo chi, cảm vấn hà dã ?*»

DỊCH-NGHĨA. — Người Công-Đô-Tử hỏi rằng : «*Người Khuông-Chương, khắp cả nước đều cho là kẻ bất - hiếu,*

nhà thầy cùng người ấy giao-du, lại lấy lễ-mạo mà kính-đãi người ấy, dẫu hỏi là cơ sao ?»

Chú-giải. — *Khuông-Chương* = Người nước Tề. *Lễ-mạo* = Kính-trọng.

孝好欲。之好不養。五。孟
也。勇以養。貨顧一情子
章鬪爲三財。父不孝也。四世
子狠。父不私妻之博。不願
有一以母孝也。子。養二不
於父四從不顧父孝飲
是母。不耳不顧父孝飲
乎。五孝目之。母也。酒。之

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết :* «*Thế-tục sở vị bất hiếu giả ngũ, nọa kỳ tứ chi, bất cố phụ mẫu chi dưỡng, nhất bất hiếu dã ; bác dịch hiếu âm tũ, bất cố phụ mẫu chi dưỡng, nhi bất-hiếu dã, hiếu hóa-tài, tư thế-tử, bất cố phụ mẫu chi dưỡng, tam bất-hiếu dã ; tòng nhi mục chi dục, dĩ vi phụ mẫu lục, tứ bất-hiếu dã ; hiếu dưỡng dẫu ngân, dĩ nguy phụ mẫu, ngũ bất hiếu dã ; Chương-tử hữu nhất u thị hồ.*»

DỊCH NGHĨA. — *Thầy Mạnh nói rằng :* «*Thế-tục người ta bảo rằng bất-hiếu có năm điều : Lười biếng chân tay, chẳng đoái sự nuôi cha mẹ, là một điều bất - hiếu. Đánh bạc đánh cờ, thích uống rượu, chẳng đoái sự nuôi cha mẹ, là hai điều bất-hiếu. Ham của-cải, để riêng cho vợ con, chẳng đoái sự nuôi cha mẹ, là ba điều bất-hiếu. Theo sự ham-muốn của tai mắt mình, để làm hồ-nhục cho cha-mẹ, là bốn điều bất-hiếu. Thích mạnh tợn đánh nhau càn-rỡ, để nguy-hiểm đến cha mẹ, là năm điều bất-hiếu. Gã Chương-tử có phạm một điều gì ở đó không ?*»

Chú-giải. — *Lục* = Nhục-nhược. *Ngân* = Ngang trái càn rỡ.

遇不善父子。夫
也。相而責子章

Dịch-âm. — « Phù Chương-tử, tử phụ trách thiện nhi bất tương ngộ dã.

DỊCH-NHĨA. — « Ôi, gã Chương-tử, chỉ vì con với cha lấy điều thiện trách-móc nhau mà chẳng hợp nhau vậy.

大恩善。子也。之朋責
者。之賊責父道友善。

Dịch-âm. — « Trách thiện, bằng-hữu chi đạo dã ; phụ-tử trách thiện, tặc ân chi đại giả.

DỊCH-NHĨA — « Lấy điều thiện trách bảo nhau, là cái đạo bè-bạn vậy ; cha con mà lấy điều thiện trách-móc nhau, là hại cho ân-tình lớn đó.

子之不焉。屏父。屬有夫
己大若其子。不哉。夫章
矣。者是。設終得為妻子
是是心身近。得子豈
則則以不出罪母不
章罪為養妻於之欲

Dịch âm. — « Phù Chương-tử khởi bất dục hữu phụ thê tử mẫu chi thuộc tại ; vị đắc tội ư phụ, bất đắc cận ; xuất thê bình tử, chung thân bất dưỡng yén ; kỳ thiết tâm dĩ vi bất nhược thị, thị tắc tội chi đại giả, thị tắc Chương-tử dĩ hĩ. »

DỊCH-NHĨA. — « Ôi, Chương-tử há chẳng muốn có thân-thuộc là vợ chồng mẹ con đấy ư ; vì đắc-tội với cha, chẳng được gần cha ; nên phải rẫy vợ đuổi con, suốt đời chẳng hưởng-thụ sự vợ con nuôi ; gã ấy nghĩ trong bụng

rằng chẳng làm như thế, thì cái tội mình lại càng thêm lớn ; ấy là cái tình-trạng gã Chương-tử như thế mà thôi vậy. »

Chu-giải. — Chương này là kể ra cái nguyên-nhân người Chương-tử bị tiếng bất-hiểu oan, để rõ ra cái ý chi-công của thánh-hiền, người đời ai cũng ghét, mà thánh hiền tất xét.

XXXI

十人未 有與馬。	沈猶有 負。之禍。 從先 生者七。	可。沈以 為民望。 是寇非 汝則反。 所知於 昔。	去。以爲 此其忠 寇且退 敬也。寇 至。則先	生。如寇 退。會子 反。曰。人 修我牆 待屋。	將。薪木。 寇退。子 則曰。我 室毀。我 傷。	盍去諸。 曰。無寓 有越寇。 或曰。寇 至。	曾子居 武城。寓 有越寇。 或曰。寇 至。
-------------	----------------------------	--	------------------------------------	-------------------------------------	-------------------------------------	------------------------------------	-----------------------------------

Dịch-âm. — Tãng-tử cư Vũ-thành, hữu Việt khẩu ; hoặc viết : « Khẩu chi, hạp khứ chư ? » Viết : « Vô ngữ nhân ư ngã thất, hủy thương kỳ tân mộc. » Khẩu thoái, tắc viết : « Tu nữ tương ốc, nữ tương phản. » Khẩu thoái, Tãng-tử phản. Tả hữu viết : « Dĩ tiên-sinh như thứ kỳ trung thả kinh dã ; khẩu chi tắc tiên khứ dĩ vi dân vọng ; khẩu thoái tắc phản, dĩ ư bất khả. » Thâm-Đo-Hành viết : « Thị phi nhữ sở tri dã, tích Thâm-Đo hữu phụ sở chi họa, tông tiên-sinh giả thất thập nhân, vị hữu dự yén. »

DỊCH-NHĨA. — Ông Tãng-tử ở đất Vũ-thành, có giặc nước Việt. Hoặc kẻ bảo rằng : « Giặc đến, sao chẳng lánh đi ? » Ông Tãng-tử nghe lời ra đi, dặn kẻ giữ nhà rằng : « Chờ cho người khác trọ ở nhà ta, làm hủy-hoại cây-cối

của ta » Giặc lui, thì ông Tăng-tử bảo kẻ giữ nhà rằng : « Sửa lại tường nhà ta, ta sắp-sửa về » Kịp khi giặc đã lui, ông Tăng-tử trở về. Kể tả hữu trong bọn học-trò bàn riêng với nhau rằng : « Người Vũ-thành phụng - đãi thầy ta trung-thành và cung - kính như vậy; giặc đến, thì thầy ta đi trước để làm đầu-nêu cho dân; giặc lui thì về ở; dường như chẳng nên như thế. » Người Thâm Do - Hành bảo rằng : « Sự ấy, chẳng phải các anh biết được, ngày xưa họ Thâm- Do có cái loạn kẻ phụ-sô, cũng như giặc Việt ngày nay; thế mà kẻ theo thầy ta khi ấy bảy mươi người, chưa có một người : ào dục về nạn vậy. »

Chú-giải. — Dân-vọng = Khiến dân trông đó làm nên mà bắt chước. Thâm Do-Hành = Học-trò thầy Mạnh. Đãi = Chải, nghĩa là dường như. Phụ-sô = Bọn kẻ đội cũi.

Đây là thuật về sự ông Tăng-tử tránh nạn, ông Tăng-tử ở đất Vũ-thành và ở họ Thâm Do, đều là ở về địa-vị làm thầy làm khách, nên không cần phải tử-nạn.

守。君如子盍曰。齊於子
誰彼思去寇寇。衛。思
與去。曰。諸。至。或有居

Dịch-âm. — Tử-Tư cư ư Vệ, hữu Tề khấu. Hoặc viết : « Khấu chi, hạp khứ chư. » Tử-Tư viết : « Như Cấp khứ, quân thù dĩ tử ? »

Dịch-Nghĩa. — Ông Tử-Tư ở nước Vệ, có giặc nước Tề. Hoặc kẻ bảo rằng : « Giặc đến, sao chẳng tránh đi ? » Ông Tử-Tư nói rằng : « Nếu Cấp này đi, thì vua cùng với ai giữ nước ? »

Chú-giải. — Đây là thuật về sự ông Tử-Tư theo giữ lúc hoạn-nạn, vì Tử-Tư ở nước Vệ, ở về địa-vị kẻ làm tôi, nên phải dành chịu theo về nạn nước.

則子微子也。道。子孟
皆思也。思父曾子子
然。易曾臣兄子思曰。
地子也也。師同會

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Tăng-Tử Tử-Tư đồng đạo; Tăng-Tử sư dũ, phụ huynh dã; Tử-Tư thân dã, vi dã; Tăng-Tử Tử-Tư dịch địa tác giai nhiên. »

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Ông Tăng-Tử ông Tử-Tư sự chẳng đồng, mà đồng về đạo phải cả. Vì Tăng-Tử là địa-vị thầy, địa-vị cha anh; Tử-Tư là địa-vị làm tôi, địa-vị bề dưới. Ông Tăng-Tử ông Tử-Tư nếu thay đổi địa-vị nhau, thì đều xử được như nhau cả. »

Chú-giải. — Đây là thầy Mạnh phân-đoán về sự hai ông : Tăng-Tử nếu xử về địa-vị Tử-Tư cũng biết giữ theo nạn; Tử-Tư nếu xử về địa-vị Tăng-Tử cũng biết tránh nạn; giá đòi địa-vị ra cũng xử được như thế cả, cũng đều tùy-thời mà xử cho hợp đạo.

XXXII

人哉。以孟異子。使儲
同堯異子於果人子
耳。舜於曰。人有矚曰。
與人何乎。以夫王

Dịch-âm. — Trừ-Tử viết : « Vương sử nhân gián phu-tử, quả hữu dĩ dĩ ư nhân hồ. » Mạnh-tử viết : « Hà dĩ dĩ ư nhân tai, Nhiều Thuần dĩ nhân đồng nhĩ. »

Dịch-Nghĩa. — Người Trừ-Tử nói rằng : « Vua sai người dòm nhà thầy xem quả có cái gì khác với người không ? » Thầy Mạnh nói rằng : « Ta có khác gì người dẫu, đến như vua Nghiêu vua Thuần cùng với người ta cũng cùng một hình ấy tính ấy mà thôi. »

Chú-giải. — Gián = Dòm lên, không biết.

XXXIII

齊人有一妻而處室者。其良人出。則必壓酒肉而後反。其妻問所與飲食者。則盡富貴也。其妻告其妾曰。良人出則必壓酒肉而後反。問其與飲食者。盡富貴也。而未嘗有顯者來。吾將瞞良人之所之也。蚤起。施從良人之所之。徧國中無與立談者。卒之東郭墻間之祭者。乞其餘。不足。又顧而之他。此其爲壓足之道也。其妻歸。告其妾曰。良人者。所仰望而終身也。今若此。與妾誦其良人而相泣於中庭。而良人未之知也。施施從外來。騶其妻妾。

Dịch-âm. — Tề nhân hữu nhất thê nhất thiếp nhi xử thất giả, kỳ lương-nhân xuất, tắc tất yếm tửu nhục nhi hậu phản. Kỳ thê vấn sở dĩ ẩm thực giả, tắc tận phú qui dã. Kỳ thê cáo kỳ thiếp viết : « Lương - nhân, xuất tắc tất yếm tửu nhục nhi hậu phản, vấn kỳ dĩ ẩm thực giả, tận phú qui dã, nhi vị thường hữu hiển-giả lai, ngô tương gián lương - nhân chi sở chi dã. »

Tảo khởi, thi tòng lương-nhân chi sở chi, biến quốc-trung vô dĩ lập đàm giả; tất chi đông-quách phần gian chi lễ giả, khát kỳ dư, bắt tíc, hựu cố nhi chi tha, thử kỳ vị yếm túc chi đạo dã. Kỳ thê qui, cáo kỳ thiếp viết : « Lương-nhân giả sở ngưỡng vọng nhi chung-thân dã, kim nhược thử. » Dĩ kỳ thiếp xán kỳ lương-nhân nhi tương khắp ư trung đình, nhi lương-nhân vị chi tri dã, thi thi tòng ngoai lại, kiều kỳ thê thiếp.

Dịch-Nghĩa. — Người nước Tề có kẻ có một vợ cả một vợ lẽ mà cùng ở một nhà, người chồng đi ra ngoài thì tất say no rượu thịt rồi mới về. Vợ cả hỏi chồng cùng với những người nào ăn uống, thì nói rằng hết thấy là những người phú-quí cả. Người vợ cả đem lòng ngờ mà bảo riêng với người vợ lẽ rằng : « Chồng ta đi ra ngoài, thì tất say

no rượu thịt rồi mới về, hỏi cùng với những người nào ăn uống thì nói rằng hết thấy là những người phú-quí, mà chưa từng có kẻ hiển-giả nào lại chơi, ta sắp sửa đi dòm chồng ta đi những đâu. Người vợ cả trở dậy sớm đi qua h theo hút người chồng đi những đâu, thì khắp trong nước không người nào cùng đứng nói chuyện với; cuối cùng thấy đi ra mé thành bên đông chỗ mà người ta cúng-lễ, xin lấy cái đồ cúng thừa mà ăn, chẳng đủ thì lại đoái mà đi ra nơi khác, ấy cái đạo say no chán đủ của anh chồng như thế đấy. Người vợ cả trở về bảo người vợ lẽ rằng : « Chồng ta ấy, chúng ta còn phải trông nhờ vào suốt đời, mà nay như thế còn ngưỡng-vọng nổi gì ! » Rồi cùng với người vợ lẽ oán-mỉa người chồng, cùng khóc với nhau ở giữa sân. Mà người chồng chưa biết rằng sự mình đã bại-lộ ra, còn hơn-hở tự ngoài đi vào, kiêu-căng với hai vợ.

Chú-giải. — Yếm = No chán. Hiển-giả = Kẻ phú-quí hiển-đạt. Thi = Quanh lên mà đi, không cho người chồng biết. Xán = Oán hận và miá-nhiếc. Thi-thi = Hờu-hở, đáng-bộ vui mừng tự-dắc.

希 相 羞 其 貴 所 之 由
矣 泣 也 妻 則 以 則 君
者 而 妾 求 求 則 則 子
幾 不 不 者 富 之 之 觀

Dịch-âm. — « Do quân-tử quan chi, tắc nhân chi sở dĩ cầu phú qui lợi đạt giả, kỳ thê thiếp bất tu dã, nhi bất tương khắp giả cơ hi hĩ. »

Dịch-Nghĩa. — « Cứ như người quân-tử mà xem ra, thì những người đi cầu phú-quí lợi-đạt kia mà vợ cả vợ bé người ấy lại chẳng xấu-hổ mà chẳng khốc-lóc với nhau ấy, ngộ-hậu cũng ít lắm vậy. »

Chú-giải. — Chương này là đặt ra cái truyện khá thương khá bỉ của kẻ Tề nhân, để thí-dụ với cái thói xấu của những người đi cầu-cao-hộ phú-quí mà chẳng noi theo đạo-nghĩa thì cũng đáng xấu hổ lắm vậy.

(Còn nữa)
TÙNG-VĂN VÀ ĐÔNG-CHÂU dịch

NHẬT NỘ VỊ HỒNG-NHAN

一 怒 爲 紅 顏

(Lịch-sử tiểu-thuyết)

III

HỒI THỨ BA

*Kết tướng mạnh, Điền-Uyển tặng ca-cơ ;
Viết thư can, Kỳ-Xương răn nữ - sắc.*

N.ô Tam-Quế đã trở ra về, Điền-Uyển tiến vào chỗ hậu-đình tiếp-kiến Viên-Viên, cực-lực tán-thuật Tam-Quế là người khí-khải. Duy trong lúc nói chuyện vẫn lộ ra sắc mặt buồn-bã chẳng vui. Viên-Viên sẽ hỏi có sao. Điền-Uyển chưa muốn nói. Viên Viên dụ-dàng sẽ hỏi đôi ba lần. Điền-Uyển bặt nói ra rằng: « Chính vì có người yêu của ta đấy thôi ! Không biết người yêu của ta ở trong phủ ta, Ngô Tam-Quế bởi đâu mà biết, mới 'rời ở trong tiệc rượu lại hỏi đến cận-trạng người yêu của ta, ta vì thế mà phiền-não. » — Viên-Viên sẽ cười nhạt nói rằng: « Là gì thiếp tôi ngày trước là người ca-kỹ, chút có thanh-danh, thiếu gì kẻ muốn đem nghìn vàng mua chuộc lấy tài-sắc ; duy thiếp tôi tốt số, may mà được tiến vào trong phiến-phủ. Nay Ngô-tướng-quân hỏi đến sự ấy cũng là sự thường, có lạ gì mà lạ, thiếp tôi cũng chẳng hiểu quốc-trượng có gì mà phiền-não. » — Điền-Uyển nói rằng: « Người yêu của ta, kẻ kia sau lúc say rượu, tự miệng nói ra rằng muốn được một phen tiếp-kiến nhan sắc người yêu của ta, lại muốn người yêu của ta vì kẻ kia hát cho nghe một khúc. Ta bản-ý không bằng lòng, nhưng chưa tiện khước ngay, cho

nên hẹn qua rằng đợi đến tối mai tái-thỉnh yến-tiệc, tái-trần nữ-nhạc, sẽ đem người yêu của ta ra vì kẻ kia dựng khúc. Tưởng là cái lời nói qua cho xong lần đấy mà thôi, chẳng ngờ kẻ kia nhận ngay lấy lời, lại đình-ninh dặn-dò lão-phu không được thất-tín ; sự-thế như vậy, thực khó xử-trí. » — Viên-Viên nghe Điền-Uyển nói, cố làm ra cách-bộ chau mày nói rằng: « Ô hay ! Ngô Tam-Quế như vậy, cũng là một giống dồ-dại càn-dỡ, lẽ đâu dám muốn tiếp-kiến nhan-sắc thiếp tôi, lại muốn vì hát cho nghe, thiếp tôi thực cũng lấy làm tức mình quá. Song-le quốc-trượng trên vì quốc-gia, dưới vì muôn họ, muốn được cho thiên-thu vạn-tuế vĩnh-viễn an-toàn, thì thiết-tướng cũng tiếc gì một khúc thanh-ca ấy ; vả lại đã nhận lời, cũng không nên thất-tín. Nếu mà chẳng thế, thì e không phải là cái hạnh-phúc của quốc-trượng sau này. » — Điền-Uyển lại nói rằng: « Lão-phu này cũng biết như thế. Nhưng chỉ sợ rằng kẻ kia nhất-kiến nhan-sắc người yêu của ta, tức-khắc yêu-cầu đem người yêu của ta nhường cho kẻ kia, lúc ấy lại làm thế nào ? » — Viên-Viên lại nói rằng: « Kẻ kia chưa tất đã dám như thế ; nếu quả dám như thế, thì làm-thời thiếp tôi đã có phương-pháp riêng để xử-trí. » Điền-Uyển cho lời Viên-Viên nói là phải, nhân nhất-diện ước-dịnh với Viên-Viên, kỳ đến tối mai, tái-thỉnh Ngô-Tam-Quế đến

phủ ; nhất-diện sai-sử người nhà dự-bị sắp đặt đồ yến-tiệc về tối mai .

Đến chiều ngày hôm sau, Tam-Quế lại thay đổi một lối y-phục mới, trang-hoàng rực-rỡ, rõ ra một vị cầm-tú thiếu-tiền, lại cưỡi ngựa đến Điền-phủ. Điền-Uyên cũng đã dự-bị sẵn ra nghinh-tiếp. Kịp lên đến trên nhà, lại y-cửu bộ nữ-nhạc trần-thiết. Hai người vừa mới chia ghế khách chủ cùng ngồi, Điền-Uyên bắt đầu nói ngay rằng : « Hôm qua mỗ đã đem ý tưởng-quân muốn nghe một khúc thanh - ca, triệu Viên-Viên ra dựng khúc, Viên-Viên đã nhận lời, tướng-quân ngồi đó chẳng lâu, chắc Viên-Viên ra bây giờ. » — Tam-Quế cả mừng nói rằng : « Hôm qua, chẳng qua là nhân khi say rượu ngẫu-nhiên nói bỡn, không ngờ quốc-trượng lại quá yêu, cho là sự thực, khiến mỗ này biết lấy gì báo-đáp lại. » Điền-Uyên tức-khắc sai các bộ nữ-nhạc nhất-tề ca-xướng, liền vào tiệc rượu, cất chén mời nhau. Tam-Quế rất lấy làm mãn-ý, nhưng chỉ ngóng đợi Viên-Viên ra, mà chưa thấy ra. Điền-Uyên liền sai người vào gọi Viên-Viên ra dự tiệc ca - vũ. Viên-Viên lúc ấy đã mười phần trang-sức, đầu vào dấy cả rồi, chỉ đợi bước ra mà thôi ; nhưng lại cố ý làm ra bộ chậm-trễ, dường như không muốn đi ra ; khi được lệnh bước ra, đi đến chỗ nội - ngoại - đường giáp nhau, lại còn dừng chân đứng ở trong bức màn-mành, ngó mắt trông ra, hăm kỹ Ngó Tam-Quế, thì thấy hung-hang-rực-rỡ, tướng-mạo đường-đường, quả-nhiên là một vị phi-thường ; duy nét mặt thì thấy tỏ ngất, dường như có ý khao-khát mong đợi. Điền-Uyên lại truyền lệnh gọi Viên-Viên ra. Viên-Viên bấy giờ mới sẽ dời gót sen, yền-diệu bước ra, đứng ở đằng xa xa, hướng về Ngó Tam-Quế, trình-trọng vái một cái, tỏ ra ý thâm-tình. Tam-Quế trông thấy

Viên-Viên, chẳng khác gì nàng tiên-cơ ở Lạc-thủy hạ-giáng, ả thần-nữ ở Vu-son qui - lai. Tam-Quế cũng đề mắt nhắm kỹ Viên-Viên, liền hướng về trước mặt Điền-Uyên, cực-lực tán-khen. Điền-Uyên liền sai Viên-Viên ngồi xuống một bên dựng khúc ; đưa thị-nhi ôm đàn ti-bà lại, Viên-Viên tay tiếp lấy đàn, tay gảy đàn, miệng dựng khúc, lời oanh giọng yến, réo-rất ni-non. Tam-Quế ngồi lắng tai nghe, như si như túy. Viên-Viên hát một khúc xong, Tam-Quế lại hướng về Điền - Uyên nói rằng : « Quả - nhiên Trần-mĩ-nhân hát là hay lắm ! dấu khúc Nghê-thường Vũ-ý, cũng chẳng hay hơn được ; ước gì đội ơn quốc-trượng lại cho Trần-mĩ-nhân hát một khúc nữa, thì mỗ này lại cảm-khích vô-cùng. » — Điền-Uyên nói rằng : « Tướng-quân có lòng hoan-hỉ, lão-phu sao dám tiếc gì. » Điền-Uyên lại sai Viên-Viên hát lên khúc nữa. Viên-Viên hát xong, Tam-Quế lúc ấy, tình không thể ngăn cấm được, nhân thừa lúc say rượu nói bật ra rằng : « Tiếc thay gặp nhau đây muộn-màng lắm vậy ! » — Điền-Uyên lúc ấy, thấy Tam-Quế điên-gàn như vậy, cả lấy làm không mãn-ý, nhưng không dám nói ra, chỉ miễn-cưỡng sai Viên-Viên cầm một chén rượu chúc mời Tam-Quế. Tam-Quế tiếp chén rượu xong, Viên-Viên lúc ấy đã như một luồng gió xuân lay động pháp-phối, chuyển thân đi vào trong nhà. Tam-Quế đưa mắt tiễn theo, đến lúc Viên-Viên tiến đến chỗ bức màn-mành mới thôi.

Điền-Uyên làm điều nói giải ra, hướng về Tam-Quế nói rằng : « Làm gì một kẻ ca-kỹ ấy, mà sao tướng-quân kính-lễ như vậy » — Không ngờ Tam-Quế lại nói buộc vào rằng : « Người ấy nhan-sắc tuyệt-thể, mỗ này mắt chưa từng thấy, quốc-trượng tu gì mà có cái điểm - phúc ấy ; nghe quốc - trượng

từng đem người ấy hiến cho Hoàng-thượng, không biết quốc - trượng đã được kẻ mĩ-nhân ấy, làm sao lại cắt đứt được thịt yêu ? » — Điền - Uyển nói rằng : « Lão - phu này một miếng cơm một mảnh áo, đều là ân-đức của Triều-dinh; vì thấy hoàng-thượng lo phiền, cho nên hiến một kẻ mĩ-nhân, để chút vì hoàng-thượng giải-muôn; bởi hoàng-thượng hàng ngày lo-lắng muôn việc, chẳng hạ-cấp đến thanh-sắc, cho nên tiến-cống mà lại phóng về. » Tam-Quế nói rằng : « Quốc-trượng là bậc thân-thích với quốc-gia, nên cùng với hoàng-thượng sự cam cùng hưởng, sự khổ cùng chịu mới là phải; nay hoàng-thượng không muốn thu- nạp một kẻ mĩ-nhân, mà trong phủ quốc-trượng đàn bà đẹp con hát hay đây - rầy chừa chậ, quốc-trượng cạy có bà Điền-phi, nhưng sợ rằng bà Điền-phi mà thiên-thu vạn-tuế sau này, thì không phải là cái phúc của nhà quốc-trượng. » Điền-Uyển nguyên là kẻ tuổi lão ngòi cao, bảo-thủ phú-quí, phạm những lời họa-phúc về sau, rất là đề ý; cho nên nghe lời Tam-Quế, chột đã sờn lòng, nhưng chỉ nín lặng, không đáp lại được. Tam-Quế lại nói : « Hoàng-thượng có người hiến kẻ mĩ-nhân mà chẳng dùng, Tam-Quế này khát - mộ một kẻ mĩ - nhân mà chẳng được, sao cách nhau xa vậy ! Nay tôi muốn nói một lời, chẳng biết quốc-trượng có thuận-nguyện không ? Trong phủ quốc-trượng chẳng thiếu gì đàn bà đẹp, chẳng những một ả Viên-Viên. Nếu quốc-trượng có thể đem ả Viên-Viên huệ-tặng cho tôi, thì tôi nay trên tự đỉnh đầu, dưới đến gót chân, ngoài tự cái da, nhỏ đến cái tóc, đều là cái ơn của quốc-trượng tạo-thành cho cả ; kiếp này tôi xin thề rằng vì quốc-trượng sống chết hết sức. » — Điền-Uyển đến khi ấy, lại càng nín-lặng không đáp lại được. Tam-Quế lại hỏi gắng rằng quốc - trượng có thuận -

nguyện không. Điền-Uyển bất-dắc-dĩ phải nói rằng : « Sao lại có chẳng thuận-nguyện, lão-phu há vì một kẻ ca-kỹ mà thất-ý với tướng - quân, nhưng chẳng biết Viên-Viên có thuận tòng tướng-quân hay không ; lão-phu vì chửa thỏa-bàn với Viên-Viên, cho nên chẳng dám quyết lời. » — Tam-Quế nói rằng : « Sự ấy ở quốc-trượng, quốc-trượng nếu cắt đoạn được khối yêu thì Viên-Viên chưa tất đã chẳng thuận tòng ; chẳng biết quốc-trượng có thực lòng thỏa - bàn với Viên - Viên hay không đấy thôi. » — Điền - Uyển nói rằng : « Lão - phu sao dám nói đối tướng-quân, tướng - quân đừng đem lòng hoài-nghi, đề lão-phu sẽ thỏa-bàn với Viên-Viên đã. » — Tam - Quế nói rằng : « Như vậy đủ biết quốc-trượng có lòng thực, mỗi này hằng xin cáo-thoái, ngày mai xin kính dợi tin tốt. » Tam-Quế nói xong, liền đứng dậy đi.

Điền-Uyển về đến nhà trong, tiếp kiến Viên-Viên, nét mặt còn hiện ra sắc căm giận chưa thôi, có nói rằng mình đã sớm liệu đũa củng-phu kia tất có ngày nay. Viên-Viên khi ấy đã biết duyên-cớ, nhưng lại giả-cách làm ra không biết, dịu - dàng chuyện - thân hướng về Điền-Uyển mà sẽ hỏi. Điền-Uyển quát lên rằng : « Bất-tất phải hỏi gì nữa ! Chính thẳng Ngô Tam-Quế nó ở trước mặt ta, nó đòi ta đem người yêu của ta nhường lại cho nó. » — Viên-Viên nghe nói, lại giả-cách làm ra bộ kinh-ngạc khóc - lóc mà nói rằng : « Thiếp tôi may mà trời cho được tiến vào trong phiến-phủ, chỉ tưởng rằng được yên hưởng phú-quí, chung thân khá-dĩ vô-lo ; đũa nào kẻ củng-phu kia, lại khiến cho thiếp tôi với quốc - trượng giữa đường lìa đứt đó dư ! » Điền - Uyển cho Viên-Viên là thực, lấy lời dỗ-dành Viên-Viên rằng : « Người yêu của ta ơi, sao lại nói ra những lời xót-xa vậy ! Tha-hồ cho thẳng Ngô Tam-Quế nó yêu-cầu, duy nghe với chẳng nghe

quyền ở ta, khứng với chẳng khứng quyền ở người yêu của ta, đừng bi-thường làm gì cho thống-khổ.» — Viên-Viên làm ra sắc mặt lo buồn nói rằng : « Sự-thế ngày nay khó nói lắm ! quốc-gia tựa về Ngô Tam-Quế làm trụ-thạch, phiên-phủ cũng toan nhờ về Ngô Tam-Quế làm an-nguy ; quốc-trượng tuy có lòng không nở bỏ thiếp, song e sự-thế khó phần thời được. » — Điền-Uyên nghe xong, cũng tỏ ra ý lo, nhưng lại từ từ nói rằng : « Lời nói người yêu của ta thực là phải, nhưng lão-phu này nên tìm lấy phương-pháp riêng, để bảo-toàn cho người yêu của ta, tất không khiến cho kẻ giai - nhân như hoa như nguyệt kia, bị một đũa vũ-phu nọ cướp đi vậy. » — Viên-Viên nói rằng : « Quốc-trượng bất-tất khăng-khăng như vậy, thiếp tôi là một kẻ ca-kỹ hèn-mọn, có đủ kẻ vào đầu ; nay quốc-gia nhân-tại đã ít, thế nước lại nguy ; vả trong ngoài chỉ nhờ cậy có một người Ngô Tam-Quế, quốc-trượng trên vì quốc - gia, dưới vì môn-hộ, tồn hay vong, họa hay phúc, thực có quan - hệ về nhiều ; chớ vì một thân kẻ tiện-thiếp này dễ đến nỗi làm làm kẻ lớn. » — Điền-Uyên nói rằng : « Người yêu của ta đã biết được nghĩa lớn, lão - phu này hà-tất phải nói gì nhiều. Duy không sao nhẫn-nại được với kẻ cuồng-phu kia, kẻ kia khả - ố, lại định phỗng lấy người yêu của ta. Ta ngày trước đem người yêu của ta dâng lên hoàng-thượng, thực cũng là bất-dắc-dĩ ; nay thẳng Ngô Tam-Quế nó là người nào, ta há lại chịu đem người yêu của ta mà nhượng cho nó ư ! » — Viên-Viên nói rằng : « Thiếp cũng há nở lòng nào với lia quốc-trượng ; chỉ sợ thời-thế như vậy, quốc-trượng vì thiếp một người, dễ nỗi gây vạ cho gia-môn ; thiếp cũng sao nở mắt trông thấy, khi ấy thiếp chỉ xin có một cái chết để báo đền quốc-trượng mà thôi. » Viên-Viên

nói xong, cố làm ra bộ đau-dớn cất tiếng khóc to. Điền-Uyên hết sức vì khuyên-giải. — Viên-Viên lại nói rằng : « Thiếp tôi nay xin quyết-tuyệt một lời, quốc-trượng yêu thiếp, thiếp đã nhận năm tac một chữ cảm. Duy, lưu lại cái người bạc-mệnh này thì cái người bạc-mệnh này cũng chẳng ở lâu được trong thế - gian, đối với quốc - trượng cũng chẳng ích gì. Chẳng gì bằng một là đem kẻ bạc-mệnh này giết đi, hai là đem kẻ bạc-mệnh này tặng-tống cho Ngô Tam-Quế, tướng Tam-Quế tất vì quốc-trượng sống chết hết sức, thế là bỏ một thân thiếp, mà quốc - trượng được ích về sự thực, xin quốc trượng thử nên để lòng nghĩ kỹ. » — Điền - Uyên nói rằng : « Nay xem thẳng Ngô Tam - Quế, nó chỉ là đồ hiếu - sắc, muốn cưỡng cho được người yêu của ta, sau khi nó đã được rồi, nó tất theo thói viêm - lương mà trở mặt, sao có thể mong nó về sự báo ơn được. » — Viên - Viên nói rằng : « Ngô Tam-Quế còn là giống người, còn là giống người thì còn biết cảm ơn. Thói thói, nói xa nói gần không bằng nói thật, để thiếp lại thì phiên-phủ không yên, bỏ thiếp đi thì phúc nhà dài hưởng ; quốc - trượng không nên nghĩ quẩn nghĩ quanh, mà khiến cho lầm-lỡ. » — Điền-Uyên nghe đến khúc ấy, vẫn cho Viên-Viên là thật tâm quyến-luyến mình, chẳng qua vì cơ họa-phúc, làm ra lời bất-dắc-dĩ đấy thôi. Duy Điền-Uyên trong tâm phần-hận Ngô Tam-Quế vẫn chẳng bớt chút thôi, cho nên nghe lời Viên-Viên nói, chỉ tía tai đỏ mặt, nín lặng chẳng đáp lại một lời. Viên-Viên lại nói rằng : « Quốc-trượng còn có điều gì hoài-nghi nữa đấy không ? Cỗ-nhân có nói rằng phi-nữ tình trạng, vậy nên anh-hùng khí đoán, quốc-trượng bất-tất vì một thân thiếp, dễ nỗi làm làm đại-sự. » — Điền-Uyên đến khi ấy, cái giận không thể át đi được, thét to lên mà nói rằng : « Người

yêu của ta nói như vậy, hay là muốn theo thẳng Ngô Tam-Quế mà đi đấy chứ! Nếu chẳng thế, lão-phu này vốn đã chẳng muốn bỏ người yêu của ta, người yêu của ta sao lại nỡ bỏ ta?» — Viên-Viên nghe Điền-Uyên nói, chỉ lấy tay áo che lên mặt, cả tiếng khóc to, khóc mãi chẳng thôi. Điền-Uyên thấy tình-trạng Viên-Viên như vậy, dường như chẳng ái-mộ gì Ngô Tam-Quế, chẳng qua vì sự-thể phiến-phủ của mình mà khởi-kiến đấy thôi. Trong bụng có nghĩ rằng xem tình-cảnh Viên-Viên, dường như đã lấy cái chết mà tự-thệ, lưu lại cũng không ích gì, chẳng thà đem lạng-tống cho Ngô Tam-Quế là hoàn - hảo hơn; liền nói rằng: « Người yêu của ta thôi chớ nên khóc-lóc bi - thương. Nay ta sẽ hỏi người yêu của ta một lời, ta nếu chịu đem người yêu của ta tống cho Ngô Tam-Quế, thì người yêu của ta xử ra cách-dạng thế nào? Ta nếu không chịu tống cho Ngô-Tam-Quế, thì người yêu của ta lại xử ra cách - dạng thế nào? » — Viên-Viên nói rằng: « Thiếp tôi còn sống ngày nào, thì khiến cho Ngô Tam-Quế nó cừu-oán phiến-phủ ngày ấy, thiếp tôi quyết không nỡ trông thấy. Nếu quốc-trượng không thể cắt bỏ đi được, thì thiếp tôi chỉ xin có một cái chết, để đoạn-tuyệt cái lòng Ngô Tam-Quế nó hi-vọng. Quốc-trượng nếu cắt bỏ được tấm yêu, thì thiếp tôi thân tuy ở Ngô-gia, tâm vẫn ở Điền-phủ, vì quốc-trượng thủy - chung chu - tuyền. Đợi khi quốc - trượng thiên-thu bách-tuế sau này, thiếp tôi quyết xin cắt tóc vào núi đi tu, chẳng lại quyến-luyến cõi trần chi nữa. » — Điền-Uyên nghe đến hồi ấy, đã có cái ý cắt bỏ khỏi yêu; nhưng đối-diện với Viên - Viên vẫn có cái ý lưu-luyến.

Nguyên-lai Viên-Viên chẳng những nhan-sắc kiều-diễm, đàn khéo hát hay mà thôi, mà lại kiêm - tinh nghề thư

nghề họa, nghề bút-trát văn-hàn; hàng ngày cùng với Điền - Uyên xem - xét giấy-mả, mà bàn kinh nói diển, cũng miệng như nước chảy, thao - thao bất-cùng; trong phiến-phủ đều gọi là vị-nữ-hiệu-thư; cái tên hiệu-thư của hàng kỹ-viện sau này, cũng trước từ đấy. Thừa ấy Điền-Uyên được một kẻ giai-nhân như thế, thực là cô-lai chưa từng có, sao nỡ dứt cho đành. Cho nên nghe Viên-Viên giải-quyết mấy lời, bất-giác thở dài một tiếng, rồi từ-biệt Viên-Viên bước ra.

Đến ngày hôm sau, Ngô Tam-Quế quả-nhiên lại đến Điền-phủ, Điền-Uyên cũng ra tiếp-kiến; vừa mới ngồi xuống, Tam-Quế tức-khắc hỏi ngay đến sự Viên - Viên có thể y-ước được hay không. Điền-Uyên đã biết rằng cái ý Ngô Tam-Quế chẳng được Viên-Viên chẳng thôi, cho nên chẳng hiện ra bộ lưu-luyến Viên-Viên như lần trước, liền khảng - khái nói rằng: « Tướng-quân đã dễ lòng quyến-ái như vậy, lão-phu này sao dám lặn-tích; duy người ấy khi về với tướng-quân, tướng-quân nên trân-trọng coi-nom. » Tam - Quế lập-tức đứng dậy ngó lời bái-tạ. Điền-Uyên liền sai gọi Viên-Viên ra, khiến tùy-tòng Ngô Tam-Quế mà đi. Viên-Viên lúc ấy trong tâm cả mừng rỡ, nhưng lại cố làm ra dáng-bộ âu-sầu, chỉ cúi mặt xuống, nhích chân từng bước mà bước đi. Điền-Uyên trông thấy, lại càng có cái ý không nỡ lìa ra mà phải lìa ra. Cuối cùng Viên-Viên chỉ hướng về Điền-Uyên vái một cái làm bộ từ-biệt để xuất-môn, từ đấy sân hoa Điền-Uyên không vẽ dấu sen Viên-Viên nữa. Ngô Tam-Quế cũng nổi gót Viên-Viên mà đi ra. Điền-Uyên chỉ thở dài một tiếng, liền quay mặt đi về chỗ hậu-đường.

Ngô Tam-Quế đã được Viên-Viên, bắt đầu hăng-tạm ở một nơi. Tam-Quế trong bụng có nghĩ rằng Viên-Viên

trước kia ở trong Điền-phủ, lầu cao gác rộng, gấm cuốn là phong; sợ rằng khi đến nhà mình, không xứng được nguyên; liền toan sửa-sang một nếp nhà đẹp, làm nơi yên - trí Viên - Viên để vui lòng xứng chí Viên-Viên. Tam-Quế đem ý ấy báo với Viên - Viên. Viên - Viên nói rằng: « Tướng - quân nghĩ thế là sai, thiếp tôi không phải là hạng nhi-nữ tầm - thường, thích ở nhà đẹp, ưa đồ cầm - tú châu - báu; nay phụng - sự tướng - quân, chỉ nguyện trông-quản công-thành danh-lập, làm kẻ phi-thường, thế là thiếp tôi chỉ nguyện ở đây; nay thiên - hạ sắp-sửa đại loạn, đã vội cửa cao nhà rộng làm gì. » Tam-Quế lấy làm cảm-phục. Song từ đấy, trong chốn kinh-thành ai ai đều biết có sự Điền-Uyển hiến Viên-Viên cho Ngô Tam - Quế. Sớm đã bị quan Lê-bộ - thượng - thư Đồng Kỳ - Xương nghe thấy sự, giật mình cả kinh, bắt đầu làm bức thư, đề thiết - trách Điền-Uyển rằng địa-vị Tam - Quế cùng với địa-vị quốc-trượng chẳng giống nhau, chẳng nên đem mỹ-sắc để di-dịch tâm-chí kẻ quân-nhân. Điền phúc - thư lại Đồng rằng mõ vốn không có ý hiến Viên - Viên cho Tam-Quế, chẳng qua Tam-Quế đến cưỡng-bách đòi lấy Viên-Viên, sự ấy thực chẳng bởi mõ này tác-chủ. Đồng Kỳ-Xương, được lời Điền-Uyển, rất lấy làm giận Ngô Tam-Quế, liền làm bức thư thiết-trách Tam-Quế, thư rằng:

« Nghe tướng-quân mới lấy vợ đẹp, vốn nên vì tướng-quân chúc mừng. Song-le tướng-quân làm đấy! Đương thừa tướng-quân đồ đầu vũ-cử, quốc-gia mừng là được người, cho nên phó-thác cho tướng-quân lấy binh-quyền, lấy trọng-trấn; triều-dinh coi tướng-quân là trọng, cho nên chuyên dùng tướng-quân. Tướng-quân tự lúc trấn-thủ Liêu-dông đến giờ, khiến giặc ngoài đã sợ-hãi, quốc-đó được bảo-an; cứ noi thế mà tiến dần

lên, hoặc có thể văn-hồi được cái sóng cuồn khi đã đảo, diện-an được hòn đá phẳng về vạn-niên, cũng chưa biết đâu. Sao tướng-quân nhất-dán chẳng biết tự yêu lấy mình, đi cưỡng-bách Điền-Uyển tranh nhau một ả gái đẹp. Tướng-quân tự nghĩ mà xem, ngày nay quả là cái ngày kẻ làm tôi làm con vui thanh-sắc, yêu mỹ-nữ dấy dư? Vì xưa nay nhi-nữ tình-tràng, anh-hùng khí-đoan, điều đó chẳng thể chẳng lo thay cho tướng-quân vậy. Ôi! Con Viên-Viên nó chẳng qua là một đứa ca-kỹ ở Ngọc-phong đấy thôi, nay đem cảnh hoa tường liễu ngõ, đặt ở dưới ngọn cờ, chỉ đủ làm nhục cho tướng-quân mà thôi. Cho nên Điền - Uyển đem dâng hoàng-thượng, hoàng-thượng còn lấy làm quốc-gia đa-sự, không ha-cập cái thanh-sắc ấy, cự-tuyệt đi mà chẳng thu- nạp. Huống - chi tướng quân hiện nay đương chịu phần gánh-vác nặng cho quốc-gia, thiết xin nghĩ cho cái lòng lo-lắng và tin-cậy của triều-dinh, mà mưu-toan cái phương-pháp thương vua yêu nước; thì công - danh sự - nghiệp tướng-quân chép ở sử-sách, để thơm muôn đời. Nếu mà chẳng thế, thì cái bộ đường-dường mây rêu của một đảng anh-hào kia, sẽ dần-dần tiêu-ma ở trong đám tình-thiên sắc-hải; sự đó đành là sự bất-hạnh của tướng-quân, mà cũng là sự ân-ru của quốc-gia vậy. Xin mau chóng đuổi con Viên Viên trả về Điền-phủ, bèn là cõi giác, bèn là bến mê, gồm ở ngày nay, duy tướng-quân nghĩ kỹ mà tự-xử lấy »

Ngô Tam-Quế xưa nay rất tin-phục Đồng Kỳ-Xương, được bức thư cũng có ý hối lại, không khỏi có ý trừ-trừ, mới tiến vào bên trong, đối với Viên-Viên nói rằng: « Mõ đành là yêu nàng lắm, chưa mấy năm mộng-tưởng, mới có ngày nay, kẻ ra thì sống chết cùng nhau mới phải. Duy mõ có vị lương-hữu cho là nhi-nữ tình-tràng, sợ rằng anh-hùng khí-đoan, phật nhiều vì mõ

lo thay ; mỡ muốn lại đem náng tổng về Điền-phủ, ý náng thế nào ? » - Viên-Viên cả kinh nói rằng : « Đó tất là kẻ oán-hận tướng-quân về sự được thiệp, cho nên làm ra lời ấy. » — Tam-Quế nói rằng : « Nàng nói là sai, đấy không phải là ai, chính là quan Đồng-lê-bộ, bậc phụ-chấp mỡ, vì mỡ lo xa, cho nên đưa thư lại can-ngăn mỡ, không phải là oán - hận mỡ được náng dầu. » — Viên-Viên nói rằng : « Người ta ai là chẳng phải cần có nội - trợ, thiệp tôi tuy ngu tối, há đến nỗi nào làm lụy cho tướng-quân ; thiệp được thờ tướng-quân, đã là trời cho ; nay mới bước vào cửa, chiếu ngồi chưa kịp ấm ; vả chẳng không có điều gì thất-dức, tướng-quân sao vội bỏ thiệp ; quả là tướng-quân bất-đắc-dĩ chẳng nữa, thiệp tôi cũng mặt nào tái-hồi của Điền - phủ, thiệp chỉ xin có một sự chết mà thôi. » Viên-Viên nói xong, cả khóc. Tam-Quế tức-khắc yên-ủi nói rằng : « Nàng bất-tất như vậy, mỡ cũng nói bốn đấy thôi, sao nỡ bỏ náng. Duy quan Đồng-Lê-bộ vốn là yêu mỡ mà khởi-kiến, không biết đem lời-lẽ gì để phúc-đáp lại, điều đó phải tổn nghĩ-ngợi đấy thôi. » — Viên-Viên nói rằng : « Tướng-quân thâm-tình, thiệp xin để vào gan ruột ; nếu thương đến thiệp, thiệp xin thay tướng-quân tả bức thư để đáp lại. » Tam-Quế cả mừng nói rằng : « Vãn hay nói khéo, kẻ vũ-phu này sở bất-cập, nhờ náng trí sáng bút nhanh. » Tam-Quế liền khiến Viên-Viên làm bức thư, Viên-Viên tức khắc cầm bút tả rằng :

« Kính tiếp bức lai-thư, cần-cần thiết-thiết vì mỡ lo xa, lời ấy lời khác đều là bậc đại-quân-tử thủy - chung đem điều phải yêu người vậy. Trong khi cảm-khích, trộm có xin nói. Vì rằng kẻ trượng-phu quý ở lập - chí mà thôi ; nếu đem thường - tình luận tội người, thì đường phẳng đều là hố sâu, toan tránh sao cho xiết được. Tự

xưa những kẻ lập-dai-công thành đại-nghiệp, phần nhiều nhờ về kẻ nội-trợ thực-hiện ; cho nên vua Thái-vương hiếu-sắc, liền mở được nghiệp nhà Chu, vua Tề-Hoàn có vợ yêu sáu người, trọn đấy được nghiệp nước Tề ; vua Tấn-Văn khi tại-ngoại, cũng vợ nọ vợ kia, nào náng Thúc-Ngôi, nào ả Tề-Khương, tóm lại không hại gì đến nghiệp bá về sau ; phạm những sự ấy là tại cơ sao ? Hoặc cho rằng ả Viên-Viên chỉ là một kẻ ca-kỹ, sao đủ cùng vi với bậc hậu-phi phu-nhân hiền thực đời xưa. Song-le ả Lương Hồng-Ngọc đời Tống, thực xuất-tịch tự đám hồng-lâu, mà lại truy-tùy ở dưới cờ ông Hàn-vương Thế-Trung, thường vì Hàn-vương đánh trống thúc quân, để nên công chiến-thắng. Túng nhiên Viên-Viên còn hoặc chẳng đủ vi với Hồng-Ngọc, song-le ngày bàn sử-sách, đem giữ văn-thư, người ấy có công với bi-nhân cũng có phần nhiều. Hiếu-sắc là sự tiên-tiết của vũ-phu, đa-tình là cái bản-sắc của anh-hùng, đó là sự thường, cũng chẳng đủ lạ. Vả chẳng thanh-sắc chẳng mê-hoặc được người, duy người ta tự mê hoặc. Trọng chốn khuê-phòng mà khinh việc quốc-gia, mỡ chẳng dám thế, cho nên trấn-thủ Liêu-dông mấy năm, đều những là vì nước quên nhà. Thực là mỡ này vốn ngu-tối, còn dòi ơn bậc đại-quân tử cho là quốc-sĩ, lấy điều phải khuyên-răn, xin chẳng dám chẳng cố. Kính đọc bức lai-thư, hồ-thẹn khôn xiết, sợ-hãi khôn xiết ; cần dâng lời đáp, để giải lòng ngu ; muốn mong lượng xét, gồm chúc tôn an. »

Đồng Kỳ-Xương được tờ phúc-thư, biết rằng Ngô Tam-Quế không có cái ý cất bỏ Viên-Viên ; mới cảm-khái dài than, đối với kẻ tả-hữu nói rằng : « Lời nói trong thư, toàn là vì Viên-Viên che-chở, tất không phải là thủ-bút của Tam-Quế ; nghe dầu Viên-Viên nó có biết chữ, thư này hoặc là nó thảo ra đấy. Vì Tam-Quế vốn ít học, biết dầu những

lời viện cớ chúng-kim. Vả lại Tam-Quế xưa nay đối với lão-phu, thường có cái lòng kính và sợ, tất không dám tự nói ra rằng hiếu-sắc là tiêu-tiết của vũ-phu, đa-tình là bản-sắc của anh-hùng ; sau này Tam-Quế tất bị nó làm lầm. » Đồng-liền làm bức thư bảo cho Ngô Tương biết, hết sức nói rằng Tam-Quế không nên đòi lấy Viên-Viên của Điền-Uyên ; và nói rằng giặc Hung-nô còn chưa diệt, sao vội tính chi việc nhà ; khiến Ngô Tương răn bảo Tam-Quế, khiến Tam-Quế lấy quốc-sự làm trọng. Ngô-Tương được thư của Đồng-Kỳ-Xương, phát giận dùm-dùng, tức-khiắc triệu Tam-Quế vào trách mắng rằng : « Mày đội phần trọng-thác của quốc-gia, đương lúc quốc-gia đa-nạn này, không phải là lúc kẻ làm tôi làm con ái-luyến thanh-sắc ; nay kẻ nói ra người nói vào, trọng phiến đến quan Đồng-Lê-bộ phải lo cho mày, mày chẳng được chẳng răn - chưa. » — Tam-Quế nói rằng : « Con thực không phải đòi lấy Viên-Viên của Điền-quốc - trọng, chẳng qua Điền - quốc - trọng đem Viên - Viên tặng cho con, con từ - khước chẳng được ; con cũng đã từng đuổi Viên-Viên về Điền - phủ, duy Viên-Viên nó chẳng nghe, nó có nói rằng thân này được thờ tướng - quân, quyết không lia bỏ, xin cố gắng làm bậc hiền-nữ, để giúp con thành-lập công-danh, cho nên con không nỡ bỏ nó. » Ngô Tương nghe Tam - Quế nói, đã có ý bán-tin bán - nghi, liền nói rằng : « Một đứa ca-kỹ nhỏ - mọn kia, lại có chí lạ ấy dư ! Nay con Viên-Viên ở đâu ? phải đem nó lại yết-kiến ta, ta

ẽ lấy đại-ngĩa trách nó mà đuổi nó đi ; nếu nó chịu đi, thì cũng là hạnh-phúc ; nếu nó chẳng chịu đi, thì ta sẽ dùng lời nghiêm-chỉnh khuyên dạy nó, khiến nó cố gắng tu lại làm kẻ hiền-nữ, hoặc-giả được chẳng. » Tam-Quế tức-khắc đi thương-lượng kỹ với Viên-Viên, liền khiến Viên-Viên vào yết-kiến thân-phụ. Kịp Viên-Viên vào yết-kiến Ngô Tương, bắt đầu hướng về Ngô Tương khấu-dầu hành-lễ. Ngô Tương một-trông thấy, đã nghĩ bụng ngay rằng : « Quái-quái con kia cũng là một cái vật lạ ở thế - gian ! tuy rằng kỹ - nữ, mà nghiêm-trang-yêu-diệu, cũng ra cách con nhà, bỏ nó đi thì cũng bất-nhẫn. » Ngô-Tương liền lấy lời nghiêm-chỉnh thiết-trách Viên-Viên, đại-ý bảo rằng : « Chồng mày Tam-Quế nhiệm-dại trách-trọng, mày nên giúp chồng mày thành-lập công-danh, khiến lưu-phương thiên-cổ, ấy là cái phúc nhà tao. » — Lại Viên - Viên vốn khôn - khéo về lối từ-lệnh, trong khi vâng - dạ ứng-đáp, cả có điều-lý khá nghe, gồm có chí-khí khá khen. Ngô Tương chẳng những không lấy làm cả giận, lại lấy làm cả mừng. Duy tóm lại vẫn lo Tam - Quế mê-luyến nữ - sắc, để làm quốc - sự, Ngô Tương mới lưu lại Viên - Viên, khiến cùng với bọn dâu con thế-thiếp mình cùng ở nhà, không cho Tam-Quế mang Viên-Viên ra trấn.

(Còn nữa)

TÙNG-VĂN dịch

VĂN - UYÊN

THƠ VĂN CỎ

30.—Họa thơ nhà mới của ông Đạo-khê (1)

Sân đào nảy một thốc mao-lư,
Trăm dặm non sông xếp đặt vừa ;
Trắng nước sáng lồng khe cửa hẹp,
Gió sen thơm lọt mái màn thưa ;
Sỏi không tước đỗ rèm không yếm,
Vách có cầm treo giá có thư ;
Chấn chiếu dân ta khi lúc rồi,
Một vài chén rượu một vần thơ .

61.—Phụ bài nguyên-xương của ông Đạo-khê (2)

Chữ xưa « ngô diệp ái ngô lư »,
Bồng tất vài gian thú cũng vừa ;
Rước gió hoa lay song cửa ngỏ,
Mời trăng nước vỗ bóng rèm thưa ;
Hương thêm ngát lẫn mùi hàn-mặc,
Gương giá soi chung mặt kiếm-thư ;
Cảnh sẵn chủ-nhân thêm lắm thú,
Phiếm đàn họp mặt với làng thơ .

62.— Ông Đạo-khê gửi cho bạn

Đường viện bên kia thốc thảo-lư,
Quyển trắng nhủ gió đứng ngồi vừa ;
Ao trôi nước mực sen càng đượm,
Sân rước ngăn giầy cỏ hãy thưa ;
Một nửa ngăn ra đường thế-lợi,
Năm ba vầy lại khách cầm-thư ;
Trúc-khê cũ g có và gian nhỏ,
Mong tộp lại g thơ phải nói thơ .

63.— Chơi chùa Bàu

Cuộc bề đầu kia đã khác chừng,
Mà phong-cảnh ấy hãy còn nhưng ;

Dải châu đặt dọc sông ba gác,
Dây bằng treo ngang đá mấy tầng ;
Gọi tỉnh cô-nhân hồi nỡ sáng,
Xen vào phong-nguyệt một bầu trăng ;
Bước chân lên khỏi đường xe ngựa,
Đem bức nhàn-tĩnh nói với tăng .

64 — Ngày xuân gửi cho bạn

Phiếm đàn diu-dặt phúc lai-tuần,
Vẽ mặt giang-sơn mấy độ xuân ;
Sân liễu gió suông mùi lữ-hoạn,
Nhà lan thơm-rức tiếng phương-lân ;
Dải sông xẻ nửa bầu phong-nguyệt,
Làn đất nhìn chung tán thụ-vân ;
Tấm đá những mong trao đổi ngọc,
Tao-dàn gọi nổi gót thi-nhân .

65. — Ông Trúc-Khê họa lại

Tiết mới sang đông lễ một tuần,
Cổ hoa trộm rước gót dương-xuân ;
Công rồi người xây phen vô-sự,
Đức ít ta may chữ hữu-lân ;
Thơ rượu hứng ran nhà bạch-tuyết,
Non sông bước rộng khoảng thanh-vân ;
Đào-hoa muôn dặm gió roi ngựa,
Hãy để hương thừa với chủ-nhân .

66. — Ông Phương-biên họa theo

Trăm dặm gần bên cõi phủ-tuần,
Ẩn thừa cùng gọi móc mưa xuân ;
Hãy đem bốn bề làm huỳnh-đệ,
Dăm lẩy nghìn vàng hồi trạch-lân ;
Mừng trộm được theo câu bạch-tuyết,
Giận thăm xin nổi bước thanh-vân ;
Bấy nay chưa biết mùi thơ rượu,
Gọi chút theo đòi với qui-nhân .

(1) Xem Nam-Phong từ số 117: Xuyên ngọc-hân từ i-văn-tập.

(2) Từ đây trở xuống phụ chép nguyên bài xương họa của bạn.

67. — Họa bài thơ uống rượu với bạn ở Trúc-khê hoa-viên (1)

Cầm hạc ba thu bóng quế hao,
 Nhà lan may lại bén hương vào;
 Sẻ xuân Đào-lệnh và chồi liễu,
 Mượn cảnh Phan-lang mấy khóm đào;
 Màn giáng muốn bay hơi nghiêu-tịch,
 Ngón cầm được sáng điệu phong-tao;
 Đã lòng đoái đến thì vàng kẻo,
 Gọi chút phao-chuyên với khách hào.

68 — Ông Đạo-khê họa

Canh chầy đợi khách bóng trắng hao,
 Cửa trúc may đưa gót từ vào;
 Lần bước dẫm so tài bẻ quế,
 Ran tay xin nhớ nghĩa gieo đào;
 Đoàn châu chín ngọc tuôn dòng đạo,
 Hồ nguyệt ba thu đượm bút tao;
 Tạc đá bấy lâu mong rượu ngọc,
 Làng hoa nay nổi tiếng thi-hào

69 — Ông Phương-hiên họa

Đèn khên án tuyết đĩa dầu hao,
 Chút tiếng làng văn cũng dính vào;
 Áo gấm còn phong nơi các tía,
 Bàn lan đâu sáu chồn vườn đà;
 Kính cho khách rượu buông hồn túy,
 Dám với ông thơ gì giọng tao;
 Chắp-chênh mấy vần theo học bước,
 Còn thua trận bút dăm khoe hào.

70 — Ông Đạo-Khê họa thơ tạ trước (2).

Nhìn bạn ta rày khác chút râu,
 Mảnh trắng màn giáng vẫn ngang đầu;
 Nặng tình châu-tháp trời muôn dặm,
 Hộp mặt giang-sơn đất một bầu;
 Cừu ngựa may chen đường hoạn-lộ,
 Sách đèn cũng gọi tiếng nho-lưu;

Lá thơ đậm nhạt ba hàng mực,
 Dòng nước giao-tình mấy trượng sâu.

**71. — Chơi bè ở Đăng-giang
 Của ông Đạo-Khê**

Năm ba hộp mặt khách cầm-thư,
 Chén rượu tà-dương cảnh khéo ưa;
 Tơ liễu ngang sóng xanh rủ tán,
 Hoa lau dọc bãi trắng lên cờ;
 Đầu ghềnh đứng lẻ vài lâu thú,
 Cuối bãi xa trông một chiếc ngư;
 Nửa bức giang-sơn trời bạch-tuyết,
 Nương chèo như gọi tấm lòng thơ.

**72 — Ngẫu-hứng
 (Ông Đạo-khê)**

Thôi khoa nhờ được buổi công-dư,
 Bến liễu xem càng lắm thú ưa;
 Cừu mã thêm nhiều bầu bạn rượu,
 Cầm thư lại sẵn láng giềng thơ;
 Mảnh trắng cò-tự hồi chuông lặng,
 Ngọn gió hồng-lâu tiếng trống thưa.
 Cái thú-vị ta ngần ấy đủ,
 Nguyệt-hoa biết đã khỏi cười chưa.

HÁT NÓI CỜ (3)

17. — Vọng-phu

Thuở trời đất nổi cơn gió bụi, khách
 má hồng nhiều nổi dăng-cay; chàng
 giòng quân-vụ bấy chầy, thiếp lưỡng
 những buồn hương vắng-vẻ. Một mình
 thiếp nuôi già dạy trẻ, thiếp nhớ chàng
 ta tứ niên lai; chốn Vị-kiều văn viễn
 xa khơi, ai sang tới ngõ gửi lời hai
 chữ. Việc tần-tảo thiếp chăm bề nội-
 trợ, việc quân-vương chàng gắng sức
 cho chuyên; bốn phương lo việc cung
 tên, chăm bề quốc-sự gác bên khuê-
 tinh. Mong điều phu quý phụ vinh!

(1) Bài thơ số 19, trang 409, Nam-Phong 128.

(2) Xem bài thơ số 20, Nam-Phong số 129.

(3) Xem Nam-Phong số 132

18 — Nhân-sinh thích-chi

Nhân sinh quý thích-chi, lấy cầm kỳ thi tửu làm hơn, cầm gảy cung lưu-thủy cao - sơn, kỳ đánh thế hoành-xa tiến-mã, thi ngâm chữ nhân lai vô-sự, từ nhấp khi bán dạ tinh - thần : nhĩ mục thông-minh nam-tử thân, sẵn đã có hoàng-thiên phó-ti. Lại có câu rằng : Xuân du phương thảo địa, hạ thuởng lục hà tri, thu âm hoàng hoa tửu, đông ngâm bạch-tuyết thi, ấy là thú nam-nhi tài-tử ; đánh có sẵn trời che đất chở, trong trần-hoàn ai kém ai đâu. Hãy còn hưởng lộc về sau !

19 — Thú vui chơi

Ba vạn sáu ngàn ngày dễ mấy, kiếp làm người cho đủ thú ăn chơi, rượu quỳnh-trương năm bảy chén đầy vui, thơ tình cảnh một vài câu ngẫm-nghĩ . Lúc nhàn-hạ tựa ngõ án kỹ, ngư tinh-tinh phiếm trúc dây tơ ; đoạn thanh-thời bày thức cuộc cờ, dùng ý-trí con xe cùng nước mã ; bài ăn chực trên tay năm bảy lá, nảy thập-hồng bạch-đỉnh bốn năm thông. Việc khâm-chủ dưới trướng lọng năm cung, trạc mười-chín đôi-mười năm bảy ả ; vừa thích chí lưng lưng cho thỏa, đâu cùng thông phó mặc khách hồng-quân. Nhất tâm di dưỡng từ thi xuân !

20 — Tài-tử giai-nhân

Minh quân lương-tướng tao phùng
 日明君良相遭逢易, tài-tử giai-nhân
 tế ngộ nan 才子佳人際遇難 ; trai
 anh-hùng gặp gái thuyền-quyên, song
 nhất kiến tình duyên như dễ. Thơ
 rằng : Ti-bà hữu hạnh phùng Tư-mã
 琵琶有幸逢司馬 ; quân-tử đa tình
 ý khả lân 君子多情意可憐. Vây
 mấy người tài-tử giai-nhân ; dây chỉ
 bỗng dẫu dần xe lại, dẫu ngàn dặm
 băng-sơn quế-hải, đã tình duyên xa
 lại nên gần. Hoa đào vừa gặp chú a

xuân, Châu Trần này có Châu-Trần nào
 hơn ; anh-hùng tùy tại hữu giang-sơn
 英雄隨在有江山 !

21. — Cảnh thanh-nhàn

Nhân sinh dương thế 人生陽世,
 nhất nhật thanh-nhàn nhất nhật tiên
 一日清閒一日仙 ; cõi trần-gian vui
 thú giải phiền, chi hơn nữa cầm kỳ
 thi tửu. Khúc cầm ca xuân xoang cách
 điệu, thú hứng vui sơn thủy hữu tinh ;
 rượu lượng bầu đủng-đỉnh mái thanh-
 sơn, ngẫm cái thế anh-hùng vô-địch ;
 nhân sinh quý thích, rượu làm vui thú
 vị thanh-nhàn ; thơ rằng : nhân lai vô
 sự tiêu thần tiên, 閒來無事小神仙,
 tinh-tinh di-duỡng hạc quen mai già.
 Thanh phong minh nguyệt cầm ca !

22 — Cuộc rượu giải sầu

Ba vạn sáu ngàn ngày thông-thả,
 sẵn cuộc nhàn lấy rượu làm duyên ;
 ngày nào nhàn ngày ấy cũng là tiên,
 nhấp một chén ngâm mùi đời lều-láo.
 Thơ rằng : Đoạn tổng nhất sinh duy
 hữu tửu 斷送一生惟有酒 ; trầm
 tư bách kể bất như nhàn 沉思百計
 不如閒. Suốt năn canh hồng-nhất
 thượng tam-can, đánh ba cốc việc tây
 trời xem cũng nhỏ ; cửa tạo-hóa không
 rồi lại có, một chén mà tiêu vạn mối
 sầu. Tiếc chi hoa - mã kim - cầu, nào
 chuông Lý-Bạch nào bầu Lưu-Linh,
 Hữu tinh minh lại gặp mình !

23. — Chí nam-nhi

Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy, dưới
 trần-hoàn đâu đấy cũng là thiên ; chí
 nam-nhi ngang dọc ở vai trên, đâu là
 chẳng hồng-trần tử-mạch. Thơ rằng :
 Kỳ-sinh thiên-địa thù phi khách 寄生
 天地誰非客 ; đắc thú giang-hồ tiện
 thi xuân 得趣江湖便是春. Lúc
 hôn-ba nên tạm gót phong-trần, khi
 vinh-hiến cũng chen vai dài-các ; có
 xử-ước mới toan đường xử lại, sách có

câu tùy ngộ nhi an. *Quang phong tế nguyệt vô biên* 光風霽月無邊!

24. — Trái mùa đời

Đã đứng trong vòng vũ-trụ, quyết ăn-chơi cho đủ mùa đời; sự cùng-thông bỉ-thái bởi chẳng trời, sông có khúc con người ta có lúc. *Thiên sinh nhân hà nhân vô lộc* 天生人何人無祿, *địa sinh thảo hà thảo vô căn* 地生草何草無根, hãy còn trần-gió gió-trăng, đưng lo-lắng thanh-xuân nan tái hợp, người tai mắt đứng trong trời đất, biết rằng ai đã chắc hơn ai. Chẳng qua muôn sự tại trời!

24. — Mỗi tình chung

Nhân sinh quý thích chí, lúc thái-bình hà nhật bất xuân - phong; của trần-hoàn không có có không, kho vô-lận không rồi lại có. Thương thay phận Thúy-Kiều bạc số, một mối tình là một cuộc bề dàu; gặp chàng Kim từ bấy nhiêu lâu, thân hoa chịu xuân tàn đã chán. Hồng - nhan ấy ong chường bướm chán, lúc tài-tình mà e-lệ lang-quân, chót say hoa nên phải tìm xuân, rồi xem thấy đôi cành hoa nở. Thơ rằng: *Nhân diện bất tri hà xứ khứ* 人面不知何處去, *đào hoa y cựu tiếu đông-phong* 桃花依舊笑東風. Bấy lâu nay kháng-khít chữ đồng, vì đôi ngả Sâm Thương nên nông-nổ; dù dạ ngọc gan vàng cũng rồi, đã chán-chường phong-nguyệt bao lâu. Thư này quyết gửi cho nhau!

25. — Tây-hồ gặp khách

Tây-hồ hồ thượng khách, nhớ non sông nên phải băng chùng; mái chèo là một thanh-xuân, say vì cảnh vậy-vùng quen cái nết. Ngắm nếm mùa đời xem mặt nhạt; thoảng trông tờ liễu nhuộm xanh vàng. Làn bên màn len-lỏi chiếc thuyền-quyên, dòng bề ái ba-đào đi lặng; trên bắc-ngân du-phàm kia Bích-cảnh, mái đong-ly thái-cúc 10

Đào Tiềm. Những say chơi tình-cảnh dạ êm êm, trăng bề ái lâu tây đã lạc lối; du sơn nhớ mây sương sớm tối, bạn bè chẳng mở mặt cho nhìn, Tây-hồ hồ thượng khách thần-tiên!

26. — Nhị-hà hoài-cổ

Nhất đại Nhị - hà thiên cổ nguyệt, — 帶珥河千古月, ngọn đòng-lưu xoay mấy cuộc tang-thương; ngân-ngơ thay người hoài-cổ tư - hương, xem thành-thị lại trông miền thôn-ô. Hiu gió mát lạc-hà có-lộ, chợt tin đưa thu-thủy tràng-thiên; nhất thanh châu-dịch cựu sơn-xuyên, cảnh sao khéo tình tình chi lắm bấy. Thuyền ai chắt bên ghềnh tựa lá, gió đưa duyên một chiếc ngư-ông; khác chi Xích-bích anh-hùng, mơ-màng phong-nguyệt lạnh-lùng như xưa!

27. — Na-sơn tiêu-ẩn

Chốn Na-sơn gã tiêu-phu ngụ thử, ngày ngày ra có tâu dịch tâu; cảnh yên hà vui thú dưỡng thân, vãng phong-nguyệt bốn mùa lưu-loát. Ngồi xem bóng mát, bàn bạc xem cổ vãng kim lai; buổi ngắm trăng miệng hát ca chơi, ngao-ngán thú lâm-toàn bong-thả. Có câu rằng: *Nhiệm tha thành-thị tha xa mả* 任他城市他車馬, *chi trần bất đáo thủ giang-sơn* 縉塵不到此江山. Vãn mịch-mịch, thủy sần-sần, khi đắc-ý tùy kỳ sở - thích; vui thay cảnh thú miền xam-tịch, sẵn nước khe chè núi cây rừng. Huống chùng gặp hội đèn trăng!

28. — Nhớ Trương-phu

Quan sơn thiên lý viễn 關山千里遠, nhớ trương - phu trong dạ bàn-hoàn; mái quan - sơn sương chắt mấy lần, thân cái dện vô tơ mà cũng rồi. Bởi tại má hồ g trên cổ mái, há rằng tơ đỏ khéo ghen chi; tiếng đồng-phong mĩa nói với cầm-thị, ngoài ghieu dậm ngổ thẩu tình chẳng nhĩ? Trong trời đất sầu riêng là mấy kẻ, giọng hà-dòng

đem cảm cảnh cho ai, xin cho trời đất lâu dài, hồng-nhan phải giống ở đời mãi ru. Thấu tình chẳng nhĩ trượng-phu !

29. — Cuộc tổ-tôm

Nhân-sinh quý thích chí, cuộc ăn-chơi gì hơn thú tụ-tam ; tài kinh-luân xé dọc xé ngang, cơ điều-độ quân ăn quân đánh. Gọi một tiếng người đều phải kính ; dậy ba quân ai dám chẳng nhường. Cất nếp lên bốn mặt khôn đưng, hạ bài xuống tam-khôi chiếm cả ; nay gặp hội quốc-gia nhân - hạ, nghĩ ăn chơi thú nọ cũng hay. Gồm hai vắn vũ trong tay !

30. — Thưởng trăng thu

Thu-tiết lại gương xồng bóng nguyệt, rượu hoàng-hoa đánh chén chén-choang ; đông giục về gió thổi hơi dương, thơ bạch-tuyết ngâm câu từ thánh. Ngao-ngân lúc bốn mùa phong-cảnh, gân sự đời được thú là hoa, sách có câu « vô sự tiêu thân tiên, an tính phận nhiệm kỳ sở-thích ». Vòng trần-lụy lằng-lằng rũ sạch, dù mặc ai xa mã đông tây, tiêu-dao thông - thả tháng ngày, chẳng vui bầu rượu thưởng đây-túi thơ. Tinh-tinh dù mặc ai tra.

31. — Hạp mặt tri-âm

Nhân sinh quý thích chí, lúc thừa-nhân hạp mặt khách tri-âm ; nhi cầm nhi kỳ nhi tửu nhi thi, vui từ-thú với bốn mùa thông-thả. Cờ giông ruỗi quân

xa quân mã, dàn lựa dần dấy vũ dấy văn, thơ ngâm câu tuyết nguyệt phong-vân, rượu đánh chén quỳnh-tương ngọc địch. Thơ rằng : *nhân khan kỳ cục phân trừ sách*, 開看棋局分籌策, *tinh thính cầm soang ngu tinh-tinh*, 靜聽琴腔寓性情; *thừa hưng ngâm thi vận hòa bình*, 乘興吟詩韻和平, *phá sấu hữu tửu dĩ vi binh* 破愁有酒以爲兵. Cuộc ăn chơi cho thoả chí binh-s nh, dẫu phú-quí vinh-hoa đành có phận. Ngã n thế-sự nào hơn nào giận, hội phong-vân quân-tử gặp thi. Chốn cầm-dài vừa dạ-hưng đời khi, bốn thú ấy mở càng thêm thú ; điều lịch-sự ăn chơi cho đủ, qua càng cao đủ thú mới là cao. Nam-nhi đảo thử thị hào !

32 Đối nguyệt cầm ca

Hồn bất giác nhất thiên hướng tịch, 渾不覺 - 天向夕, *Nguyệt tà song, yên tà triện, trúc tà chi* 月斜窗煙斜 竹斜枝; *cuộc say-sưa cơn tỉnh lại cơn mê, sự thực đã vàng hồng dải tó*. *Vạn lý xuân 萬里春* 同柳樹; *nhất luân minh nguyệt đối cầm đài* - 輪明月對琴臺. Ngâm thơ rồi hứng mát tựa hiên mai, khát dạ âm thanh trà đối nguyệt, nhà huyền tụng năm ba đũa tiêu-dồng lếch-thếch, nhạc tam-thanh gặng tiếng nhĩ-đề. Không mà chi có mà chi, kho phong nguyệt bốn mùa lưu-loát; biển tất thông cùng tất đạt, trần-ai trung thùy thức công-hầu. Nhân - sinh phận ngoại hà cầu !

THI CA MỚI

1 — Tự-thuật

Đã trót đem thân gánh việc đời,
Hơn đời chỉ có dạy người thôi ;
Già gan sợ cóc ai xoay sở,
Vững dạ lẽ nào tớ nói chơi ;
Đất-diu dần em cho phải đạo,
Giao-đu bạn hữu cũng tùy nơi ;

Khưa chuông cảnh-lĩnh miền thôn-dữ,
Ngọc tốt còn mong để đợi thời.

2 — Cảm-tác

Ông chẳng chấp chi mệnh thế cười,
Như ông lịch-đuyệt hẳn hơn đời ;
Tháng ngày mượn cảnh thơ ngâm lli,
Sớm tối mua vui chuyện bốc rời ;

Lương bổng tăng thêm thừa nhật-dụng,
 Bán buôn dư dật để dành chơi;
 Còn non còn nước còn cơ-hội,
 Chắc hẳn như ông cũng gặp thời.

3. — Trách tình-nhân

Ở đời ít kẻ biết chung-tình,
 Thon-thót ngoài môi thật đáng kinh;
 Gác chuyện vu-vơ không đáng chấp,
 Được tin đích-xác hóa mần thình;
 Chẳng qua mượn cảnh cho khuấy khuấy,
 Mà đã đeo ngay nổi bất-bình;
 I hề sự kể chi thêm chán-ngán,
 Rồi ra sẽ biết mắt ai tình.

4. Tặng bạn.

Anh-hùng đứng giữa trần-ai,
 Mắt xanh hồ để mấy ai biết cùng;
 Kim-môn ngọc-bội tương-phùng,
 Duyên văn cảm-tạ vãi dòng làm ghi.
 Sinh rằng: từ thừa tương-tri,
 Nước non biết mặt thiếu gì là nơi.
 Văn-gia gặp bậc thức-thời,
 Cảnh hồng trao đổi cũng ngại cơn bi ớn.

5. — Đưa người tri-kỹ

(Làm hộ bạn)

Lã trót đình ninh một chữ đồng,
 Kể chi nam bắc với tây đông;
 Lời thề sơn-hải xin ghi dạ,
 Câu truyện sắt-sơn chớ đổi lòng;
 Nhớ cảnh bàng-khuông khi gặp-gỡ,
 Tưởng người khao-khát lúc chờ mong;
 Xe tơ sớm liệu mong ngày đẹp,
 Thỏa thuận trăm năm đạo vợ chồng.

6. — Tập Kiều

Lòng riêng lấp-lẽnh mừng thăm,
 Trăm năm thề chẳng óm cầm thuyên ai.
 Lòng em dẫn lại một hai,
 Dầu mòn bia đá, dăm sai tấc vàng.
 Từ phen đá biết tuổi vàng,
 Tình càng thêm-thía, dạ càng ngăn-ngor.
 Quần bao thảng đợi năm chờ,
 Nỗi niềm tâm-sự bấy giờ hỏi ai?
 Ngày xuân em hãy còn dài,
 Nghìn năm dằng-dặc quan-giai lần lần.
 Khi gió gác lúc trăng sáng,

Bầu tiên chước rượu, cầu thần nói thơ.
 Có điều chi nữa mà ngờ,
 Đào non sớm liệu xe tơ kịp thì.
 Phong-lưu phú-quí ai bi,
 Tiền lưng đã sẵn, việc gì chẳng xong.
 Trăm năm tạc một chữ đồng.

7. — Tiễn cô thầy tướng

Từ nay góc bể bên trời,
 Đã mòn con mắt phương trời dăm dăm.
 Trong cơ thanh-khí tương-tâm,
 Đã tin điều trước, ắt nhằm việc sau.
 Còn nhiều hưởng-thụ về lâu.
 Bóng chim tăm cá biết đâu mà tìm?
 Phải điều cầu phát cầu tiên.
 Xưa nay nhân định thắng thiên cũng
 Cùng nhau căn-vấn đến điều, [nhiều].
 Tắm lòng nhi-nữ cũng xiêu anh-hùng.
 Bước ra một bước một dừng,
 Lòng đây lòng dấy chưa từng hay
 Trăng già độc-dạ làm sao, [sao?]
 Mặt mơ-tướng mặt lòng ngao-ngán
 [lòng].

8. — Tặng cô đào Tinh

(Hát nói)

Miêu

May sao mừng gặp linh đây,
 Nhạc trống cũng nhớ lại ngày quen
 Nước non cách trở bấy lâu, [nhau].
 Cảm-tình tri-ngộ thêm đau-dớn má.

Nói

Tri quân duy ngã,

知君惟我

Dầu ai mê ai chả cũng thầy ai,
 Trót đa-mang vì một chữ liên-tài,
 Nghĩ kỹ lại thử xem ai tri-kỹ.
 Số nguyệt toán lai phi đạm hĩ,
 數月算來非淡矣。
 Kim niên hạnh ngộ thậm vi hoan.
 今年幸遇甚為歡。
 Người du tử khách hồng-nhan,
 Hiểu truyện thế mà thờ-than thì cũng
 Sợ cóc chi miệng đời bao-biến, [hiểm].
 Hợp tâm-can nói phiếm cũng vui.
 Yếu nhau lọ phải nhiều lời!

CHU THẾ-HỢU

THỜI - Đ À M

Việc thế-giới

Tương-lai nước Thổ-nhĩ-kỳ. — Khoảng mấy năm gần đây là thời-kỳ lịch-kỳ nhất trong lịch-sử nước Thổ-nhĩ-kỳ (*Turquie*). Cái thế-giới đã cho nước ấy là suy-dốn, sắp đến ngày kiệt-quệ, vậy mà nhất-dán phấn-phát nỗ-lực một cách phi-thường, lại khởi-phục hoạt-bát lên được. Cái phần bị đổ nát đi, không những là cái chế-độ quân-chủ (*sultanat*), giáo-chủ (*khalifat*) cũ của Thổ-nhĩ-kỳ, mà là cả cái Đông-phương hủ-bại từ trước đến giờ vậy. Nước Thổ vốn thuộc về giống Đột-quyết (*race touranienne*), trong mấy mươi thế-kỷ vẫn ở cách-biệt cả các dân-tộc văn-minh khác, như giam mình trong cái khuôn cồng kềnh chế-độ thần-quyền, những pháp-luật vô-lý, những phong-tục trái ngược, những tập-quán hủ-lậu, thế mà đột-nhiên lấy công-lý chính-nghĩa phá đổ được hết cả mà thoát hẳn ra ngoài những cái tập-tục di-truyền đó.

Sự biến-cách đó là ý-nghĩa thế nào? Những cái nguyên-nhân tích-nhược của nước Thổ-nhĩ-kỳ từ trước đến nay, thế đã là trừ được hết hẳn chưa? Hay là sự phấn-phát khởi-phục này chỉ là cái kết-quả nhất-thời của những cơ-hội thăng-lai mà thôi? Nói tóm lại thời cái tiền-dồ của nước Thổ-nhĩ-kỳ là thế nào? Tiền-dồ ấy là thuộc ở những nguyên-nhân gì?

Điều thứ nhất phải nên biết là cái công khởi-phục nước Thổ-nhĩ-kỳ ngày nay chỉ là công có một người. Nếu không có ông MOUSTAPHA KEMAL xuất-hiện ra, nếu ông không có một đảng tân-học tá-dẫn, thời nước Thổ tất còn ngung-

trệ mãi ở trong cái chế-độ hủ-bại của đạo Hồi, người Thổ đã tiêm-nhiễm sâu cái thuyết định-mệnh của Đông-phương, tất cứ phó mặc vận-mệnh cho chúa Allah (là thiên-chúa của đạo Hồi) xử-định thế nào mặc lòng, còn bọn quan tham lại những, bọn tăng-lữ hủ-lậu thời cứ hoành-hành áp-chế cho đến gây ra cái họa lớn cho nước mới thời. Không có một người ấy phấn-phát đứng lên, ra tay chống-chế, thời nước Thổ ngày nay đến nội-thuộc nước Nga hay nước Anh rồi, không khác gì các nước khác ở trung-bộ Á-châu vậy. Nay công-nghiệp ông MOUSTAPHA KEMAL chưa phải đã hoàn-thành rồi. Ông đã gột rửa được cái hồn cũ của người Thổ, phá được cái lòng tin về định-mệnh và tạo ra được một cái tâm-lý mới. Nhưng sự-nghiệp ấy mới phôi-thai, chưa được vững-vàng gì, nếu vạn-nhất ông có làm sao, thời có cơ nguy hỏng mất. Chính người Thổ đã nói rằng: « Dân-quốc chúng tôi ngày nay như đứa con đỏ hầy còn bú, mà MOUSTAPHA KEMAL là người vú nuôi vậy. » — Như vậy thời cái tiền-dồ cận-tiếp của nước Thổ là chỉ thuộc ở sinh-mệnh một người. Đó là cái hiểm-tượng thứ nhất. Bởi thế nên không có người Thổ nào, dù kẻ thù ông mặc lòng, là không cầu nguyện cho ông Giám-quốc nước Thổ được sống lâu để chủ-trương việc nước. Vai cũng hiểu rằng nếu chẳng may ông mất đi sớm, thì kể ông những các việc cải-cách của ông đến hỏng cả, mà vì hiện nay xem ra trong tá-hữu ông thật không có người nào là lỗi-lạc cả, thời sự kế-nghiệp cho ông cũng là một vấn-

đề khó lắm, không khỏi làm một cái mối tranh-danh về sau này.

Tiền-đồ nước Thổ nhĩ-kỳ lại còn tùy thuộc ở sự hòa-bình nữa. Mười-hai năm chiến-tranh luôn, từ 1910 đến 1922, đã làm cho nước cùng-quần, nếu nay mà khỏi ra một việc chiến-tranh nào khá to nữa, thời đến đồ-địa hẳn. Các quân-quan trong bộ tham-mưu ở Chính-phủ *Angora* cũng đã thừa biết điều đó. Vả toàn là những tay thông-thạo, hiểu tình-thế trong thiên-hạ và lượng biết sức của nước mình cả. Bởi thế nên chính-sách ngoại-giao của nước Thổ ngày nay là chính-sách bảo-thủ. Nhờ có *Moustapha Kemal* chủ-trương, nước Thổ đã củng-cố được quyền độc-lập của mình thực là một sự may-mắn vô-cùng. Quyền độc-lập ấy, coi như của bầu vỏ-ngân, giá sức chất-chiu, không dễ cho nguy-hiểm đến được. Bởi thế nên cái thế tất-nhiên của nước Thổ ngày nay là phải giữ lấy hòa-bình. Nhưng thế-giới này là thế-giới cạnh-tranh quyết-đấu, một mình muốn giữ lấy hòa-bình cũng không đủ. Sự hòa-bình không phải thuộc ở một nước Thổ mà thôi. Lòng tham-dục của các dân-tộc vẫn làm chủ-động trong thế-giới, luật kinh-tế khốc-hại vẫn thúc-giục người ta tranh-đua nhau. Xứ họ dân-mãn muốn sang khai khẩn những ruộng đất bỏ hoang của xứ kia. Sự cạnh-tranh trong các nước vẫn kịch-liệt lắm. Nước Thổ muốn tránh khỏi cường-quyền của nước khác, thời phải hết sức mở-mang cho người đồng của nhiều thêm mãi lên. Lịch-sử các dân-tộc cũng là một lịch-sử sinh-tồn cạnh-tranh, dân-tộc nào không tiến-hóa thời sớm trưa tất có ngày phải lụn-bại.

Như vậy thời tiền-đồ nước Thổ không những tùy-thuộc ở sự hòa-bình, mà lại tùy ở cái công-phu cần-lao của người Thổ nữa. Từ trước đến nay, Dân-quốc mới đã làm được thành sự-

ngiệp về đường chính-trị, võ-bị, xã-hội, nhưng về đường kinh-tế thời chưa được như thế. Vậy mà không có mấy nước là các việc tổ-chức về nông-nghiệp, khoáng-nghiệp, v v., cần-cấp bằng ở nước Thổ. Có nhiều miền thổ-địa kể vào bậc phi-nhiều nhất trong thế-giới mà ngàn năm về trước thế nào ngày nay cũng vẫn thế. Tuy-nhiên, cứ trình-độ tiến-hóa nước Thổ ngày nay, thời đầu thăm-đạm kinh-doanh, kiệt-tâm nỗ-lực, cũng không mong một mình chủ-trương việc kinh-tế trong nước cho phát-đạt được. Vì có một cái khuyết-diểm to nhất: là thiếu tiền. Đất rộng hơn nước Pháp nước Ý, đáng phải có nhiều tư-bản lắm mới kinh-doanh được, vậy mà vốn của người dân ít lắm. Như thế thì tiền-đồ nước Thổ-nhĩ-kỳ lại còn tùy ở cái công hiệp-tác của tư-bản ngoại-quốc nữa. Vẫn biết rằng trong cái thời-kỳ sau chiến-tranh này, nước Thổ có thể cần-kiếm mà đủ chi-dụng trong nước được, không cần phải nhờ đến vốn của ngoài, miễn là chịu an-bản thủ-phận, không khoa-trương với thế-giới làm gì. Người Thổ vẫn có tính nhẫn-nhục, dễ chịu kham-khở hơn các dân-tộc Âu-châu khác. Nhưng cách sinh-hoạt lãn-hời như thế, phỏng có không phung-hại đến cái thế-lực vững-vàng của quốc-gia không? Mà giữa lúc này lại là lúc trên trường kinh-tế, nước Thổ phải ra đối-đãi với những địch-quốc kinh-doanh khôn-khéo vô-cùng, như người Hi-lạp (*Grecs*) linh-lợi hoạt-bát, người Bảo-gia-lợi (*Bulgares*) cần-lao nhần-nại. Xem cái tình-trạng kinh-tế quần-bách của nước Thổ thời lại càng rõ ràng phàm các kế-hoạch kinh-lý ngày nay rút lại chỉ quan-hệ ở một điều, là làm thế nào mở được tư-bản cần để chấn-chỉnh mọi việc sinh-sản khai-thác trong nước. Nhưng không may thay, hiện nay chính-phủ Thổ cùng với các nhà tư-bản ngoại-quốc,

không có lòng tín-dụng nhau : chính-phủ Thổ thời sợ phải nô-lệ ngoại-quốc về đường kinh-tế. nhà tư-bản ngoại-quốc thời nhân bị mấy việc bất-lợi, lại đối với một nước đương cải-cách, luật-pháp, thuế-ngạch mỗi ngày một thay đổi, chưa có thể chắc bằng được, nên vẫn do-dự không muốn xuất tiền ra. Lại còn một cái hiềm-tượng nữa, là nước Thổ với người ngoại-quốc chưa phải đã có thực bung hòa-hiệp với nhau.

Từ ngày thành - lập Dân-quốc đến giờ, theo hiệp-ước quốc-tế, những dân không phải giống Thổ thuộc đế-quốc Thổ trước, cho tùy-ý dân nào muốn lìa nước Thổ mà sáp-nhập về bản-quốc mình cũng được; nhân đó nước Thổ thiếu mất một hạng người cần cho cái thể quân-bình trong cơ-thể quốc-gia. Hạng đó gồm những người dân Hi-lạp. Á-nhĩ-mễ-ni (*Arméniens*), Do-thai (*Juifs*), khác nào như một hạng trung-lưu xã-hội, đứng giữa một bên thời bọn thượng-lưu cầm quyền, một bên thời hạng đa-số bình-dân, và đại-biểu các nghề công-thương, tư-bản, giới-thiệu để giao-dịch với ngoại-quốc, lại thường là tiêu-biểu cho thức-giả xã-hội nữa. Nay hạng đó không còn nữa, mà nước Thổ hãy còn chưa có một hạng trung-lưu-xã-hội chân-chính, đủ làm cái gương noi theo cho kẻ bình-dân, mà làm chỗ cho bình-dân có thể gắng sức tấn-tới lên được. Hạng người đó, không thể nhất-dán thành - lập ngay được. Và lại cái lớp hiện-tại này hãy còn tiêm-nhiễm những cở-tục Hồi-giáo lưu - truyền lại, chưa phải đã là duy-tân hẳn, cũng chưa tạo - thành ra hạng trung - lưu đó được. Hạng trung - lưu tương - lai tức là bọn thành-niên ngày nay, hãy còn làm học-trò ở các trường vậy. Vậy thời công việc ngày nay là thuần công - việc giáo - dục cả. Cái trách - nhiệm của chính-phủ Dân-quốc là phải dạy cho dân biết đọc biết viết, phải giáo-dục

dân, để gây-dựng lấy nhân-tài cho bậc trung-lưu xã-hội sau này. Kết-quả ấy chưa thành thì công - nghiệp của MOUSTAPHA KEMAL cũng chưa được hoàn-toàn vậy.

Sau nữa, cũng lại phải biết rằng tuy về đường vật-chất, các phương-diện đều có tiến-bộ cả, cái hình-thức sinh-hoạt về xã-hội, về kinh-tế ngày ngày biến-đổi luôn, về trí-thức xem ra cũng có hoạt-động, phép giáo - dục đổi mới, các trường trung-học sầm-uất, các khoa mĩ-thuật cũng thấy khởi-sắc, tuy vậy mặc lòng mà về đường đạo-đức tinh-thần xem ra vẫn còn chậm-chạp lắm. Vẫn biết rằng người Thổ ngày nay đã sửa dần được cái tính cầu-thả, gặp sao hay vậy, sinh - hoạt một cách tầm-thường, vô-ý-thức như xưa; đã biết cái giá-trị của ngày giờ, biết bỏ hàm-hồ mà chuộng dich-xác, biết dứt cầu-thả mà tập phương-pháp, nhưng cái tâm-lý cở-hữu của đông-phương đã tiêm-nhiễm từ thừa tiên-thiên, vẫn chưa bỏ đi được, và cũng phải đến mấy đời mới bỏ được hết. Giống Thổ tức là giống Đột-quyết, giống Đột-quyết là một giống Á-châu, vẫn có những cái đặc-tính của người Á-châu. Như thói ăn của hối-lộ (*bakchiche*), thói mua bán mặc-cả (*bazarlik*), thói khinh-thường luật - lệ, thói không trọng khế - ước, toàn là những cái biểu-hiệu đạo-đức kém vậy. Đó cũng là một cái khuyết-diểm to. Nhiều người Thổ cũng đã tự biết như thế. Trong báo *Ikdam*, AHMED DJEVDED *bey* đã nói rằng : « Có một điều hại cho ta hơn cả, là ta không có tinh thực-thà... » Có người cho Đế-quốc Thổ bị suy-đời là bởi người Thổ bản-dĩ không có tư-cách. Nói thế thì làm to. Ở nước Thổ cũng như ở Âu-châu, vẫn có người lối-lạc; tư-chất thông-minh không phải có kém gì. Kém là kém cái bụng công-tâm, cái lòng vô-kỷ, làm ra tư-cách người công-dân vậy.

Như vậy thời tiền-dồ nước Thổ lại còn thuộc ở sự cải-cách tâm-lý của người Thổ nữa. Việc này mới là việc khó hơn cả. Vì về vật-chất, về tri-tuệ, thời cải công-Ấu-hóa kể còn dễ chứ về đạo-đức, tinh-thần thì có lâu và có khó hơn nhiều. Mà nước Thổ muốn cho ấu-hóa được hoàn-toàn, thời người Thổ phải thoát-li được hẳn những cái cố-tính di-truyền hủ-lậu của Đông-phương từ trước mà tập theo lấy tâm-tính người Âu-tây mới được Ấy là công-nghiệp lớn-lao ở đó. Công-nghiệp ấy thành hay không, không phải chỉ ở một bọn thượng-lưu cầm quyền mà thôi, chính là ở tự trong đám binh-dân mà ra vậy. Vì ở Thổ-nhĩ-kỳ, kể trên bảy-bạ lam xăng, thường chỉ là bởi kẻ dưới hư-hèn nhu-nhược mà thôi. Bởi cái tính bất-thống bất-dạng, đối với sự bày sự ác, không biết phản-kháng lại, nên cũng là lỗi tự mình. Người Thổ đi chiến-trận vẫn có tính can-dảm manh-mẽ, vậy nếu trong cách sinh-hoạt hằng ngày cũng biết biểu-lộ được những cái tính tốt ấy ra, thời sự cải-cách tâm-lý kia cũng mong có thể thành - công được vậy

Ấy tiền-dồ nước Thổ-nhĩ-kỳ là thuộc cả bấy nhiêu nguyên-nhân như trên. Một nguyên-nhân nào thiếu thời sự-nghiệp duy-tân sẽ không được thành. Cho nên không nên ngộ-nhận. Nước Thổ không phải trong năm năm, mười năm mà ấu-hóa được hẳn đâu. Phải công-phu tích-lũy mấy đời mới thành được. Nhưng hiện nay cũng đã có thể đem lòng tin được. Chính những cái trở-lực về tâm-lý là kết-quả của bao nhiêu đời chuyên-chế, cũng mỗi ngày một đồ dần đi. Rồi có ngày người Thổ sẽ có tư-cách công-dân hoàn-toàn, và nước Thổ sẽ có dư-luận công-bằng đích-đáng. Vì cái bản-chất vốn là tốt. Hiện nay tâm-tính người ta đã thấy có thay-đổi. Xem như nghị-viện này với nghị-viện

trước, có khác nhau nhiều, nghị-viện lớp sau có phần đứng-dẫn và có bụng công-tâm hơn trước. Trong xã-hội cũng thế, lớp trước với lớp này cũng khác nhau hẳn : ngay trong một nhà, cha con thường xa-cách nhau như người lạ vậy. Trong suốt cõi Dân-quốc, có lẽ cái mô-dạng người Thổ xưa không còn nữa. Vì công-việc lớp trước đã xong rồi. Lớp trước là lớp thủ-cụ, bị cái áp-lực của lịch-sử nó đè nén quá, không thể ra gánh vác việc nước được nữa. Nay nhờ có bậc chỉ-sĩ làm quốc-trưởng, cầm quyền chủ-trương, lớp thanh-niên mỗi ngày một tiến lên, và nước Thổ-nhĩ-kỳ sẽ từ-từ đạt tới mục-dịch vậy.

Thời-cục nước Tàu. — Trung-ương chính-phủ nước Tàu gần đây đã tổ-chức thành-lập ra năm viện, hiện đương tiến-hành. Nhưng các chính-trị phân-hội ở các tỉnh vẫn chưa hẳn bãi bỏ. Vì có người cho rằng lĩnh-thổ của nước Tàu rộng quá, sự giao-thông không tiện, nhân-tính phong-tục không thể dung thông được, chính-phủ trung-ương không thể trực-tiếp quản-trị được hết, vậy thì các cơ-quan phân-hội chính-trị phải nên để không nên bỏ.

Việc ngoại-giao đối với các nước thì cũng không có điều gì khác. Duy có đối với nước Nhật thì mỗi lúc một khác, lúc thì Trung Nhật đã cùng nhau điều-đình lu-ước, lúc thì đình-chỉ việc điều-đình. Mà ở các nơi vẫn khởi lên cái phong-trào bài Nhật. Nguyên-nhân vì từ khi xảy ra cái án ở Tể-nam, quân Nhật vẫn chiếm-cứ ở Sơn-dông, nghiêm-cầm người Tàu không được đi vào trong hai-mươi dặm đường Giao-Tể. Bởi vậy đoàn đại-biểu về cái án Tể-nam có đến chính-phủ Trung-ương đưa thư thỉnh-nguyện, yêu-cầu làm điều, mong Chính-phủ Trung-ương sẽ dùng cái lối ngoại - giao

cách mệnh, giải-quyết cái vấn-đề Trung Nhật. Đại-biêu hội phản Nhật ở Nam-kinh là Hoàng Thế-Kiệt cũng đến phủ Quốc-dân xin vào yết-kiến Tướng Giới-Thạch, thỉnh-nguyện năm điều, đại-ý yêu-cầu Chính-phủ Trung-ương phải hết sức trừ bỏ các điều-ước bất-bình-dẳng, việc giao-thiệp đối với nước Nhật không thể nhượng-bộ được, cần phải đợi đến sau khi quân Nhật ở Trung-hoa rút hết về, rồi mới có thể mở cuộc đàm-phán được, về cái án Tế-nam, chịu kém nhất là cũng bắt nước Nhật phải trừng-trị kẻ hành-hung, bồi-thường và xin lỗi. Tướng Giới-Thạch đáp : Chính-phủ là Chính-phủ của nhân-dân, đối với những lời yêu-cầu của dân-chúng đều tiếp-thụ hết cả.

Vương Chính-Đình tổng-trưởng bộ ngoại-giao Chính-phủ quốc-dân có nói nếu quân Nhật còn đóng ở Sơn-dông, thì Trung-hoa không có lập giao-ước gì với Nhật :

Song Nhật-bản vẫn không chịu triệt ngay trú-binh ở Sơn-dông về, mà cũng không ấn-định cái kỳ-hạn nào triệt-binh, ý còn đợi xem thời-cục Trung-hoa xoay ra thế nào đã. Mà người Trung-hoa độ này có ý gắng hơn, nên cuộc điều-đinh của hai nước còn đình-chỉ chưa biết đến khi nào.

Việc điều-đinh về bản giao-ước Trung Pháp, thì bên Pháp có quan đại-sứ DE MARTEL cùng một viên đại-biêu của Đông-dương đã đến Nam-kinh để điều-đinh với chính-phủ quốc-dân, chừng độ cuối năm nay có cơ lập xong giao-ước.

Bản giao-ước Trung Tỉ, thì nước Tỉ đã ký xong rồi, công-nhận việc quan-thuế tự-trị, bãi linh-sự tài-phán quyền kể từ ngày mồng một tháng giêng năm 1930. Song nếu liệt-cường cùng ưng bãi trước, thì sẽ bãi sớm hơn.

Việc trong nước

Kỳ Hội-đồng Chính-phủ và bài diễn-thuyết của quan Toàn-quyền Robin. — Hội-đồng Chính-phủ kỳ thường-niên họp từ ngày thứ hai 19 đến ngày thứ bảy 24 tháng 11, Kỳ này là kỳ cuối cùng của Hội-đồng Chính-phủ tổ-chức theo như hình-thức bây giờ, vì bắt đầu từ sang năm thì các hội-nghị sẽ sửa-đổi hết cả. Tuy là kỳ « tán-dàn », và chính quan chủ-lich cũng vắng mặt, vậy mà quan quyền Toàn-quyền ROBIN đứng thay chủ-trương kỳ hội-đồng này, cũng đọc một bài diễn-thuyết quan-trọng lắm, ra ngoài hẳn lẽ-lối các bài diễn-thuyết thường-niên khác. Xin tóm lược đại-ý như sau :

Trước ngài nói về quyền-hạn chức quyền Toàn-quyền, Theo lời chỉ-thị của Bộ Thuộc-địa ngày 20 tháng 6 năm 1911, quyền-hạn ấy không được phân-minh mà lại có ý bó-buộc. Quan quyền Toàn-quyền chỉ được coi-sóc các công việc thường, không có lệnh riêng của Bộ truyền cho hay ủy cho thì không được quyết-định việc to, cũng không được thuyên-chuyển các đại-hiến. Thành ra không được quả-quyết điều gì mà cũng không có chính-sự riêng được. Đã hơn một năm nay, Đông-Pháp không có quan Toàn-quyền chính-chức, mà đến ba lần đổi chức quyền Toàn-quyền : hồi quan VARENNE đi, quan MONGUILLOT lên quyền, thế là một

lần; trung-gian quan MONGUILLOT lại về Tây, đề quan ROBIN lên thay, thế là hai lần, mà lần thứ hai này lại là quyền một quan quyền; quan MONGUILLOT chưa về đến Tây thì có tin quan PASQUIER được thực-thụ, nhưng còn ở lại Pháp, thành ra quan ROBIN đương quyền quan MOUGUILLOT lại đổi ra quyền quan PASQUIER, thế là lần thứ ba vậy. Nay thời có dich tin rằng quan PASQUIER ngày 30 tháng 11 xuống tàu, chừng 25, 26 tháng 12 thì đến Sài-gòn. Quan ROBIN khen quan PASQUIER là người sành-sỏi, thông-thạo dân-tình công-việc bên này, sang làm Toàn-quyền là xứng-đáng lắm.

Rồi quan ROBIN xét đến tình-hình các xứ trong cõi Đông-Pháp, và bày tỏ ý-kiến riêng về mấy vấn-đề quan-trọng hiện-thời.

Nói về tình-hình chung thì suốt cõi đều bình yên vô-sự; tuy - nhiên Nhà nước vẫn phải phòng - bị cẩn - mật, không có trê-nãi chút nào.

Nói về Nam-kỳ thì vẫn thịnh-vượng phát-đạt lắm, Tuy cũng có kẻ muốn gây lên cái phong-trào phản-đối Chính-phủ, nhưng không có ảnh-hưởng gì trong dân-gian cả.

Ở Trung-kỳ có việc xảy ra ở viện Nhân-dân đại-biểu, ông nghị-trưởng cũ với quan quyền Khâm-sứ không đồng-ý nhau, ông nghị-trưởng đã từ chức và đã bầu người khác thay rồi.

Ở Bắc-kỳ thì cái chính-sắc hhiệp-tác của Chính-phủ với những bậc trí-thức bản-xứ đã thực-hành một cách mật-thiết (như Hội-đồng cổ-văn, Hội-đồng Luật, Hội-đồng Đê, v. v.) và đã có kết-quả tốt.

Ở Cao-miền thì nhân dịp tân-vương MONIVONG đăng-quang, lại càng tỏ rõ cái tình thân-ái của dân Mèn đối với Bảo-hộ Pháp.

Nói tóm lại thì đầu đầu cũng là thi-hành cái chính-sách đề-huê cả. Duy có một điều nên biết; là chính-sách này cần phải thực hành hẳn-hoi, chứ không nên chỉ tuyên-bố không mà thôi. Quan ROBIN nói rằng không nên hứa điều gì trước; việc nên làm, cứ làm, làm rồi sẽ biết, không nên nói trước rằng: ta sẽ làm thế này, thế này.

Ở bên Pháp vẫn có một bọn người Việt-Nam muốn vận-động về chính-trị, bài-bác cách cai-trị của Bảo-hộ ở đây, và yêu-cầu cho người bản-dân được tham-dự vào việc nước, không biết rằng người bản-dân vẫn đã có quyền tham-dự việc nước rồi, như việc cai-trị ở các xứ, trực-tiếp với nhân-dân, phần nhiều là thuộc quyền người bản-xứ cả: ở Nam-kỳ thì ngạch đốc-phủ, phủ, huyện; ở Trung-Bắc-kỳ thì tổng-đốc, tuần-phủ, bố-chánh, án-sát, phủ, huyện, châu; ở Cao-miền thì quan đầu các tỉnh, các khum, khand, srok, há chẳng phải có quyền cai-trị đầy dư?

Lại từ ngày có nghị - định quan Toàn quyền VARENNE ngày 27 tháng 2 năm 1926, do sắc-lệnh quan Giám-quốc ngày 20 tháng 5 và 28 tháng 8 năm ấy chuẩn cho thi-hành, thì người bản-xứ có bằng-cấp cũng được vào các ngạch Tây như người Tây: hiện đã có 32 người được vào ngạch Tây như thế; chưa được hơn nữa, là không có nhiều người hợp tư-cách, chứ không phải tại Chính-phủ. — Chính-phủ lại đương trừ-tính tăng lương cho các viên-chức bản-xứ tông-sự các sở công, hiện nay số các viên-chức ấy có tới 4 vạn người, khoản tăng lương này cũng là một khoản to vậy.

Cứ thực ra thì người bản-xứ vẫn chiếm địa-vị to ở trong nước, xem như một điều sau này thì biết; ở Nam kỳ có 1.900.000 mẫu tây đất đã cấy cấy, thì 1.600.000 mẫu là của người An-nam; số

đất hoang xin khẩn chừng một triệu mẫu, thì 800.000 mẫu là người An-nam được khẩn. — Ở Bắc-kỳ thì xem một khoản lĩnh trung các việc công-chính, từ năm 1923 đến 1927 có 155 người thần-khoán Tây được lĩnh trung các việc, tổng-số là 1.857.990 đồng, mà người An-nam thời được những 449 người, tổng-số lời 4.356.417 đồng.

Nói về việc học thì ý quan Robin cũng muốn cho khôi-phục chữ nho để dùng làm cách dạy luân-lý, nhưng ngài nói vấn-đề này cần phải nghiên-cứu cho kỹ. Về trung-học ngài cũng muốn cho có một phần cổ-học bản-xứ thay cho cổ học La-Hi. Về Đại-học thì tất phải đặt một trường Luật và một trường Thước hoàn-toàn, và mời những ông giáo Đại-học bên Tây sang dạy.

Nhân sửa lại bậc đại-học, cũng nên mở rộng các chức quan cho người có tốt-nghiệp đại-học có chỗ mà làm việc. Như việc án, hiện nay còn có các quan chánh án Tây chủ-trương, sau này nên trao lại cả cho các quan thẩm phán bản-xứ, quan Tây chỉ giám-đốc mà thôi. Lại các viên phủ huyện châu, vừa kiêm quyền hành-chính vừa kiêm quyền tư-pháp, nay nên phân-biệt ra. Như thế thì những người tốt-nghiệp trường Luật ra sẽ có công việc cả. — Còn ai không muốn làm quan thì nên đề cho họ có quyền cũng được làm thầy kiện như người Tây. Vậy việc cho người bản-xứ vào hệ-biên-lịch (barreau) Pháp cũng là một việc cần nên nghiên-cứu vậy.

Đoạn rồi quan Robin nói đến các quan-lại Tây, đã từng nhiều lần được tăng lương-bổng nhiều, nên hết sức làm việc cho cần-mẫn, ngài có mấy lời cảnh-cáo rất nghiêm-nghị. Lại khuyên các quan-lại Tây phải nên biết tiếng bản-xứ.

Xét đến việc ngoại-giao với các nước lân-bang thì mọi bề đều bình-thường yên-đàn cả. Và số dự-toán năm 1928 đã

định một khoản 3.800.000 đồng để chỉnh đốn việc quân-bị ở nơi biên-thùy, nên không có sự gì xảy ra cả.

Về đường kinh-tế thì có vấn-đề nông-nghiệp ngân-hàng và vấn-đề nhân-công nên chú-ý. Các hội nông-nghiệp tương-tế ở Nam-kỳ vẫn phát-đạt ở Trung-bắc-kỳ thời theo nghị-định quan VARENNE đã đặt được sáu nhà « băng » hàng tỉnh, từ đầu năm đến cuối tháng 10, cho vay được hơn 25 vạn đồng. — Về vấn-đề nhân-công thì Nam-kỳ cần phải có nhân-công Trung-Bắc mới khai-khẩn các đất hoang được, mà Trung-Bắc-kỳ thời xem ý ra không muốn cho nhân-công ra ngoài : Chính-phủ cần phải điều-hòa hai bên cho khỏi thiệt đến bên nào. Hiện cuối năm 1927 thời có 35 000 người Bắc làm ở các đồn-điền Nam-kỳ, Chính-phủ phải ký nghị-định ngày 25 tháng 10 năm 1927 để bảo-hộ cho bọn nhân-công đó.

Đoạn nói đến số dự-toán chung Đông-Pháp năm 1929 : chi thu ngang nhau tổng-cộng là 92 triệu 60 vạn đồng (92.600.000³), hơn năm 1928 là 1 triệu 10 vạn đồng. — Lại nói đến cái dự-án mộ quốc-trái để thực-hành các công-trình tạo-tác lớn, cộng là 132 triệu đồng, Bộ đã duyệt rồi ; rồi đến dự-án sửa thuế thương-chánh ; sẽ đề-trình về Bộ nay mai — Kết-luận quan Robin nói qua về cách sửa đổi Hội-đồng Chính-phủ sau này thế nào (kỳ 1 hỏi-đám trước bản-chỉ đã kể lược).

* * *

Một bức thư ngỏ

Bản-chỉ Chủ-bút tiếp được bức thư sau này của một ông bạn đọc báo tỏ cái cảm-tình của ông đối với báo Nam-Phong và phê bình về bài văn « Giọt lệ thu » của bà Trương-phổ trong số 131 trước. Theo ý ông xin vui lòng đăng ra sau đây, và cảm ơn ông về cái thịnh-tình đối với bản-chỉ.

N. - P.

Thượng-chí tiên-sinh kỹ-hạ,

Cầm bút viết hầu tiên-sinh bức thư này, đánh trống qua cửa nhà sấm, cũng tự biết là đường-đột, dám mong tiên-sinh sẽ tha-thứ cho.

Kề từ tạp-chí Nam-Phong ra đời đến nay, đã một trăm-ba-mươi số lẻ, phần văn-học, khoa-học đã thấy lẫn-lộn nhiều; mà xem cái cảm-tình của quốc-dân ta đối với Nam-Phong tạp-chí cũng càng ngày càng thêm thân-thiết. Những bạn của Nam-Phong ai là người có tư-tưởng hầu như cũng coi Nam-Phong là một thứ đưỡng-khi cần dùng cho tinh-thần vậy. Mà thật thế, Nam-Phong chẳng những đã có cái thanh-khi êm-đềm đưa lại trăm thức hương thơm cùng gặp nhau trong một cõi; mà lại là một cảnh « sa-lông » lơ-lửng thường tụ họp những nhà đạo-đức, những bậc anh-tài, những khách giai-nhân, những tay danh-sĩ, không hẹn mà gặp, cùng nhau khi giảng luân-lý, đạo-đức; lúc luận-sử, luận-thời; khi giảng khoa-học, lúc bàn văn-chương. Nói tóm lại: đông tây kim cổ góp đủ mặt tài-danh; xa gần hay lạ không biết bao nhiêu chuyện. Thế thời Nam-Phong đối với quốc-dân Nam-Việt ta phần bổ-ích không cần phải kể dài, tưởng bấy nhiêu cũng đủ rõ.

Nay tới cầm bút viết bức thư này, không phải là không tự lấy làm hân-hạnh rằng đã được làm bạn với Nam-Phong từ lúc Nam-Phong mới ra đời. Tiếng danh-díu với Nam-Phong, nhưng vì học thiển, tài sơ, nên bấy lâu nay vẫn chưa có chút duyên gì với Nam-Phong. Nếu tiên-sinh không cho là gàn, thì xin làm ơn đừng cho chúng tôi bức thư này vào tạp-chí Nam-Phong, gọi là đánh bạo góp mấy lời thành-thực bàn về một áng văn-chương nữ-giới ta vừa đây, tức là bài « Giọt lệ thu » của

Tương-phổ phu-nhân đăng trong tạp-chí số 131 vậy.

Kề văn-chương nữ-giới ta, từ xưa đến nay không thiếu gì văn thơ đặc-sắc, như thơ văn bà huyện Thanh-Quan, bà Thị-Điễm, bà Xuân-Hương, bà Nhân-Khanh là những bậc tiên-bối đã quá-dăng. Mà hiện-thời Trung, Nam-kỳ cũng có nhiều bậc nữ-sĩ văn-chương lão-luyện, quốc-dân ta rất lấy làm hoan-nghehnh. Những văn ấy là văn có phép-tắc, có kỷ-luật, không từng vượt ra ngoài văn-pháp của Tàu, cho nên làng văn ta ai cũng công-nhận những văn đúng phép-tắc mẹo-mục ấy, là văn hay, tưởng cũng không cần phải bàn nữa.

Duy đọc bài « Giọt lệ thu » của bà Tương-phổ mới đây, thấy lời vau mới-mẻ, giọng điệu khác hẳn, đặc-biệt ra một nền văn tự-lập, bay-bướm một mình, như ngoài khuôn-khở, không theo phép-tắc, mà lại réo-rất, êm-đềm, như bông, như chìm, khiến người đọc lâm-hồn như phảng-phất trên mây. Cái hay ngả về giọng buồn, thời cũng không khỏi não lòng người đọc, nhưng đã gọi là « Giọt lệ . . . » thì sao cho khỏi chẳng ngậm đắng nuốt cay ít nhiều. Nhưng tôi không phải vì cảm cái văn buồn mà dám vội-vàng cho là hay đâu. Cho là hay đây, chỉ là ở văn mới, điệu lạ, lối đặt câu tài-tình, dùng được nhiều tiếng nôm, mà giọng vẫn thanh-tao; chữ-chuốt mà không cầu-kỳ. Không phải thể thơ thể phú, chỉ là một điệu văn xuôi xen lẫn văn vần mà từ đầu đến cuối ngậm-nga được cả. Văn-chương đã bay-bướm, ý-tứ lại dồi-dào, nói là điệu văn êm như ru thời đúng hơn cả. Ôi! văn nước ta còn trẻ, tiếng nước ta còn non, mà trong nữ-giới nước ta đã xuất-hiện được một áng văn-chương đặc-biệt như thế, thời cũng đáng mừng cho tiền-đồ quốc-văn ta vậy.

Mong rằng : rồi đây những bài văn lời hay, điệu mới (không phải chỉ thiên về giọng sâu) sẽ càng ngày càng ra nhiều, để quốc-văn ta sớm thoát-li được cái văn-pháp cổ của Tàu, và sẽ trở nên một nền văn-chương chân-chính tự-lập.

Mong lắm thay !

NGUYỄN PHƯỢNG-LƯƠNG

Sách mới

Bản-quán tiếp được những sách mới xuất-bản như sau này :

1^o — Mộng cũ duyên nay. Hồng-tuyền Chu Lưu-Dự soạn. — In tại nhà in Kim-Đức-Giang Hà-nội, giá 0\$18.

2^o — Tiếng sấm đêm đông (Truyện ông Ngô Vương-Quyền và ông Dương Đình-Nghệ hai lần đánh quân Nam-

Hán nước Tàu). Nguyễn Tử Siêu soạn — Nhật-nam thư-quán xuất bản, số 117, Hàng Gai, Hà-nội, giá 5 hào.

Nam-Phong tùng-thư

— Đã xuất-bản :

- 1^o Văn-minh luận ;
- 2^o Ba tháng ở Paris ;
- 3^o Văn học nước Pháp ;
- 4^o L'idéal du Sage dans la Philosophie confucéenne ;
- 5^o Chính-trị nước Pháp, Quyển I ;

— Sắp xuất-bản :

- 6^o Chính-trị nước Pháp, quyển II ;
- 7^o Khảo về tiểu-thuyết . . .

Bán ở Đông-kinh ấn-quán, 4 hào một quyển.

